

BÁCH KHOA

SỐ 67 — NGÀY 15.10.1959

Trong số này :

- HUỖNH-VĂN-LANG Phương-diện hành-chánh của sự hoạch-định kinh-tế.
- HOÀNG-MINH-TUỖNH Liên-bang Xô-viết và Trung-hoa Cộng-sản : đồng tình hay tương khắc ?
- PHẠM-HOÀNG Thắc mắc : Ngày mai.
- PHAN-KHOANG Những biến chuyển đầu tiên trong xã-hội Việt-nam khi tiếp xúc với văn-minh Âu-Tây.
- ĐOÀN-THÊM Tề-gia nội-trợ.
- CÔ-LIÊU Hỏa tiễn Lunik II và sự chinh-phục mặt trăng.
- TIÊU-DÂN Làm thế nào sống chung với Liên-xô.
- NGUYỄN-TIẾN-CHIÊU Trống cơm.
- Yã-Hạc*
- NGUYỄN-VĂN-TRUNG { Danh từ địa-phương.
- NGUYỄN-HUY-KHÁNH { Luận nhân-vật đời Tam-quốc.
- HOÀNG-TRỌNG-MIÊN { Ý-kiến về truyện ngắn
- ĐÔNG-HỒ { Việt và ngoại-quốc.
- CUNG-GIỮ-NGUYỄN {
- NGUYỄN-PHỦ Diễm sách : Thi-nhân Việt-nam hiện-đại.
- TRẦN-NGUYỄN ANH-CA Tôi đóng phim tại Pháp.
- KIỀU-YIÊU Thần ếch (dịch Liêu-trai).
- THÀNH-TÂN Đầu cá lóc (truyện ngắn).
- VÕ-PHIẾN Thác đồ sau nhà (truyện ngắn).

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vieille* " 40° và 50°
 — Rượu Tàu " *Lao-Mạnh-Tiểu* "
 — Rượu Tàu " *Tích-Thọ-Tiểu* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

Distilleries

de L'INDOCHINE



NUỐC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
 — D. I. C. 5 — Lavande
 — Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
 135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
 (S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG

HÃNG RƯỢU NHIỀU-BÁ

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



DU LỊCH NHA-TRANG... DU LỊCH NHA-TRANG...



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

XIN HIỂN QUÝ KHÁCH

— *Chuyến bay đặc - biệt cuối tuần đi NHA - TRANG.*

Khởi hành tại Sài Gòn mỗi trưa **Thứ Bảy 13g. 30**

Ở Nha-trang trở về sáng sớm **Thứ Hai 06g. 45**

— *An nghỉ tại khách-sạn Hôtel Frégate hay Hôtel Nautique.*

— *Có những cuộc du-ngọan do VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG tại NHA-TRANG tổ-chức.*



XIN HỎI CHI-TIỆT VÀ LẤY VÉ NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VON 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MNOTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**
18. BEN BACH DANG — SAIGON



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

*xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.*



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieltrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi, rất nhạy

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



BÁCH-KHOA

Số 67 — Ngày 15-10-1959

HUỖNH-VĂN-LANG

HOÀNG-MINH-TUỖNH

PHẠM-HOÀNG

PHAN-KHOANG

ĐOÀN-THÊM

CỔ-LIÊU

TIÊU-DÂN

NGUYỄN-TIÊN-CHIÊU

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

HOÀNG-TRỌNG-MIÊN

ĐÔNG-HỒ

CUNG-GIỮ-NGUYỄN

NGUYỄN-PHỦ

PHAN-LẠC-TUYẾN

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

MẠC-PHƯƠNG-ĐÌNH

KIỀU-YIÊU

ĐÔNG-XUYẾN

THÀNH-TẤN

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

HUY-PHƯƠNG

VÕ-PHIẾN

Trang

Phương - diện hành - chánh của sự
hoạch-định kinh-tế. 3

Liên - bang Xô - viết và Trung - hoa
Cộng - sản : đồng tình hay tương
khắc ? 10

Thắc mắc : Ngày mai. 17

Những biến chuyển đầu tiên trong xã-
hội Việt-nam khi tiếp xúc với văn-
minh Âu-Tây 18

Tề-gia nội-trợ. 23

Hỏa tiễn Lunik II và sự chinh-phục
mặt trăng 31

Làm thế nào sống chung với Liên-xô. 39

Trống cơm. 46

Danh-từ địa-phương 52

Luận nhân-vật đời Tam-quốc. . . 55

Ý-kiến về truyện ngắn Việt và ngoại-
quốc 58

Điểm sách : Thi-nhân Việt-nam hiện-
đại. 69

Tình hoa (thơ) 80

Tôi đóng phim tại Pháp 81

Tàn đêm (thơ) 86

Thần ếch (dịch Liêu trai) 87

Nghỉ chùa Vân-tế (dịch thơ). . . . 91

Đầu cá lóc (truyện ngắn). 92

Bàn chân trên cát nâu (thơ). . . . 98

Câu nguyện (thơ). 100

Thác đổ sau nhà (truyện ngắn) . . 101

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | | |
|-------------------|---|---|
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : | <i>Dư-luận Đệ-tam Thế-giới đối với việ-n-trợ.</i> |
| LÊ-LINH | : | <i>Vấn-đề sử-dụng đất đai tại Việt-Nam.</i> |
| PHẠM-NGỌC-THẢO | : | <i>Vấn-đề tập-trung và phân tán lực-lượng chiến-đấu.</i> |
| ĐOÀN-THÊM | : | <i>Chúng ta nên theo lẽ nào ?</i> |
| NGUYỄN-HÙNG-CƯỜNG | : | <i>Sự phân loại sách và các hệ-thống thư-viện trên thế-giới</i> |
| LÊ-NGỌC-TRỤ | : | <i>Nỗi thắc-mắc của bạn đọc về bản Chính-phụ ngâm.</i> |
| CHÂU-HẢI-KỶ | : | <i>Bàn lại bài thơ của Bà huyện Thanh Quan.</i> |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | : | <i>Nhạc-sĩ Beethoven và giao-hưởng khúc số 9.</i> |
| VÕ-ĐỨC-DIÊN | } | <i>Ý-kiến về truyện ngắn.</i> |
| NGUYỄN-PHÚC | | |
| LÊ-VĂN-TRƯƠNG | : | <i>Thôn-dã (truyện dịch).</i> |
| VŨ-ANH-TUẤN | : | <i>Dưới tấm bao lơn (truyện ngắn).</i> |
| KHÔNG-NGHI | : | <i>Người nữ tỳ (truyện ngắn).</i> |
| VŨ-HẠNH | : | <i>Cây đa đồn cũ.</i> |
| NGUYỄN-VĂN-XUÂN | : | <i>Ngôi sao xa.</i> |
| PHAN-DU | : | <i>Nữ lang họ Đậu (dịch Liêu-Trại).</i> |
| KIỀU-YIÊU | | |

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

*Thuyết-trình của Ông Huỳnh-Văn-Lang, Chủ-nhiệm Tạp-chí
Bách-Khoa, đọc tại Học-viện Quốc-gia Hành-chánh ngày 15-9-59.*

PHƯƠNG-DIỆN HÀNH-CHÁNH CỦA SỰ HOẠCH-ĐỊNH KINH-TẾ

HUỲNH-VĂN-LANG

(Xin coi từ B.K. số 66)

PHẦN THỨ HAI

Cơ-quan kế-hoạch phải đặt ở đâu,
tổ-chức thế nào, liên-lạc với các
cơ-quan khác ra sao ?

1. — Trong guồng máy hành-chánh phải đặt cơ-quan kế-hoạch ở đâu ?

a) Trước hết chúng ta thử xét coi cơ-quan ấy nên thuộc về lập-pháp hay hành-pháp (ở các nước hiện có sự phân quyền như thế) hoặc là đặt nó ở ngoài cả hai ngành ?

Ở đâu mà có hai quyền hành được phân biệt, thì sự liên-dối thông-thường và hợp-lý của hai bên thường là như sau : bên hành-pháp dự-thảo những nét đại-cương về chánh-sách kinh-tế, và căn-cứ vào đó bên lập-pháp sẽ quyết-định về chánh-sách kinh-tế ; rồi lập-pháp lại giao trả cho bên hành-pháp trách-vụ thi-hành chánh-sách ấy.

Như thế thì chúng ta phải loại ra giải-pháp đặt cơ-quan kế-hoạch bên lập-pháp. Vì trong trường-hợp đó, cơ-quan ấy sẽ thành một bộ phận ngoại thuộc đối với hành-pháp và do đó phá-hoại nhiệm-vụ của hành-pháp kể trên.

Cũng một lẽ đó, ta nên loại ra giải-pháp đặt cơ-quan kế-hoạch ngoài guồng máy hành-chánh của Chánh-phủ. Bởi vì, đặt kế-hoạch hay lập chương-trình, tự bản chất nó là nhiệm - vụ của Chánh - phủ, nên Chánh-phủ không thể ủy-nhiệm cho một cơ-quan mà Chánh-phủ không có quyền trực-tiếp kiểm-soát. Hơn nữa, thiết-lập kế-hoạch chỉ làm được theo các tài-liệu

hiện có, mà nhiều khi cần giữ kín không thể để cho người ngoài biết được.

Vì những lẽ nói trên ta có thể kết-luận rằng cơ-quan kế-hoạch trung-ương thuộc về bên hành-pháp. Nhưng ở đây lại có nhiều trường-hợp khác nhau.

1') Đầu tiên ta hãy xét có nên đặt nó vào một Bộ đã có sẵn không ? Giải-pháp này xem ra không thích-hợp vì những lẽ sau đây :

Chúng ta đã biết kế - hoạch là một phương-tiện để chỉ phối guồng máy của Chánh-phủ và qui-hướng các động-tác của Chánh-phủ về một mục-dịch chung. Có thể đạt được mục-tiêu ấy hoặc bằng sắc-lệnh hoặc bằng sự thuyết-phục. Trong hai phương - tiện, chắc - chắn về dài hạn thì phương-tiện thứ hai vẫn hơn, nếu chúng ta còn tin-tưởng ở nguyên-tắc dân-chủ. Khả năng thuyết-phục của một người hay của một cơ-quan đều tùy thuộc trước nhất là cái phẩm-chất việc làm của nó ; nhưng trên thực-tế thì hệ-cấp lại có một vai tuồng hết sức quan-trọng.

Khi cơ - quan kế - hoạch nằm trong một Bộ, thì thường thường các Bộ khác xem nó không quan-trọng nữa. Các Bộ khác sẽ có khuynh-hướng xem động-tác kế-hoạch như là việc riêng của Bộ ấy, nhất là khi chính cơ-quan kế-hoạch lại có khuynh - hướng phục-vụ quyền lợi của Bộ mình trước.

Vì thế mà ở Mỹ-tây-cơ Ủy-ban đầu-tư quốc-gia bao lâu còn nằm ở Bộ Tài-chánh thì vẫn không làm gì được, và sau phải đem về Phủ Tổng-Thống. Ở Hòa-lan cũng gặp những cái khó-khăn như thế, trong suốt thời kỳ mà Nhà Kế-hoạch còn nằm ở Bộ Kinh-tế Sự-vụ.

2') Cũng vì những lẽ ấy mà sự thành-lập một Bộ Kế-hoạch cũng không đem lại một giải-pháp phù-hợp để giải-quyết vấn-đề. Sự thành-lập một Bộ đặc-biệt chỉ có lý là khi ông Bộ-trưởng có trách nhiệm thừa hành ; nhưng trách nhiệm thừa hành, theo nguyên-tắc, lại không thể tương-dụng được với tính chất tư-vấn đặc-biệt của nhiệm-vụ kế-hoạch.

Xét về phương-diện khác, thì kế-hoạch là việc chung của tất cả Chánh-phủ và cơ-quan kế-hoạch phải có một vai trò như là lương-trì của Chánh-phủ về phương-diện ấy. Mà ý-kiến của một ông Bộ-trưởng rất có thể bị Hội-đồng Nội-các bác bỏ.

Như thế, nếu giao cho cơ-quan kế-hoạch quyền thừa hành như một Bộ thì đặt địa-vị của cơ-quan ấy quá cao về một đằng, mà đằng khác lại làm cho cơ-quan ấy thiếu hiệu-nghiệm.

3') Chúng ta có thể kết-luận rằng cơ-quan kế-hoạch phải ở một nơi nào có thể làm cho guồng máy Chánh-phủ thấm-nhuần cái tinh-thần kế-hoạch và chúng tôi đã nói rằng phương - pháp hay nhất để thực-hiện cái ảnh - hưởng đó không phải là ký và công - bố sắc - lệnh, song là phải dùng sự thuyết-phục ; mà muốn dùng giải-pháp sau này để đi đến kết quả thì cơ-quan kế-hoạch phải có một địa-vị càng cao càng hay, nhưng người đứng đầu không cần phải có trách-nhiệm thừa-hành.

Dựa nơi những nhận xét trên chúng ta thấy chỗ xứng đáng và phù-hợp nhất cho cơ-quan kế-hoạch là Phủ Tổng-Thống hay Phủ Thủ-tướng, và được vậy thì quyền-hạn của cơ-quan ấy trực-tiếp quyền-hạn tối-cao của Chánh-phủ.

Nhưng khi kế-hoạch trung-ương mới khởi sự thành-lập lần đầu tiên, thì còn

có một giải-pháp giao-thời như đã áp-dụng ở Mỹ-tây-cơ và thực-hiện trên căn-bản hợp-tác giữa năm sở Nghiên-cứu của năm Bộ thuộc lãnh-vực kinh-tế, tài-chánh. Người ta thành-lập một Ủy-ban giám-đốc gồm các Bộ-trưởng, và mỗi vị cộng-tác bằng cách góp chung các kinh-tế-gia mà mỗi Bộ hiện có.

Giải-pháp này có một ích lợi là trước hết trách-nhiệm chung sẽ tránh được sự ganh tị nhau, và tránh được sự dẫu điểm tài-liệu. Kế đến, nó giải-quyết được vấn-đề thiếu chuyên-viên.

Nhưng bề trái của nó là cơ-cấu tổ-chức Ủy-ban sẽ hỏng, vì mỗi Bộ đều có khuynh-hướng rút chuyên-viên của mình để làm những việc khẩn-cấp riêng biệt trong nhiều lúc không hợp thời nhứt, và như vậy nhiệm-vụ phối-trí các động-tác sẽ gặp nhiều khó khăn. Nhưng đó chỉ là một giải-pháp có tính-cách giao-thời, để bước qua giai-đoạn có một cơ-quan chuyên-biệt mà thôi.



II — Tổ-chức cách nào ?

Không có tổ-chức nội-bộ nào có thể coi là hoàn-bị và có thể áp-dụng cho mọi nước, vì còn phải tùy ở hoàn-cảnh và tài-nguyên (ngân-sách và nhân-viên) ở mỗi nước. Nên nhắc lại là việc làm của cơ-quan kế-hoạch chịu trách-nhiệm trước Chánh-phủ, là giúp các Bộ đặt những nét đại-cương cho chánh-sách kinh-tế và dự-thảo kế-hoạch để trình lên Hội-đồng Kinh-tế gồm các Bộ-trưởng, hay Hội-đồng Nội-các nếu không có Hội-đồng Kinh-tế.

Nhân-viên cơ-quan kế-hoạch tất phải gồm những nhà kinh-tế-học giỏi về toán-

học, các kỹ-sư, luật-sư, xã-hội-học ... Tóm lại là cần phải có các nhà chuyên-môn am hiểu mọi khía cạnh của kinh-tế quốc-gia.

Cho nên cơ-quan kế-hoạch dù nhỏ lớn thế nào, ít ra cũng phải có ba ban như sau :

1.— Một ban lo về kế-hoạch tổng-quát gồm nhiều phòng khảo-cứu lo về bề ngang (horizontal) kinh-tế quốc-gia là : lợi-tức quốc-gia, tiêu-thụ, tiết-kiệm, đầu-tư, năng-xuất và cần-lao ; lương-bổng và giá cả ; cân chi-phó, cung cầu và quân-bình tiền-tệ v.v...

2.— Ban thứ hai lo về bề dọc (vertical) kinh-tế quốc-gia là : canh-nông, kỹ-ngệ, hầm mỏ, điện-lực, thương-mại — giao-thông, các dịch-vụ khác.

3.— Hai ban trên lo khảo-cứu các lãnh-vực ngang và dọc của nền kinh-tế quốc-gia và chương-trình hằng năm. Trái lại phải có ban thứ ba để quan-niệm và thành-lập các chương-trình dài hạn và khảo-sát các vấn-đề cơ-cấu kinh-tế có tính-cách dài-hạn như sự phân-phối lợi-tức quốc-gia, ảnh-hưởng kỹ-thuật trên năng-xuất ..

Tóm lại, việc làm căn-bản của cơ-quan kế-hoạch là khảo-sát toàn diện nền kinh-tế quốc-gia trong những liên đới của nó. Các sự khảo-sát ấy cần phải dựa trên những dự-trù, trị-giá chuyên-môn, do đó đòi hỏi một trình-độ chuyên-môn cao ở trong cơ-quan kế-hoạch. Nhưng sự chuyên-môn có cái hiểm nghèo là không lưu ý tới sự liên-đới về phương-diện chuyên-môn của riêng mình đến toàn-diện vấn-đề. Để tránh cái nguy ấy người ta thường dùng ba giải-pháp sau đây :

1— Nhóm họp thường xuyên giữa những người cùng một cấp với nhau và giữa người khác cấp với nhau, khác ban với nhau ; hội - họp giữa Giám - đốc và các Chánh-sự-vụ hằng ngày, hội riêng từng Ban từng Phòng ; hội đọc các Ban về những dự-án đặc-biệt.

2— Hệ-thống thông-tin, trao đổi tài-liệu được tổ-chức thế nào để người này hưởng được kết quả khảo - cứu và ý-kiến của người kia. Nhưng cũng phải tránh thế nào để cơ-quan kế-hoạch không thành ra một câu-lạc-bộ chỉ khảo-sát các tài-liệu.

3— Sự giao-thiệp với « thế-giới ngoài » phải được tổ-chức cho chu đáo. Một phòng lo điều-khiển và tập-trung các sự gặp gỡ giao-thiệp với các cơ-quan trong và ngoài Chánh-phủ.

Một nguyên-tắc khác cũng được chú trọng trong cơ-quan kế-hoạch là thời-giờ hạn-định để thi-hành xong một việc khảo-sát. Các nhà chuyên-môn bao giờ cũng có khuynh-hướng đồng nhứt mình với việc làm và không bao giờ thỏa-mãn việc làm của mình để rồi luẩn-quẩn tìm tòi luôn mà không bao giờ kết-luận được. Thành ra cần kíp phải đặt một qui-luật là khi có một dự-án mới thì chẳng những là phải nhứt định ai làm cái gì, mà còn phải nhứt định thời-gian nào làm giới-hạn để tra-cứu các tài-liệu, và thời-gian nào kết thúc các sự khảo-sát.

★

III.— Liên-lạc với các Bộ các cơ-quan khác của Chánh-phủ

Kế-hoạch kinh-tế trung-ương sẽ được thành-lập, theo dõi bằng một cơ-quan trung-ương như nói trên, nhưng các kế-

hoạch từng khu-vực nên tổ-chức trên căn-bản phân quyền, bằng cách mỗi một Bộ có một tiêu-tổ kế-hoạch. Lý-do chánh nhằm bảo-tồn nguyên-tắc đã nói trước là động-tác chánh của kế-hoạch phải làm phương-tiện cho tất cả guồng máy của Chánh-phủ thẩm-nhuần ý-thức hợp-tác vì nhiệm-vụ chung ; bởi vì khó mà trông đợi một sự cộng-tác hết lòng của một Bộ nào vào một chương-trình đã được quan-niệm bởi một cơ-quan khác, ngoài trách-nhiệm của họ.

Nguyên-tắc để đặt tiêu-tổ kế-hoạch ở mỗi Bộ cũng là một nguyên-tắc đã nói trước về cơ-quan kế-hoạch trung-ương trong guồng máy Chánh-phủ. Dù nó có một viên-chức hay nhiều viên-chức — tùy theo sự to lớn phức-tạp của lãnh-vực — địa-vị và cấp-bậc của kẻ đứng đầu tiêu-tổ ấy phải thế nào để được thường-trực biết hết mọi việc xảy ra trong Bộ, được xem mọi tài-liệu quan-trọng của Bộ cùng có thể ảnh-hưởng một cách phù-hợp được. Theo tổ-chức chung, thiết-tưởng cái chỗ thích-hợp nhứt, sẽ là nơi chịu trách-nhiệm trực-tiếp của ông Bộ-Trưởng.

Giữa tiêu-tổ kế-hoạch ở mỗi Bộ và phòng nào của cơ-quan kế-hoạch trung-ương lo về khu-vực ấy, phải có một sự liên-lạc thường-trực, để cộng-tác hết sức chặt - chẽ. Sự giao - thiệp có hai cách : phòng nào của cơ-quan trung-ương lo về khu-vực ấy phải cho tiêu-tổ kế-hoạch ở Bộ ấy biết đường lối chung cùng những phương-diện đặc-biệt của kế-hoạch kinh-tế trung-ương và giúp đỡ tiêu-tổ kế-hoạch để thành-lập kế-hoạch khu-vực của nó. Trái lại, tiêu-tổ kế-hoạch ở Bộ phải cho cơ-quan kế-hoạch trung-ương biết những cái gì đã xảy ra ở trong Bộ mình.

**Dung - hòa giữa kế - hoạch
trung-ương và kế-hoạch khu-vực**

Sự dung-hòa giữa kế-hoạch trung-ương và kế-hoạch khu-vực là điều tối quan-hệ để thành-công trong động-tác hoạch-định kinh-tế.

Ở Hòa-lan, trước khi có các tiêu-tổ kế-hoạch của các Bộ, đối chiếu với kế-hoạch trung-ương, thì động-tác hoạch-định kinh-tế không có kết-quả mấy, vì lẽ chánh là sự hoạch-định như vậy có vẻ xa cách với thực-tế. Ví dụ khác : là kế-hoạch Monnet đầu tiên nhằm mục-đích xúc-tiến kinh-tế quốc-gia, dựa trên sự cộng-tác của Chánh-phủ với lãnh-vực tư. Nhưng kết-quả không được như ý muốn, vì mạnh ai nấy lập kế-hoạch, mặc sức đòi hỏi những tài nguyên

ít ỏi như tư-bản, ngoại-tệ và các cái khác nữa.

Khi kế-hoạch trung-ương là một yếu-tố mới thêm vào những kế-hoạch khu-vực đã có sẵn trước hay là khi mọi kế-hoạch đều là mới mẻ cả, thì tốt hơn là giới-hạn kế-hoạch trung-ương trong việc cung-cấp những căn-bản và đường lối cho kế-hoạch khu-vực thôi, đó là vấn-đề ưu-tiên. Kế-hoạch khu-vực, nói cách chung và cách riêng cho các nước đang phát-triển, được coi là căn-bản cho chánh-sách kinh-tế hiện-thực của quốc-gia. Và ở đâu mà ngân-sách và nhứt là những chuyên-viên kế-hoạch ít ỏi, thì kế-hoạch trung-ương nếu đòi hỏi quá nhiều sẽ làm hỏng những kế-hoạch khu-vực.

KẾT LUẬN

Một vài đặc-tính mà cơ-quan kế-hoạch cần phải có.

Cơ-quan kế-hoạch trung-ương đặt ở đâu, tổ-chức thế nào đi nữa thì cũng phải có ít ra là những đặc-tính sau đây mới hy-vọng có hiệu-nghiệm được.

I — Trước hết, cơ-quan kế-hoạch phải ở cận quyền quyết-định của Chánh-phủ ; ở nơi khác, nó không làm thế nào đòi hỏi được tin tức, tài-liệu đầy đủ của các Bộ, Nha, Sở và không làm sao cho các cơ-quan khác hưởng-ứng theo kế-hoạch của nó đưa ra được. Nhân-viên kế-hoạch phải có sự tín-nhiệm của cấp thừa-hành, để họ nghe mình và biết được cái gì họ cần mình. Chúng tôi đã trình bày rằng, cơ-quan kế-hoạch nên đặt trực thuộc Tổng-thống hay Thủ-tướng, người

đứng đầu bên hành-pháp, nhưng đó không phải là trường-hợp duy nhứt. Vì chính chỉ-tiêu là trung-tâm của kế-hoạch phát-triển kinh-tế có thể ở trong tay một Bộ-trưởng Tài-chánh khác. Phần khác có khi người ta muốn tách chánh-sách và sự thực-hiện kế-hoạch phát-triển kinh-tế khỏi chánh-trị, nên lập một cơ-quan kế-hoạch đứng ngoài guồng máy hành-chánh của Chánh-phủ, một cơ-quan tự-trị như Quỹ miền Nam ở Ý. Nhưng làm sao có thể quan-niệm được một cơ-quan vừa tự-trị như thế, vừa có thể hiệu-nghiệm được, vì không Tổng-Thống, Thủ-tướng hay Hội-đồng Nội-các nào chịu từ bỏ quyền thế của mình cho chánh-sách, vì đó là trọng-tâm

động-tác của Chánh-phủ. Hơn nữa, chánh-sách phát-triển kinh-tế không thể tách rời ra khỏi các phương-diện khác của chánh-sách Chánh-phủ, cho nên cần kíp phải sáp nhập với chánh-sách Chánh-phủ.

2— Sự hiệu-nghiệm của cơ-quan kế-hoạch trung-ương còn tùy ở sự liên-lạc của nó với các cơ-quan thừa hành khác của Chánh-phủ, mà nhiều cơ-quan lại thụ-động, có khi lại cạnh tranh với nhau và một ít cơ-quan lại được một ít vị Bộ-trưởng mạnh thế đại-diện v.v... Cơ-quan mạnh thế nhưt có lẽ là ngân-sách và tài-chánh, là những cơ-quan chẳng những cung cấp và phân-phối tài-chánh cho kế-hoạch mà còn cung cấp dự-ước lợi-tức và tài-nguyên (kể cả viện-trợ, vay nợ...) cần kíp để thành-lập và thực-hiện kế-hoạch. Sự liên-lạc giữa cơ-quan kế-hoạch trung-ương và các cơ-quan hành-chánh thừa hành khác rất quan-hệ đến thành-lập và thực-hiện kế-hoạch. Về phương-diện thành lập, thì các Bộ các Nha Sở có thể giúp đỡ bằng cách cung cấp tin-tức, tài-liệu và kinh-nghiệm trong khu-vực của mình. Về phương-diện thực-hành, thì sự cộng-tác của các Bộ là điều tối quan-hệ, nếu họ chịu đi theo kế-hoạch đã chấp-thuận và làm việc cần mà họ phải làm. Cơ-quan kế-hoạch trung-ương phải nhờ các Bộ các Nha Sở phức-trình thường-xuyên về sự tiến-triển các công-trình riêng biệt, không phải về phương-diện kỹ-thuật mà thôi mà cả về phương-diện tài-chánh và hành-chánh nữa. Không thể tin-tưởng hoàn-toàn rằng sẽ không có sự va chạm giữa các Bộ, Nha Sở và cơ-quan kế-hoạch trung-ương, và cũng không thể kỳ-vọng rằng nếu tổ-chức xong là có sự cộng-tác dễ dàng ngay. Nhưng nếu đặt các Bộ vào trong quá-trình

hoạch-định kinh-tế, tức là đặt các người đứng đầu các Bộ tham-gia vào việc làm của cơ-quan kế-hoạch, giữ sự liên-lạc mật thiết và liên-tục với các Bộ, thay vì ta ép buộc họ, thì tất ta sẽ có thể giảm được rất nhiều va chạm, cạnh tranh có hại.

3.— Kế đến, cơ-quan kế-hoạch trung-ương cần có một nhóm nhân-viên thường-trực, mà số nhân-viên này không phải mượn của các Bộ. Cơ-quan kế-hoạch cần có ý-kiến kỹ-thuật giúp đỡ về cả trăm vấn-đề khác nhau mà mỗi Bộ thì chỉ có ý-kiến riêng phản-ảnh quyền-lợi riêng của Bộ mình, không quan-tâm đến quyền lợi chung và vấn-đề ưu-tiên. Nhóm kế-hoạch không cần phải là một nhóm to lớn nhiều người. Nó không cần phải đi lấy tài-liệu để làm thống-kê lấy, nếu đã có một Nha Thống-kê, hay nếu nó có quyền đòi hỏi các cơ-quan khác tìm tài-liệu cho nó, khảo-sát cho nó v.v... Tựu-trung, cơ-quan kế-hoạch trước tiên phải đóng vai trò phối-trí các ý-kiến của các Bộ, sửa chữa lại các tài-liệu các thống-kê các nơi gửi đến nếu cần, khảo-sát những lý-do không thỏa-thuận nhau, và rút ra cái gì phải đưa lên trên giải-quyết, xem xét các dự-án của các Bộ đưa ra và dự-liệu sửa chữa làm sao cho ăn khớp với chánh sách chung.

Nếu cần kíp phải có guồng máy hành-chánh trung-ương để lo về kế-hoạch phát-triển kinh-tế thì ít ra nó phải có những đặc tính kể trên. Nhưng có những đặc tính kể trên, không phải đã là một đảm bảo hoàn toàn chắc chắn là guồng máy ấy chạy. Chắc chắn là không có guồng máy hành-chánh nào được hoàn toàn đảm bảo là nó chạy, cho nên ta không nên gây thơ đòi hỏi triệt-để hình-thức tổ-chức nào hơn tổ-chức nào. Nhưng nếu guồng máy hành-chánh

được tổ-chức không quá nặng nề thì có nhiều hy-vọng thành-công. Các nước kém mở mang thường thiếu kinh-nghiệm kỹ-thuật và hành-chánh, thì thiết nghĩ càng bớt gánh nặng hành-chánh lại càng tốt. Gánh nặng ấy có thể bớt được, nếu việc làm của cơ-quan kế hoạch trung-ương được giới hạn trong khuôn khổ các chánh-sách, các đường lối quan-trọng thôi. Càng lo về chi-tiết, thì cơ-quan kế hoạch trung-ương càng hóa ra phức-tạp, năng-xuất kém đi, bớt hiệu nghiệm. Cái gì chánh cái gì

phụ cũng còn là vấn-đề có thể giải-thích và tranh-luận. Nhưng chắc chắn là tất cả động lực của một cơ-quan không phải là tùy ở cơ-quan ấy lớn nhỏ, nhiều ít nhân-viên, song là tùy ở sự liên-lạc giữa người cầm đầu của cơ-quan ấy với người cầm đầu hành-pháp và sự liên-lạc giữa nhân-viên cơ-quan ấy với các Bộ, các Nha Sở hành-chánh khác. Cũng như quyền thế của Chánh-phủ, đó mới là điều-kiện để sự hoạch-định kinh-tế được thành-công.

HUỖNH-VĂN-LANG

Danh ngôn, danh lý

CÔNG BÌNH

- ★ Một người biết tự-trọng bao giờ cũng đòi hỏi người trên mình phải có đức-tính chủ-yếu là đức-tính công-bình.
- ★ Chí công vô tư.
- ★ Đức công-bình là đức tiên-thiên, ăn sâu vào lòng người ta đến nỗi người ta coi sự bất công-bình — dù của một người trên đã được tận tình yêu mến —, là điều đáng căm phẫn, khiến cho người ta phải thất vọng.
- ★ Người dưới có thể hiểu người trên khi người trên tỏ vẻ khó tính hay nghiêm khắc; nhưng người dưới sẽ thất vọng khi thấy người trên giở thủ đoạn bất-chính hay có cử chỉ độc-tài. Nếu họ không nói lớn lên được cảm nghĩ của họ khi đó, thì cảm nghĩ ấy càng ngấp sâu vào lòng họ, biến thành vết thương sâu kín và ngày kia hoá thành lời phỉen trách cay đắng, thành căm phẫn dai dẳng và có khi thành oán hận không đội trời chung.
- ★ Công-bình là biết tôn-trọng phẩm-trật, tôn-ti, chính do mình đã thiết lập ra, là củng-cố uy-quyền của những kẻ mình đã cất đặt cho cầm đầu một cơ-sở, một khu, là không can thiệp vào nội-bộ của họ mà không thêm qua họ.

(tiếp theo Bách-Khoa số 66)

★ — HOÀNG-MINH-TUYNH

CÁCH đây vừa đúng ba mươi hai năm, Mao-Trạch-Đông, khi đó mới ba mươi lăm tuổi, bị loại ra khỏi Ủy-ban trung-trong đảng Cộng-sản Trung-hoa. Mấy tháng trước đó, ông có làm một thuyết-trình, thu tóm thành một đề-nghị : cách-mệnh không thể chỉ căn-cứ nguyên vào cuộc nổi dậy của đám vô-sản thành-thị ; nói chung trong những nước kém mở mang và riêng đối với Trung-quốc, cơ sở cách-mệnh phải nằm trong nông-thôn. Thuyết này bị Mạc-tư-khoa bác. Giữa khi ấy, cuộc « khởi nghĩa » Cộng-sản tại Nam-xương bị thất-bại, Xi-ta-lin liền dịp giáng cấp Mao-Trạch-Đông. Để giữ uy-thế, Mao phải lui về tổ-chức một đội quân phần lớn gồm nông-dân trong dãy núi dài phân cách Hồ-nam với Quảng-Tây. Ngay từ khởi đầu, nhà lý-thuyết và tay tổ-chức cuộc cách-mệnh Trung-hoa đã tỏ ra là người có não cách-tân và ưa hành-động. Ông không muốn không tuân, mà cũng không muốn tuân-lệnh Kơ-rem-lanh : ông muốn bắt Kơ-rem-lanh phải thừa nhận mình.

Những nét phác-họa đó về ông, ta thấy trọn đời, ông vẫn giữ được và làm cho ông có được một tư-thế, mà không tư

thế của một tay Cộng-sản hàng đầu nào sánh kịp. Năm 1931, ông là chủ-tịch của Hội-nghị Xô-viết đầu tiên tại Trung-Hoa ; song tới năm 1934, ông bị coi là kẻ liều-linh, côn-đồ và bị hạ tầng công-tác vì đã chủ-trương « xô viết hóa » tức thời toàn-bộ Trung-hoa. Ông phục-tùng, nhưng vẫn cựa quậy và tới tháng Mười một năm 1934, ông tiến-hành cuộc « trường-chinh ».

Trong cuộc trường-chinh, ông cần-thận tiến về phía Đông, nhằm Hà-nam, chứ không tiến về phía Tây, nhằm Tân-cương giáp-giới Liên-xô, như có ý muốn xa Liên-xô cả về nghĩa đen lẫn nghĩa bóng ; gần giữa khi ấy ông công khai đả kích Tổng Bí-thư đảng từ Mạc-tư-khoa trở về với một nhóm sinh-viên và vận-động đề cho đa số đảng viên kiêm chiến-sĩ của ông chấp-thuận lý-thuyết trái nghịch với lý-thuyết chính-thống về cách mệnh, lý-thuyết lấy nông-dân làm căn-bản. Mười bốn năm sau, trước ngày toàn thắng, ba tháng sau khi công-bố Cộng-hòa nhân-dân Trung-hoa, tại Bắc-kinh, và hai tháng sau khi được bầu làm chủ-tịch Chính-phủ, ông mở cuộc hội đàm với Xi-ta-lin tại Mạc-tư-khoa ngày 16 tháng Mười hai 1949, tới ngày 14 tháng

Hai 1950 thì kết-thúc một điều ước hữu-nghị, liên-minh và hỗ-tương : tám tuần lễ thương-nghị đã đem lại cho Trung-hoa một tín dụng khoảng 300 triệu đô-la ; lần thứ nhất Xi-ta-lin có trước mặt ông một đồng-chí dám đòi hỏi ông một cuộc đòi chác mà không sợ bị khai trừ, phóng-trực. Nhưng rồi cuộc chiến-tranh Triều-tiên bỗng xảy ra và đặt hai bên « quá khích » — « khôn ngoan » vào vị-trí đối-lập nhau trước : từ tháng Sáu 1950, Mao luôn luôn nại điều ước 16 tháng Hai để nuôi dưỡng và mở rộng chiến-tranh, còn Xi-ta-lin thì muốn thu hẹp để chờ ngày chấm dứt. Cuộc tranh-chấp kéo dài cho tới tháng Tám 1958, thế giới coi cuộc du-hành của ông Kơ-rút-sốp sang Bắc-kinh là một bước lui của Xô-viết trước Trung-hoa : người ta tưởng Mao đã làm thất bại âm-mưu của Kơ-rem-lanh muốn nói chuyện trực-tiếp với Hoa-thịnh-đốn để sửa soạn một cuộc thương-thuyết tổng quát trong khuôn-khổ Liên-Hiệp-Quốc, là nơi mà ghế của chính-phủ Trung-hoa do Tưởng-Giới-Thạch chiếm giữ từ trước. Thật ra thì cuộc dụ-kích tại Á-châu không phải vô ích cho ông Kơ-rút-sốp, vì sau ngày Mỹ quân đổ bộ lên Li-băng (Liban) và Anh quân nhảy dù xuống Gióc-đa-ni (Jordanie) ông này đã kêu quá lớn tiếng để lộ cho người ta thấy ý-định thật của ông không tương xứng với tiếng hét lớn của ông. Song, cuộc tấn công vào Quế-môn của Cộng-quân Trung-hoa bị thất bại (nhiều người cho thất bại phần lớn bởi tại pháo-binh của Cộng-quân không được đầy đủ) đã là dịp cho ông Kơ-rút-sốp lấy lại được tay lái, y như Xi-ta-lin hồi năm 1927, sau cuộc « khởi nghĩa » của Cộng-sản tại Nam-xương vậy. Ngày 25 tháng chạp, nhân dịp kỷ-niệm

sinh nhật 65, Mao nhận được của Kơ-rút-sốp một điện-tín nhấn mạnh một cách trắng trợn rằng « nỗ-lực của Đảng Cộng-sản Trung-hoa tiến tới chỗ đạt được kết quả mà đảng Cộng-sản Xô-viết đã đạt được từ lâu », nghĩa là tới chỗ « biến cải nước thành một quốc-gia xã-hội chủ-nghĩa hùng mạnh ». Ngày 18 tháng giêng, trễ mất một tháng, Mao mới đáp lễ tỏ ý tuân phục, song lời lẽ có vẻ lạnh lùng ; Kơ-rút-sốp còn dùng nhiều lời lẽ tán-tụng quá đáng. Mao chấm dứt bằng một lời chúc ngắn ngủi : « Tôi chúc đồng-chí được khang-kiện ».

Tóm tắt, Mao lại bắt đầu lại cuộc trường chinh, mutatis mutandis. Song, lần này có chỗ khác trước là tương-đối ngắn hơn và trực chỉ Liên-bang xô-viết. Từ hơn ba mươi năm nay, viên nguyên quản-thủ thư-viện trường đại-học Bắc-kinh, và nguyên giáo-sư trung-học, vẫn giữ nguyên lập-trường đối-lập với Mạc-tư-khoa trên hai điểm : vai trò chủ-yếu của nông-dân trong cách-mệnh và thi-hành gấp rút hành-động cách-mệnh tại Trung-hoa trước, rồi thế-giới sau. Các việc xảy ra hồi đầu năm 1959 có nghĩa gián-dị là Mạc-tư-khoa, rốt cuộc, đã thắng, và Xi-ta-lin, nhờ thời-cuộc biến-chuyển, tuy đã nằm trong mồ, mà vẫn còn vật ngả được Mao trong một keo nữa.

Thái-độ của toàn-thể bộ tham-mưu của Mao trước cuộc thất bại ấy thế nào ? Không phải ai cũng than tiếc nó cả. Vị phó chủ-tịch cộng-hòa nhân-dân Trung-hoa, kiêm chủ-tịch danh-dự Liên-hiệp nghiệp-đoàn Trung-hoa, là Lưu-thiếu-Kỳ, đồng tuế với Mao, thiếu thời đã từng sống ba năm tại Mạc-tư-khoa và đã được trường Đại-học Viễn-đông Mạc-tư-khoa đào luyện ; Lưu-thiếu-Kỳ, với cuốn sách nhan đề : « Quốc-tế chủ-nghĩa và Quốc-gia chủ-nghĩa », do

ông ấn-hành đã tổ lập-trường của ông là lập-trường của Xi-ta-lin — Chu-Đức, đã ngoại thất tuần, cao niên nhất trong đám thống-chế được thăng nhân dịp Hội-nghị nhân-dân Trung-quốc khóa thứ 22, thủ-tướng kiêm bộ-trưởng ngoại-giao từ năm 1949, đã sống năm năm trên đất Pháp và Đức, từ năm 1919 đến năm 1924, hồi ngoài hai mươi tuổi ; ông được đặc phái sang Mạc-tur-khoa năm 1928 với tư-cách đại-biêu đảng Cộng-sản Trung-hoa tại Phòng thông-tin quốc-tế trước đây. Viên quyền phó thủ - tướng, bộ - trưởng thương - nghiệp, chuyên - viên kinh - tế và khởi xướng kế-hoạch ngũ niên, là Trần-Nghị, mới năm mươi lăm tuổi, thường tỏ dạ trung thành với Lưu-Thiếu-Kỳ hơn là đối với Mao-Trạch-Đông — Lâm-Bưu, vị thống-chế thứ ba tháng năm 1955, được coi như chiến-lược gia xuất sắc nhất của Trung-hoa Cộng-sản, mới hai mươi tuổi đã cầm đầu cuộc « khởi nghĩa » Nam-xương năm 1927 ; mười năm sau ông bị quân Nhật đả thương và được qua dưỡng bệnh tại Liên-xô mười năm ; tài thao lược của ông chính Mạc-tur-khoa cũng phải nhận là siêu việt. Sau hết Tăng-Tiêu-Bình được chỉ định giữ trọng trách phó thủ-tướng năm 1952, gia nhập Đảng năm 1921 tại Pháp, bấy giờ mới hai mươi một tuổi và còn đang theo học ; tại tỉnh Quảng-tây từ năm 1928 tới năm 1934, các giảng viên Xô-viết huấn-luyện ông trở thành một ủy-viên chính-trị tài ba. Khi Mao từ chức, Lưu - Thiếu - Kỳ — mà mọi người coi như thân Nga — nắm được guồng máy của Đảng, có tổng bí-thư Tăng-Tiêu-Bình ám trợ. Trong khi Lâm-Bưu, mới năm mươi hai tuổi và được thăng Thống-chế khi bốn mươi tám, có chiều như sẽ được

cử thay thế Chu-Ân-Lai. Tất cả những người trên cùng có một điểm giống nhau là cùng sống ở Tây-phương hay Mạc-tur-khoa, và sống ở Mạc-tur-Khoa, đối với người Trung-hoa nào, cũng là sống ở Tây-phương cả ; khi họ gia-nhập Cộng-sản, họ gia-nhập Cộng-sản quốc-tế hơn là gia-nhập Cộng-Đảng Trung-hoa ; thời họ gia-nhập là thời mà sự gia-nhập mang nghĩa một hành-vi trung thuận tuyệt-đối với Liên-xô ; họ không như Mao vẫn còn giữ nguyên tính-chất của một người bản-địa.

Nói như vậy có phải là bảo rằng « Mao chủ-nghĩa » là một phong-trào quốc-gia, còn chủ-trương của phái thân « Tây-phương » là một hành-vi qui-thuận ngoại-quốc không ? Nếu hiểu các bản-văn theo nghĩa chật hẹp thì sự thật quả đúng như vậy ; song đối với hàng trăm triệu anh chàng Vương-lý mà phóng-viên của tờ báo « Ti-tô chủ-nghĩa » Borba đã được chính mắt mục-kích cuộc sống, thì sự thật chưa hẳn đã là như thế. Lý-thuyết cho rằng Trung-hoa có khả năng công bố là một quốc - gia Cộng - sản trước khi trở thành một đại cường-quốc công-nghiệp, có thể có hai ý-nghĩa : một ý-nghĩa đối với toàn-thể Trung-quốc trong viễn-tượng lịch-sử ; một ý-nghĩa đối với mỗi người Trung-hoa trong viễn-tượng cuộc sống của một đời người.

Tờ « Nhân-dân nhật báo » năm ngoái có viết : « khi đã thống-nhất và tổ-chức xong, 600 triệu người sẽ hợp thành một lực-lượng sáng-tạo hùng mạnh nhất thế-giới ; đối với lực-lượng ấy, Hiệp-chúng-quốc và Anh quốc chỉ là những nước thấp hèn » ; nếu lực-lượng cánh tay có thể thay thế được trang bị công-nghiệp thì ngay Liên-

xô, đối với Trung-quốc, cũng chỉ là một nước thấp hèn và không lớn lao hơn được Hiệp-chúng-quốc bao nhiêu. Do đấy, hình như lý-thuyết không hẳn là một chìa khóa vạn năng, có thể giải quyết được hết mọi vấn-đề; và quần-chúng Trung-quốc cũng không hề coi việc Kơ-rút-sốp phóng trục những định-lý đã «phương hại không ít đến cuộc xây-dựng Cộng-sản chủ-nghĩa», là việc xâm phạm tới quốc thể của họ.

Hàng trăm triệu anh chàng Vương-Lý mà hiện nay chỉ mới được người ta thỏa-mãn một yếu sách đầu tiên ngũ tám giờ một ngày, cũng như các ông già bà cả từ 65 tới 70 tuổi còn phải cưỡng-bách lao-động trong những trại lính gọi là «phúc xá», cũng như 140.000 sinh-viên và giáo-sư được gọi đi chữa bệnh trí-thức bằng cách «tham-gia» xây đập, cũng như những gia-đình đã xa vào cái lưới «Bách Hoa» và đã bị kết án (có khi tử hình) vì không biết «nhảy vọt», hẳn không thể không ngạc-nhiên khi thấy người ta lại tuyên-bố trong các buổi học tập rằng những gian khổ của họ đã trở nên vô ích, không những chúng không đưa Trung-quốc đến gần chủ-nghĩa Cộng-sản mà chính họ đã làm hư công cuộc thực-hiện chủ-nghĩa Cộng-sản nữa. Cho tới trung tuần tháng Mười một, người ta còn đã kích sôi nổi cái tinh-thần «vì lợi», coi đó là «tàn tích độc hại nhất của tư-sản». Để phản đối cái lý-thuyết đó, Kơ-rút-sốp đã đáp thẳng lại nguyên văn trong Hội-nghị thứ XXI rằng: «Việc san bằng sẽ phát-sinh ra bất-công trong phân-phối, nó không những không đánh dấu một giai-đoạn chuyển tiếp sang chủ-nghĩa Cộng-sản, mà chỉ làm cho chủ-nghĩa ấy bị mất tín-nhiệm.»

Dân chúng Trung-hoa càng được biết cái tin «sửa sai» ấy tất càng thấy việc Liên-xô can thiệp vào nội bộ Trung-hoa về phương-diện lý-thuyết đã sinh ra kết quả này là làm cho cơn sốt rét, đã khiến họ kiệt lực, được giảm nhẹ đi và đồng thời cũng ngăn cản được «công xá» không đi tới chỗ tận diệt gia-đình, tóm lại là làm cho đời sống được dễ thở hơn. Phàm và lượng mùa gặt hái vừa qua đã được hàng ngàn thông-cáo chính-thức tán-tụng không ngớt lời, mà tại các đô-thị lớn như Thượng-hải, nạn thiếu thực-phẩm trở nên tối ư trầm trọng vào cuối năm 1958. Đó là vì tại chiến-dịch kiểm sắt đã làm tắc nghẽn giao-thông, nhất là vì tại nhu-cầu «kiểm sắt nuôi lò» đã được coi là nhu-cầu quan-trọng bậc nhất, có quyền ưu-tiên tuyệt-đối trước các nhu-cầu khác—Bây giờ thì các lò đã kim đã được lệnh ngưng hoạt-động, phân-phối thực phẩm nhờ đấy được tương-đối dễ dàng hơn trước và dân-chúng bắt đầu cảm thấy một làn không-khí mát dịu khôi-phục lại được phần nào sinh-lực gần kiệt quệ vì lao-động quá sức. Nếu người bà con quen thuộc của anh chàng Vương-Lý ở tỉnh thành cảm thấy lờ mờ rằng Kơ-rút-sốp đã có «chút» công vào việc «cải hoán» ấy thì thật không phải Liên-xô chỉ thắng được một trận chiến-tranh trên nguyên địa-hạt tư-tưởng đối với Trung-quốc mà thôi... Ảnh-hưởng cuộc thắng trận còn có thể đi sâu trên nhiều địa-hạt khác nữa vậy (1).

★

Tuy nhiên, theo ý kiến nhiều người, kể cả những người Xô-viết nữa, cuộc

(1) Tuy thế mà trí-thức Trung-hoa nhiều khi vẫn còn trách Mao-trạch-Đông không có thái-độ cứng rắn với Liên-xô (xin coi B.K. số 64, «Chế-độ công-xá nhân-dân...»)

thắng trận ấy chỉ có tính-cách nhất thời. Gần đây, có lẽ không một đại-sứ Tây-phương nào ở Mạc-tư-khoa không thỉnh-thoảng làm tờ trình « mật » gửi về chính-phủ họ báo cáo việc họ đã gặp một nhân-vật, nhiều khi hữu danh, thờ lộ với họ về cái « họa da vàng » mà ngày xưa đã có người nghĩ tới. Đại ý của những lời thì thầm ấy thường là như sau : trong hai mươi năm nữa dân số Trung-hoa sẽ tăng lên 800 triệu người ; động-lực của khối 800 triệu dân này là một mối lo ngại cho toàn thế-giới, kể cả Liên-xô, vì khối này, ngày xưa, lâu lắm, đã từng có phen đi tìm khoảng sống của họ mãi tận miền Nga Á-châu, và ngày nay muốn chặn đứng bước tiến của họ, ai cũng nhận chỉ có người Nga mới đủ sức đương nổi. Do đấy toàn-thể Tây-phương đều cho rằng quyền-lợi tối cao của họ là phải củng-cố uy-tín và thế-lực của người Xô-viết trong thế-giới và trước hết tại Âu-châu, đồng thời thay thế chính-sách thiết-lập các giàn hỏa tiễn tại Đại-Tây-Dương căn cứ trên sự hiềm khích, bằng chính-sách « trung-lập hóa » và « tài chế nguyên-tử lực » căn cứ trên tinh-thần sống chung ; tóm lại là cho Liên-xô được các đảm bảo an-ninh cần thiết để họ được rảnh trí chú tâm vào Viễn-dông và giữ « phe xã-hội chủ-nghĩa » luôn luôn ở trong tình-trạng của « phe chủ-trương hòa-bình ». Như ông At-lai Xi-tê-ven-xơ (Adlai Stevenson) đã có lần nhắc nhở, tại Mạc-tư-khoa, hồi tháng Chín năm 1958, hiện nay cứ ba người Trung-hoa mới có một người Xô-viết, và trong năm mươi năm nữa tỷ số sẽ lên năm người Trung-hoa mới có một người Xô-viết. Ông vừa nói tới đó thì một vị công-chức cao cấp ngắt lời ông kêu lên : « Đạt họa chính là

ở đó... và đấy là lý-do mạnh hơn nữa để cải-thiện mối bang-giao giữa Mỹ-quốc và Liên-xô ! »

Nhưng muốn đạt tới mục-đích đó, điều-kiện tiên-khởi là Liên-xô phải làm sao chế ngự được Trung-quốc bằng cách này hay bằng cách nọ, và trước khi đề cho họ đạt tới con số 800 triệu, phải nắn đúc được họ rập theo khuôn mẫu, đã hình dung và sửa soạn từ trước. Và muốn được vậy, Liên-xô không thể làm gì khác hơn là cứ vẫn tiếp tục giúp đỡ Trung-quốc, để nắm giữ được họ và chỉ huy họ đúng theo đường lối của mình.

Theo « Bắc-kinh tạp-chí » ngày 29 tháng Tư năm 1958, số chuyên-viên và kỹ-thuật gia Nga đến làm việc trước sau tại Trung-quốc không quá số 7.000 người. Con số bề ngoài như có vẻ ít ỏi nhưng là con số nhiều gấp ba lần con số Liên-Hiệp-Quốc gửi đi khắp thế-giới, theo « chương trình viện-trợ kỹ-thuật nới rộng ». Liệu nay mai con số ấy có tăng lên nữa chăng ? Chắc không. Nhưng số chuyên viên Trung-hoa đến Liên-xô để được đào luyện mỗi ngày mỗi tăng : từ năm 1957 đã có 7.000 sinh-viên và 6.200 sinh-thủ kỹ-thuật Trung-hoa được Liên-xô đào luyện và báo Pravda cho biết có nhiều thợ sắt từ Trung-hoa tới tu-nghiep tại Magnitogorsk và nhiều nhà địa chất đến học thuật tìm mỏ dầu tại Bachkirie.

Cuộc liên-kết mật-thiết giữa Liên-xô và Trung-hoa ngày 7 tháng Hai bảo-đảm cho Trung-hoa được thỏa-mãn những nhu cầu cần-thiết và cấp-bách nhất. Tại sao Trung-hoa phải lẫn mình vào cuộc thí-nghiem « Mao chủ nghĩa » ? Trong số các thỏa-hiệp Trung-Xô kết-thúc từ năm 1950, chỉ có hai thỏa-hiệp — thỏa-hiệp

tháng Hai 1950 và thỏa-hiệp tháng Mười 1954 — là ấn-định rõ các ngân-khoản cấp cho Trung-hoa, gộp lại thành một số 430 triệu đô-la. Khi các ngân khoản này cạn, Trung-hoa bắt buộc phải tăng số xuất-cảng mỗi năm lên 10% để trả các món trang-bị cần-thiết cho công cuộc kỹ-nghệ hóa. Trung-hoa chỉ có thể khấu trích số thặng-dư này trong sản-xuất nông-nghiệp. Song một mặt, từ năm 1952 tới năm 1957, sản-xuất nông-nghiệp chỉ tăng lên có 4% mỗi năm, nghĩa là không bằng phân nửa số cần-thiết và mặt khác, dân số Trung-hoa cứ tăng đều mỗi năm thêm 15 triệu người tiêu-thụ. Mấy con số lạnh lùng, khô khan và không thể nào chối cãi được đó, cắt nghĩa cho chúng ta hiểu vì đâu Trung-hoa đã phải đi ra ngoài đường lối kinh-tế mà Liên-xô muốn họ phải theo. Trung-hoa phải lấy tư-bản ở đâu để tạo lập các hợp-doanh của họ ? Sở dĩ họ đã phải phân tán công-nghiệp, mở mang xí-nghiệp nhỏ, dùng kỹ-thuật cò-truyền và dựng ở thôn quê nhưng lò đã kim cho nông-dân tự trồng nom lấy, không cần phải chuyển vốn từ đơn-vị sản-xuất này sang đơn-vị sản-xuất khác, là cốt để giảm bớt số nhập-cảng những tư-liệu trang-bị. Mao muốn thử bước nhảy vọt chính là vì ông ở trong cái thế không đứng được. Do đấy, nếu Liên-xô muốn cho Trung-hoa đi theo con đường « chính thống » họ đã chỉ vạch thì họ phải lo giúp đỡ cho Trung-hoa bước ra khỏi cái thế không đứng được ấy. Nhưng khó một điều là Liên-xô không thể nào giúp Trung-hoa mà chính mình lại không lâm vào một tình trạng quần bách khổ sở.

Họ đã từng giúp đỡ Trung-hoa rất nhiều. Để cho người Trung-hoa được

hưởng giá-biểu vận-phí ưu-dãi giữa Trung-hoa và Âu-châu, họ tính giá chuyên chở trên đường xuyên Tây-bá-lợi-á (80% mậu dịch Trung-Xô vận tải do đường này) cho người Trung-hoa dưới thực giá. Số họ viện-trợ tư-liệu trang-bị cho Trung-hoa chiếm tới 40% tổng số xuất-cảng cơ khí và trong một vài ngành, chiếm tới 8% tổng số sản-xuất quốc-gia. Mặc dù vẫn còn phải nhập-cảng tư-liệu trang-bị, họ đành phải « nhija » dùng một số khá lớn để san-sẻ cho Trung-hoa, đòi lấy một số vật phẩm của Trung-hoa như trà, lụa mà họ không cần dùng. Song chưa bao giờ họ dám hy-sinh bước một bước như họ đã làm khi kết thúc thỏa hiệp ngày 7 tháng Hai ; năm 1950, Xi-ta-lin cam kết cấp cho Trung-hoa, trước ngày 1 tháng Tư năm 1955, 300 triệu đô-la hóa-phẩm trả làm mười năm bằng nguyên-liệu và vàng ; Kơ-rút-sốp vừa cam kết, trong chín năm, viện-trợ một số 5 ngàn triệu roubles, bằng 1250 triệu đô-la. Một số lò đã kim nhỏ của Trung-quốc có lẽ vẫn tiếp tục hoạt-động để sản-xuất thứ gang xấu dùng trong nông-nghiệp, song các lò này không thể thay thế được những hợp doanh gang thép khổng-lồ mà Liên-xô cam kết sẽ trang-bị cho Trung-hoa. Những hợp doanh vĩ-đại này sẽ gây nên những tổn kém nặng nề cho Liên-xô, nhưng có chịu hy-sinh như thế, Liên-xô mới có thể trở thành kẻ cần-thiết cho Trung-hoa và mới chi-phối được Trung-hoa. Và chẳng, Trung-hoa không chỉ phụ-thuộc riêng có Liên-xô : mậu dịch tam giác giữa Mạc-tư-khoa, Bắc-kinh và các nước vệ-tinh Âu-châu sẽ tăng gia gấp bội, kể từ Cộng-hòa dân-chủ Đức là nước đứng đầu số xuất cảng tư-liệu trang-bị trên cả Liên-xô. (Nhờ đấy, ta mới thấy việc Liên-xô chưa

chịu để cho Đức thống-nhất cũng như việc bắt Trung-hoa phải đi đúng đường lối đã hoạch-định đều là những việc nằm trong cả một mưu lược của Liên-xô muốn thống-trị thế-giới.) Thì ra ngay từ năm nay (1959), một người Nga muốn mạnh hơn ba người Trung-hoa, không phải chỉ cần kỹ-nghệ-hóa vùng U-ran (Oural) đứng đầu cuộc thi đua vô khí nguyên-tử phóng được trước tiên hòa-tiến liên-hành-tinh là đủ, mà còn phải bỏ ra hơn một ngàn triệu đô-la nữa. Song tới đầu năm thứ 2000, đứa con của người Nga ngày nay phải liệu cách thế nào để có thể địch lại được sáu người Trung-hoa do chính cha nó đã tạo cho một uy-thế công-nghiệp đáng sợ ?



Nhưng dù người Nga có dễ - nghị thiết-lập một khu vực tài-chế nguyên tử lực tại Viễn-dông chẳng nữa, cũng không thể ngăn cản mãi mãi Trung-hoa bước chân vào cái « cơ-lớp » hạt-nhân : Trong số 110.000 nhân-viên mới, Trung-hoa tự hào đã chiêu tập được có cả Chien-Hsuch-san, chuyên-viên nổi tiếng khắp thế-giới về « thời-tiến hòa-tiến » và đã được đào-luyện trong các trường đại-học Mỹ quốc ; chính Liên-xô cũng vừa mới cung-cấp cho Trung-quốc một máy gia-tốc-độ 10 ngàn triệu électrovolts. Viên công-chức cao cấp ngắt lời ông Xi-tê-ven-sơn và nói ra câu : « Đại họa chính là ở đó ! » không những tỏ ra là người

khôn ngoan, biết lo tới hậu họa chung cho cả Tây-phương mà còn tỏ ra là người thành thật, nói một câu mà ít chính khách Tây-phương (kể cả Nga) dám nói ra, tuy ai cũng nghĩ đến cả.

Câu thành thật ấy có nghĩa là uy-lực của Trung-hoa phát sinh và tiến-triển thế tất sẽ đưa các dân-tộc thuộc phạm-vi ảnh-hưởng văn-minh Âu-châu tới chỗ liên-kết với nhau. Và Nga đang sửa soạn cái ngày được các nước Tây-phương cử làm một thứ đại-sứ tới nói chuyện với sáu trăm triệu hay tám trăm triệu người Trung-hoa. Một nhà kinh-tế học, không hề có tư tưởng mác-xít, khi khởi sự đi thăm viếng Trung-hoa, đã nghiên ngẫm, suy nghĩ rất nhiều về một câu nói của nhà văn-hào Pháp Valéry : « Âu-châu chỉ là một mũi đất nhỏ của Trung-hoa ». Khi trở về nước, nhà kinh-tế-học ấy đã viết lại một câu như sau : « các làng mạc Trung-hoa nhất nhất đều treo ảnh của bốn người Âu-châu : Mác, An-ghen, Lê-nin và Xi-ta-lin. Sự kiện đó không phải chỉ là một tượng-trưng. Trung-hoa đã trở thành một mũi đất rộng lớn của đại-lục Âu-châu rồi ».

Câu nói trên dù đúng hay sai, thiết tưởng cũng là câu nói đáng cho mỗi người chúng ta suy nghĩ vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Theo tài liệu của M. SCHUMANN, trong tạp chí RÉALITÉS, số 160, tháng Năm 1959)

✱ Công-bình là muốn lấy tinh-thần thẳng-thắn để xử việc hầu giữ uy-thế mình trong nội-bộ của đoàn-thể, chứ không chịu dùng những thủ-đoạn tiểu xảo trong thuật chỉ-huy.

✱ Chính mình không qui củ thì chỉnh-lý thế nào được công việc.

thắc mắc

Ngày mai

Đứng, ngồi, tôi nghĩ đến ngày mai.

Ăn, nằm, tôi lo cho ngày mai.

Ngày mai sẽ ra thế nào ?

Ngày mai có tùy-thuộc tôi không ? Và tùy-thuộc tới mức nào ?

Tôi càng băn-khoăn thì vấn-đề càng làm cho tôi thêm bối-rối.

Có người bảo tôi :

« Chỉ thắc-mắc vấn-đề ngày mai là một điều vô-ích.

« Ngày mai, tự nó, không thể hình thành.

« Ngày mai vốn đã nằm trong hiện-tại.

« Đôi khi, người ta có cảm-giác như bị một trận cuồng-phong lôi kéo đi và không còn tự-chủ được.

« Đôi khi, người ta muốn gieo mình theo dòng biển-cổ để khỏi phản-ứng, khỏi lái chèo.

« Người ta đi tới chỗ muốn từ-chức làm người để không nghĩ nữa, không muốn nữa, phó mặc cho số-phận rủi may.

« Người ta chán-nản, hoài-nghi, và do đấy sinh ra thụ-dộng.

« Những cảm-dỗ thật nguy-hiêm, thật đáng sợ !

« Bánh xe lịch-sử không thể tự quay một mình ; không lẽ để toàn những kẻ thụ-dộng đứng quay chiếc bánh xe.

« Ý-chí là một sức-mạnh. Thối-chí là đào-nhiệm, là tự mình đào-thải mình.

« Chờ đợi mọi sự ở vận-mệnh là hèn-nhát. Nhận-xét, phán-đoán, hành-động là làm người, là sửa-soạn cho những ngày mai tới bớt phần thống-khờ.

« Phải làm việc như là mọi sự đều tùy-thuộc ta.

« Ngày mai sẽ ra thế nào ?

« Ngày mai sẽ ra thế nào là do hành-động của ta quyết-định. »

Những biến-chuyển đầu tiên trong xã-hội Việt-Nam khi tiếp xúc với văn-minh Âu-Tây

★ — PHAN-KHOANG

MỘT xã-hội khi phải tiếp-xúc với một văn-minh khác của mình, nhất là văn-minh của một kẻ chiến thắng có ý định chi-phối mình, và mình phải khuất-phục không khỏi trải qua những biến-động quan-trọng.

Ở Việt-nam, sau nhiều năm tiếp-xúc văn-minh Âu-Tây, các biến-động ấy đã đưa xã-hội đến một tình-trạng đen tối, khiến thi-sĩ, văn-sĩ đã phải than thở :

« Văn-minh Đông-Á trời thu sạch,
« Đây lúc luân-thường đảo ngược ru!

hoặc :

« ... Ma-cô, con đĩ đầy sông Nhị,
« Mật-thám, du-côn chất núi Nùng.

Tuy đó là một lối thậm xưng hoặc ngoa-ngữ, nghĩa là nói quá đáng, để cho ý-kiến của mình mạnh thêm lên, nhưng nó không phải hoàn-toàn thất thiệt.

Vậy những biến-động ấy đã xảy ra bao giờ và trong những điều-kiện nào? Phải có một sự thay đổi trong tinh-thần của nguyên-tắc, của giòng mồi quốc-gia mới lần lần đem đến các kết quả ấy.

Các thay đổi này nhiều khi bề ngoài thấy không ồ-ạt, lớn lao lắm, nhưng ảnh-hưởng lại rất quan-trọng.



Ông Paulin Vial, một trong những quan cai-trị cao-cấp Pháp đến đầu tiên ở Việt-nam, bấy giờ đương đứng vào tình-thế đối-lập với chánh-quyền vua Tự-Đức, đã viết về nước ta như sau :

« Người An-nam sống tự-do trong làng-
« mạc họ, và an-hưởng của-cải họ. Họ tự
« đặt cử những người quản-trị xã-thôn.
« Sự di-chuyển các gia-sản thực-hành
« đứng-dẫn, nhà-nước hoàn-toàn không
« dự-gì vào đó. Thuế khóa vừa phải.
« Sự tài phán của pháp-luật không lấy
« tiền, và mau chóng. Giáo-dục ban-bổ
« rộng-rãi cho tất cả trẻ con học phí rất ít-
« ỏi. Hạng dân nghèo nản nhất, nếu muốn
« học, cũng có thể thi lấy các bằng cấp,
« và làm đến những chức-vụ cao sang nhất.
« Nhiều vị Thượng-thư, Tổng-đốc là con
« của nông-dân thường. Có một xứ nào
« dân-chúng gần-gụi vua và nhà cầm-quyền
« như thế? (1)

(1) Trích dịch trong « Nos premières années au Tonkin » của P. Vial trang 7.

Một xã-hội tồ-chức như vậy không phải là một xã-hội chứa đựng hờn oán, bất công, dễ làm mồi cho loạn lạc, giặc-giã, kẻ cầm-quyền bóc lột dân-chúng. Thế mà sau những nhận xét ấy chẳng bao lâu, một nhân-vật Pháp khác, ông Le Myre de Vilers, Thống-đốc Nam-kỳ, lại trông thấy nó quá đen tối. Ngày 13-3-1882, tức là khi sáu tỉnh Nam-kỳ đã nhượng cho Pháp mấy năm rồi, Thống-đốc Le Myre de Vilers, bấy giờ là đại-diện của Chánh-phủ Pháp ở bên này, gửi vua Tự-Đức bức thư trong có mấy đoạn sau đây :

.....

« Tàu Hoàng-thượng, người ta đưa
« Hoàng-triều đến nơi thất bại, luật-lệ
« không được tuân hành nữa, chỗ nào sự
« cướp bóc và rối loạn cũng hiển-nhiên
« như ban ngày ; hơn - dân bị những
« người có nghĩa - vụ bênh vực nó, bác
« tước nó, của cải trong nước mất cả, sự
« nghèo khó lan ra khắp nơi... »

Chúng tôi xin dựa theo các lời miêu-tả của ông Le Myre de Vilers đã tìm thấy sự thay đổi ở đôi phương-diện của xã-hội Việt-nam trong thời-gian quá-độ này.

Loạn-lạc giặc-giã

Ông Le Myre de Vilers nói : « luật-lệ không được tuân hành nữa, chỗ nào sự cướp bóc và rối loạn cũng hiển-nhiên như ban ngày... » Có thật như vậy không ?

Nước ta từ triều Minh - Mạng, qua triều Thiệu-Trị, đến mấy năm đầu triều Tự-Đức là giai-đoạn tương-đối được an trị nhất. Trải qua một thời-kỳ nhiễu-nhương từ cuối đời chúa Võ-Vương (giữa thế-kỷ 18), đến sự tranh - giành Tây - sơn — Nguyễn-Ánh, trong hơn nửa thế-kỷ, nhân-dân rất khốn khổ, nên đều khao khát hòa-

bình. Vua Gia-Long kết-liều chiến-tranh, thống-nhất giang-sơn, quân-dân được an nghỉ, ấy là lúc dễ hàn gắn những vết thương đau và đặt nền móng cho cuộc cai-trị. Vua Minh-Mạng tồ-chức các chế-độ, văn-trị, võ-bị đều sáng sủa, Việt-nam trở thành một nước có kỷ-cương, hùng-cường trên bán - đảo Ấn - độ — Chi - na, không chỉ bảo hộ nước Cao-miên, một phần nước Lào, mà còn khiến các nước Xiêm, Miến-diên phải vào cống hiến. Vua Thiệu-trị quá chuộng hòa-bình, tuy không chấn tác được gì, nhưng cũng giữ được lẽ-lối. Đến vua Tự-Đức là một ông vua văn-học, lại có nhiều bề tôi khá giúp đỡ, nhưng vua chỉ chú trọng văn-trị, xao lãng phương-diện kiến tạo vật-chất. Sự « tiến lên » hầu như đã dừng lại từ đời Thiệu-Trị, đến đây, cán cân quốc - gia bắt đầu mất thế quân-bình. Tuy vậy, và mặc dầu trải qua ba triều thịnh-thoảng có giặc-giã, đại thế nước nhà không vì đó mà lay chuyển.

Tóm lại, trong tiền-bán thế-kỷ 19, với một nền kinh-tế nông - nghiệp tự-túc cò truyền, một nền cai-trị tương-đối lương-hảo, xã-hội Việt-nam giữ được thế quân-bình trong sự sinh-hoạt.

Nhưng đời Tự-Đức, qua mấy năm đầu rồi thì ở Bắc-kỳ giặc-giã nổi lên. Dư-đảng Thái-bình của Trung-quốc, và giặc khách Tam-đường quấy nhiễu miền thượng-du, tiếp đến bọn Lê - Duy - Cự, Cao-Bá-Quát dấy loạn ở Sơn-tây. Thế mà thiên-tai dồn vào hơn họa, cũng ở Bắc-kỳ, lụt bão, vỡ đê liên tiếp, làm cho ruộng đất bỏ hoang, hơn dân đói khổ, người theo giặc càng đông.

Giặc-giã ấy, nếu không thêm vào một biến-cố gì đặc-biệt, thì sớm muộn gì quan

quân ta cũng có thể dẹp được. Xem như dư-dãng Thái-bình là giặc mạnh nhất thuở ấy, chúng đã chiếm nhiều tỉnh thành ở thượng-du Bắc-Việt, bắt, giết nhiều quan chức cao cấp trấn-thủ, mà rồi chủ tướng là Ngô-Côn cũng bị ông Ông-Ích-Khiêm giết chết (1870); chúng bèn chia ra ba đảng Cờ-đen, Cờ-vàng, Cờ-trắng đi cướp phá các nơi, thì rồi ông Tôn-thất-Thuyết cũng bắt được chủ-tướng Cờ-vàng là Hoàng-sùng-Anh (1875) và làm cho Cờ-trắng yếu đuối, vô hại. Chỉ vì muốn mượn thế-lực chúng để kháng Pháp, Triều-đình đã phải dung-dưỡng đảng Cờ-đen và Lưu-vĩnh-Phúc.

Khi các giặc-giã Tàu xâm-nhập Bắc-Việt, Triều-đình Huế có báo với Chánh-phủ Trung-Hoa, và họ có phái quân sang hội với quân ta đi tiêu trừ. Ngày nay, nhiều nhà phê-bình cho rằng ấy là tỏ ra Chánh-phủ Việt-nam bất-lực, không đánh dẹp nổi giặc Tàu, và Triều-đình đã làm một việc vô chính-trị : rước quân-đội ngoại-quốc vào nước. Đó là lấy quan-niệm và luận-điệu của người một thời-đại mà phê-phán việc làm của người ở một thời-đại khác. Thật ra, thuở ấy, Triều-đình Việt-nam, và cả Triều-đình Trung-Hoa nữa, đều không nghĩ như thế. Vì đây liên-hệ giữa chư-hầu và thiên-quốc — một sự liên-hệ vì danh nhiều hơn vì thực — khi ta có giặc-giã, giặc-giã do người Tàu gây ra, thì báo với Chánh-phủ Tàu, với Thiên-triều, báo để mà trách cứ nữa; Chánh-phủ Tàu cũng thấy có bổn phận ứng-phó để giữ chặt mối liên-hệ kia, chỉ thế thôi. Còn lực-lượng ta một mình có đánh dẹp được giặc cướp ấy không, lại là một việc khác, và nước Trung-Hoa tham lam kia cũng không cần đợi cơ-hội ấy mới đem

quân vào Việt-nam được, mà đem quân làm gì, vì Việt-nam là chư hầu của họ rồi !

Người Pháp đến, đã làm cho giặc-giã tăng thêm. Ở Bắc-kỳ, bọn con cháu nhà Lê hoặc hạng người phiêu-lưu tự xưng là con cháu nhà Lê, thừa dịp nhà Nguyễn bối-rối, nổi dậy. Kiệt-liệt hơn cả là giặc Tạ-Văn-Phụng. Phụng tự xưng là con cháu nhà Lê, dấy binh ở Quảng-yên, liên-kết với giặc khác, giặc ta ở các tỉnh, đem binh đi đánh phá các nơi, chia nhau vây đánh thành Bắc-ninh, thành Hải-dương, có lần tụ tập binh thuyền định vào đánh Huế. Phải mất hơn bốn năm trời, các tướng giỏi bấy giờ như các ông Nguyễn-Trì-Phương, Trương-Quốc-Dụng, Ông-Ích-Khiêm v.v... bao phen xông-pha tên đạn mới dẹp yên được. Chính vì thấy giặc Tạ-Văn-Phụng đương mạnh thế ở Bắc, Triều-đình phải mau lo ký hòa-ước Nhâm-Tuất để giảng-hòa với Pháp ở Nam. Các giặc-giã ấy tuy dẹp xong nhưng dư đảng len lỏi trong các làng mạc Bắc-kỳ, cướp bóc, khuấy phá mãi.

Nam-kỳ mất rồi, cuộc kháng Pháp vẫn tiếp-tục. Theo lời yêu-cầu của người Pháp, vua Tự-Đức mấy lần xuống Dụ khiến nghĩa-quân giải giáp, nhưng họ không tuân ; nhiều quan-chức được lệnh dời đi nơi khác không chịu phó nhiệm, ở lại để kháng-chiến ; nghĩa là dân, quan không tuân lệnh của Triều-đình vậy.

Chúng ta cũng cần chú ý đến một việc quan-trọng khác, về phương-diện văn-hóa, là việc Thống-dốc Le Myre de Vilers bắt đầu thi-hành chánh-sách thay đổi phong-tục Việt-nam theo Âu-Tây. Là quan văn đầu tiên cai-trị Nam-kỳ, ông lo

đến các vấn-đề xã-hội, văn-hóa, pháp-luật cho xứ này. Ông cho rằng « sự thúc-phục gia-đình (của người Việt) là sự thúc-phục khổ-sở và làm bại-hoại đạo-đức hơn cả ». (1) Đó là một trong những ý-kiến ông Le Myre de Vilers rất chú-trọng nó đã gây ra tất cả chính-sách của ông (2). Trong một tờ trình về Chánh-phủ Pháp năm 1880, ông đặt nguyên-tắc « phải lấy chủ-nghĩa cá-nhân của văn-minh Âu-châu, với quyền-lợi và nghĩa-vụ của nó để thay thế cho chủ-nghĩa tập-sản gia-đình của văn-minh Trung-quốc, chủ-nghĩa này vì uy-quyền thái quá tất nhiên sẽ đưa đến sự áp chế » (3). Rồi, từ đó, các chế-độ thiết-thi ở Nam-kỳ đều phỏng theo tinh-thần ấy, và hình-luật của nước Pháp sửa sơ lại, đem ban hành; trước đó, năm 1864, các tòa án Pháp đã lập lên và phép tài-phán về hộ-vụ đã ban bố.

Chúng ta hãy tưởng-tượng vừa phải sống dưới chủ-quyền của ngoại-bang, vừa phải chịu đựng những luật-pháp, phong-tục, tập quán trái hẳn với quan-niệm nghìn xưa của mình, giới sĩ-phu Nam-kỳ đã khổ tâm biết chừng nào. Vì thế, nhiều gia-đình bỏ cơ-nghiệp, dắt dìu nhau ra định cư ở Trung-kỳ (như làng Nam-trung ở Thừa-thiên), hạng người ở lại đã không

hợp-tác với tân-trào (danh-từ người Nam dùng để chỉ chính-quyền mới thuở ấy), mà còn nhòa tình-cảnh mới với cặp mắt hờn oán. Vì vậy, trong các ngành cai-trị, người Pháp phải dùng một hạng người mới, là những người chạy theo xu-phụ mình, họ đã không biết việc lại không có tư-cách của kẻ cầm-quyền. Tình-cảnh ấy chỉ làm cho lòng người chán-nản, bọn bất-lương thừa dịp làm càn, các làng mạc càng thêm rối loạn.

Các biến-đổi ấy ba-động đến Trung, Bắc-kỳ. Giới sĩ-phu nổi lên chống đối. Văn-thân Nghệ-an, Hà-tĩnh mở đầu phong-trào. Từ năm 1874 hai ông Tú-tài Trần-Tấn và Đặng-Như-Mai tụ tập Văn-thân, ra hịch « Bình Tây, sát tả » nói rằng Triều-đình đâu có hòa với Tây mặc lòng, sĩ-phu nước Nam vẫn không chịu, vậy trước hết xin giết giáo-dân, đuổi hết người Tây, để giữ lấy cái văn-minh Nho-giáo đã hơn nghìn năm nay v.v... Ấy là một hành-vi phản-động tích-cực, bằng võ-lực, của văn-hóa Việt-nam khi phải tiếp-xúc với văn-hóa Âu Tây. Vì có nhiều quan chức cao cấp của Triều-đình, nhất là ông Tổng-đốc Nghệ-an bấy giờ là Tôn-Thất-Trường, ủng-hộ, phong-trào ấy càng sôi-nổi, đảng văn-thân mạnh thêm, đánh chiếm tỉnh-thành Hà-tĩnh. Bị mất một tỉnh-thành, Triều-đình phải đổi phò, đem quân đánh dẹp để thu lại Hà-tĩnh. Triều-đình đương bị trách oán là hòa với Tây, cắt đất nhường cho Tây, nay lại chống đánh những người chống Tây nữa, nên từ đó, đối với sĩ-phu và dân-chúng không còn được uy-tín như xưa. Lòng người hoang-mang, và cuộc trị-an, vì thế, không thể chu toàn.

(1) « La servitude familiale, la plus dure et la plus démoralisante de toutes ». Thư của Le Myre de Vilers gửi cho Commandant Rivière ngày 27-7-1882.

(2) Correspondance politique du Commandant Rivière của André Masson, trang 132 : ... on retrouve là une des idées chères à Le Myre de Vilers et qui inspirèrent sa politique.

(3) Le Myre de Vilers, les institutions de la Cochinchine.

Vậy tình-cảnh cướp bóc và rối loạn ông Le Myre de Vilers nói quả có, nhưng nó mới phát-sinh từ khi người Pháp đến, do hoàn-cảnh của một xã-hội đương kháng chiến, một văn-hóa phản-ứng khi bị bắt buộc phải thu nạp một văn-hóa khác, gây ra. Xem như ở Nam-kỳ là lãnh-tho ông Le Myre de Vilers cai-trị, cuộc rối loạn vẫn tiếp tục trong nhiều năm nữa. Năm 1885, nghĩa là bốn năm sau khi ông Thống-đốc Nam-kỳ chê trách việc trị-an của vua Tự-Đức trong bức thư trên kia, hai vụ ám-sát xảy ra đã làm chấn động dư-luận ; ông Trần-Bá-Huân, Phủ ở Long-thành (em ông Trần-Bá-Lộc) và ông Đốc-

phủ-sứ Ca (và bà vợ) ở Hóc-môn, là hai người theo Pháp đầu tiên, bị lén giết một cách táo bạo.

(còn tiếp)

PHAN-KHOANG

Kỳ tới : Quan-Trường

MỤC LỤC THEO BỘ MÔN

« Mục lục theo bộ môn » từ Bách-Khoa số 25 đến Bách-Khoa số 48 đã in xong. Các bạn nào, muốn mua, xin gửi về Tòa soạn Bách-Khoa, 160 đường Phan-Đình-Phung, tên, địa chỉ, kèm theo số tem (cò) **2 \$ 50**.

- ★ Công-bình là thành thật nhận lầm lỗi của mình và không tìm cách đổ thừa cho kẻ khác, nhất là cho kẻ dưới đã hết sức thi hành mệnh-lệnh mình đã ra không được rõ ràng hay không được đầy đủ.
- ★ Có lỗi đã là một điều lỗi : không chịu nhận điều lỗi lại là một điều lỗi nữa. (Lã Khôn)
- ★ Không có một người nào trong thế-gian, dù đạo-đức đến đâu, còn giữ được đáng vẻ vô tội trong trí một người trên khi mà người này không chịu xem xét sự việc một cách cẩn trọng, tinh-tế và lại còn hay dễ tai nghe kẻ chuyện nghề sàm báng vu oan. (Richelieu)
- ★ Công-bình là biết khen khi đáng khen, chê khi đáng chê, là biết nhìn nhận thiện-chí của mỗi người, là biết đi sâu vào tới căn-đề của sự-vật và biết tìm ra những nguyên-nhân kim-hãm nỗ-lực của kẻ đã làm hết sức mình.
- ★ Xử việc nên khoan thai công-minh cho đâu ra đấy thì việc mới không rối, người mới không oán và không ai nói dối được (Nguyễn-Hy)

TÈ GIA NỘI TRỢ

ĐOÀN - THÊM

Tư mới lấy Ngọc hơn 6 năm nay, mà hai người cãi nhau vật đã mấy trăm lần rồi.

Có gì đâu ? Chồng muốn con nhỏ 5 tuổi học trường Việt, vợ đòi cho theo ngay lớp đồng-ấu Anh-Văn. — Đồ đạc quần áo bữa bãi : tại em không trông nom ! Khốn nhưng một mình em bận ba đứa trẻ thơ, anh muốn thứ tự, hãy dọn lấy ! — Tiền túi anh bảy tám trăm đồng, tiêu xài gì, cho ai mà chóng hết thể ? Thì cũng phải thắt đai bạn bè chứ, thể còn em làm gì mà sắm một lúc hai ba đôi giày gót cao chót vót ? — Vú già, hễ gọi đến thì đi đâu rồi, nuôi làm chi hạng lêu lổng ? Việc xó bếp, mặc em, anh khéo lười thôi,...

Mới đầu, những cơn giận dỗi chỉ chốc lát, và sau đó hai người lại thương nhau hơn. Nhưng dần dần, số con tăng lên, việc gia-dình có phần phức-tạp, thì những sự bất-hòa cũng nhiều và lâu hơn, có khi một vài hôm mà chưa ai chịu làm lành trước.

Mong ăn ở với nhau trọn đời, không lẽ cứ thế này mãi, chẳng hóa ra chung sống đề cọ xát ? Cho rằng tại duyên số mà xung khắc như lời bác Cả hay chị Lê, tức là không giải-thích và giải-quyết được gì hết, chỉ chịu nhin ngoài mặt và tăm tức

trong lòng, thiếu hẳn sự thành-thực là căn-bản của tình thương.



Rồi cả hai vợ chồng trẻ, chẳng ai bảo ai, đi phàn nàn riêng với bà con bạn hữu, đề vãn-kế, và trút lên đầu những người thân cho hã bớt nổi bực dọc không chứa đựng nổi ; lại hy-vọng rằng người nghe sẽ thông-cảm với mình và khuyên răn hộ cho « đối phương » ăn năn hối cải. Có biết đâu rằng chính vì vậy mà tình-hình càng thêm rắc rối. Một chứng cứ, là Ngọc đã có lần gay gắt với Tư :

— Anh chẳng tin thì đi mà hỏi cô Lan, gì Tính hay mọi người khác xem anh phải hay trái. Văn biết anh kiếm ra tiền nhưng em phải lo liệu miễn thể nào số lương đó đủ cho cả nhà chứ ? Có phải vì anh nuôi được vợ con mà cứ đòi nay tiêu thứ này, mai bảo nhin tiêu thứ khác, tùy ý anh ? Anh cứ biết đi làm rồi về chơi với con hay đi chơi với bạn như chú Lan có được không ? Chú chẳng can thiệp tới việc nhà, mà đâu cũng vào đấy. Cô bảo : đàn ông thì hồng hênh biết gì việc nội-trợ mà xen vào ? Nói không nghe thì cứ mặc các ông ấy lo lấy chợ búa, con cái, đầy tớ...

Thực ra, Tư cũng như bao nhiêu bạn, thiết gì những chuyện nhà cửa ? Mới nói

đến hai chữ này, Tư đã có cảm-tưởng nặng nề rằng bị lôi cuốn vào những việc tầm-thường hàng ngày. Trước khi lấy vợ, Tư vẫn ao ước được Ngọc trông nom cho mình nhẹ thân rảnh trí mà làm việc hoặc nghĩ tới những sự cao xa hay vui thích hơn. Song Tư đã bị đặt trước những sự khó chịu, trái ý, nên thấy cần bàn góp, can ngăn hoặc thúc giục, đề sửa đổi cho mất những sự mâu-thuẫn giữa hai vợ chồng : khốn nỗi, ngay đến nguyên-tắc can-thiệp cũng bị phủ nhận, còn biết làm thế nào ?

Ông Sinh, bác họ Tư, đã bảo : chính bác gái và nhiều bà nhiều ông yên trí rằng mọi việc trong gia-dình đều tùy thuộc người vợ, vì đã là *nội-tướng* thì phải điều khiển. Nhưng *nội-tướng* hay *nội-trợ* ? Trợ chỉ là giúp đỡ mà thôi. Trong sách Đại-Học, khi đức Khổng-Tử nói về tề-gia đề rồi còn trị-quốc và bình thiên-hạ, ngài chỉ nghĩ tới đàn ông, thành thử việc tề gia chính là việc của chồng, chớ đâu phải tùy vợ ? Chỉ có những ông như Tư-Mã Ôn-Công hay Nguyễn-Trãi làm sách trị-gia, gia-huấn, chớ ai có nghe nói đến các bà Tư-Mã hay bà Nguyễn-Trãi nào đặt ra khuôn phép ?

★

Ngẫm lại, thì cô Lan hay bác Sinh đều chỉ muốn xét theo một chiều xem quyền thuộc ai : một bên kêu thuộc vợ, một bên bảo thuộc chồng. Song đặt vấn-đề như vậy thì khó lòng giải quyết, dù tranh luận suốt đời cũng chưa chắc ai chịu ai và chẳng ra khỏi cái vòng lẩn quẩn.

Sự thay bậc đổi ngôi, từ *nội-trợ* đến *nội-tướng*, kẻ cũng đã rất lợi cho gia-dình, nên mới thực hiện được. Qua các thời-dại, biết bao nhiêu bà vợ đã tỏ ra nết na, đảm đang tháo vát, nuôi con, phụng dưỡng cha mẹ chồng, lo việc ma chay giỗ tết, lắm khi

thắt lưng buộc bụng nuôi chồng ăn học thành tài, hoặc thu vén cần kiệm gây dựng cơ-nghiệp cho chồng. Ngay thân-mẫu Tư cũng như vậy.

Song tình-trạng đó sao khỏi bất công ? Tại sao đồ dồn cho người vợ tất cả sự vất vả nặng nhọc ? Vả lại, bác Sinh đòi quyền vì lý-thuyết và tự-ái hơn là đề thi hành và làm thay bác gái : tuy bác chỉ ưa nhàn và uống rượu ngâm thơ, bác muốn mọi việc đều phải có sự thỏa-thuận của bác, nếu không thì bác quát tháo...

Tư phải liệu xét mình, vì có lẽ chính Tư cũng đồng-bình với bác. Thành thực mà nói, Tư đã nhiều lần bực tức vì sao ? Vì muốn giữ quyền chi-phối kiểm soát cho hợp với mình, nhưng sở-thích riêng, ý-kiến riêng đã đủ làm tiêu-chuẩn vững chắc và ích lợi cho mọi hoạt-động trong gia-dình chưa ?

Thôi, phải rồi. Bởi thiếu tiêu-chuẩn khách-quan đó, ở rất nhiều trường-hợp, mỗi người chỉ biết căn cứ vào những yếu-tố chủ-quan bất-nhất và cố buộc người kia y theo, cùng lăm lại nhân-danh một chủ-quyền hay đặc-quyền mà không ai thừa nhận, thành ra cái cộ hoài ; và giá thử dàn xếp được việc này, thì tới việc khác, cũng lại xung đột.

Như trước đây, Ngọc sắm một chiếc khăn quàng rất mỏng màu vàng chói, Tư đương lúc vui vẻ rong chơi, không nói gì ; hôm kia, Ngọc mua chiếc bình pha-lê nhỏ bày trên tủ phòng khách, hai người lại mất vui, vì Tư cầu nài kêu phí. Nhưng tại sao mua khăn cũng tốn như mua bình, mà mỗi lần Tư đã có thái-độ và phản-ứng khác nhau ? Tư đề vợ mặc đẹp, sao không thích nhà cửa được trang hoàng ? Hay ưa cả hai sự nhưng lại e xa phí ? Định tô điểm hào nhoáng bề ngoài, hoặc muốn đề

dành tiền cho con ăn học ? Sự tiến-bộ của chúng cần hơn, hay chỉ cốt sao cho vợ chồng được thỏa thích ? Mong sự này, tất phải nhin sự kia, nhưng nếu cần, thì hy-sinh cái gì ?

Cả Tư và Ngọc chưa từng bàn tính đề nhận-dịnh một cách tổng-quát hoàn-cảnh của mình, với những nhu-cầu chung và riêng, những mục-tiêu cần đạt ở mỗi phạm-vi, những phương-tiện có thể xử-dụng, rồi cùng nhau phác-họa một đường lối sinh-hoạt với một số phương-châm chỉ dẫn hành-động. Nếu ngại rằng cầu kỳ, tất dễ đi tới sự buông-thả, luộm-thuộm, lộn-xộn và lục-đục của đời sống vô tổ-chức.

Tình-trạng này cũng chẳng do lỗi Ngọc hay Tư. Có dịp quen nhau, ưa nhau, rồi được đôi bên cha mẹ thỏa-thuận, họ chỉ nóng lòng sốt ruột kết duyên. Lo liệu việc thành gia-thất ? bất quá là cố kiếm căn nhà đủ làm tổ uyên-ương sau khi có sinh-kế, sắm sửa cưới xin, còn sống với nhau thế nào, ối chào ! sẽ liệu sau. Ngày cưới, trước mặt hai họ, bốn cụ dẫu gia xuyết xoa dấn dò theo lệ : cháu chưa biết gì, còn đại đột lắm ạ, xin các cụ dạy bảo... Có vợ thì phải thương vợ nhé, sao cho thuận vợ thuận chồng...

Nhưng tới nay bề đông chưa tát cạn, vì bước chân vào đời sống chung, dần dần mới thấy ngoài sự yêu đương, còn bao điều lật vạt ngồn ngang mà cha mẹ xưa kia bận rộn nào đã có thời giờ bảo ban. Vả khôn lớn thì phải tự liệu chứ ? Con gái dạy cho biết mua bán, nấu ăn, thêu thùa, và nhất là giữ gìn tính nết ngoan ngoãn, kẻ đã mệt và nhiều rồi, còn thì tùy... phúc nhà chồng. Con trai ? ăy, có vợ con tự khắc phải lo, ông Túy

sinh ra Tư vẫn bảo thế — học đậu kỹ-sư, nghĩ về chuyên-nghiệp, lo việc tiến-thân, chớ cần chi phải học ăn ở với vợ ?

Song chẳng lẽ Âu-Mỹ lẫn thần hay kèn càng quá, mới có rất nhiều học-giả vẽ chuyện nghiên-cứu về đời sống gia-đình : từ lễ lối ăn, mặc, ở, chơi, cách dùng thời giờ, hay tiền bạc, đến sự xây-dựng nhà cửa, chế-tạo đồ đạc, vệ-sinh, dưỡng-nhi, tiếp khách và nhất là sự đối xử giữa vợ chồng như thế nào đề hiểu nhau hơn, tránh bất hòa, giữ bền tình-yêu : sách kinh-tế, xã-hội, tâm-lý, báo-chí phổ-thông đầy dẫy những bài bàn luận, chỉ dẫn, khuyên nhủ... tóm lại, chẳng có mấy việc trong nhà mà họ không đặt thành vấn-đề, phân-tích và cố giải-quyết cho êm đẹp. Họ thành công phần nào, chưa biết lấy gì đo lường, duy sự cố-gắng của họ có một ý-nghĩa đáng khiến ta đề ý : ta vẫn tự hào rằng ta tôn quý gia-đình hơn những người phương Tây bo bo theo chủ-nghĩa cá-nhân, song ta không chú trọng lắm đến những phương-sách cải-tiến, trong khi họ chẳng ngần-ngại tốn công tìm tòi đề mỗi ngày gia-tăng hạnh-phúc (1).



Tư đã cho Ngọc biết ý-kiến, Ngọc không phản-đối, nhưng còn tỏ vẻ ngờ Tư hay lý-thuyết.

Rồi một lần Ngọc đưa các con về thăm mẹ mười hôm ở Nha-Trang. Trước khi đi,

(1) Charles Morazé — La notion du bien-être (familial et collectif) Jean et Françoise Fouastie — La famille au sein de la société, budget et épargne. Paul Breton — La normalisation de la civilisation quotidienne.

Marie Louise Cordillot — La cuisine familiale. Encyclopédie Française, tome XIV và ngót 100 bài về vấn-đề gia-đình trong Reader's Digest 1954-1959 v.v...

Ngọc dặn dò Tư ở nhà phải đốc thúc vú già, chi tiền chợ, nhớ biên sớ đề Ngọc về còn tính lại.

Được dịp quyền nhiếp nội-tướng, Tư cố làm tròn nhiệm-vụ, với dụng-tâm nhận xét trong việc quản-trị gia-đình, những khuyết điểm gây nên sự bất hòa, đề thuyết phục cho Ngọc thay đổi.

Dở qua cuốn sổ chợ, Tư thấy thương Ngọc: trong khi Tư rung đùi đọc báo xem tranh ảnh và cười một mình, thì Ngọc thường phải lúi húi ghi chép những thứ thiếu thi-vị: rau muống 3\$, nước chấm 35\$, mỡ 62\$, giặt ủi khăn bàn 15\$ v.v...

Cho nên Tư không đến nỗi bức mình khi nhận thấy những trang giấy lem nhem này như phản chiếu tất cả một hoàn-cảnh lộn-xộn. Nhiều khi ba hôm Ngọc chưa kịp biên, nên quên mất đã tiêu gì, ghi... 45\$. Khoản tiêu xa-xỉ như mua chiếc xe đạp nhỏ cho con chơi nằm giữa những số tiền gạo muối; tổng-số thường-chỉ hàng ngày, khi lọc ra để cộng và so-sánh, thì mỗi tháng một khác, có khi hơn kém hàng ngàn; xét ra tại những khoản bất-thường hay giải-trí bỗng dưng tăng, nên phải cắt bớt phần trọng-yếu về thực-phẩm. Cứ sau ngày 20, thì số tiền chợ có khuynh-hướng giảm bớt, và từ đầu năm đến giờ, đã bốn tháng bị hao hụt, Ngọc có ghi phải vay tạm của chị Năm từ 700\$ đến 1.200\$, rồi đầu tháng có lương Tư giao, lại trả đề rồi lại vay.

Cộng tất cả tiền thuốc men, may mặc, sách vở, quà bánh cho ba con, không bằng tiền túi mà chính Tư tiêu phí một mình: ấy thế mà vẫn có cảm-tưởng rằng hy-sinh cho con! Nghĩ đến tương-lai, Tư hơi lo: cứ như thế này, làm sao có tiền để dành cho chúng, nhất là khi nhu-cầu của chúng

tăng lên cùng với tuổi? Mục-dích của Tư vẫn là cho chúng ăn học trong những điều-kiện thuận-lợi hơn Tư ngày xưa, mà thực ra đã khác được gì, trừ mấy chai sinh-tổ và một ít áo quần?

Khi Ngọc trở về, Tư lưu ý vợ đến các điểm kể trên. Lần đầu tiên, Ngọc mới bảo Tư, sau một phút thần-thờ suy-nghĩ:

— Thế anh tính sao? Lương chỉ có 8.000\$.

Theo Tư, thì không phải vì lương quá ít so với giá sinh-hoạt hiện-thời hoặc với số lợi tức của nhiều gia-đình khác, chỉ tại hai vợ chồng không khéo xử dụng mà lúng túng về tiền nong. Và nếu Tư can thiệp, chẳng phải riêng về việc chi tiêu, vì Tư còn muốn vượt lên trên vấn-đề này, qua các con số, để chỉnh đốn lại cả lẽ lối sống, như đã có lần ngỏ ý với Ngọc:

— Trước hết, chúng ta muốn gì? Chắc đều muốn đầy đủ về cả ba phương-diện vật-chất, trí-thức và tình-cảm; như vậy tốt nhất là có quân-bình giữa sự ăn mặc ở, sự học hành, và giải trí, đừng để cho phần nào lấn phần nào: nhưng đó chỉ là một nguyên-vọng khó thực-hiện, cần phải có số lương nhiều gấp ba..., vì riêng phần đầu cũng chiếm mất 3/4 rồi.

Như thế, thì trong số 2.000\$ còn lại, ít nhất phải giữ 1.500\$ cho 3 đứa trẻ, dư được 500\$ để phòng sự bất-thường: số tối-thiểu cho một gia-đình 5 người.

Một kết-luận thiết thực mà Tư rút ngay ở nhận xét trên, là cần cố kiếm thêm chừng 1.000\$ nữa, mới có tiền mua sách báo, coi điện-ảnh, thỉnh-thoảng tiếp đãi bạn hữu: Tư sẽ cố gắng...

Dù sao, nếu không định rõ nguyên-tắc và các mục tiêu, tránh sao khỏi sự

lệch-lạc, hoặc ăn ít mặc nhiều như nhà cô Loan, hoặc chơi nhiều học ít như nhà ông Tục, và như vậy mỗi phần-tử trong tập-thể gia-đình khó tiến về toàn-diện.

Đáng chú ý hơn, là có kiểm điểm lại đề cân nhắc các nhu-cầu mới thấy hiện ra nhiều thành-kiến đã lắng lắng ăn sâu từ bao giờ vào tính tình, để làm mất thăng-bằng của đời sống.

Muốn giữ sức khỏe, trước hết và dĩ-nhiên phải nuôi thân cho đầy đủ. Nhưng tại sao Ngọc hay băn-khoăn về quần áo giấy dếp phần sấp hơn là về phẩm lượng các thứ đồ ăn đồ uống ? Có thể vì Ngọc thích đẹp và muốn chiều Tur để giữ cho tình yêu nồng thắm ? Còn chi hơn ? Nhưng không : khi ở nhà, Ngọc rất luộm thuộm, đã từ lâu rồi ; chỉ khi nào ra đường mới trang điểm. Chẳng lẽ Ngọc cũng như anh chị Thúy, ăn ở thiếu thốn song hễ đi đâu thì chải chuốt bận đồ cho thiệt đúng thời-trang, mong người khác coi mình như thuộc hạng thượng-lưu sang trọng ?

Chắc vì lòng tự-ái ngấm ngấm đưa tới sự thèm muốn hãnh diện, mà cả Tur lẫn Ngọc, từ khi mới lấy nhau, đã cố trang hoàng phòng khách. Nhà có hai căn 4 thước $\times$ 5 thước, thì một đã bị bộ sa-lông kenh càng sù sụ chiếm mất $3/4$ đến nỗi các con chạy nhảy đã va chạm té nhào brou trán ; năm thì mười họa mới có người đến chơi, lại là chỗ bà con chí thân biết thừa Tur giàu nghèo ra sao rồi. Thì ra vẫn cái óc « sập gụ tủ chè » của một số ông tham phán ký thời xưa, hễ ra làm việc là phải cố đi vay mua bộ ghế Tàu mặt đá hoa... Trái lại, phòng ngủ thì bừa bãi : kỳ quá ! Tại sao không nghĩ tới mà sửa sang, khi chính đó là nơi vợ chồng sống thân-

mật gần $1/2$ thời-gian trong đời : chẳng lẽ cứ phải đọc Xavier de Maistre mới biết ? Ngày cưới và sau đó ít lâu, Tur và Ngọc cố bày biện cho xứng chỗ chốn loan gồi phượng, nay thì quần vắt đầu giường, màn trắng đã vàng màu ám bụi : tình yêu có lẽ đã phôi pha ?

Nghe tới đó, Ngọc phát ức, rung rung nước mắt, Tur vội lắng sang ý khác : không, đây chỉ là sự sơ xuất trong việc trị gia, mà hai người phải tìm cách sửa đổi...

Phương hướng đã vạch, Tur có thể tiên liệu số chi cho cả năm, vì thuộc hạng người có lợi-tức chắc chắn ba cọc ba đồng, miễn là phải phân biệt các khoản thường, bất thường, chia ra từng mục, định thứ tự ưu-tiên cho những khoản chính và số tối-da cho mỗi mục, rồi chỉ tiêu trong giới-hạn đó... Tóm lại, Tur muốn thử đi tới một ngân-sách gia-đình (budget familial).

Ngọc, tuy đồng-ý về nguyên-tắc, không chịu về nhiều số, loại chi tiêu do Tur đề-nghị ; nhưng thà tranh-luận với nhau một lần còn hơn đấu khẩu mấy chục bận mỗi năm. Tur muốn ghi khoản điện-ảnh vào mục thường-chi, Ngọc bắt coi là bất-thường vì có tánh-cách hoang-phí : Tur phải giải-thích rằng coi chiếu bóng cũng cần như đọc sách, và thuyết 15 phút Ngọc mới nghe ra. Ngọc đòi tăng ngân-khoản may mặc cho mình : nếu vậy, sẽ phải khấu trừ vào phần học-hành của các con, tuy Ngọc vẫn muốn đặt quyền-lợi của lũ trẻ lên trên hết ?... Sau một buổi bàn cãi khá sôi nổi, ngân-sách được biểu-quyết với... hai phiếu thuận.

Nhưng dự-dịnh còn dễ, thi-hành sẽ khó hơn, vì sẽ cần nhiều kiên-nhẫn, nghị-

lực : phải biên chép và theo dõi hàng ngày để phòng sự lộn-chi, một việc nhỏ, song cũng phiền và dễ chán ; — chống lại sức quyến rũ của các xa-xi-phâm : trông thấy tấm nylon mới với màu sắc rất ưng ý, khi trong ví sẵn dăm bảy trăm mà không thò tay lôi ra, kẻo cũng phải có thần-kinh cứng rắn, và chỉ ở trường-hợp này mới cần tự an ủi rằng cái nết đánh chết cái đẹp...



— Lại còn một điểm nữa : tính toán, dự định rồi, thì từ nay anh làm những gì, em làm những gì ?

Vấn-dề phân công mà Ngọc nêu ra, quả thật rất cần giải-quyết để tránh xung-đột và giúp đỡ nhau ; nhưng theo Tư, không thể căn-cứ vào nguyên-tắc nào cứng nhắc :

— Bác Cả, cũng như nhiều người, thường bảo : phái yếu thì làm việc nhẹ trong nhà, phái khoẻ phải đảm-đương việc nặng nhọc ở ngoài. Song bác gái mập mập, hai tay có thể bế bác gái gầy còm. Việc bàn giấy của anh Thu, biên sớ dưới cánh quạt mát, đâu có vất vả bằng đi chợ khi mưa khi nắng, giặt giũ mỗi lần người, đun bếp mồ hôi nhễ nhại ?

— Thế nếu em bảo anh xách nước, giặt ủi hay xếp quần áo cho em, liệu anh có giận không ?

— Chừng nào còn có thể mượn gia-nhân, vì có tiền hoặc vì hoàn-cảnh xã-hội cho phép, anh chẳng muốn chút nào làm những công việc đó. Bao giờ nước mình tới trình-độ Huê-kỳ, khó lòng thuê chị hai, u già, và hầu hết việc trong nhà có thể làm dễ dàng bằng máy, chúng ta sẽ xét lại

vấn-dề... nếu còn sống. Dù sao, anh cũng vẫn chịu ảnh-hưởng của các cụ ngày xưa, các cụ khinh việc bếp núc làm nhem nhuốc thân thể và trái với chí-hướng sống thanh cao, nên anh sẽ thấy tủi thân như phải làm việc kém hèn...

— Phải, kém hèn ! Giá mà còn say mê, thì để vương cũng cố « xếp tàn y lại để dành hơi »...

— Trường-hợp đặc-biệt thì nói làm chi ? Còn thường thường, đàn ông chẳng được huấn-luyện để làm những việc tuy ích-lợi, nhưng không cần bằng những hoạt-động xã-hội. Vả chẳng, nấu nướng, khâu vá xếp đặt đồ đạc, đòi hỏi sự khéo léo chân tay mà phái nữ có nhiều hơn phái nam.

— Hình như anh vẫn ngại biện : có ai may mặc khéo hơn J. Fath, C. Dior ? Ở tất cả các tiệm cao-lâu khách-sạn dù Tây, Tàu hay ta, em chỉ thấy toàn đàn ông bếp đàn ông, có bao giờ thấy một đàn bà ? Cả thợ giặt cũng vậy. Các phòng uốn tóc, vô số thợ đàn ông. Nghĩa là nếu muốn, thì đàn ông vẫn chẳng kém mà còn hơn đàn bà về những việc nhà cửa. Chỉ vì ở trong nhà, các ông vẫn muốn cảnh chồng chúa vợ tôi, chỉ tay năm ngón, nên mới viện cớ nọ có kia để trút việc cho vợ, vờ vĩnh khen tài để các bà vui lòng mà chúi vào bếp.

— Kẻo thì cũng đúng tí-tí, nhưng mà cơm ngon canh ngọt, thì thiếu chi sự đền bù... Có chén rượu tề-mi, tất có câu thơ nồng thắm. Thôi, nhưng nếu ta tranh-luận hoài về tánh cách cao hay thấp của công việc mà chia trách-nhiệm, thì mấy ngàn năm nay chẳng tìm được giải-pháp gì làm cho hài lòng cả

các ông chồng lẫn các bà vợ. Thiết-thực hơn, thì chúng ta chỉ căn-cứ vào hoàn-cảnh riêng của vợ chồng mình, vào khả-năng riêng của cá-nhân em và cá-nhân anh, để xem ai nên đảm nhiệm việc gì cho thích-hợp với mình và lợi cho gia-đình hơn.

Ngọc băng lòng, nên công việc được phân-phối như sau :

Tiền lương đã được dự-trù với mọi sự tăng giảm cân xứng với các thứ nhu-cầu rồi. Ngọc cứ thế mà tiêu, Tư sẽ không phải bận tâm, chỉ cố kiếm thêm ít nhiều...

Nhưng Ngọc cũng nên góp vào sự tăng-gia lợi-tức. Bà Tiến, vì biết Ngọc rất khéo, vẫn muốn nhờ làm hộ ba bốn thứ bánh để cung-cấp cho tiệm của bà, mà số tiền hoa-hồng ước tính có thể độ 1.000 \$ mỗi tháng. Chị Ninh cũng vẫn thuê máy giúp một ít áo thêu con nít, bán rất chạy. Tại sao Ngọc ngần-ngại ? Tất cả các nguồn lợi cần được khai thác để nâng cao trình-độ sinh-hoạt, và số thu sẽ đề tùy quyền sử-dụng của Ngọc.

Về cơm nước, Tư không biết nấu, chỉ biết ăn và nếu không vừa ý thì cầu-nhàu. Ngọc sẽ kê-khai tất cả các món thường-thức, rồi lập thực-đơn 7 ngày trong tuần lễ cho Tư chọn ; như thế tránh được nạn phải ăn luôn một món ba hôm liền, hoặc cách bốn tháng không được dùng vì Ngọc và u già quên mất ; chọn rồi, thì Tư đừng kêu ca gì nữa, và nếu buộc ở trong giới-hạn dự-chi, lỡ không đủ ngon, chớ có phàn nàn...

Sự trang-trí nhà cửa sẽ do Ngọc đảm nhiệm, và muốn kê đồ đạc thế nào, bày biện gì ở phòng khách, Tư sẽ tùy ý Ngọc.

Song Ngọc phải sửa sang lại phòng ngủ cho gọn ghẽ để coi hơn. Tư muốn có ánh đèn xanh để canh khuya thay bóng nguyệt : cũng được. Ngọc sẽ trông nom cho ngăn nắp sạch sẽ, nhưng cấm Tư không được bày ra như các con, phải chừa cái tật rắc ràn thuốc lá khắp nhà, quần áo của mình thì liệu mà thu vén, miễn là Ngọc sẽ không bao giờ để cho khuy đứt mà quên khâu. Nhiều đồ lặt vặt của Tư, Ngọc chớ vội bỏ đi, vì thường có một ý-nghĩa riêng : như hòn sỏi mà Ngọc để cho con chơi rồi ném mất, đã được nhặt ở vườn nhà trước khi di-cư vô Nam, và tượng-trung cả một cảnh-vật thân yêu chưa biết bao giờ lại thấy.

Đối với các con, Ngọc vẫn chăm nuôi nấng. Còn việc dạy học, bắt vào khuôn phép dần dần, hòa giải các vụ tranh-chấp, Tư phải lo và dành cho chúng ít nhất 1/2 giờ mỗi tối. Ngọc sẽ không phản đối và bình chằm chập nếu chúng bị trừng phạt đứng xó hay phải quì, để uy-tín của người phụ trách giáo-dục khỏi bị tổn thương ; còn nếu mới phát vào mộng trẻ mấy cái, mà Ngọc đã dọa khóc thì khó lòng duy trì trật tự. Về đường lối dạy dỗ, Ngọc cũng đề tùy Tư, vì, — may mắn thay ! — còn tin ở nhân-cách mà cha mẹ đã luyện cho Tư. Duy Tư đừng coi sự săn sóc con cái là việc dễ tiện, nếu lỡ ra Ngọc bận, thì Tư phải có can-đảm như nhiều quý-ông Âu Mỹ, mà tắm rửa hộ cho chúng...



Đã chắc đâu như thế là êm chuyện ? Song từ chỗ va chạm lục đục đến sự cố gắng sắp đặt cho có qui-củ, đã là một bước tiến khá dài. Ngọc mới 25 tuổi đã

tỏ ra hiểu biết, không phục tùng nhưng mau thông cảm, dễ thối tương - tranh nhường chỗ cho sự hợp-tác : có như vậy, thì mọi sáng-kiến mới dễ được chấp-nhận, điều-kiện ưu-tiên đề cải tiến gia-đình.

Ai cũng nhận rằng gia-đình là căn-bản xã-hội quốc-gia. Song chỉ ở phạm-vi tổ-chức chánh-quyền, những phương-pháp canh tân hợp-lý mới được thí nghiệm ; còn ở nhà, thì nhiều người thường tặc lười : thế nào xong thì thôi. Nhưng một ngôi nhà bê-tông kiêu mới, nếu xây dựng trên nền móng lũng củng và cũ nát, sao có thể thành kỳ-công muôn thuở ?

Cho nên, Tư muốn đặt một câu hỏi cho các nhà xã-hội học : phải chăng những

phương-pháp trị-quốc, có thể chằm chước để áp-dụng phần nào trong việc nội-trợ tề-gia ?

Đ. T.

ĐÍNH CHÁNH

Bách-Khoa số 66 (1-10-1959)

Bài « Trở lại vấn đề tiến bộ »

— Trang 25, cột 1, đoạn 3, (dòng 11) « yếu là tốt rồi » xin sửa là : « yèn là tốt rồi ».

— Trang 29, cột 2, đoạn cuối: «những hạng người kể trên, từ nay trở đi sẽ xuất hiện, Trung tha thiết mong rằng nhiều »... xin sửa là : « Trung tha thiết mong rằng những hạng người kể trên từ nay trở đi sẽ xuất hiện nhiều ».

- ★ Công-bình là không nhận công-trạng của người làm công-trạng của mình, trái lại, công-trạng của người thì trả cho người, dù là của người dưới và nhất là của người dưới — Công-bình là thành-tâm chia xẻ vinh-dự thành-công đúng mức cho mỗi người đã cộng-tác với mình.
- ★ Khoe cái hay của mình là xấu, lấy cái hay của người làm của mình lại càng xấu nữa. (Lã Khôn)
- ★ Tâm người trượng-phu sáng như trời xanh, rõ như ban ngày, để cho ai cũng trông rõ (Tiết-Huyền).
- ★ Công-bình là biết tỏ ra vô tư trong hết mọi trường hợp, không để cho thiện cảm, ác cảm chi-phối mình ; là cho thăng chức-vị tùy theo giá-trị và năng-lực đã được chứng tỏ, chứ không tùy theo lời gúi gắm mặn lạt hay tài nịnh hót khôn khéo của những kẻ làm việc dưới quyền.
- ★ Người khôn không đánh nhau với công-lý. (Trần-Kê-Nho)

Hỏa-Tiến LUNIK II

VÀ SỰ

chinh-phục mặt trăng

• ————— CỎ - LIÊU



TRONG cuộc chạy đua lên không-gian, Nga-xô đã đoạt chạng thứ nhất, ngày 13-9-59 hồi 21 giờ 02' 24" GMT, lúc hỏa-tiến Lunik II hạ xuống mặt trăng.

Chúng ta hãy gạt ra ngoài những cạnh khía phụ thuộc của vấn-đề như chánh-trị, tuyên-truyền, ảnh-hưởng tâm-lý quần-chúng v.v... để tìm hiểu một vài điểm kỹ-thuật đã đưa Nga-xô đến chỗ thành-công. Bài này chỉ đứng về phương-diện phổ-thông khoa-học để nhận-định những điểm toát yếu có thể phổ-biến trong số độc-giả không có cái học chuyên-môn.

★

Sơ-lược về thành-tích của hỏa-tiến Lunik II

Hỏa-tiến Lunik II là một hỏa-tiến bốn tầng ngoài sơn màu bạc, nặng 250 tấn, cao 80 thước, trong có mười máy phản-

lực sức mạnh tổng cộng là 75 triệu mã-lực. Máy VTĐ trên hỏa-tiến phát ra hai tiếng đặc-biệt « Tut Tut ». Hơn 1.000 chuyên-viên đã hoàn-thành hỏa-tiến trong sự bí-mật hoàn-toàn. Ngày 12-9-59 hỏa-tiến được phóng đi tại vùng Kazakhskan.

Trong giai-đoạn đầu, tầng thứ nhất nỏ, đẩy hỏa-tiến đi với tốc-lực khởi-hành là 3000 thước/giây. Tầng này cao 50 thước, nghĩa là bằng chiều cao công Khải-hoàn-môn ở Ba-lê.

Vài phút sau, tầng thứ nhất tiêu hết chất nỏ. Hỏa-tiến bỏ tầng ấy lại. Tầng thứ hai bắt đầu cháy và đưa tốc-lực lên gấp đôi đề rồi vọt lên gần 11.000 thước/giây. Khi đã bay lên được 81.000 cây số, sau 210 phút phóng đi, tốc-lực đạt được là 11.170 thước/giây, tốc-lực giải-thoát hỏa-tiến khỏi hấp lực của trái đất.

Hỏa-tiến bỏ tầng thứ hai lại thì động-cơ ở tầng thứ ba bắt đầu chạy. Đến đây đã thoát khỏi vùng không khí rồi, hỏa-tiến bay [với tốc-lực đã đạt được. Máy phát

lực đặt trong tầng thứ ba không phải để đầy hỏa-tiến nữa, mà chỉ dùng để lái hỏa-tiến. Máy ấy tác-động đến bánh lái làm bằng chất chịu nóng không chảy đặt tại chỗ hơi nóng thoát ra. Trong không-gian không có không khí, hệ-thống lái thường dùng trở nên vô-dụng vì không có sự cọ sát của không khí, phải dùng hơi nóng phát ra để lái hỏa-tiến.

Tầng thứ ba này nặng 1511 kí, không kể chất nổ mang theo, trong đặt vệ-tinh Lunik II, một khối tròn bằng thép không han gỉ và đã khử trùng để khỏi truyền nhiễm lên mặt trăng, nom như một trái túc cầu mạ kền. Khối thép ấy nặng 390 kí, 200 kè cả dụng cụ mang theo. Trên mặt vệ-tinh có khắc huy-hiệu búa liềm Nga-xô, bốn chữ CCCP., năm 1959. Những dấu hiệu đó được ghi tới 72 lần trên khắp mặt vệ-tinh.

Khi hỏa-tiến bay đến một khoảng cách trái đất 150.000 cây số, hỏa-tiến nhả ra một đám mây sáng màu da cam bằng hơi Sodium. Đám mây này ở trái đất dùng viễn-kính nom thấy trong sáu phút như hình con chó cắn đuôi của nó, ở gần chòm sao Verseau. Nhiều đài thiên-văn trên thế-giới dùng ống viễn-kính soi đều thấy và chụp được hình.

Hỏa-tiến bỏ lại tầng thứ ba và chỉ còn là một khối thép tròn nặng 390kí, 200. Tốc-lực của nó đã giảm lần lần, khi bay đến chỗ quân-bình hai hấp lực của trái đất và mặt trăng, tốc-lực chỉ còn có 2031 thước/giây. Từ đây trở đi, bị mặt trăng hút, tốc-lực sẽ tăng thêm dần, lên đến 3300 thước/giây là lúc đụng mặt trăng.

Khi đã bay được 270.000 cây số, chỉ còn cách mặt trăng độ 100.000 cây số, Lunik II cho chạy những máy điện-tử dùng làm khí-cụ dẫn đường cho nó. Lúc còn ở xa, nó nhờ mắt quang-điện (photo-électrique) lấy ánh-sáng của mặt trăng làm đích để điều-khiển nó đi tới. Nhưng bây giờ con mắt quang-điện trở nên vô dụng vì các tinh-tú ở gần làm lóa mắt mặt trăng. Trên mặt trăng không có vùng không-khí bao bọc nên trực-tiếp nhận ánh-sáng mặt trời, đất bị nung nóng tỏa ra nhiều hồng ngoại-tuyến. Máy điện-tử đó phản-ứng rất nhạy trước hồng ngoại-tuyến sẽ lái hỏa-tiến đến chỗ phát-sinh ra hồng ngoại-tuyến đó tức là mặt trăng.

Giai đoạn cuối cùng. Tầng thứ tư (đặt trong vệ-tinh) bắt đầu chạy động-cơ. Tầng này có nhiệm-vụ sửa chữa hướng đi để nhắm đúng chỗ hạ xuống, chỗ ấy là một vùng sáng lớn nhất ở mặt trăng gọi là biển Sérénité. Tên là biển, nhưng sự thực là một vùng cát vàng có tro 200 miệng núi lửa bao bọc bởi một bức tường đá cao 250 thước, dài 100 cây số.

Còn cách 80.000 cây số thì vệ-tinh vào vùng ảnh hưởng của mặt trăng. Máy V TĐ vẫn tung ra những tiếng Tut Tut liên tiếp khi to, khi nhỏ, khi lẫn với những tiếng nổ lạo sạo. Tiếng kêu ấy phải chấm dứt thành lình khi vệ-tinh đụng vào mặt trăng. Moscou đã dự tính vào hồi 20 giờ 59' GMT. Nhưng mãi đến 21 giờ 02' 24" GMT tiếng Tut Tut mới dứt đoạn, chậm hơn sự dự tính mấy phút.

Tại đài thiên-văn Budapest người ta thấy một khoảng đen tròn hiện ra giữa biển

Sérénité và biển Vapeurs trong 58 phút. Tại San Miguel (A-căn-đình) cũng thấy một vùng tối hiện ra đúng chỗ ấy.

Nga-xô đã thành-công, Lunik II phóng trúng đích đem lại vinh-dự cho người thắng chặng đầu trong cuộc thi đua lên không-gian.

✱

Ba vấn-đề kỹ-thuật khúc mắc

Thứ nhất là vấn-đề tốc lực.— Ta biết rằng một vật di chuyển muốn thoát khỏi trái đất để vận-hành trong nhật thống-hệ phải có một tốc lực 11.189 thước/giây, muốn đi ra ngoài nhật thống hệ phải có tốc lực 17.000 thước/giây. Tốc lực cần có để lên mặt trăng chậm hơn tốc lực 11.189 thước/giây một chút, toán học và thiên-văn học đã tính ra là tối thiểu 11.089 thước/giây. Đó là tốc lực tối thiểu mà hỏa-tiến phải có, khi đã thoát khỏi vùng không-khí để khỏi bị trái đất hút xuống. Tốc lực đó cao hơn tốc lực một hỏa-tiến xoay quanh trái đất (hơn 8.000 thước/giây).

Tại sao lại có sự khác biệt ấy ?

Trái đất di xung-quanh mặt trời tốc lực 8000 thước/giây và có sức hút những vật ở gần. Một hỏa-tiến xoay quanh trái đất tự nó tạo ra một sức ly tâm ngang với sức nặng của nó để quân-bình sức hút của trái đất. Như thế một tốc lực cao hơn 8000 thước/giây một chút đủ để lập thế quân-bình đó, nó không bị hút. Nhưng hỏa-tiến lên mặt trăng phải nhận được một sức đẩy lớn hơn sức nặng của nó thì mới khỏi bị trái đất ghì lại. Chỉ với điều kiện ấy hỏa-tiến có thể lìa khỏi trái đất, nếu không, bị ghì lại lần lần, đến một lúc mà sức nặng của hỏa-tiến trội hơn sức đẩy

nhận được lúc khởi hành, thì hỏa-tiến sẽ rơi xuống đất.

Như vậy, vấn-đề là phải tăng thêm tốc lực ban đầu đã nhận được của tầng thứ nhất hỏa-tiến. Muốn tăng lên gần 50% tốc lực sơ thủy, xét ra chỉ có hai giải-pháp : một là giảm trọng-lượng của vệ-tinh, hai là dùng sức đẩy mạnh hơn để tăng tốc-lực sơ thủy. Biện pháp trước có nhiều khó khăn phần sau này sẽ nói đến. Biện-pháp sau là tăng công suất của hỏa-tiến. Đây là bài toán của các chuyên-viên nghiên-cứu chất nổ và máy đặt trong hỏa-tiến.

Khi phóng vệ-tinh Spoutnik III các kỹ sư Nga-sô đã tỏ ra thực-hiện được những máy móc công suất rất cao. Tốc-lực phóng trái Spoutnik III hẳn là tốc-lực hơn 8000 thước/giây.

Nếu dùng những máy móc cao công suất ấy để phóng một vệ-tinh nhẹ hơn vệ-tinh Spoutnik III thì tất nhiên thực-hiện được tốc-lực cao hơn, có thể là tốc-lực 11.189 thước/giây. Như vậy đối với chuyên-viên không có gì lạ nữa, trái Spoutnik III đã báo trước sự xuất hiện thế hệ Lunik rồi.

Vấn-đề thứ hai : Phải phóng cho trúng đích.— Muốn phóng một vệ-tinh xoay quanh trái đất thì khi tầng cuối cùng của hỏa-tiến đạt được tốc-lực cần có, phải đẩy cho vệ-tinh đi theo một chiều hướng song song với mặt trái đất. Thực-hiện được không phải là dễ, nhưng không đến nỗi không làm nổi. Quỹ-đạo của vệ-tinh có thể sai quỹ-đạo dự tính một chút. Sự sai lệch ấy có thể chấp-thuận được tương-đối rộng-rãi để máy móc tinh-mật vừa phải gắn trên hỏa-tiến có thể dùng được.



Hình vẽ tinh LUNIK với 72 huy hiệu

Nhưng khi nhắm mặt trăng mà phóng thì sự tinh-mật của máy móc phải gấp bội. Mặt trăng là một cái đích chuyển động chứ không ở yên một chỗ mà nó lại còn xoay quanh mình nó. Vậy lúc phóng phải thật khít với thời khắc đã định trước. Chậm một vài phút có thể sai đích. Rất dễ hiểu : trong mấy phút ấy trái đất xoay đi và hỏa-tiến không còn khởi hành từ chỗ đã dự định trong không-gian. Hướng đi của vệ-tinh không được sai lệch đối với hướng dự định quá nửa độ. Khoảng cách đó không có là bao nhiêu, chỉ là góc cạnh mà mắt ta nhìn thấy một nửa mặt trăng mà thôi, nhưng sai một nửa độ ấy là bắn hụt mặt trăng rồi. Một sự khó khăn nữa là mặt trăng vận chuyển, nếu hỏa-tiến đi nhanh quá thì mặt trăng chưa tới nơi hỏa-tiến đã đi qua mất rồi, làm sao mà gặp nhau như đã hẹn, chị Hằng cũng như bất cứ người đàn bà nào không biết vội vàng hấp tấp là gì. Ngược lại hỏa-tiến đi chậm quá thì chị Hằng cũng không chịu nán lòng chờ đợi

ai. Vì giờ hẹn gắt gao như vậy nên sự sai lệch về tốc-lực cũng không được nhiều quá. Đối với một tốc-lực 11.189 thước/giây, không được sai vài thước/giây.

Những dụng-cụ để lái hỏa-tiến phải đủ tinh-mật để những sai lầm không quá mức có thể tha thứ được. Vào ngày mùng 2 tháng giêng năm nay Nga-xô đã thí-nghiệm một hỏa-tiến không-gian : chiếc Lunik I. Quỹ-đạo của hỏa-tiến này rất đúng nhưng hỏa-tiến chỉ đi bên cạnh mặt trăng vì không đúng giờ hẹn.

Muốn tránh những lỗi đó phải có cách phóng hỏa-tiến thật đúng giờ, đúng tốc-lực dự định và có cách sửa chữa quỹ-đạo trong lúc hỏa-tiến đang bay. Như thế phải hoàn thành một hệ-thống lái tự-động. Chuyên viên ở dưới đất theo dõi quỹ-đạo của hỏa-tiến và dùng máy tính điện-tử tính khoảng đường cần sửa lại để thông báo bằng VTD cho máy lái biết mà điều-chỉnh cho kịp thời.

Vấn-đề thứ ba.— Trong vấn-đề thứ nhất có điểm : « giảm trọng-lượng của vệ-tinh sẽ có những khó khăn tất nhiên », đoạn này sẽ giải-thích những khó khăn ấy.

Nếu đặt những máy lái tự-động trong từng hỏa-tiến cuối cùng như hỏa-tiến phụ, máy V.T.Đ., thì từng này tương-đối nặng, không thể đặt được những máy móc ấy trong hỏa-tiến mà từng cuối cùng chỉ nặng có vài kí-lô. Vì lẽ đó người ta không thể giảm bớt trọng-lượng của từng hỏa-tiến cuối cùng để bù lại máy móc kém công xuất mà tăng thêm tốc-độ. Tùy ở trọng-lượng của từng cuối cùng này mà phải tính trọng-lượng của toàn-thể hỏa-tiến cho tương xứng. Làm cách nào đặt được một vật nặng vào trong một tầng hỏa-tiến cuối cùng nhẹ ?

Như vậy, chung cuộc, vấn-đề thêm công suất của máy móc là vấn-đề chính yếu vì hai lẽ : tăng tốc-lực và mang được một từng cuối cùng tương-đối nặng nề có thể chứa đựng máy lái tự-động.

Hần là bác-học Nga-xô đã thắng được những khó khăn để thực-hiện những máy móc mạnh hơn và những máy lái tự-động, cho nên họ phóng được một khối nặng 390 kí. Một vệ-tinh lên mặt trăng chỉ mang theo những máy móc cần-thiết cũng đã có một trọng lượng kha khá. Nếu mang theo một phi-hành gia thì ta có thể tưởng-tượng với sự kèngh càng của một chỗ ngồi cho một người và dụng-cụ thiết yếu, trọng lượng của một vệ-tinh sẽ lên đến đâu ? Và chẳng còn vấn-đề trở về trái đất, vấn-đề tập dượt, vấn-đề an-ninh nhân-mạng không phải là không nhiều khía cạnh khúc mắc. Theo ông Grandpierre, đại-tướng quân-y Pháp thì phải qua 5 đợt thí-nghiệm trong vài năm mới có kết-quả. Hiện giờ tại Huê-kỳ đã bắt đầu tuyển lựa bảy phi-công không gian để thực-hiện 5 đợt thí nghiệm đó (1). Nhưng ta nên đề ý đến sự nhận xét sau đây của Ô. Grandpierre : kỹ-thuật của sinh-vật-học và sinh-lý-học không-gian tiến-bộ mau chóng quá và đã bỏ xa kỹ-thuật hỏa-tiến. Câu nói đó rất phù-hợp với những khó khăn mà các bác-học hỏa-tiến đang vấp phải

trong việc thực-hiện các khí-cụ phóng lên mặt trăng.

Nhưng tất cả những khó khăn nói trên đây chưa phải là điểm chính-yếu. Quan-trọng hơn cả là những phí-tồn vì một hỏa-tiến vượt quá khả-năng tài-chánh và sức lực của một nước, cho nên cần có sự góp sức của nhiều nước. Ta sẽ trở lại điểm này trong phần sau.



Viễn vọng khai thác mặt trăng

Mặt trăng được chọn làm cái trạm đầu tiên để đi lên các hành-tinh khác trong nhật thống hệ vì :

— Phải lên tới mặt trăng mới có điều kiện để biết đích xác về trái đất, mặt trăng, mặt trời cùng các tài-liệu về vũ-trụ tuyến, khí hậu v.v...

— Mặt trăng là căn cứ thuận tiện hơn trái đất để khởi hành đi bất cứ địa điểm nào trong nhật thống hệ.



Những tài-liệu dự định thu thập được trên mặt trăng gồm có 3 loại thuộc về thiên-văn, vật-lý và địa-chất học :

— Mặt trăng sẽ dùng làm đài thiên-văn để khảo sát trái đất và vũ-trụ. Một vệ-tinh sẽ được phóng cho xoay quanh mặt trăng. (2) Trên những đài thiên-văn ấy nhà thiên-văn học sẽ không bị vùng không-khí làm sai lệch các vũ-trụ tuyến, làm sai lệch hình thể các hành - tinh. Đến nay vẫn phải mất nhiều công-trình tính toán để loại những sự sai lầm đó. Khoa-học nhân-loại với sự hiểu biết đơn sơ và rời rạc, với nhiều kỹ-thuật và phương-pháp khác nhau đã thâm lượm được những tài-liệu bổ túc cho nhau

(2) Hãng thông-tin Tass mới đây vừa loan báo đã đặt được vệ-tinh Lunik III vào quỹ đạo mặt trăng (Trích J.O.E, ngày 7-10-59)

1) 5 đợt ấy là :

- a) đợt thứ nhất. — đưa một người lên 2 hay 300 cây số trong không-trung.
- b) đợt thứ hai. — đưa đi xa hơn và cao hơn.
- c) đợt thứ ba. — Một vệ-tinh bay quanh trái đất có thể chứa được một đoàn người và dụng-cụ.
- d) đợt thứ tư. — đưa một loài vật, rồi sau một người lên mặt trăng được an-toàn.
- e) đợt thứ năm. — Tìm hiểu điều-kiện để sống an toàn trong không-gian. Đợt này mới thực khó khăn.

và kiểm-soát lẫn nhau. Kết-quả thấu lượm được còn có chỗ chưa chắc chắn. Chắc là một viễn kính đặt trên một vệ-tinh không có vùng không-khí bao bọc có thể trả lời được nhiều câu hỏi về không-gian, vũ-trụ tuyến, tác-động của mặt trời, và có lẽ cho biết chắc chắn về nhiệt-độ mà cách mặt đất khoảng 10 cây số người ta không biết rõ lắm. Đài thiên-văn đặt trên mặt trăng sẽ là đài thuận tiện nhất để xem xét trái đất và các đám mây chuyển động trong vùng không khí. Tới nay người ta không biết chắc chắn hình thù trái đất và tỉ trọng của mỗi địa điểm khác nhau như thế nào. Sự quan-xát trái đất từ mặt trăng bổ túc sự quan-xát từ một vệ-tinh xoay quanh trái đất sẽ giúp ta biết chắc chắn bắc cực và nam cực dẹt là bao nhiêu, xích-đạo phình ra là bao nhiêu. Từ căn cứ mặt trăng thiên-văn học sẽ chụp được những tấm hình thiết thực đầu tiên của hỏa-tinh.

Sự xét nghiệm khí-tượng sẽ được đích xác hơn bất cứ một đài nào, kể cả những đài đặt trên vệ-tinh nhân-tạo. Dùng làm trạm Vô-tuyến truyền-hình thì bất cứ một đài nào ở mặt bán cầu đối diện với mặt trăng cũng tiếp nhận được bình thường, không có vấn-đề đường cong (vì trái đất tròn) mà xưa nay Vô-tuyến truyền-hình vẫn khó tìm lối giải-quyết.

— Về phương-diện vật lý học, mặt trăng cũng là một địa điểm thí-nghiệm hy hữu :

Trên mặt trăng sẽ có đủ loại quang-tuyến, nhất là tử ngoại tuyến và quang-tuyến X mà đa số không xuyên qua vùng không khí của ta. Muốn thí-nghiệm những

loại quang-tuyến đó, vẫn phải dùng máy phát ra trong phòng thí-nghiệm.

Ở trên mặt trăng có thể trực-tiếp nghiên-cứu được.

Khí hậu trên mặt trăng có những thời khắc cực lạnh và cực nóng, nhất là cực lạnh mà ở trái đất muốn nghiên-cứu phải dùng nhiều máy móc phức tạp mới thực-hiện nổi.

Điều kiện hy hữu thứ ba là một không gian rỗng không đến tột độ (trong mỗi phân khối chỉ có một vài nguyên-tử chất hơi). Trong các phòng thí-nghiệm chỉ thực-hiện được của khoảng rỗng không tương đối còn sót lại một số nguyên-tử hơi nhiều hơn gấp mấy tỷ.

Những phòng thí-nghiệm đó không thể cho người ở được. Nga-sô đã dự định từ lâu đưa người máy lên đó. Nhưng sự cản-trở lớn lao là trên mặt trăng hình như có một lớp tro dày bao phủ. Dụng cụ đưa lên sẽ bị chìm xuống dưới tro mất tích. Người ta biết sự kiện này nhờ những cuộc thí-nghiệm phân tích ánh sáng do mặt trăng phản chiếu ra.

— Về phương-diện hóa-học, các nhà địa-chất học quan-niệm rằng mặt trăng là tài-liệu đích đáng nhất để chứng-minh những thuyết về nguồn gốc, tuổi tác, và phẩm chất của trái đất, vì mặt trăng cũng cùng một nguồn gốc với trái đất. Khảo nghiệm bằng phương-pháp phóng-xạ nguyên-tử sẽ biết tuổi của nham-thạch để kết-luận rằng mặt trăng được cấu-tạo cùng một thời-kỳ với các tinh-tú hay sau này mới có.

Tài-liệu đầu tiên do hỏa-tiến Lunik II thu thập được và do bác-học Nga mới loan báo cho ta biết trên mặt trăng không có từ-trường, đó là sự khác biệt quan-trọng giữa mặt trăng và trái đất. Điều này chứng thực rằng trung-tâm trái đất là chất kim-khí ở thể lỏng vì nhiệt-độ cao lắm. Chất kim-khí đó làm ra từ trường của trái đất. Còn trên mặt trăng thì những miệng núi lửa là vết tích của hỏa-diệt-sơn đã tắt từ lâu. hẳn là trung-tâm không phải là chất lỏng.

Các nhà địa-chất-học còn nghĩ đến việc khai-thác những nguồn lợi khoáng-sản có thể có nhiều trên mặt trăng như Si-lít, A-luy-min, Ốc-xít-sắt, ma-nhê-dom. Hơn thế, người ta hy-vọng sẽ tìm được những khoáng-chất hiếm có và quý giá, tuy rằng việc dài tải trên đoạn đường dài 400.000 cây số hầy còn là chuyện phóng-tác khoa-học xa xôi. Nhưng làm sao giải-quyết vấn-đề nước mà trên mặt trăng không có. Có lẽ người ta sẽ tìm thấy nước băng kết hóa thạch hay nước đá kết-tinh như ở trái đất này.

..

Vấn-đề nước quan-trọng đến nỗi người ta cho rằng loại động-cơ dùng cho xe không-gian chỉ quyết-định được khi nào người ta biết rõ trên mặt trăng có thể lấy được vật-liệu gì để tiếp-tế. Người ta dự-định kiến-thiết những xưởng máy trên cung trăng để lấy nhiên-liệu làm chất đốt, người ta thí-nghiệm trồng đậu, cà-rốt, củ cải trong chỗ rỗng không, người ta thí-nghiệm những trung-tâm điện lực chạy bằng ánh sáng mặt trời vì tính ra ở

trên mặt trăng một thước vuông bề mặt nhận được một số nhiệt lượng của mặt trời có thể quy thành 1, 5 mã-lực. Những công cuộc thí-nghiệm đó không phải để sửa soạn cho người lên ở cung trăng, nhưng vì mặt trăng được chọn làm cái trạm không gian, một nơi để xe không gian dừng lại tiếp tế.

Ở cái trạm thiên-nhiên ấy chỉ cần có một tốc-lực 5 lần nhỏ hơn tốc-lực cần có ở trái đất để thoát khỏi hấp lực, như vậy hỏa-tiến sẽ chở được dụng-cụ và nhiên liệu nhiều hơn.

..

Người bi-quan còn cho rằng mặt trăng có thể dùng làm căn cứ quân-sự. Họ cho rằng một hỏa-tiến dùng làm bình khí phóng từ mặt trăng (hấp lực tương đối nhẹ) đến trái đất sẽ được dễ dàng. Nhưng hiện nay phóng loại hỏa-tiến ấy bằng những khí cụ thường dùng vẫn dễ dàng hơn phóng từ bất cứ một vệ-tinh hay từ một căn cứ ở ngoài trái đất. Kỹ-thuật radar trong địa hạt này tiến mau hơn.

✱

Ta nên nhớ rằng những dự tính về sự chinh-phục mặt trăng để dùng vào một mục tiêu hòa bình đều có thêm ít nhiều tính chất phóng tác tương lai. Có lẽ thực ra những công-tác vĩ đại đó vượt khả năng tài chánh và nhân lực của một quốc-gia. « Năm địa cầu vật lý - học » đã chứng minh rằng nhiều công việc khảo cứu chỉ có thể thực-hiện được với sự góp sức của nhiều nước chứ không phải những đại cường quốc mà thôi.

Sự thành công của hỏa-tiền Lunik II đem lại phương tiện để họa bản đồ giao thông trên không-gian. Trên lý-thuyết những bản đồ ấy đã được nghiên-cứu từ mấy năm nay. Những bản báo cáo của Hoa-kỳ cho ta biết vài cạnh khía như đường đi lên mặt trăng chỉ có một ngã tiện lợi. Đó là đường đi theo chiều ngang trái đất theo hướng đông, và khởi hành từ những điểm đối chiếu (antipode). Nga-sô không có căn cứ điểm gần đường xích đạo. Họ đã vượt khó khăn ấy, nhưng họ vừa cho biết một khó khăn khác về tình-thế địa-lý của họ. Khi mà góc cạnh đề nhằm

đích mặt trăng không được sai quá 0,5 độ hay 1 độ, khi tốc lực không được sai quá 5 thước/giây, một nước cường thịnh đến đâu cũng không dám quá mạo hiểm ném vào không trung một cái vốn từ 5 đến 10 tỷ.

Vậy ta có thể hy-vọng rằng đối với một công việc thám hiểm vĩ đại như thế, cuộc thi đua thực ra phải đòi hỏi một sự cộng tác của tất cả những người dự cuộc.

Theo tài-liệu sách báo ngoại-quốc

CÔ-LIÊU

- ★ Người dưới có quyền đòi hỏi công-bình tuyệt-đối.
Người trên phải nỗ-lực cho họ được hưởng công-bình tuyệt-đối đó.
- ★ Người trên không nên làm cho người dưới sợ mình mà phải làm cho họ tin mình, muốn cho mình luôn luôn ở với họ.

« Nhục thay cho kẻ có tà niệm »

Nước Anh có một thứ huy-chương, gọi là huy-chương về Ordre de la Jarretière lập ra năm 1348. Lịch sử của thứ huy-chương này rất kỳ dị. Nguyên bà bá-tước Salisbury đang khiêu-vũ với vua Edouard III thì đánh rơi chiếc nịt tất (Jarretière). Vua cúi xuống nhặt lên thì chợt thấy quần thần bưng miệng cười. Vua liền nói : « Nhục thay cho kẻ có tà niệm (Honni soit qui mal y pense) ; kẻ nào cười chiếc nịt tất hôm nay thì mai đây sẽ lấy làm hân hạnh được mang nó trên người » ; và ra lệnh thiết-lập ngay tức khắc thứ huy-chương trên, hạng hiệp-sĩ thì được đeo trên đầu gối và vị hoàng hậu thì đeo trên cánh tay. Để kỷ-niệm, câu châm ngôn : « *Honni soit qui mal y pense* » được khắc trên tấm huy-chương.

LÀM THẾ NÀO

SỐNG CHUNG VỚI LIÊN-XÔ ?

TIỂU-DẪN
(lược dịch)

của Selwyn Lloyd
Ngoại-trưởng Anh quốc

MỞI đây, nhưn có người hỏi xem ông có dự-kiến một sự hòa dịu (1) trong tình-hình giao-thiệp Đông-Tây chăng, cố ngoại-trưởng Phốt-tơ Đơ-lốt đã trả lời, bảo phải hỏi những kẻ gây ra chiến-tranh lạnh (2); nói cách khác, hỏi Liên-xô vậy.

Tất cả chúng ta đều nhiệt-thành mong ước rằng sự hòa-dịu này sẽ xuất-hiện. Về phần riêng, tôi sẽ làm mọi việc mà tôi có thể làm để tạo thuận-lợi cho một biến-chuyển tình-hình như thế. Song phải nhận rằng ông Đơ-lốt nói có lý: sự hòa dịu này không tùy ở chúng ta.

Dù chúng ta có vui lòng hay không, rất có thể là thế-giới tự-do còn phải chịu đựng trong nhiều năm nữa cuộc đấu-tranh thử-thách nào cần này, mà người ta gọi là chiến-tranh lạnh.

Thật ra, nó đã phát-khởi từ non bốn mươi năm nay, vào những ngày mà các lãnh-tụ cuộc Cách-mạng Bôn-sơ-vít tuyên-

cáo rằng chủ-nghĩa Cộng-sản và chủ-nghĩa Tư-bản phải một còn, một mất.

Năm 1920, Lê-nin tuyên-bố: « Khi mà chúng ta khá mạnh để quật ngã chủ-nghĩa Tư-bản, chúng ta sẽ nắm họng nó ».

Ba mươi bảy năm sau, năm 1957, tờ Côm-muy-nít (Komunist), cơ-quan của đảng Cộng-sản Liên-xô viết: « Ý-thức hệ xã-hội và ý-thức hệ tư-sản tiêu-diệt lẫn nhau, không có và không thể có sự sống chung hòa-bình ».

Đó là căn-bản của vấn-đề và chúng ta phải nhìn thẳng thực-tế. Điều đáng buồn là không-khí chính-trị trên quả đất rất có thể rối-loạn thường-xuyên trong một thời-gian vô-dịnh. Nhưng nếu chúng ta quyết-tâm và kiên-chí hơn nữa thì thời-kỳ này sẽ ngắn hơn và đời sống của chúng ta sẽ dễ chịu và yên lành sớm hơn.

Cuộc tranh-đấu dài và gay go

Nói như vậy không có ý-nghĩa là người ta không thể tránh chiến-tranh. Lần đầu tiên trong lịch-sử, có một yếu-tố có tác-dụng xóa bỏ một phần lớn lợi-thế của

(1) Nguyên văn: Dégel (sự tan rã băng giá).

(2) Nguyên-văn: Ceux qui soufflent la bise (những kẻ thổi gió bắc).

LÀM THẾ NÀO SỐNG-CHUNG VỚI LIÊN-XÔ ?

kẻ khởi-hấn : yếu-tố này là vũ-khí nguyên-tử và khinh-khí. Người ta biết rằng yếu-tố nói trên làm cho kẻ bị tấn-công có thể quật lại trong chớp nhoáng những đòn chí-mạng vào đối-phương. Hiện thời, ngoại trừ trường-hợp mất trí khôn, không có cường quốc nào thấy có lợi trong việc gây ra một đại-chiến mới. Đây là một bảo-đảm cho nền hòa-bình nhưng chỉ trong chừng mực chúng ta giữ gìn vũ-khí sắc bén và sẵn sàng sử-dụng.

Vậy nên bao nhiêu điều ta dự-dịnh về lâu dài phải được ý-niệm theo lịch-trình biến-chuyển của chủ-nghĩa và các mục-dích căn-bản của thế-giới Cộng-sản.

Người Cộng-sản tin-tưởng sâu-sắc rằng họ đi thuận chiều tiến-hóa của lịch-sử, rằng sự sụp đổ không thể tránh khỏi của chúng ta đã là điều tiền-định rồi. Họ tin rằng thế-giới mà họ gọi là tư-bản — mà chúng ta bảo là tự-do — không tránh được sụp đổ vì các mối mâu-thuẫn nội-tại của nó. Nhưng dường như họ còn ngại rằng lịch-sử có thể thay đổi ý-kiến nên họ không bỏ qua một cơ-hội nào để tiếp tay cho lịch-sử hầu quật ngã chúng ta.

Đây là một cuộc « đấu-tranh toàn-diện » ; toàn-diện theo ý-nghĩa rằng, trong những ngày qua, các lãnh-tụ Cộng-sản quốc-tế đã không ngại-ngùng động-viên một cách khoa học khả-năng hoạt-động của con người về tất cả phương-diện và sử-dụng đến một mức-độ chưa từng thấy tất cả phương-tiện có sẵn như thương-mại, văn-ngệ, kỹ-thuật, khoa-học, giáo-dục, vô-tuyến truyền-thanh.

Thật ra, cho đến nay, Cộng-sản chưa từng biểu-lộ ý muốn cùng chúng ta thi đua một cách tự-do, ngay thẳng để chứng tỏ

ưu-thế của chế-độ này đối với chế-độ kia ; các quốc-gia trung-lập, trong trường-hợp này sẽ vừa là chứng-nhân vừa là đối-tượng tranh-thủ.

Theo quan-diểm của Cộng-sản, chỉ có thể có và chỉ sẽ có một kẻ thắng : chủ-nghĩa Cộng-sản quốc-tế.

Phải làm gì về chính-trị và chiến-lược ?

Làm thế nào đương đầu với Cộng-sản trong cuộc đấu-tranh này ? Làm thế nào tìm ra một thỏa-trước có hiệu-lực cản ngăn, không để cho sự cộng-đồng sinh-tồn cuối cùng trở nên sự diệt-vong đối với chúng ta ? Làm thế nào thuyết-phục cho Cộng-sản nhận rằng họ sẽ không bao giờ đạt tới thắng-lợi mà họ dự-tính và, do đó, họ phải chấp nhận một xã-hội thế-giới không phản-ảnh thắng-lợi của quan-niệm Cộng-sản ?

Trước hết, chúng ta phải mạnh và duy trì sức mạnh này. Mạnh về chính-trị, quân-sự và kinh-tế ; xét cho cùng, sức mạnh về kinh-tế của chúng ta rất có thể là yếu-tố mà chúng ta khó duy-trì nhất.

Chúng ta lại phải đoàn-kết, nhất trí với nhau. Riêng Anh và Hoa-kỳ càng phải đoàn-kết chặt-chẽ ; hai nước liên-hệ mật-thiết với nhau đến chỗ nếu Hoa-kỳ mềm yếu đi chút nào về lòng can-đảm và quyết-tâm, nếu Anh thoáng có ý nào trở lại thái-độ biệt-lập ngoài hải-đảo, thì thật là chuyện quái-kỳ. Những điều tiêu-dị không có những hậu-quả nghiêm-trọng : đó là sự biểu-hiện nền tự-do của chúng ta. Nhưng sự bất-hòa sâu-xa là một thứ xa-xỉ phàm mà chúng ta không được xài nữa. Nếu chúng ta chia rẽ với nhau hay nếu chúng

ta để cho người ta ly-gián thì tất cả tai-họa sẽ giáng xuống cho thế-giới tự-do.

Chúng ta còn phải cảnh-giác.

Cộng-sản Liên-xô nổi tiếng đúng là cao cờ : đi một nước, họ nghĩ tới nhiều nước sắp đến. Trong khi đó thì, trên bàn cờ quốc-tế, phe chúng ta đã nhiều lần gây cảm-trởng rằng chúng ta bị lâm vào thế bất-ngờ. Cho nên các dân-tộc tự-do phải tập dự-kiến các biến-cố, uốn nắn sự tương-tượng theo đường-lối có thể dự-phòng điều bất-ngờ.

Vào những tình-thế khủng-hoảng, chúng ta vùng dậy hành-động nhưng sau đó chúng ta co lại trong sự bất - động ; giờ phút hành-động và thời-kỳ bất-động cứ xen kẽ với nhau như vậy. Nhìn chung, chúng ta tỏ ra thái-độ tiêu-cực nhiều hơn là tích-cực. Khi đó đây trong đêm trường xảy ra vài đám cháy, chúng ta, những quốc-gia dân-chủ, sức tỉnh giấc nồng, kêu gọi lính chữa lửa đến dập tắt hỏa-hoạn, nhưng cứ sau mỗi lần như thế chúng ta lại muốn đi ngủ lại. Phải chăng điều cần-thiết là ta phải quan-tâm hơn đến những biện-pháp phòng hỏa ?

Thủ - tướng Mác Mi - lân có nói : *« Chúng ta không nên quan - niệm hòa-bình như một tình - trạng thụ - động, như một tài - sản làm ra chỉ để cho người ta hưởng-thụ. Mà chúng ta phải chinh-phục hòa-bình bằng đấu-tranh và nỗ-lực ».*

Hòa-bình phải được xây-dựng dần dần, theo một chuỗi dài hành-động kiến-tạo : trong công-cuộc này của chúng ta, không thể dung-nhận một sự buông lơi nào và mỗi một khuyết-diểm phải được kịp thời bổ-cứu.

Những vấn-đề căn-bản

Kiểm-hãm Cộng-sản về chính-trị và chiến lược là bước đầu, chưa phải cứu - cánh của công-cuộc tranh-đấu.

Để sống còn, chúng ta phải giải-quyết những vấn-đề thiết-thân khó-khăn nhất của chúng ta ; những vấn-đề này là sự thiếu một đường-lối, chính-sách, chính-trị và kinh-tế thống-nhất của chúng ta ở Châu-Âu, các nạn đói, dốt nát, nghèo khổ, bệnh-hoạn và nạn nhân - mãn ở Châu - Phi và Châu-Á.

Trong chiến-tranh cân-não, những sự-kiện khó xác-định được nguyên-nhân cũng đè nặng trên trận-thể như những sư-đoàn thiết - giáp trong chiến - tranh vũ - khí. Mỗi sự bất-bình-đẳng về pháp-lý và kinh-tế mà nguyên-nhân là ý-thức kỳ-thị tôn-giáo, màu da hay chủng-tộc, mỗi sự bất-công xã-hội có chiều hướng tạo nên một hạng *« công-dân hàng thứ »* (citoyens de seconde catégorie), đều có sự quan-trọng của một nội-thù nổi-bật trong tiền-tuyến của chúng ta.

Chúng ta phải hủy bỏ càng ngày nhiều hơn các hàng rào kinh - tế, những vách ngăn quan - thuế ấy nó phân cách từng khoảng và làm suy yếu chúng ta. Tôi hoàn-toàn tán-đồng ý-kiến của ông Huy-li-am Cô-lay-tông (William Clayton), cựu phó quốc - vụ khanh Hoa - kỳ : *« Chính-sách kinh-tế theo đường-lối quốc-gia thì rõ là không thể phù-hợp với chính-sách chính-trị và quân-sự theo đường-lối quốc-tế ».*

Mặc dù đã trải qua nhiều thất-bại và thất-vọng, chúng ta cũng phải tiếp-tục bền-bì đấu-tranh củng-cố tổ-chức Liên-hiệp-Quốc. Nếu chúng ta mong đợi ít hơn thì có lẽ Liên-hiệp-Quốc sẽ bớt gây bực mình

LÀM THẾ NÀO SỐNG-CHUNG VỚI LIÊN-XÔ ?

cho ta. Dầu sao, như ông Ha-ma-jôn (Hammarskjöld), tổng thư-ký Liên-hiệp-Quốc đã nhận - định tổ - chức này không phải là một lực-lượng cạnh-bị thế giới, cũng chẳng phải là một nghị-viện quốc-tế có các quyền lập-pháp và hành-pháp ; nó chỉ là một công-cụ thương-thuyết của các chính - phủ, một phương - tiện « làm hòa-độ bớt các cuộc xung-đột giữa các quốc-gia ».

Liên-hiệp-quốc tạo cơ-hội cho các quốc-gia đứng ngoài hai khối thường xuyên bày tỏ quan-diêm của họ.

Theo ký - giả Bơ-lôm-phin (Lincoln Bloomfield) hơn một nửa quốc-gia hội-viên Liên-hiệp-quốc không cho là thiết-yếu các vấn-đề : chủ-nghĩa Tư-bản và chủ-nghĩa Cộng-sản, Thống-nhất nước Đức, Giải-phóng các nước chủ-hầu Liên-xô ; theo họ, các vấn-đề thiết-yếu là : Chủ-nghĩa thực-dân, Quyền dân-tộc tự-quyết, Sự phát-triển kinh-tế, Tình-trạng kỳ-thị chủng-tộc.

Trong trận-thế tương-lai, có thể chắc rằng chiến-tranh lạnh sẽ diễn ra trên bốn địa-hạt ấy. Ta không nên yêu-cầu các quốc-gia ngoài vòng tranh-chấp xác-định ngay thái-độ ủng-hộ hay chống nghịch ta, nhất là khi mà họ đang bị đe-dọa về kinh-tế. Ngày giờ nào họ có được những yếu-tố thiết-yếu để quyết-định một đường lối chính-trị lâu dài như : Giáo-dục phổ-cập trong dân-chúng, một mức sống thỏa-đáng, một xã-hội ổn-định và một niềm hy-vọng ở tương-lai, thì chắc rằng họ đứng hẳn về trận tuyến tự-do.

Gần đây, Cộng-sản chú-tâm nhiều trong việc hướng công-cuộc phá-hoại vào châu Phi mà Mạc-tư-khoa xem là « kho dự-

trữ nhân-tài, vật-lực cuối cùng của chủ-nghĩa đế-quốc hiện-dại ». Các nhà bác-học Liên-xô vùi đầu trong công-cuộc nghiên-cứu Phi-châu. Bộ máy tuyên-truyền, vận-động của Cộng-sản về nghiệp-đoàn, thanh-niên, trí-thức, đã được tổ-chức. Các sinh-viên đặc-biệt có năng-khiếu được đưa qua học ở các đại học-đường Cộng-sản. Vậy nên ta cần phải nỗ-lực nhiều để ngăn ngừa từng khu-vực rộng lớn của châu Phi rơi vào ảnh-hưởng Cộng-sản.

Tại miền Nam và Đông-Nam châu Á, chúng ta đã có kế - hoạch Cô-lôm-bô (Colombo), một công-trình cố-gắng hợp-tác giữa mười bốn nước kém mở-mang để nâng cao mức sống, dựa vào sự giúp đỡ của sáu nước tiên-tiến trong đó có Hoa-kỳ, Nhật-bản và Anh. Hơn năm tỷ đô-la do các nước tiên-tiến dài-thọ, đã được cấp cho việc thi-hành những dự-án khai-thác đất-đai, xây-dựng nhà máy điện, nhà máy đúc thép, thiết-lập hải-cảng v.v...

Hiện nay, sự tăng-triển dân số tại các vùng này đã là một vấn-đề rất đáng lo. Nếu dự-kiến vấn-đề sẽ bộc phát nguy-ngập đến thế nào trong vòng mười hay hai mươi năm nữa, ta sẽ ý-niệm được rằng những việc ta đã làm chẳng là bao, so với những việc ta cần phải làm. Vậy điều hiển-nhiên là ta sẽ phải huy-động tất cả tài-nguyên của thế-giới tự-do trong công-cuộc giúp-đỡ họ ; nếu không, vì không được tự-do hoàn-toàn, họ sẽ giảm bớt và làm suy-yếu nghiêm-trọng sự tự-do của chúng ta.

Tôi tưởng rằng, về mặt tài-chánh, Anh quốc đã làm tròn bổn-phận của mình và hơn thế nữa. Năm ngoái, nền thương-

mãi của Anh phát-đạt, chúng tôi đã đầu tư phần lớn số thặng-dư, trên danh-nghĩa tư-nhân và chính-phủ, vào các nước kém mở-mang. Trong vòng bảy năm qua, một mình Anh-Quốc đã viện-trợ kinh-tế cho nước ngoài nhiều hơn cả phe Cộng gộp lại.

Nhưng không phải vấn-đề nói như thế để tự đề-cao giá-trị. Trái lại, vấn-đề cần-yếu là phải tăng-bồi cố-gắng. Tôi tin rằng cuộc kháng-cự của Tây-phương đối với hành-động khởi-hấn trực-tiếp của Cộng-sản tại Hàn-Quốc, xứng-dáng với sự khó-nhọc mà ta đã phải trả. Tôi cũng tin rằng cuộc kháng-cự đối với các sự khởi-hấn quĩ-quyệt hơn của nạn thiếu ăn, của bệnh-hoạn, xứng đáng cho ta hi-sinh nhiều.

Chúng ta cần phải khẩn-cấp tăng-gia viện-trợ kỹ-thuật cho các nước kém mở-mang để giúp họ vượt qua một trong những trở-lực lớn-lao nhất đối với họ : tình-trạng khiếm-khuyết các nhà bác-học và kỹ-thuật gia. Phải giúp-đỡ cho một số bội phần nhiều hơn nữa các sinh-viên, công-chức, thanh-niên đang theo các ngành khoa-học, đến trau-dồi kiến-thức tại các nước Tây-phương. Người ta muốn tin rằng, một khi trở về, họ sẽ góp phần kiến-thiết xứ-sở mười phần quan-trọng hơn những dụng-cụ, vật-liệu mà người ta có thể mua được với số tiền dành cho họ ăn học...

Trong thời-kỳ sống chung

Nhưng bấy nhiêu điều cũng chưa đủ. Kềm-hãm Cộng-sản về các mặt chính-trị, ý-thức hệ chưa đủ. Giúp-đỡ cho các nước kém mở-mang chống lại Cộng-sản pháp-hoại chưa đủ. Chúng ta còn phải tìm cách làm hòa-dịu tình-hình giao-thiệp giữa các nước Cộng-sản và thế-giới tự-do.

Chúng ta cần tiến-hành công-cuộc vận-động kiên-nhẫn, bền-bì, đề-tăng-gia các cuộc tiếp-xúc giữa nhân-dân các nước Cộng-sản và nhân-dân các nước tự-do. Hiện-thời, các cuộc tiếp-xúc này rất ít-ỏi so với dân-số của các quốc-gia liên-hệ. Và mọi người đều hiểu rằng những cuộc tiếp-xúc ấy phần lớn có tính-chất đơn-phương.

Tôi không tán-thành những cuộc du-hành theo phương thức « đoàn đại-biểu » ; theo phương-thức này, những nhóm du-khách từ các miền Cộng-sản đến bị cán-bộ Cộng-sản kèm-sát ; họ được hướng-dẫn, được canh chừng, được che-chở sau bức màn sắt di-động ấy hiệu-quả đến nỗi họ tiếp-xúc trực-tiếp rất ít-ỏi với con người và cuộc sống ở các nước tự-do.

Nếu họ có thể đến tự-do, không người kèm giữ và do đó được tự-do chính mình phê-phán những điều tai nghe mắt thấy, phải chăng họ không khởi sinh ra nghi-ngờ sự chân-xác của ý-thức hệ Cộng-sản ?

Cho nên, chúng ta phải tiếp-tục khẩn-thiết đòi hỏi việc mở-rộng các cuộc tiếp-xúc giữa những con người. Nếu tại Liên-xô xã-hội Cộng-sản thực-hiện được những sự tiến-bộ diệu-kỳ như thế thì các lãnh-tụ Cộng-sản sẽ khỏi phải ngại-ngùng gì trong việc đề-cho dân-chúng của họ đi ra nước ngoài và lắng tai nghe ngóng tin tức và dư-luận bên ngoài. Trong các cuộc tranh-chấp về tư-tưởng, sự thật là thứ vũ-khí đấu-tranh hiệu-quả nhất. Chúng ta phải thách các lãnh-tụ Cộng-sản đề-cho dân-chúng của họ sinh-hoạt trong không-khí tự-do phê-bình, thông-tin và tranh-luận.

Chúng ta nhận-định rằng không có một cuộc cách-mạng nào trong lịch-sử đi sai chệch ra ngoài những mục-dích đầu-tiên

như cuộc cách-mạng Xô-viết. Cái mà ngày nào người ta đã quan-niệm như một thứ xã-hội vô giai-cấp không-tư-ông, đã trở thành một trong những chế-độ xã-hội nhiều tôn ti đẳng-cấp và nhiên sự-trạng biệt-cách nhất trên thế-giới, với những thành-phần được đặc-biệt ưu-đãi và tình-trạng khác nhau quá xa về lương-bồng. Ngày xưa, những người cách-mạng đầu-tiên dùng lý-tư-ông và nhiệt tình cách-mạng thúc đẩy đấu-tranh. Ngày nay, người ta lại vận-dụng trong một phạm-vi rộng lớn một yếu-tố thô-sơ hơn : lòng ham muốn giàu sang và uy-thế.

Năm 1903, Lê-nin viết : « Chúng ta buộc phải thừa nhận ngay và không điều-kiện tự-do hội-hợp, tự-do báo-chí và toàn xá chính trị phạm. Bao lâu mà người ta không thi-hành các điều ấy thì tất cả những gì nói về sự khoan-dung và sự tự-do tín-ngưỡng sẽ chỉ là một thứ láo-xược làm phẫn-nộ lòng người... »

Điều gì sẽ xảy ra nếu giờ đây Lê-nin bỗng xuất-hiện từ cõi chết và tuyên-bố những lời trên tại Hồng trường ? Vậy mà những yêu-sách của ông ta thời ấy nay vẫn còn là chính-dáng !

Cho nên ta hãy tăng-gia sự tiếp-xúc giữa các dân-tộc. Mong rằng sự đòi trao những con người và những tư-tư-ông sẽ chứng tỏ các quan-niệm của chúng ta đúng hay sai.

Trong lãnh-vực này, tôi tin rằng một trong những phương-tiện hiệu-quả nhất để đạt tới một sự thông-cảm nhiều hơn là việc sử-dụng kỹ-thuật và các nhà khoa-học.

Người Liên-xô rất nhiều năng khiếu, giỏi và cương-quyết.

Tuần-tự theo ngày giờ nào mà nền văn-hóa của họ phát-triển, mà kỷ-nguyên độc-

tài sắt, máu của Xít-ta-lin lùi bước, mà không-khí khủng-bố của sở mật-vụ, của các vụ thanh-trừng, các cuộc tù đầy và các trại lao-công cưỡng-bách, xa dần và tiêu tan trong quá-khứ, thì những hiện-tượng mang lại tự-do và ánh sáng cho những quốc-gia khác sẽ bắt đầu diễn lại sau bức màn sắt. Các kỹ-sư, giáo-sư, y-sĩ, nhà bác-học và trí-thức Liên-xô càng ngày đông-đảo sẽ đặt ra những câu hỏi mà chủ-nghĩa Mác-Lê, vốn đã cạn khô sinh-khí, chỉ có thể mang lại những lời giải-đáp lỗi-thời. Đây là những câu hỏi mà con người tự đặt ra với mình vào những ngày đầu của cuộc sống văn-minh, những câu hỏi, từ buổi sơ-khai của thời-kỳ mà con người biết nhận-thức, đã làm giảm-suy giá-trị các giáo-điều, quật ngã bọn độc-tài, chuyên-chế và diệt-trừ những kẻ đòi chiếm-đoạt trí-tuệ và linh-hồn của đồng-loại.

Chúng ta cần theo dõi sự tiến-hóa này trong thời-gian sắp đến, xem như là cuộc sống của ta tùy-thuộc vào vấn-đề, và lại thực-tế cũng đúng như vậy.

Không phải là chuyện tiền-định rằng chúng ta sẽ giành được thắng-lợi cuối-cùng vì tâm-hồn chúng ta thanh-cao và quyền-lợi chúng ta chính-dáng. Trái lại, chúng ta có thể bị đánh bại rất dễ-dàng. Cuộc chiến-tranh kỳ-dị này có tính-chất là chúng ta có thể thất-bại mà không hay và sau nhiều năm, khi chúng ta nhận thấy được điều này thì sự thất bại đã trở thành vô phương cứu chữa. Trong trận - chiến, không có hàng cờ nhỏ cho thấy bước bước tiến hay bước thối của quân-binh, cũng không có bản trận-đồ thường-nhật để xác-định vị-trí của bộ - đội nhà, vào một giờ phút nào nhất-định.

TIÊU-DÂN

Với thời-gian

Nếu chúng ta không cả quyết — như Cộng-sản đã cả quyết — rằng Lịch-sử đứng về phe ta, tôi vẫn tin rằng thời-gian sẽ thuận - lợi cho chúng ta với điều - kiện là chúng ta phải biết vận-dụng nó.

Quả thật rằng thời-gian sẽ tăng-gia cường-lực kỹ-nghệ và tiềm-lực chiến-tranh của Cộng-sản ; nhưng nó cũng đồng-thời tăng-gia những áp-lực và mâu-thuẫn của những lực-lượng mới mà tôi đã đề-cập đến ở trên, đối với chế-độ.

Tôi nói như thế không phải có ý-tưởng thù-nghịch gì đối với nhân-dân các nước Cộng-sản.

Tôi nói vậy với niềm hy-vọng rằng chế-độ của họ sẽ trở nên rộng rãi, dễ chịu hơn, đến chỗ có thể sinh-hoạt nhịp-nhàng hơn với chế-độ các nước khác và có thể bớt mối lo-ngại hơn đối với những người không thể chấp nhận chế-độ ấy.

Tuy nhiên, nếu chúng ta ngồi trở lại, đợi chờ thời-gian làm giùm công-việc của

chúng ta thì thật là một sự cuồng-diên nặng tội.

Thời-gian sẽ làm việc cho chúng ta nhưng chỉ khi nào ta biết lợi-dụng nó.

Đề rèn-đúc một khối thống-nhất ý-chí về một số điểm quan-trọng.

Đề dọn dẹp lại trong nhà cửa của chúng ta cho có trật-tự.

Đề thiết-lập những cuộc tiếp-xúc và gây sự cảm-thông giữa tất cả các nước trên thế-giới, điều có thể thi-hành được nhờ kỹ-thuật tân-thời.

Đề đem tài-nguyên của chúng ta sử-dụng chung, hầu loại-trừ sự thiếu-thốn, sự sa-dọa phạm-giá, nạn đói, nạn dốt và sự tuyệt-vọng vốn là những yếu-tố đồng-minh của cộng-sản quốc-tế.

SELWYN LLOYD

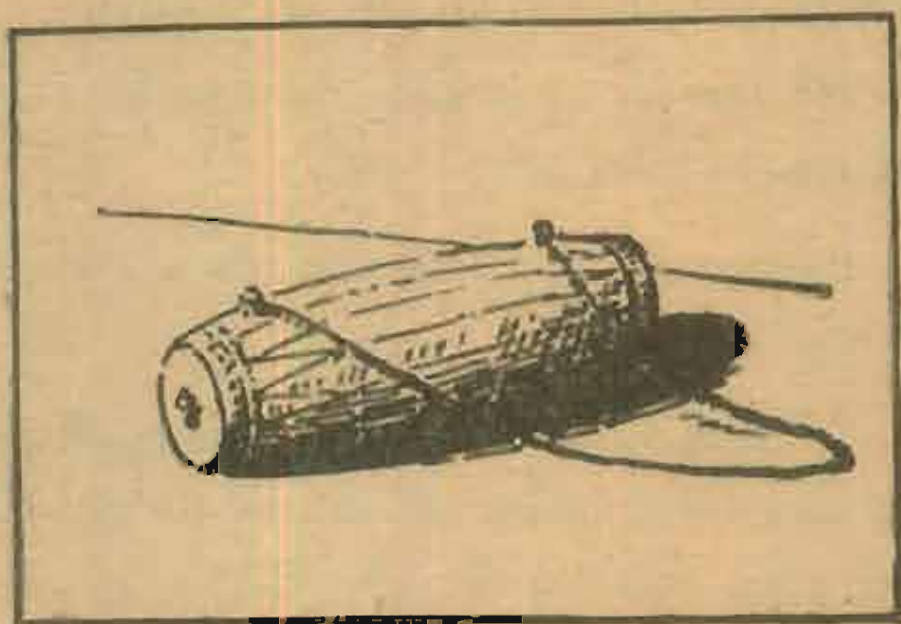
— Comment coexister avec les Russes ?
Trích Sélection du Reader's Digest
Tháng 5 năm 1959

TIÊU-DÂN (lược dịch)

- ★ Người trên phải che chở người dưới khi người dưới đã thi-hành hay tưởng là đã thi-hành mệnh-lệnh của người trên.
- ★ Tâm phải như cán cân, không thể vì người mà để một bên nhẹ hơn, một bên nặng hơn được. (Gia-Cát-Lượng)

« Nan huynh nan đệ »

Đời nhà Hán, một nhà có hai anh em, đều là người có tài danh. Người đời bấy giờ khen hai anh em rằng : « Nguyên-Phương nan vi huynh, Quí-Phương nan vi đệ », có nghĩa là : « có em như Quí-Phương thì Nguyên-Phương khó làm anh, có anh như Nguyên-Phương thì Quí-Phương khó làm em ».



TRỐNG CƠM

NGUYỄN-TIẾN-CHIÊU

KHÔNG ai biết trống cơm ai ra đời từ bao giờ, chỉ biết đại-khái là ngày xưa, các cụ ta thường đem dùng nó trong những dịp tế lễ thần thánh, đưa ma hoặc trong những buổi hát chèo.

Đó là một thứ trống mình dài và nhỏ, một loại trống Việt-nam hoàn toàn từ hình dáng, âm thanh cho đến cách biểu diễn. Khi tấu nhạc, nhạc công phải đeo giây trống lên cổ, để trống nằm ngang trước bụng và vận dụng mười ngón tay khéo léo của mình trên cả hai mặt trống. Có một điều hơi khác thường là họ hay đính thêm năm cơm nếp nhỏ lên mặt trống, có lẽ cũng vì vậy mà chiếc trống ấy được mang một danh hiệu nôm na là trống cơm. Song lẽ, đó cũng chỉ là một điều phỏng đoán mơ hồ, vì ở một vài nơi thuộc Bắc-Ninh như làng Đình-Bảng, làng Phú-Đồng chẳng hạn, nhạc công lại không bao giờ đính cơm nếp lên mặt trống, họ chỉ để nguyên da trống như vậy trong lúc biểu diễn mà thôi.

Trống cơm là nhạc cụ chính do dân quê ta tạo nên hay từ nơi khác lạc lõng đến rồi bị Việt-nam hóa ? Thật khó mà trả lời

cho đích xác. Nhưng nhìn qua sự sinh-hoạt âm nhạc cổ truyền ở nhiều miền trong nước, ta thấy rằng có được coi như một nhạc cụ căn-bản, một loại nhạc cụ không thể vắng trong các nhạc phường bình-dân. Phường nhạc này thường hòa tấu những bản nhạc đạo hành khi đi rước thần hoặc đưa ma. Đôi khi, ta cũng còn thấy trống cơm có mặt trong những đám hát chèo của người Việt, những đám ma của người Trung-hoa, hoặc trong những buổi tế lễ ở đền đài của người Ấn-Độ nữa. Và trong bất cứ nơi nào, trường hợp nào, trống cơm cũng đều giữ phần chính của mình là biểu diễn tiết-tấu.

Đấy vai trò của trống cơm trong hiện tại, còn từ ngày xưa, căn cứ theo sử, ta được biết rằng dưới triều vua Lê-thánh-Tôn (Đời Hồng-Đức 1470) ba ông Trần-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, Lương-thế-Vinh đã dựa trên nền tảng âm nhạc Trung-hoa, lập thành hai bộ nhạc cho triều-đình Việt-nam. Đó là bộ Đồng-vũ, chuyên đặt ra nhạc phò, và bộ Nhã nhạc chuyên dùng tiếng người để ca hát. Hai bộ này hoạt động dưới sự điều-khiển của quan Thái-

thường Quản-dốc và chỉ chuyên dùng vào việc tế tự của triều-dình. Nhạc cụ gồm có nhiều thứ : Một trống lớn, một kèn lớn, một long sinh, một long phách, một cây đàn có thể ba, bốn hay mười lăm giây, một sáo trúc, một trống mảnh một mặt và một cái sinh tiền.

Cũng trong thời-kỳ này, những giàn nhạc giáo phường của tư nhân ra đời và bắt đầu hoạt-dộng mạnh mẽ trong dân gian, đi song song với hệ-thống âm nhạc của triều-dình. Nhạc cụ của họ gồm có : Một dùi nhịp bằng tre thường do bà cụ già đánh nhịp ; một ống sáo, một cây nhị quyền, một trống cơm, một cây đàn đáy do bốn nam nhạc công sử-dụng ; một phách, một sinh tiền, một trống con một mặt do ba nữ nhạc công trẻ tuổi vừa ca hát vừa giữ nhịp.

Ta nhận thấy các nhạc cụ trong hệ-thống âm-nhạc của triều-dình không có trống cơm, và ngược lại, trong ban nhạc giáo-phường thì có. Vậy có thể nó là một nhạc cụ cò-sơ của dân-tộc ta khi xưa chăng ? Vả lại, trống và tù-và thường là hai nhạc-khí mà bất cứ dân-tộc bán khai nào cũng thường có, vì nó giúp ích nhiều cho việc truyền hiệu lệnh khi chinh chiến, và để ăn mừng khi chiến thắng hoặc giải-trí trong những dịp nhàn rỗi. Nhưng dầu sao thì đó cũng chỉ là một giả-thuyết chứa đầy nghi-vấn, vì còn có nhiều tình-tiết khác mà ta không thể bỏ qua như sự sử-dụng trống cơm trong các đền thờ của người Ấn-độ trong các đám tang của người Trung-hoa chẳng hạn. Vậy biết đâu, trống-cơm chẳng có thể là một nhạc cụ được đem từ xứ Phật hay từ Trung-hoa tới Việt-nam từ nhiều thế kỷ trước đây ?

Hình dáng trống cơm mộc mạc bao nhiêu thì tiết điệu của nó phong-phú bấy nhiêu.

Âm-diệu đặc-biệt, cách biểu-diễn tiết-tấu vô cùng tài tình ấy đã được người xưa ghi nhận khá đầy đủ trong bài ca « quan-họ » mang tên là « trống cơm » : đó là một điệu nhạc kỳ-diệu mô-tả cái trống cơm, tuy rằng khi hát quan-họ không hề dùng trống-cơm hay bất cứ một loại nhạc cụ nào khác để phụ nhịp.

Chúng ta nghe ca khúc « Trống cơm trong Quan-họ không những không ngỡ ngàng xa lạ, mà trái lại, còn cảm thấy đâu đây dư âm quen thuộc của tiếng trống cơm nơi quê-hương. Những âm hưởng tế-nhị, tình-tứ của « Trống cơm » đều hàm súc một vẻ mà ta thường gọi lại là Việt-nam thuần-túy. Ở « Trống cơm » có cái êm đềm của loại nhạc tình cảm, mơ màng mà không đi đến ủy mị, bạc nhược làm chết lòng người. Ta cũng còn thấy trong « Trống cơm » có cái dí dỏm, nhẹ nhàng đủ gợi lên cả chiều sâu kín của những tâm hồn đầy lạc-quan yêu đời.

Những lời ca thuần nôm từ xa xưa được phác lên với những nét rất đơn sơ, nhưng tự nhiên biết bao. Từ câu mở đầu « Tình bằng có có cái trống cơm... » gọi đến hình ảnh « Một bầy con nhện giăng tơ... » để đi vào câu kết « Duyên nợ khách tang bồng... » thật đã quá đầy đủ để diễn đạt nội dung của một bài ca ngắn ngủi và súc tích.

Những tiết tấu linh-dộng, như nét nhạc tuyệt vời luôn biến đổi trong từng câu nhạc ; sự cân đối của từng chi câu với nhau ; sự dung hòa khéo léo những âm trình êm tai bên cạnh sự vẫn mặt hoàn-toàn của những âm trình nghịch tai đã thể hiện một ý nhạc thanh thoát, mạch lạc và liên tục suốt ba mươi hai trường canh.

TRỐNG CƠM

Tất cả mọi chi tiết trong bài ca đã hòa hợp với nhau như một bức tranh linh-dộng, bình diện đầy đủ cả trên chiều rộng và chiều sâu, gọi lên một chủ điệu dân-tộc thuần-túy, tế-nhị và sâu-sắc bao gồm tình thương yêu và lòng nhân-đạo đã sẵn có từ muôn đời trong lòng mỗi người dân Việt chúng ta. Ai dám bảo rằng dân-tộc ta từ ngàn xưa không thông hiểu những quy tắc về nhạc lý ? Không có những nhạc-phẩm hay ?

Nghe « Trống cơm », nhất định chúng ta không thể lẫn lộn nó với những bài ca ngoại-quốc, nó cũng không thể giống bất cứ một điệu cò-nhạc, hay một điệu dân ca nào khác, và lẽ dĩ nhiên nó cũng không phải là một loại nhạc chỉ nhằm cộp nhặt những chủ điệu vớ vẩn dễ rồi mạo nhận là dân ca.

Ngoài ra, « Trống cơm » còn có một tầm giá-trị đặc-biệt của nó trong hiện-tại. Nó gọi ta luôn nhớ đến hình ảnh

quê-hương xa xôi, nơi hàng chục triệu người đang mang nặng mối đau nhức của thời-đại, mối oán-hờn trong thế-kỷ.

Trong tình-trạng phát-triển hỗn-độn đang dần dần lạc hướng của nền tân-nhạc Việt-nam, trong khi nhạc dân-tộc ngày một tàn-tạ, danh-từ « Dân ca » đã bị bôi nhọ ý-nghĩa cao đẹp của nó bởi một vài nhạc-phẩm lối lãng, rẻ tiền, « Trống cơm » cho ta hưởng hương-vị của một đóa hoa đủ hương sắc đã có từ hàng ngàn năm qua, suýt bị vùi dập bởi những cỏ hoang man dại, kệch cỡm, đã một thời mọc đầy trong vườn nhạc Việt.

« Trống cơm » thực đã xứng với danh hiệu « đóa hoa rừng » trong câu nói bất hủ của Bactok vậy :

« Dân ca là một đóa hoa rừng, nó khác với âm-nhạc bác-học là hoa trong tủ kính. »

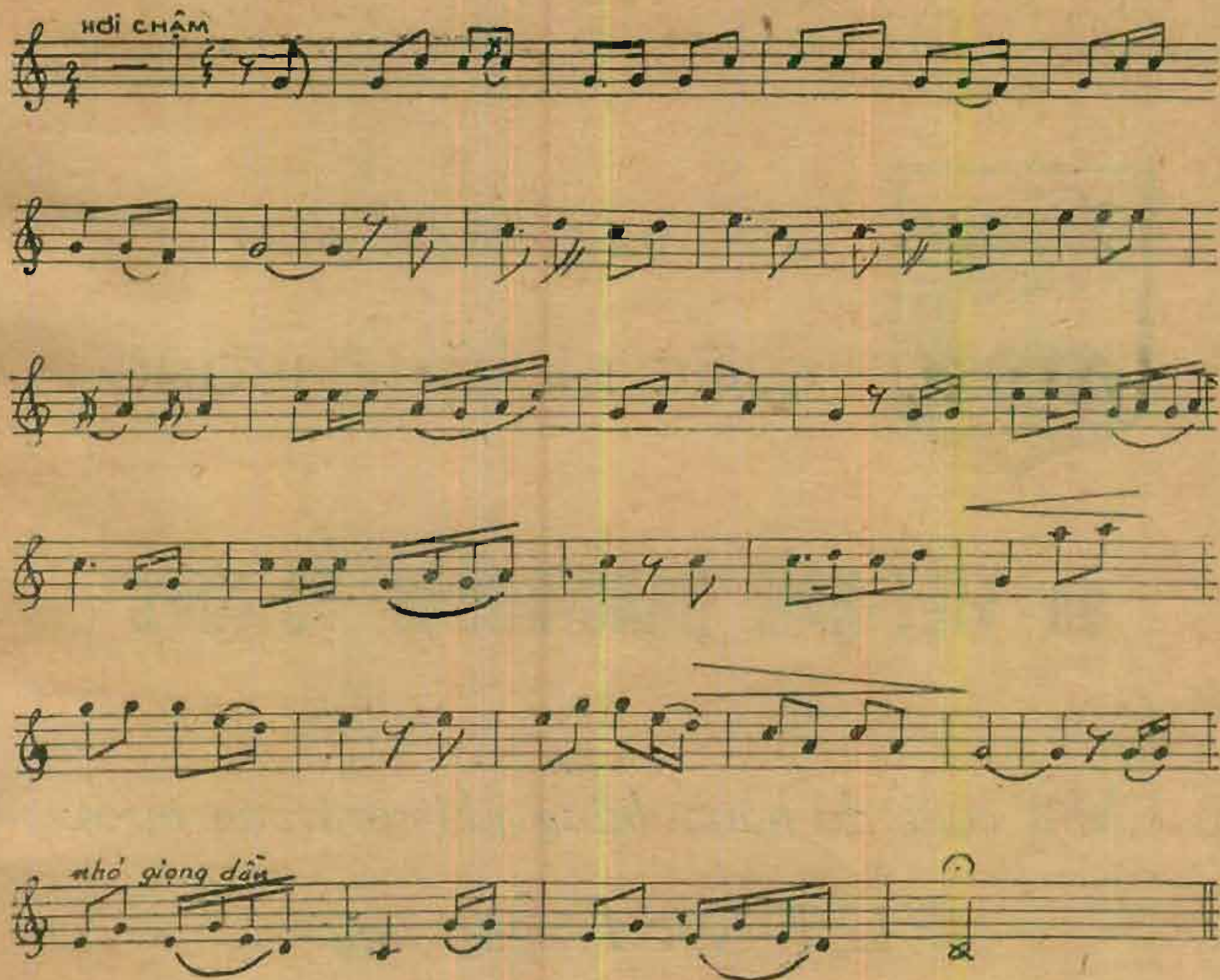
NGUYỄN-TIẾN-CHIÊU

Chú-thích : — Có một vài làng ở Bắc-ninh hát « Trống-cơm » hơi khác nhau, sở dĩ như vậy là bởi thổ ngữ từng làng không giống nhau, do đó có nhiều bản ghi âm hồi đầu xuân 1955 tại làng Bái-uyên tỉnh Bắc-ninh. Người hát là Ông Lý-Tiến-Thành, một danh ca quan họ ở làng này. Nhưng khi di cư vào Nam tôi để thất lạc mất bản lời của bài hát, nên phải viết thư xin Ông Trần-Văn-Khê. Tiện đây, tôi xin cảm ơn Ông Khê đã có nhã ý kể trên.

Người hát : *Lý-Tiến-Thành*

Ghi lời : *Trần-Văn-Khê*

Ghi âm : *Nguyễn-Tiến-Chiêu*



- Giọng I.— Tình bằng có cái trống cơm khen ai khéo vỗ ở mấy bông nén bông ở mấy...
- Giọng II.— Bông nén bông, một bày tang tình con nít, một bày tang tình con nít ở mấy...
- Giọng III.— Lội, lội, sông ở mấy đi tìm em nhớ thương ai, Đôi con mắt ở mấy lìm...
- Giọng IV.— Dim, đôi con mắt ở mấy lìm dim, một bày tang tình con nhện ơ...
- Giọng V.— Ở ở mấy giăng tơ, giăng tơ ở mấy đi tìm em nhớ thương ai. Duyên...
- Giọng VI.— Nợ khách tang bông, Duyên nợ khách tang bông.



HÃY THAM GIA

CUỘC THI VĂN-CHƯƠNG

do VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG Tổ-chức

*« Một cuộc du-hành bằng phi-cơ trong nước
VIỆT-NAM ngày nay »*

Thời-hạn chót để nhận bản dự thi 25-10-1959



XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

và những Chi-Cuộc VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG ở các tỉnh

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim

✻
Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

✻
Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

✻
Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlauey Preah Kossamac

✻
*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*

✻
Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG

(Đăng B. K. từ số 37)

XIV

Ông bạn Hoàn - Sơn đã từng góp ý với chúng tôi khi mục này mới mở, nay gởi cho chúng tôi ba tiếng địa phương của vùng Trảng-bàng, Bến-tre và Vĩnh-long, với định-nghĩa và thí dụ. Xin cảm ơn lòng sốt-sắng của ông bạn và mong rằng các bạn khác cũng vui lòng tiếp tay với chúng tôi.



Bìa (*danh-từ*) : Miệt Trảng-bàng (tỉnh Tây-ninh), học-sinh thường dùng tiếng này để gọi vật mà ở nơi khác kêu là cái cặp, một thứ đồ dùng để đựng giấy tờ, sách vở, viết thước v.v... Ở những nơi khác, như miền Hậu-giang, gọi bìa là lớp giấy cứng đóng ngoài quyển sách hay quyển vở.

Thd. — Mùa mưa, đi học không có bìa, sách vở ướt hết !

Phón (*lính-từ*) : Người Bến-tre và Vĩnh-long hay dùng tiếng này để chỉ trạng-thái lo sợ, không dám, như không dám xài v.v...

Thd. — a) Thấy quân giặc ồ-ạt kéo tới đông hơn quân số của mình, tôi phón quá (hơi lo sợ thôi, chứ không chạy).

b) Anh ta có bao giờ dám xài, anh ta phón vô cùng (ý nói như hà tiện).

Làm nhăm (*động-từ*) : Tiếng miệt trong, đồng nghĩa với tiếng trộn gỏi, làm gỏi.

Thd. — « Cha chả ! Lâu ngày mới gặp nhau, để tôi chiều mẹ bù trễ làm nhăm rồi mình nhậu nhẹt một bữa cho đã ! »

Danh từ địa phương miền Nam

Yã-Học Nguyễn-Văn-Trung và Nguyễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm từ điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)



Kí hiệu và chữ tắt dùng trong bài :

< : Do... mà ra. Thí dụ Chệch < Thúc :

Thế nghĩa là tiếng Chệch

do chữ Thúc mà ra.

Av.
Hd.

Anh-văn
Học-danh

Hv.
Ngr.
Phv.
TB.
Thd.
TTr.
Tr.

Hán-văn
Nghĩa rộng
Pháp-văn
Tiếng Bắc
Thí-dụ
Tiếng Trung
Trương

Áo-thun (danh từ ghép) : Thứ áo lót mình, có hoặc không có tay ngắn, có hoặc không có cổ bẻ, làm bằng thứ hàng có thể co rút lại.

Th d. — *Người Tàu đứng bán hàng thường bán áo-thun.*

Áp nhau (động từ) : Xấp lại với nhau, hợp nhau (bao hàm ý mau mắn và vui vẻ)

Th d. — *Thay phiên nhau giặt-giũ, rồi áp nhau mà làm vườn...* (Bình-Nguyên-Lộc, Đồ đọc, tr. 36)

Ăn rơ (thành ngữ rơ do chữ jeu đọc trại ra, trong thành ngữ Phv. *A deux de jeu*) : Xúng tay đối địch với nhau, hiểu thấu cách chơi cùng với bao nhiêu mánh lới, lừa đảo của nhau. — Cùng một phe, có nghĩa là chơi ăn ý với nhau, tạo nên những hồi đẹp mắt, thu được kết quả tốt.

Th d. — *Cô [...] nghĩ cho cái oái-oăm của cuộc đời : một thiếu-nữ bị tình phụ, trong khi ấy thì một thiếu-nữ khác lại phụ tình, thì ra trong cái trò tình ái, các tay chơi không ăn rơ với nhau, nên mới sanh ra những cuộc lộn chồn mãi mãi.* (B.Ng.Lộc, Đồ đọc, tr 116).

Bạch-chăng (trạng từ chăng < Tạng H.v) : T.B. *Bạch tạng* : nước da trắng bệch, thiếu sự hồng hào.

Th d. — *Mặt mũi y khá khôi ngô, mặc dầu đang trắng bạch chăng.* (B. Ng. Lộc, Đồ đọc, tr. 103)

Bán vằm (vằm : miệng sông rạch, chỗ vào sông rạch). Chở hàng hóa bằng ghe, buôn bán dọc bờ sông rạch, thường đậu lâu ở các ngã ba, là chỗ có nhiều cư dân.

Con bán vằm : Một người buôn bán ở các ngã ba sông 2. Ngr. *À* giang-hồ.

Bàn (danh từ, T.B. *Ván*) : Cuộc, nói về đánh bài, đánh cờ.

Th d. — *Hai ông lão đánh cờ cũng vừa xong một bàn, ngừng mặt lên và bắt chuyện với ông thợ rèn.* (B. Ng. L., Đồ đọc tr. 89)

Bánh-bía (danh từ ghép, *Bía* là thồ âm Triều-châu của chữ Bình, nghĩa là bánh) : Thứ bánh ngọt, làm bằng bột mì, hình tròn mà giẹp.

Một tiếng Việt ghép lại với một tiếng Triều-châu đồng nghĩa, cách cấu tạo của bánh-bía giống hệt như của chú Chệch (*Chệch* là thồ âm Triều-châu, của chữ Thúc, nghĩa là chú).

Bánh-cam (danh-từ ghép) : Thứ bánh có nhưn bằng đậu xanh hoặc bằng dừa nạo, chiên phồng to cỡ bằng trái cam.

Vén khéo : Gọn ghẽ, kĩ cang (H.T.Của)

Thd. — *Một nếp nhà con con, xinh xắn, vén khéo, giữa một miếng vườn mới lập cây còn non như cuộc đời chớm nở. Nó trẻ và mạnh làm sao !* (B. N. L. Đồ đọc, 23)

Yã-Hạc NG.-V-TRUNG
và
NGUYỄN-NGU.Í

ĐÍNH CHÁNH

— Bách-Khoa số 66 :

Bài « Tiếng địa phương » của Yã-Hạc Nguyễn-Văn-Trung.

trang 53, cột 1, dòng 1 : « *Sổ* », xin sửa lại : « *Lổ* ».

trang 54, cột 1, dòng 20 : « *Tranh cây* », xin sửa : « *Trạnh cây* » (trạnh, có dấu nặng).

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.



VI

Nói truyện Tam-Quốc

Từ đời Bắc-Tống đến đời Nguyên, tình-trạng xã-hội nước Tàu rất u-tối : triều-dình hà-khắc, quan lại tham-nhũng, lại thêm những năm Tống-mạt giặc-giã liên-miên mà vua quan nhà Tống thì bất lực, rốt cuộc cả nước Tàu đều bị đặt dưới gót sắt của nhà Nguyên (Mông-Cồ) Tình-hình đó làm cho trăm họ hết sức lầm-than điêu-đứng. Họ mong muốn xuất-hiện những bậc anh-hùng cái thế, biết mẫn nước thương dân đứng ra đề cứu vớt họ khỏi cơn khò-ải trầm-luân đó. Nhưng, nói chuyện hiện-tại không được, họ đành mượn chuyện xưa tích cũ mà phát-biểu khát-vọng của mình. Sự tích đời Tam-Quốc có nhiều điểm gần với tình-thế họ đang sống, nên được họ đặc-biệt chú-ý.

Đứng về phương-diện triều-dình chuyên-chế Tống, Nguyên, họ cũng muốn cho dân-chúng đi vào con đường « phục cổ ».

LUẬN NHÂN-VẬT ĐỜI TAM-QUỐC

(tiếp theo B. K. số 66)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

Vì như thế, dù cho ai có « nói bóng nói gió » cũng tương-đối ít nguy-hiểm cho họ hơn. Gia dĩ, họ có thể lợi-dụng những chuyện xưa tích cũ ấy mà lồng vào những nội-dung « trung-quân, bảo-hoàng » để ru ngủ dân-chúng.

Còn La-Quán-Trung tiên-sinh ?

Như chúng ta đã biết, tiên-sinh đã từng cùng Trương-Sĩ-Thành tham-gia các cuộc vận-động chống nhà Nguyên và có chí « mưu bá đồ-vương ». Nhưng khi Minh-Thái-Tổ Châu-Nguyên-Chương ra đời thì tiên-sinh lại lui về chuyên viết « truyền thần bi-sử », bởi vì dưới mắt của tiên-sinh, Châu-Nguyên-Chương vẫn chưa phải là « chúa thánh ». Tiên-sinh muốn có một vị vua anh-minh hơn nữa, nếu không được quán-chúng như Đường-Thái-Tông, thì cũng phải hơn-thuần như Lưu-Tiên-Chúa, đề tiên-sinh có thể là Từ-Mậu-Công hay Khổng-Minh Gia-Cát. Chứ còn người như Châu-Nguyên-Chương

bắt quá chỉ là nhờ « thiên-thời » như Tào-Tháo, hay « địa-lợi » như Tôn-Quyền hoặc thừa hưởng sẵn sự-nghiệp của kẻ khác như Tư-Mã-Viêm mà thôi.

Do từ những xuất-phát đó, cho nên, mặc dù tác-giả Tam-Quốc-Diễn-Nghĩa đã lấy tài liệu căn-bản trong Tam-Quốc-chí, nội-dung tư-tưởng của Tam-Quốc Diễn-Nghĩa vẫn khác hẳn Tam-Quốc-chí. Nếu Trần-Thọ tiên-sinh đã đề cao Ngụy, Tấn, thì La-Quán-Trung tiên sinh lại thăng tay chê trách hoặc chua chát mỉa-mai họ Tào, họ Tư-Mã. Lý-do rất dễ hiểu là vì Trần-Thọ tiên-sinh là Ngụy sử-quan của nhà Tấn, mà La-Bồn tiên-sinh thì bấy giờ đang bắt-phục Châu-Nguyên-chương, muốn lấy sự tích cũ mà ký thác tâm sự của mình. Hơn nữa, Tam-Quốc-chí được viết ngay trong đời Tấn, còn Tam-Quốc Diễn-Nghĩa lại ra đời sau đó gần 900 năm, trải qua một thời-kỳ năm sáu trăm năm được dân-chúng sáng-tạo, bồi-bổ. Dù cho La-tiên-sinh có phong-kiến đến đâu, khi viết Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, ông cũng không thể không bị những thoại bản, tạp hí của dân-chúng ảnh-hưởng, bởi vì tiên-sinh đã lấy hầu hết sự-kiện và tình-tiết ngay trong cái tác phẩm bình-dân đó.

Vì thế, đọc Tam-Quốc Diễn-Nghĩa, chúng ta sẽ không lấy làm lạ về sự mâu-thuẫn, lẫn lộn giữa hai tư-tưởng phong-kiến quý tộc và bình dân đại-chúng ngay trong đó.

Tam-Quốc Diễn-Nghĩa có cái đặc-diểm ngộ-nghĩnh là từ vua quan quý-tộc đến dân-chúng đều tán-thưởng, chứ không như truyện Thủy-Hử, tuy được dân-gian hâm-mộ, nhưng lại bị sĩ phu lên án.

Ảnh-hưởng của Tam-Quốc Diễn-Nghĩa

trong dân-gian rất lớn-lao. Nhiều lãnh-tụ dân-chúng đời Minh-mạt, như Trương-Hiến-Trung, Lý-Tự-Thành v.v... và đời Thanh như Trương-Cách-Nhĩ, Hồng-Tú-Toàn, v.v... đều lấy Tam-Quốc Diễn-Nghĩa làm binh-thơ đề tra cứu quân-mưu, chiến-lược.

Nhưng, mặt khác, đối với các triều-đình Minh, Thanh, Tam-Quốc Diễn-Nghĩa cũng được « chiếu-cổ ». Vua Minh-Thần-Tông từng phong Quan-Vũ làm Đại-Đế. Qua đời Thanh, địa-vị của Quan-Vũ lại càng được nâng cao hơn. Vua Thanh đã phong ông làm « Trung-Nghi Thần Vũ Linh Hậu Nhân Dũng Uy-Hiến Hộ-Quốc Bảo Dân Tinh-thần Tuy-tĩnh Dực Tán Tuyên Đức Quan Thánh Đại-Đế, » và cho đem vào thờ chung với Nhạc-Vương (Nhạc-Phi) gọi là Võ-Miếu, ngang hàng với Văn-Miếu thờ Đức Khổng-Tử. Những sự việc trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa cũng thường được các sĩ-phu dùng làm điển-cổ trong các văn bài nhiều hơn các loại truyện khác.

Ngăn ấy bằng chứng cũng đủ cho ta thấy nội-dung tư-tưởng của Tam-Quốc Diễn-Nghĩa khá phức-tạp rồi.

Nổi nhất trong Tam-Quốc Diễn-Nghĩa là quan-diểm chính-thống, phò Lưu chống Tào. Tuy nhiên, nếu vội vì chỗ đó mà kết-luận là phong-kiến, lạc-hậu, thì e hơi sớm và có thể phiến-diện. Vì rằng trong xã-hội phong-kiến, tự nhiên con người phải tiêm-nhiễm ít nhiều tư-tưởng chánh-thống. Ngay những lãnh-tụ dân chúng khởi-nghĩa chống triều-đình cũng còn nuôi mộng mưu bá đồ vương.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-lộ* NGUYỄN - HƯÊ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Bureau de Représentation

HONGKONG

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Zibute Matla (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

TRẢ LỜI CUỘC

PHỎNG-VẤN

VĂN-NGHỆ của BÁCH-KHOA

XIX.—HOÀNG-TRỌNG-MIÊN

Sinh năm 1918 tại Nguyệt-biểu (Thừa-thiên). Từ năm 1935, siết trên các báo Đông-Phương (Đỗ-Trúc-Trâm), Nhật-Tân (Phùng-Tất-Đắc) ở Hà-nội năm 1936, làm báo tại Sài-gòn, cộng-tác với các nhật-báo Dân-Quyền, Điện-Tin, tuần báo Tân-Văn của Phan-Văn-Thiết, Mai của Đào-Trình-Nhất... Chủ-trương tuần báo văn-ngệ Người Mới (1939), nhà xuất-bản Đông-Phương (1940): Sài-gòn-Hà-nội.

Từ năm 1952, siết báo, siết văn, làm kịch, kí tên Hoàng-Thu-Đông. Vừa bắt đầu in bộ Việt-Nam Văn-Học Toàn-Thư (đã phát-hành cuốn I).

Hiện dạy lớp thoát-kịch ở trường Quốc-gia Kịch-ngệ.

1 — Truyện ngắn hay là một văn-đề tương-đối đối với người đọc. Truyện thích nhất cũng lại là văn-đề khâu-vị của độc-giả. Riêng tôi ưa truyện cổ-tích nói chung, đã mở thế-giới thơ mộng cho tôi hồi bé, vẫn còn rung-động giúp tôi giữ được tâm-hồn trong lành qua những bát nháo của cuộc đời.

Truyện Từ-Thức (1) đối với tôi là thú-vị nhất. Về kỹ-thuật, mỗi người nghe một cách, và kể lại theo mình, nên tôi cho là có nhiều hứng-thú vì sự sáng-tác đóng góp của riêng từng cá-nhân vào truyện cổ-tích.

2 — Truyện ngắn ngoại-quốc, tôi cũng đã đọc được ít nhiều của nhiều dân-tộc khác nhau, xét cho cùng tôi vẫn thích nhất truyện ngắn của Oscar Wilde. Cái hay đặc-biệt trong sáng-tác của nhà nghệ-sĩ Anh cũng khó nói ra cho đầy đủ được,

tôi xin kể ra đây một mẫu đề tự nó nói lên nhiều hơn:

« Ngày xưa có một người đàn ông ở trong làng được người ta mến vì anh

(1) Về việc cho truyện cổ-tích — do dân gian kể, chứ chẳng phải do nhà văn viết lại — là truyện ngắn, chúng tôi đã có ý-kiến khi đăng bài trả lời của Thiếu-Son. Xin bạn đọc xem lại B.Kh. số 59. Riêng về « Từ-Thức », ngoài « Từ-Thức lấy vợ tiên » của Nguyễn-Dữ, đầu thế-kỷ XVI, chúng ta còn có « Truyện Từ-Thức » do Phạm-Duy-Khiêm viết lại một cách gọn gàng và nhẹ nhàng bằng... tiếng Pháp, ở gần giữa thế-kỷ XX, và mới đây « Từ-Thức bỏ vợ », theo dòng suy tưởng của Võ-Phiến. Về văn vần thì cách đây trên 20 năm, trong 2 số báo Tết Đàn bà mới rồi Việt-tân thì phải, Phi-Yến, nhà thơ tài hoa và xấu số miền Nam, đã dùng thẻ kể chuyện bằng thơ mới, rồi thẻ kịch bằng thơ cũ, để đưa một Từ-Thức cương-quyết về cõi tục đề « sống đời tầm tởi giữa trần ai », và mới đây Đoàn-Thêm lại trình bày một Từ-Thức đã tìm được đường: về trần đề kiến-thiết quê-hương, bằng đủ mọi lối thơ.

hay kể chuyện. Mỗi buổi sáng, anh ra đi khỏi làng, rồi đến chiều tối trở về, tất cả mọi người trong làng, sau một ngày làm lụng vất vả, đều xúm quanh anh ta mà bảo rằng : « Anh kể chuyện đi, hôm nay anh thấy những gì ? » Anh ta kể : « Tôi thấy ở trong rừng một lâm-thần đang thổi sáo cho một lũ thần con múa nhảy vòng quanh ». Dân làng bảo : « Kể nữa đi, anh còn thấy những gì ? » « Khi đi tới bờ biển, tôi thấy ba nữ-hải-thần ở đầu ngọn sóng, đang chải vuốt tóc xanh với chiếc lược vàng ». Mọi người đều mến anh vì anh kể chuyện cho họ nghe.

Một buổi mai, anh đi khỏi làng như thường lệ. Nhưng khi tới biển, anh trông thấy ba nữ-hải-thần, ba nữ-hải-thần ở đầu ngọn sóng, đang chải vuốt tóc xanh với chiếc lược vàng.

Anh lại đi nữa, đến gần ven rừng, thì thấy một lâm-thần đang thổi sáo cho một lũ thần con múa nhảy vòng quanh... Chiều hôm ấy, khi trở về làng, mọi người lại hỏi anh như mỗi tối ; « Anh kể chuyện đi, hôm nay anh thấy những gì ? » Anh ta đáp : « Tôi không thấy gì hết ».

HOÀNG-TRỌNG-MIÊN



★ XX.— ĐÔNG-HỒ

Tên thật là Lam-Tấn-Phác, tự Trác-Chí, hiệu Đông-Hồ ; sinh ngày 8-3-1606 tại Hà-tiên.

Nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, nhà báo.

Từ 1923 đến 1933, viết giúp báo « Nam-Phong » ; năm 1935, chủ-trương báo « Sống », thỉnh-thoảng có bài đăng các báo trong Nam ngoài Bắc : Đông-pháp thời báo, Phụ-nữ Tân-văn, Việt-dân, Mai, Tri-tân...

Năm 1950, sáng lập nhà xuất-bản « Bốn Phương ». Năm, 1956, Giám-đốc báo « Nhân-loại ».

Về giáo-dục, mở « Trí-đức học xá » Hà-tiên, chuyên dạy bằng tiếng Việt và cổ-động cho tiếng nước nhà.

Đã xuất-bản : Thơ Đông-Hồ (1932), Lời hoa (1934), Linh-Phượng (1934), Cô gái xuân (1935), Những lời thường làm trong sự học Quốc-văn, biên soạn với Trúc-Hà Trần-Thịem-Thời (1936).

HỒ I tháng chạp năm ngoái, tôi có nhận, do báo Bách-Khoa gửi đến, mấy câu phỏng-vấn về truyện ngắn. Tôi đọc lướt qua mấy câu hỏi, thấy nó khó-khăn quá ; không biết trả lời làm sao. Thêm nữa, thời kỳ sắp Tết, lòng vui rộn, nghĩ đến văn thơ câu đối, nghĩ đến cành mai giò lan hơn là những câu hỏi rắc rối.

Ăn Tết rồi, ra giêng, tôi lại nhận được những câu hỏi đó và một bức thư nhắc lại, đòi tôi trả lời cho được. (1)

Bấy giờ, tôi mới đem mấy câu hỏi ra đọc kỹ lại, thì thấy quả thật là khó trả lời.

(1) Chủ-nhân ông « Yiêm - Yiêm, thư - trang » quả là nói oan cho người phụ-trách cuộc phỏng-vấn : nhắc nhở, nài nỉ thì có, chớ đòi, lại đòi cho kì được, thì nào ai đâu dám.

Một lần nữa, tôi xếp nó vào trap giấy, mà dành chịu.

Mới đây, tôi lại nhận được thư nhà báo giục, mong được trả lời trong vòng tháng VI.

Lại một lần nữa, tôi đem mấy câu hỏi kia khảo cứu, đọc thiệt kỹ, để trả lời cho rồi.

Bận này thì tôi bỗng sanh ra nhiều ý nghĩ, đối với mấy câu hỏi đó.

Trước hết, hãy chép lại mấy câu phỏng-vấn của nhà báo :

I.— *Tự cổ chí kim, truyện ngắn Việt nào, bạn (ông, bà, cô) cho là hay nhất, hoặc truyện ngắn Việt nào, bạn (ông, bà, cô) ưa thích nhất ? (2)*

II.— *Lý-do chọn lựa.*

III.— *Tự cổ chí kim, truyện ngắn ngoại quốc nào, bạn (ông, bà, cô) cho là hay nhất, hoặc truyện ngắn nào, bạn (ông, bà, cô) ưa thích nhất ? (2)*

IV.— *Lý-do chọn lựa.*



Tôi không phải là nhà khoa bảng, không từng đi thi, và cũng không từng chấm thi.

Nhưng tôi cũng thường được nghe nhiều người kể chuyện rằng : Các vị giám khảo khó, thường tìm những câu hỏi « mẹo » để đặt bẫy học trò. Câu hỏi, mới nghe thì giản-dị lắm, nhưng hấp tấp trả lời ngay, thì bị đánh rớt tức thì.

Ví dụ, tôi có nghe chuyện một vị giám-khảo hỏi cử tử về Sử-Địa :

— Anh có từng đi Mỹ-tho chưa ?

(2) Sau này, câu hỏi nôm na và rõ ràng hơn, như đã đăng trước bài « Lời nói đầu của người phụ-trách cuộc phỏng-vấn », số 58, ngày 1-6-1955. « Từ xưa đến nay, trong các truyện ngắn... bạn đã đọc, truyện ngắn nào bạn cho là v.v... »

— Thưa có.

— Anh biết Mỹ-tho ở đâu không ?

— Thưa, là một tỉnh lớn của Nam-Việt, ở về phía tây nam cách kinh-dô Sài-gòn 60 cây số.

— Thôi được ! cho anh ra !

Rồi thì anh cử tử đó bị hồng kỳ vẫn đáp. Vì anh bị không (0) điểm về môn Sử-Địa.

Lâu lắm, người ta mới vỡ ra rằng, vị giám-khảo nọ cố tình muốn đánh hồng anh cử tử kia, nên đã hỏi... một câu hỏi mẹo. Anh mắc bẫy ngay.

Anh là sinh-viên Trung-học đệ-nhị-cấp, anh thi Tú-tài phần II, sao mà anh được trả lời giản-dị như cậu học trò bé lớp ba như vậy.

Anh phải nói cho đúng là tỉnh Mỹ-tho nằm lọt vào Bắc vĩ-tuyến hay Nam vĩ-tuyến thứ mấy, vào Đông kinh-tuyến hay Tây kinh-tuyến thứ mấy, mới được chứ.



Cồ tích có chuyện anh kia đi hỏi vợ. Nhà vợ giao ước, hễ anh ăn hết một cái bánh trắng nướng, làm một miếng một, thì gả con gái cho.

Anh sướng quá. Vì một cái bánh trắng nướng, anh bóp nát đi một cái trong bùm tay quăng vô miệng, ngốn nuốt đi một miếng là hết ngay tức thì. Với điều kiện đó, sự được vợ thật là giản-dị vô cùng.

Nhưng mà anh đã mắc mẹo rồi.

Khi anh nuốt hết ngón bánh trắng, phui tay, đứng lên xin cưới, thì ông già vợ hờ chỉ cho chú rề hụi thấy : Dưới đất, chỗ chú đứng, hãy còn vô số mảnh bánh trắng vụn rơi rớt. Điều đó chứng tỏ là chú ăn

không hết một cái bánh tráng nguyên, vào bụng chú.

Thế là anh chàng hấp tấp, tưởng giản-dị mà thật là khó khăn; anh chàng mắc một câu đố mẹo mà mất vợ,

Anh chàng hụt vợ, tức quá. Về hỏi kể một ông mưu sĩ nổi tiếng là có rất nhiều diệu kế. Ông mưu sĩ kể tai anh nói nhỏ :

— Anh hãy về làm như vậy, như vậy...

Anh chàng lãnh kể ra về...

Chuyện anh chàng đi hỏi vợ, đến đây hãy ngừng đây cái đã. Anh sẽ cưới được vợ hay không, còn có « hạ hồi phân giải ».

Bây giờ, hãy nói tiếp chuyện phỏng-vấn của báo Bách-Khoa.



Báo Bách-Khoa quả là vị giám-khảo khó, muốn gài bẫy, đánh rớt cử tử mà chơi. (3)

Câu hỏi của báo Bách-Khoa quả là câu hỏi mẹo. (3)

Cuộc phỏng-vấn của báo Bách-Khoa quả là cuộc thử thách chàng rề của một ông nhạc mưu cơ.

Cử tử nào, hấp tấp, chú rề nào lấp lửng, trả lời ngay là mắc mẹo đó.

Ngài nào được phỏng vấn mà vội vàng trả lời rằng :

(3) Đây chẳng qua là ý riêng của Đông-Hồ tiên sinh khi trầm ngâm cạnh lư trầm ở an Đại-ân, chớ thật ra, báo B.K. nào dám bày ra... một cuộc thi để đóng vai giám khảo hầu tạo dịp gài bẫy nhà văn này, hỏi mẹo nhà giáo kia. Hẳn sau khi đọc « Lời nói đầu » của chúng tôi (B.Kh. số 58), các bạn đã rõ nguyên nhân và mục đích của cuộc phỏng vấn văn nghệ này, mà chẳng nỡ buộc chúng tôi — như tác giả « Cô gái xuân » — vào cái tội đáng « để một tiếng cười ồ sau » này. Nhưng biết đâu Đông-Hồ tiên sinh lại chẳng cố tình hiểu « ồm ồm » thế để làm khó với Bách-Khoa chơi và cũng dễ làm... duyên với bạn đọc thiệt.

— Tôi cho truyện ngắn Giáp, truyện ngắn Ất nào đó là hay nhất; thì ông giám khảo Bách-Khoa sẽ hỏi vặn lại rằng :

— Ngài có biết tự cổ chí kim, từ đông chí tây, có tất cả là bao nhiêu truyện ngắn không? Nếu Ngài không trả lời được dứt khoát con số thì Ngài hãy trở về học lại; rồi đợi đến khoa sau, hãy đi thi. (4)

Còn như có người nào trả lời chống chế rằng :

— Thưa giám khảo, tôi đã đọc hết truyện ngắn từ cổ chí kim từ đông chí tây rồi đó.

Tức thì, vị giám-khảo sẽ nghiêm giọng như ông nhạc gia hạch sách chàng rề, mà bảo Ngài rằng :

— Ngài có nhìn thấy đó không? Hãy còn biết bao nhiêu là mảnh bánh tráng vụn nát, rơi rớt quanh chỗ Ngài đứng kia. Ngài đã nuốt nó hết cả vào bụng hay chưa mà dám đại ngôn là nuốt hết.

Thế là « Ngài được phỏng vấn » sẽ bị đánh rớt như anh cử tử nọ, và sẽ bị mất vợ như anh chàng rề kia.



Xe trước đồ, xe sau phải tránh. Tôi không lấp lửng trả lời ngay. Tôi phải suy đi nghĩ lại để dùng mẹo phá mẹo.

Tôi hi vọng thành công. Vì tôi nghe rằng anh chàng rề bị hụt vợ một lần đó, sau nhờ mưu mẹo của ông mưu sĩ mà phá được bẫy của ông nhạc gia, rồi thì anh bắt phải gả con gái cho anh, bằng được.

Thì có gì đâu.

(4) Lại một ý riêng nữa của nhà thơ ở cạnh hồ Đông. Ai mà dám nghĩ rằng trên đời có người đọc hết cả truyện ngắn Đông, Tây, kim, cò. Cái nghĩa tương đối ai lại dành chẳng hiểu.

Sau khi lãnh kế « như vậy, như vậy... » của ông thầy đã mưu túc trí kia về, anh chàng đi mua ngay một con gà cồ to lớn. Anh nhốt nó vào một cái lồng, bỏ đói nó đúng ba ngày.

Đến bữa thứ tư, anh bồng con gà theo qua nhà ông già có cô con gái đẹp.

Anh lại đòi xin cưới vợ, như lần trước.

Ông già, cũng như lần trước, đưa điều kiện bánh tráng nướng cho anh.

Anh chàng, phen này cẩn thận, bắt buộc ông nhạc phải mời một ông, với một bà hàng xóm đến làm chứng, đảm bảo, nếu khi anh đã ăn hết cái bánh tráng, thì ông nhạc không được bội ước.

Ông già bằng lòng.

Cũng như lần trước, anh chàng bóp nát ngay cái bánh tráng nướng, ngốn vào miệng, làm một miếng, nuốt mất.

Anh đứng, hiu hiu tự đắc, đợi. Ông già, cũng như lần trước, đưa tay toan chỉ cho anh xem những mảnh bánh tráng vụn. Nhưng mà ông già ngạc nhiên biết bao, ông không tìm thấy một hạt bụi bánh rơi nào hết. Mà ông thấy, ở đó, có một con gà cồ đang đứng thỏa thích quẹt mỏ dưới đất.

Tức thì, ông hiểu hết.

Không cần phải viện chứng hai người hàng xóm, ông già cũng nhất định cho làm đám cưới ngay, vì ông rất hài lòng gả được con gái cho một anh học trò « đã mưu túc trí ».



Sau khi học được điệu kể của anh chàng rể nọ, bây giờ thì tôi vững lòng trả lời câu phỏng vấn của báo Bách-Khoa rồi.

Ví như có hỏi tôi :

— Anh đã chắc rằng anh đọc tất cả truyện ngắn tự cổ chí kim, tự đông chí tây chưa ?

Thì tôi sẽ đáp rằng :

— Hãy cứ kể cái phần lớn tôi đã nuốt được vào bụng tôi mà thôi. Kể mà làm chi những cái vụn vặt rơi rớt quanh tôi, chỉ đủ đủ cho con gà mổ mót.



Bây giờ tôi xin chấm :

I.— Truyện ngắn của ta mà hay nhất cổ-kim, phải là truyện « *Thề Non Nước* » của Tản-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu. (5)

Truyện này tôi đọc thấy đầu tiên, trong sách *Tản-Đà tùng văn*, do Imprimerie Tonkinoise in, và Tản-Đà thư điểm xuất bản ở phố hàng Gai, Hà-nội, năm 1922.

Rồi từ đó, tôi đọc đi đọc lại, mười lăm hai mươi lượt nữa. Quả là chưa có bài văn nào, kể cả văn-thơ của mình, mà được tôi đọc nhiều lần như thế.

(5) Vũ-Ngọc-Phan, trong Nhà văn hiện-đại, cũng cho « *Thề non nước* » là một truyện ngắn. Song dưới tên « *Thề non nước* » đã đăng trong Tản-Đà tùng văn, tác-giả cho in hai chữ *thuyết-văn* (danh-từ mà nay chẳng được ai dùng, và riêng chúng tôi chẳng hiểu rằng nghĩa). Một cuốn văn tuyển nọ chọn bài thơ « *Thề non nước* » rồi chú rằng : « Bài này trích trong cuốn tiểu-thuyết nhỏ : « *Thề non nước* » của tác-giả kể lại chuyện gặp gỡ của một đào nương với một khách làng chơi ».

Nhà phê-bình Lê-Thanh, trong cuốn « *Thi-sĩ Tản-Đà* » (Tản-Đà thư cục xuất-bản, Hà-nội, 1939) cho « *Thề non nước* » là tiểu-thuyết (phần tiểu-sử) và ngay dưới cái nhan « *Thề non nước* » do nhà Hương-sơn tái-bản, Hà-nội, 1949, có ghi hai chữ : tiểu-thuyết. « *Thề non nước* » kì này in với truyện « *Kiếp phong-trần* », được 44 trang, khổ 13/20.

Tôi thường nói : Muốn biết giá-trị của một thiên tiểu-thuyết, một bài văn, bất kỳ là một tác-phẩm nào, hãy đem so sánh với một người giai-nhân.

Đàn bà có người tuyệt sắc. Có người đẹp, khi mới thoạt nhìn. Vừa thoáng thấy đã tưởng là nghiêng thành đổ nước. Nhưng đến khi nhìn lâu hơn một chút, thì không thấy đẹp nữa rồi. Nhìn càng lâu, thiệt lâu, lại càng thấy xấu thêm ra.

Có người đẹp khi đứng xa mà nhìn. Ở xa mà ngắm thì tưởng là ngà trau ngọc đúc. Nhưng đến khi xích gần một chút mà nhìn, thì không thấy đẹp nữa rồi. Nhìn càng gần, thiệt gần, lại càng thấy xấu thêm ra.

Hai hạng người đó, đều không kể được là giai nhân bậc nhất rồi.

Vậy thì, người mà muốn kể được là người đẹp, người đó phải chịu đựng được sự nhìn ngắm gần, gần thiệt gần và chịu đựng được sự nhìn ngắm lâu, lâu thiệt lâu.

Ngắm càng gần càng thấy duyên dáng mỉ-miêu. Ngắm càng lâu, càng thấy yêu kiều đắm thắm.

Hạng người đó mới được kể là bậc giai-nhân quán tuyệt cổ kim.



Tuyền một tác-phẩm tuyệt thể văn-chương hình như cũng ở trong tiêu chuẩn, trong định luật, tuyền một tuyệt thể giai-nhân.

Một tác-phẩm, năm xưa đọc thấy, tưởng như đã là không tiền khoáng hậu, mà năm nay đọc lại, nó đã ra nhạt nhẽo tầm thường.

Một tác-phẩm mới đọc qua một lần, tưởng như đã là bá chủ văn đàn, mà khi

đọc đến lần thứ hai thứ ba, thì đã thấy nên đề yên nó vào một góc sâu nhất trên giá sách. Vì chắc chắn là không dờ nó ra nữa làm chi.

Phải chịu đựng được sự đọc lâu ngày và sự đọc nhiều lần, thì đó mới là một tác-phẩm giá-trị.

Tôi đọc *Thề Non Nước* rất nhiều lần, mà lần đọc nào cũng thấy hay lạ lùng.

Truyện đó, do một nhà thuần cừu nho viết nên, mà nghệ thuật viết nó rất hấp dẫn, điều rất ít thấy ở nhà nho. Là một lẽ đáng cho chúng ta miễn phục.

Truyện đó do một tay thiên tài thi-sĩ viết nên, bởi vậy truyện kể có một thi vị dễ say người, nhất là đối với tôi, là kẻ có máu mê thơ, thì, trách gì mà tôi chẳng đắm say.

Muốn sắp hạng theo lối Thánh Thán, thì tôi sẽ đề truyện *Thề non nước* này là truyện « Đệ nhất tài tử ».

Có thể học thuộc lòng, để đọc mà chơi, từ câu đầu truyện :

« *Vân-Anh một mình đứng giữa sân, nhìn lên giăng mà xem, thấy những đám mây bay tán loạn...* » Cho đến câu cuối truyện :

« ...*Mở tủ lấy bức tranh sơn thủy cuộn đem đi* ».

Ấy, lý do khiến tôi chăm lấy *Thề non nước* làm truyện ngắn Việt quán tuyệt cổ kim như trên đó.



2.— Chừ, đến truyện ngắn ngoại-quốc nào hay nhất ?

Có một sức vô hình xô ngọn bút son của tôi nghiêng về một góc giấy cảnh trí thần tiên, đầy thơ và đầy mộng.

Ngọn bút son đã khuyên đỏ trên dòng suối hoa đào, khiến cho cánh hoa đào đã thắm lại càng thêm thắm đỏ, như một dòng suối son chảy trên trang giấy bản mực Tàu.

Truyện ngắn « Đào hoa nguyên kỷ » của Đào-Uyên-Minh đời Tần quả là hay nhất cồ-kim rồi đó.

Từ ngày nó xuất hiện đến nay, trải đã hơn mười mấy thế - kỷ, đã có biết bao nhiêu người yêu say mê mẩn nó.

Không yêu say nó, mà sao đã có biết bao thế-hệ hòa ý-thức, hòa tâm-hồn vào với nó. Dem hòa mình sống chung với những con người trốn loạn tị Tần; dem mình tiêu dao trong cõi thần tiên hoa đào nước suối. Cồ-kim đã có biết bao thế-hệ tụng đọc nó và yêu say nó. Đã vẽ với nó bằng tranh họa, đã ca tụng nó thành thi ca, đã hình dung nó ra tưởng tượng. Cho đến giành nhau lấy nó đặt tên cho danh lam thắng cảnh.

Một truyện mà đã chịu đựng được bao nhiêu điều kiện đó, sao không đáng được gọi là một truyện hay quán tuyệt cồ-kim.

Huống chi, trong truyện, hãy còn có đủ quan-niệm về lịch-sử, có đủ quan-niệm về xã-hội nhân-sinh, có đủ quan-niệm về triết-lý, một thứ triết-lý nhẹ nhàng nên thơ dễ cảm nhiệm người đọc đến.

Ấy lý do, khiến tôi chăm lấy « Đào hoa nguyên kỷ » làm truyện ngắn ngoại-quốc hay nhất cồ-kim là như trên đó.

Ai còn nghi ngờ giá-trị nó thì xin hãy chạy đi tìm bộ cồ văn, đọc lại thử mà xem.



Cuộc phỏng-vấn gồm có bốn câu, tôi đã trả lời thông suốt hết cả rồi.

Bây giờ thì tôi ung dung đứng đợi. Đợi vị giám-khảo khe khắt và ông nhạc-phụ cơ mưu.

Tôi thành tâm cầu mong được tòa báo Bách-Khoa đừng làm như vị giám-khảo gắt gao kia, đã đánh rớt thí-sinh, một cách oan uổng; mà hãy nên làm như ông nhạc-phụ độ lượng nọ, chẳng những không tức giận, mà còn tự hào kén được chàng rể khôn ngoan, gả phức dứa con gái yêu cho anh học trò « tức trí đa mưu », tỏ ra bằng cách đăng tất cả bài trả lời này của tôi, từ đầu câu đến cuối câu, mà không bỏ đi của tôi một chữ (6).

ĐÔNG-HỒ

(6) Hân giờ đọc lại bài mình trên giấy báo mực in, tôi dấu chấm hết này. tiên-sanh đã an lòng trọn vẹn. Vì như đã thưa, chẳng có bày trò thi cuộc thử, nên đâu dám suy tôn mình làm giám-khảo mà « đánh rớt » ai kia... Nhưng hân tiên-sanh cũng đã hài lòng mà thấy tòa-áoan Bách-Khoa gửi đúng lời mình nêu lên trước khi đăng bài đáp lại: « Một mực tôn trọng ý-kiến của các vị, các bạn đã sẵn lòng hướng ứng, chúng tôi xin đăng nguyên văn bài nhận được, chỉ bỏ lại những đoạn xét có tánh cách riêng tư ».

(Các lời chú thích trong loạt bài kỳ này đều của Nguyễn-Ngu-Í).



★ XXI, — CUNG-GIỮ-NGUYỄN

Sinh năm 1909 tại Huế Tác-phần đầu tiên bằng tiếng Việt là một truyện ngắn nhan đề là Tình ái-mỹ đăng ở Đông-Pháp thời báo, Sài-gòn, năm 1928.

Từ năm ấy đến nay, đã cộng-tác với rất nhiều báo-chí, Bắc, Trung, Nam. (Nam-phong, Tiếng dân, Bạn đường...)

Sách tiếng Việt đã xuất-bản : Một người vô dụng, tiểu-thuyết, 1930, Nhân-tình thế-thái, truyện ngắn, 1931, Nợ văn-chương, tiểu-thuyết, 1934.

Năm 1938, chủ-trương tạp-chí Les Cahiers de la Jeunesse và cộng-tác từ đó với vài báo-chí tiếng Pháp. Đã làm chủ-bút tờ nhật báo Le Soir d'Asie, 1940-1941 và La Presse d'Extrême-Orient, 1954.

Cũng có bài đăng trong tạp-chí đại-học Hoa-kỳ, Symposium ở Syracuse, New-York, 1952 và Books Abroad ở Norman, Oklahoma, 1956.

Sách tiếng Pháp đã xuất-bản : Volontés d'existence (Những ý chí để sống còn, tiểu-luận, France-Asie, Sài-gòn, 1954), Le Fils de la Baleine (Con ông Nam-hải, tiểu-thuyết, Arthème Fayard, Paris, 1956). Tiểu-thuyết Le Fils de la Baleine được dịch ra tiếng Đức và xuất-bản năm 1957 tại Genève và Francfort dưới nhan-đề : Der Sohn des Walfisches.

Đã du-lịch ở Trung-hoa, Anh-quốc, Pháp, Thụy-sĩ, Phi-lật-tân, Ấn-độ, Thái-lan. Hơn đó, có viết-nhiều tạp-du-ký mà một phần đã đăng trong một nhật-báo Sài-gòn dưới nhan-đề Nước người dân họ.

Người ta không thể đọc sách nếu chưa biết đánh vần. Nhưng biết đọc chữ chưa đủ để nói về văn-chương. Theo điệu đó, người đã viết ba quyển truyện, dài hay ngắn, cũng không dám tự-hào biết về truyện ngắn và bình luận về truyện ngắn.

Đối với tôi, câu hỏi của Bách-Khoa, câu nào cũng khó trả lời cả.

Nếu phải trả lời câu hỏi : Tự cò chí kim, truyện ngắn Việt nào tôi cho là hay nhất ? Thì tôi có thể trả lời bằng cách hỏi lại : Làm sao tôi đọc hết các truyện tự cò chí kim được ?

Còn như câu hỏi lại là : truyện nào hay nhất trong số tôi đã được đọc và đọc được, thì cũng bất tiện, vì :

1) Cơ hội có thể đưa đến cho tôi toàn sách tầm-thường, thì cái hay nhất của tôi không đáng đem ra giới-thiệu với ai cả :

2) Sức đọc được của tôi, sự hiểu biết của tôi có một mức nào thôi, thì cái hay

của nhiều truyện có đọc đến cũng không được ghi nhận như cái đẹp qua trước mắt kẻ mù.

May mà Bách-Khoa... đã lo xa mà đeo thêm : hoặc ưa thích nhất ?

Nên tôi chỉ trả lời về « ưa thích nhất », vì thích thì không cần nêu lý do hay có những lý do mà người khác có thể chế cười chớ không đánh đờ được. Lý do của người có vợ chột mắt xem đàn bà khác đều thừa một con mắt hay lý do của người ghiền « sầu-riêng ». (Nhơn đây ông bạn Ngu-Í đã nghiên-cứu nhiều về tiếng địa-phương sẽ cho biết, nên viết là xoài, xài, sài hay sồi, và tôi vì ưa thích có thể dùng chữ « sầu » riêng không ?) (1)

(1) Ngu-Í tôi lại xin tác-giả « Nợ văn-chương » chịu phiền xem lại bài đầu mục « Danh-từ địa-phương » đăng ở Bách-Khoa, số 37 : chẳng những có lời giải đáp về chánh tả tên loại cây này, mà còn có cả nguồn gốc nó, cùng vài câu thơ minh họa tên nó nữa.

Vậy, trong các truyện Việt tôi được biết, tôi thích nhất truyện Trương-Chi, một truyện ngắn rất ngắn, không cần nhớ đến câu văn và cũng không lo biết ai là tác-giả. Dưới hình thức nào, cốt chuyện vẫn giữ nguyên vẹn nguồn cảm xúc phong-phú, thăm kín và sâu xa. Biết bao thi-tứ và đề tài suy gẫm về một trong mấy vấn-đề chính yếu của sinh-tồn, đã kết tinh trong một câu chuyện giản-dị như tình yêu của một người — không quản tên họ — một người đã gặp trên đường đời vừa là nguyên do đau khổ vừa là lẽ sống và lẽ chết của mình. Một tình yêu tiêu-biểu cho biết bao tình yêu trên trần thế của con người chưa thoát tục hay không trốn được nợ đời, tình yêu mà trong mắt cốt đã chất chứa cái tuyệt-vọng thâm-thâm trong những biến-giới của cảnh-ngộ và của thời-gian. Một câu chuyện đơn sơ, do một trí tưởng-tượng dồi-dào hay một kinh-nghiệm đau xót, đã nhắc lại cái cao-siêu của tình yêu chân-thành và kín-đáo. Bất cứ dưới hình-thức nào, chuyện được kể lại, dù cho trong bài hát trống quân, trong câu văn ngoại-ngữ, qua lời ca bản nhạc tân-thời hay trên màn ảnh, Trương-Chi vẫn là một nhân-vật bất hủ, một anh chàng của muôn nghìn thời-đại phải vướng bả phong trần, mang một nợ tình không biết làm sao trả được. Riêng tôi, còn nhớ một khuya nào, ngồi trong phòng khách của một bạn Trung-hoa ở Quảng-châu, được uống nước trà trong tách ngọc có ăn hình chiếc thuyền của Trương-Chi trên dòng sông, hình ảnh người ấy đã gây cho mình biết bao cảm-xúc êm dịu, trong khi ở một phòng bên cạnh, tiếng nhạc dương-cầm, chậm rãi và véo von, như đệm tiếng thồn-thức của một trái tim

đau đớn. Sáng-tác là do nơi cảm-xúc. Và giá-trị của một tác-phẩm là nơi khả-năng gây cảm-xúc cho người thưởng-thức. Đây chỉ là một ý riêng, nhưng chính vì chỉ có thể mà thích, mà trở nên bất công với bao nhiêu tác-phẩm cũng hay biết bao trong việc gây thứ cảm-xúc khác hay nói lên những bài học khác. Có thể mơ-mộng nhiều theo cái điên cuồng của anh ngư-phu xấu xí mà hát hay, và cũng có thể mơ-mộng nhiều khi nhớ đến giọt nước mắt của người đẹp được yêu mà bấy lâu không hề biết, giọt nước mắt bằng thương hại hay tiếc thương, giọt nước mắt linh-nghiệm đủ yên lòng kẻ chết vì mình, chết với hình ảnh mình, đủ để giải thoát một linh-hồn còn vơ-vẩn lụy.

Có lẽ cũng vì nghĩ đến Trương-Chi, mà nhớ lại các truyện ngắn ngoại-quốc tôi đã đọc, tôi thích nhất chuyện « Cây táo » (*The apple-tree*) của John Galsworthy. Cũng là một truyện tình. Cũng là chuyện một người chết vì tình, chuyện một thiếu-nữ tưởng tìm được lời thề ước trong lời nói, cử-chỉ của một thanh-niên qua đường, và trọn đời, đã chờ mãi người yêu chẳng bao giờ trở lại.

Ai có sống những khoản đời tương-tự như những chuyện viết thành văn cũng biết vì sao người ta thích đọc lại, nhắc hoài, thứ chuyện ấy. Nhà văn đã viết thay cho chúng ta, đã diễn-tả dưới hình-thức mỉ-miêu điều ta ước được nói.

Văn-chương là một phương-tiện nối liền và an ủi. Một tác-phẩm, dù là của ai, đạt được kết-quả ấy, cũng đáng cho ta thích.

CUNG-GIỮ-NGUYỄN

Ký sau : Lê-Văn-Trương, Võ-Đức-Diên, Nguyễn-Phúc.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa chỉ : 40-48 đường Ngô-đức-Kể Saigon

Địa chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-PHỦ

Tác-phẩm : Thi-nhân Việt-nam hiện-đại

Tác-giả :

Phạm-Thanh

Nhà xuất-bản :

Khải-Trí



Những người bị nạn và những kẻ gây ra tai nạn

THIÊN-HẠ đang sống tương-đối yên-vui thì bỗng-nhiên quyền *Thi-nhân Việt-nam hiện-đại* của ông Phạm-Thanh ra đời.

Người ta bắt buộc phải nói đến nó và kẻ ra nói đã nhiều rồi. Có người đã la lên, bảo đừng nói nữa, bởi vì nó không đáng nói, dù là nói bằng bất cứ giọng nào. Có lẽ người ta ngại rằng cứ nhắc đến mãi thì thiên-hạ sẽ chú-ý đến nó nhiều hơn trong khi nó đáng được quên đi như những thứ vô-ích người ta vẫn quên hằng ngày.

Đối với những cái sai-lầm và những cái xấu-xa, thiết-tưởng cần phải phỉ thêm thì giờ để phân-tích cho đến gốc rễ, bởi vì có làm như vậy mới mong dứt tuyệt được những xấu-xa và những sai-lầm. Nhiều người đã xem tập thi-tuyển của ông Phạm-Thanh như là dấu-hiệu « một sự loạn-lạc trong văn-nghe ». Nếu quả thế thì sự tiêu-trừ phiến-loạn cũng là một nhiệm-vụ vô cùng cần kíp.

Đưa trở lại vấn-đề này chúng tôi không dám phô bày một sự bất-bình cá-nhân trước một hiện-tượng suy đồi. Chúng tôi

nghĩ đến cái trách-nhiệm chung của những con người yêu mến văn-nghe cố-gắng bảo-vệ lấy cái mảnh đất sinh-hoạt tinh-thần từ lâu mình vẫn tin yêu và mong muốn càng ngày nó càng thêm trong sạch thơm tho. Đồng-thời chúng tôi cũng nghĩ đến một số đông nhà thơ chân-chính có mặt ở trong thi-tuyển. Một số bây giờ đã là những người thiên cò không thể tự bôn-hạ được đành nhờ những người còn sống bảo vệ cho họ. Một số hiện-giờ đang ở trên đời nhưng bằng cách này hay cách khác đã bị lừa bịp mà có tên trong « sổ đoan-trường », bây giờ vì tự trọng nên không muốn nhắc đến, trừ trường-hợp nhà thơ Nguyễn-Vỹ có sẵn cơ-quan ngôn-luận trong tay kịp thời đính chính đôi điểm ở trong tiểu sử của mình.

Nhưng trong thi-tuyển không phải những người có mặt đều là nạn nhân tất cả. Thực ra, còn lại một số thích được gọi là « thi-sĩ » và thích ngồi trong một quyền sách 10 dày như thế. Họ muốn mượn cái bóng lớn của những nhà thơ nổi tiếng để nép mình vào. Y như rêu bám vào

cây. Y như cáo đội lốt hùm. Và như thế họ quả thực không phải là nạn-nhân mà chính là những kẻ cố-tình gây ra tai-nạn.

★

Một sự mô-phỏng nhầy nhụa

Kể từ ngày Hoài-Thanh soạn quyển Thi-nhân Việt-nam đến nay đã hai mươi năm qua. Hai mươi năm lớn lao qua, lại một thi tuyển ra đời. Người ta tin-trưởng đón xem. Cái hình-thức quy-mô, công-phu của nhà sách Khai-trí, vốn có uy-tín ở Đô-thành càng làm cho người đọc chan chứa cảm-tình. Nhưng cái áo không làm nên ông thầy tu. Và hơn bao giờ hết người ta tìm được một chứng-minh cụ-thể cho câu... đỏ vỏ xanh lòng.

Điều khiến người ta chú ý trước nhất là ảnh hình của các thi-nhân. Trừ một số ảnh đứng đắn của những người biết tự trọng, tác-giả đã mượn lại những tấm ảnh ngày xưa và vẽ lại lam nham, góm ghiếc. Thêm vào đó một số ảnh chụp kiểu của những người tìm thấy dịp may hiếm có được ngồi vào một chỗ như thế, hoặc nhe răng cười duyên một cách điểm dàng, hoặc đội mào trắng, mang gương đen, ngậm thuốc phi-phà như một tay trình-thám trên màn ảnh, hoặc khoác đủ y-phục đại trào của một ông tiến-sĩ « *đóa mồi đỏ thắm, má bóng lọng phơn phớt sắc hoa đào* » (trg 506), y như cuộc triển-lãm tranh ảnh của một đại nhạc hội có đủ minh-tinh, quái-kiệt !

Rồi lại vẫn cái kiểu ghi tiểu-sử lần thân ngày xưa, nhiều khi nhố nhăng đến rất buồn cười. Một ví dụ ở trang 691: *Theo Tây học thi-sĩ đã từng học qua các trường...* (xin hãy đoán xem...)... *trường Ecole primaire française !* Thì ra có học qua cái trường

tiểu-học Pháp này nên thi-nghiệp của tác-giả có những ảnh hưởng lớn lao ! Thảo nào sau đó có nghe thi-sĩ rên rỉ với một cô dâm lô-canah :

Mary hỡi ! cầu mong em vẫn đẹp (trang 696).

Đó là chưa kể người ta đã rửa khéo bao nhiêu thi-sĩ, đã dùng phép màu của phù-thủy cho sống khi họ đã chết, bắt chết khi họ còn sống, bôi nhọ cả người quá cố cũng như gia-đình của họ. Những trường hợp này một số nhật-báo và tuần-báo đô-thành đã nói đến đầy đủ lắm rồi. Trường hợp Quách-Thoại (trang 677) là một ví-dụ tàn-nhẫn. Xuyên-tạc cái chết của Quách-Thoại, ông Phạm-Thanh quên rằng đã làm tổn-thương đến danh-dự của gia-đình thi-sĩ, nhất là một gia-đình Việt-nam có tất cả nề nếp cổ-truyền. Người ta tiên đoán rằng câu chuyện này sẽ có thể chờ đợi ông Phạm-Thanh ở nơi Tòa-án.

Tóm lại, tác-phẩm của Phạm-Thanh là một công-trình mô phỏng theo Hoài-Thanh, y như nàng Đông-Thị bắt chước Tây-Thị nhân mặt, chỉ tiếc Tây-Thị này cũng chưa phải là chim sa cá lặn !

Nhưng điều hơn hẳn ngày xưa là ông Phạm - Thanh không phê - phán gì hết. Nghĩa là không có ý-kiến gì cả. Người ta có cảm tưởng là ông không đọc qua một bài nào hoặc có đọc nhưng không chịu hiểu gì cho nên tốt hơn là giữ sự im-lặng. Kề ra, như thế, ông Phạm-Thanh tránh được một số tội ác. Bởi vì Hoài-Thanh ngày xưa không những giới-thiệu những bài thơ sa-đọa lại còn tìm cách ca ngợi cái bề sâu của sự sa-đọa ấy để thêm thêm nọc độc vào cho thời-đại vốn chẳng phải là lành mạnh gì. Cho nên không phê-phán được một lời nào,

ông Phạm-Thanh ngày kia xuống nơi địa ngục sẽ tránh khỏi vào cái lò lửa thứ mười. Nhưng như thế, thay vì làm một tác-giả, Phạm-Thanh làm một chủ tiệm, một chủ tiệm چاپ - pho tổng kê các món hàng hóa !



Những vần thơ trơ-trẽn.

Những diêm trên đây trong cái công-trình mô-phỏng nhầy-nhựa của ông Phạm-Thanh đã được các báo hằng ngày và hằng tuần nói đến khá nhiều. Có người đã xem đó như là một cái quái thai. Gọi như thế vẫn còn là giọng nói khoan-dung của một người đạo-đức. Bởi vì đã gọi là cái thai thì ít nhiều nó cũng có sự thuần-nhất, ít nhiều cũng phải có công mang nặng đẻ đau, dù cho không phải là thai của loài người.

Nhưng vấn-đề mà người ta chưa muốn đi sâu là tìm hiểu nội-dung tập thi-tuyển mà nhiều người quan-niệm như không phải lỗi của ông Phạm-Thanh. Thực ra nếu ông Thanh có chút công-phu tìm tòi góp nhặt được những vần thơ khả dĩ tiêu-biểu được cho thời-đại chúng ta thì thiên-hạ sẽ vì tác lòng ưu-ái của ông đối với văn-ngệ mà sẵn-sàng quên đi những cái lỗi lầm đáng tiếc như đã nêu ra mất bao giấy mực, thì giờ. Nhưng ông Phạm-Thanh không hề nghĩ đến thi ca, không hề tưởng đến thi-sĩ, nói chi đến chữ thời-đại cho thêm xấu-hỗ ghen-ngào. Xin đừng vu-cáo cho ông có nuôi một thiện-chí xây-dựng nào mà tội. Quả-tình, sau trước ông chỉ là một kẻ đi buôn, đầu cơ cái lòng yêu mến thi ca của độc-giả Việt-nam, đầu cơ cái tấm lòng dễ-dãi của một số thi-nhân vốn giàu xúc-cảm, đầu cơ cái thi-nghiệp của một số người quá cổ không còn tự bênh-vực được mình và đầu cơ

sự bất tài hiệu danh của một số người muốn lợi-dụng nép vào cái bóng lớn của một số thi-gia có thực tài để được « lưu-danh hậu-thế » mà quên rằng một nhánh cỏ dại chiết vào một gốc sung già cũng không làm nổi một vệt rêu khô.

Và cuối cùng, nếu cần nói thêm cho đủ sự tình thì ông Phạm-Thanh đã đầu cơ cái tinh-thần vô trách-nhiệm của chính ông và đầu cơ cái không-khí tự-do văn-ngệ của miền Nam chúng ta.

Trên cái tinh-thần buôn bán ấy, ông Phạm-Thanh đã không ngần-ngại cho vào cái công-trình góp nhặt của ông tất cả những bài thơ thuận lợi cho sự làm ăn bất-chính, không cần biết đến cái giá-trị của nó thế nào, theo đúng tinh-thần của một cuộc lạc-quyên đồ cú ! Trừ một số thi-ca lỗi-thời của những người thơ bất-lực dưới thời Pháp-thuộc nói lên giọng oán lời than vơ-vãn, còn lại đã nói những gì ?

Trải bao biến-chuyển dồn-dập — chiến-tranh oanh-liệt, thảm-khốc, sụp-đổ, điêu-tàn, chia rẽ — đất nước đã được dựng xây trên những tình-trạng xót xa, cố-gắng vươn đến một ngày mai cho thật huy-hoàng. Lớp người văn-ngệ — những phần-tử chừng nào đã được ưu-dãi trong xã-hội, vốn dồi dào cảm-xúc, vốn cho mình tài-năng, vốn là những kẻ luôn luôn tự-phụ nuôi sống cuộc đời bằng gan ruột của mình như con bồ-nông của Musset — lớp người tự xem là ở trong tinh hoa của dân-tộc ấy chắc phải lớn lên cùng với cuộc đời đã đứng gượng dậy sau bao hủy-hoại gây nên bởi lũ vô loài.

Lớp thi-sĩ ấy — hay tự-mệnh là thi-sĩ ấy — hiện-diện không ít ở trong thi-tuyển

Phạm-Thanh. Họ nói những gì đề tiêu-biểu cho tinh-thần dân-tộc ? Cho đau khổ lớn lao của cuộc đời ? Cho sự sụp đổ và vươn lên của ý-thức con người đang từ những giầy giụa trong sa-đọa, vùng-vẫy trong ngang-tàng, nghẹn-ngào trong bần-khoăn, tiến lên bình-tĩnh nhịp nhàng để đoạt lấy ngày mai ? Họ đã nói gì ? Họ không nói gì hết cả. Họ đang bận tâm rên siết, thở-than, tán tỉnh nhiều lời. Đọc họ, đa số những người lương-thiện đều không dẫn được bất-bình. Một sự tầm-thường nhạt-nheo đến kinh-khủng cổ khoác lên một màu trí-thức cao-đạo, một vẻ thi-nhân khác đời. Qua những vần, những chữ ồn-ồn y như những kẻ vô-duyên làm dáng, ta không tìm gặp một sự sống nào cho trọn vẹn, cho độc-lập, mà toàn là sầu cũ, rên cũ, nhớ cũ, mơ cũ và nhìn cũ, rập theo khuôn khổ lệch lạc của một số lười biếng theo đuổi nghề thơ như tìm một công việc nhàn nhã phong-lưu đề trang điềm tinh-thần mà ngày xưa Hoài-Thanh đã ghép thành thi-tuyển, hoặc rập theo cái kiểu mẫu của những con người bất thành nhân dạng của Tây-phương mà họ có dịp tiếp-xúc qua đôi tờ báo Pháp và cho đó là cội nguồn lớn lao của trí-thức, của ánh-sáng mới mẻ ! Qua những bài thơ — có nên gọi là bài thơ không ? — ta thấy họ không hiểu nỗi tâm-hồn của họ, không chờ nỗi sự sống của họ, không cưỡng nỗi những cái đòi hỏi thấp kém của bản năng họ, thì ta còn mong họ nói những gì ?

Vấn biết trong số những thi-nhân có mặt trong thi-tuyển còn những con người tự-trọng và tài-năng, đã đem sự chân-thành của xúc-cảm mà nói lên tâm-tình và cuộc đời, nhưng những đóa hoa thơm

nhẹ-nhàng không đủ xua đuổi chất mùi hôi hám đậm đặc của đồng cỏ rác bùn mục.

Đây, nghe họ rên :

*Chấn gối đêm nay sầu lẻ bạn
Rồi buồn rồi nhớ bước vương vương*
(trg 692)

Họ than :

*Buồn lắm ai ơi !
Đêm nay mưa gió tới bời
Nghĩ thương cho kiếp làm người như
tôi. (694)*

Làm người như thế cũng đáng thương hại thực. Rồi họ chết, sau một tai nạn :

*Qua giây phút tâm-hồn ta rung-động.
Khi nhìn em lộng-lẫy dưới đêm trăng.
Qua phút giây lung lạc tuyệt nhất trần
Hiển thân xác cho tuổi vàng mới dậy...
Em có biết tâm hồn đau thương ấy
Vì quá yêu nên chết dưới tay em !*
(trg 695)

Chết vì một tai-nạn phụ-nữ. Bị tay đàn-bà cán !

Nhưng đùa thế thôi, họ vẫn sống. Là nhờ có « lý-tưởng » rất cuồng-nhiệt :

*Tôi say sưa cắn nát thịt da em
Để thấy lại hồn tôi còn sống. (trg 636)*

Trời đất ôi ! người đầu mà răng lợi đến khiếp !

Sống được như thế rồi họ lại đâm ra sợ chết, cố-nhiên. Và làm ra vẻ ngây thơ :

*Nếu một ngày nào tôi chết
Tôi buồn biết đến bao nhiêu. (trg 636)*

Nhưng, vừa nói lỡ lời như thế, họ vội phi-phui :

Nhưng ngày đó chắc còn xa lắm.
(trg 636)

Phải rồi, đã chết được đâu. Còn phải đi hầu tòa đã chứ ! Cắn nát thịt da con người ta kia mà.

Vậy họ là ai ? Họ từ đâu đến ? Họ làm những gì ? Suyt ! Họ là những người... bí mật :

*Người là ai đó — không cần biết
Chỉ biết...*

Chỉ biết gì đây ? Chúng ta — những kẻ rảnh rỗi — nên nao chờ đợi một tin-tức gì từ gần :

*Chỉ biết người đi kiếm bạn lòng.
(tr. 643)*

Ấy, xin chớ có cười. Vì họ là những người đau khổ, phong trần :

*Người là một kẻ phong-sương ấy,
Bất biết thòt-gian sự có không !
(tr. 643)*

Sau khi xỏ-nho... bất biết, họ có vẻ là một nho-sĩ thung-dung :

*Dung ruổi đường trần « thuyền độc-mộc »
Một bầu, một túi rượu, thơ phong.
(tr. 643)*

Trông thấy thuyền độc-mộc người ta lầm-tưởng là đồng bào Thượng-du. Nhưng đồng bào Thượng đứng-dẫn hơn nhiều.

Và đi đâu thì đi, họ vẫn không quên cái mục-dịch « cao-cả » :

*Rằng : có một người xa lạ đến
Ở đâu mà lại đến Giao-long ?
Người là một khách phong sương ấy
Trôi-giạt về đây kiếm bạn lòng.
(tr. 643)*

A ! Bây giờ mới biết rõ rõ đầu đuôi. Tội quá, có cô nào rảnh rỗi đấy không ?

Có mợ nào góa chồng và còn trẻ và có tiền đấy không ? Hãy thương giúp cho các ông thi-sĩ này kéo các ông chết mất ! À, đã có đây rồi. Một cô xuất-hiện, theo đúng quy-luật « đồng-khí tương cầu ». Hãy nghe thi-sĩ nhà ta nỉ-non :

*Nhất là em với những nét mỹ-miệu
Đáng được đề cho lòng người cảm-mến.
(tr. 696)*

Và họ lại chuẩn-bị nhe răng để... cắn. Nhưng xin các bà các cô đừng vội sợ hãi, những người nói năng hăng-hái đến thế thường chỉ là những người bất-lực. Bởi vì theo một quy-luật tâm-lý rất thông-thường thì những kẻ bất-lực trong hành-dộng đều dồn sức-lực lên miệng cả. Đúng hay sai xin hỏi các ông thi-sĩ loại này.

Đọc những bài thơ như thế người ta đều ngạc-nhiên tự hỏi : Vậy làm thi-sĩ dễ-dàng đến thế kia ư ? tầm-thường và trơ-trẽn đến thế kia ư ? Và tại sao ông Phạm-Thanh không trích dẫn bao nhiêu thi-sĩ trong các báo hằng ngày, hằng tuần như Phụ-nữ diễn-dàn, Phụ Nữ Ngày mai, Sài-gòn Mới ; bởi vì thơ của họ còn hay hơn như thế kia mà !

Bất giác người ta nghĩ đến câu nói mới đây của L.M. Parrel trong khi bàn về Thanh-niên Việt-nam : « Người Việt nào, nhất là Thanh-niên, cũng có một nguồn thi-cảm, hơn thế, một tâm-hồn thi-sĩ. Dĩ-nhiên, vì họ dễ xúc-cảm và tế-nhị. Họ sẵn-sàng tự tạo ra một thế-giới mơ-mộng để có khi tự giam mình trong tháp ngà. Nét đặc-biệt của tâm-hồn Việt-nam ấy rất là rõ rệt đến nỗi người ta thấy thơ - phú đăng trong bất kỳ tờ báo nào, thậm chí đến báo chuyên về những

vấn-đề xã-hội và ích-dụng thực-tiền cũng có thơ. Thế nghĩa là họ đi xa quá, xa hơn ta có thể tưởng-tượng nhiều. Chúng ta phải để ý đến sự-kiện ấy nếu chúng ta không muốn làm phật-ý họ... » (1)

Đây là một nhận xét sát đúng của người ngoại-quốc đối với thanh-niên chúng ta. Đồng thời đó cũng là một lời chỉ-trích tế-nhị vì họ không muốn làm mất lòng chúng ta. Nhưng giữa chúng ta — kẻ ở trong nhà với nhau — một sự mất lòng hữu ích thiết-tưởng không phải là điều nên tránh.

Và ta có thể thêm rằng đa số bài thơ đăng trên các báo, in sách, ngoài sự biểu lộ một bản-tính hiếu-danh — di-sản của chế-độ phong - kiến, của cái ông quan nằm trong mỗi người Việt-nam — còn nói lên một sự thực thâm hại là thi ca ấy chỉ nhắm vào một đối-tượng độc-giả rất thu hẹp mà thôi. Đó là những thiếu nữ chưa chồng hoặc những người đàn bà có chồng mà còn thích ngoại-tình.

Chúng ta đâu có thể đại-dột nghĩ rằng không nên nói đến tình-yêu. Không được nói đến tình yêu e rằng chúng ta đều sẽ chết khô tuy không cần phải đem ra phơi nắng nhiều ngày. Nhưng chúng ta muốn nhờ các thi-nhân nói hộ những u-uẩn của tâm-tình khúc-mắc chúng ta, đuổi bắt giúp ta những thâm kín lẩn tránh để ta thêm hiểu hồn ta, thêm rõ hồn người, để ta được rung động sâu xa hơn, phong-phú hơn hoặc có thể giúp ta giải-thoát bớt lòng đau khổ giầy vò, đưa ta về một nẻo đường phong-quang hơn cái lối cũ nhầy nhụa sa-đọa. Những giọng than rên nhảm chán, những tiếng kêu khóc ấu-trĩ, những

điệu cuồng-dục số-sàng không cần phải đợi các con người tự xưng là thi-sĩ mới có thể làm ta xấu-hỗ. Và nhất định, sau những bài thơ tình — dù rằng cao độ — ta không chờ gặp những cặp mắt đục ngầu vì nhớ thương chiếc váy đầu bà. Ấy thế mà cái nội-dung này được người ta hăm hở thể hiện lên giấy trắng mực đen, được người ta sốt sắng ghép vào trong tập sách dày, chưng lên trên các tủ sách đồ-thành, với những cái bìa chữ vàng nạm trên nền đỏ để cho thiên-hạ được biết đó là những thi-nhân của nước Việt-nam hiện-đại, những thi-nhân làm vẻ-vang biết bao cho xứ sở, cho dân-tộc !

Kề ra, đã lâu rồi chưa có một vở hài-kịch nào có nhiều tài-tử cừ-khôi như thế. Một vở bi-hài-kịch thì đúng hơn. Và kịch không lời. Nhưng lại có lời.



Bài diễn - thuyết của một ông Tiến-sĩ thi-sĩ

Dù sao những loại thi-sĩ trên đây vẫn chưa đáng ngại lắm, xét về phương-diện thuần-phong mỹ-tục. Bởi vì đàn bà đứng-dẫn không ai đọc họ bao giờ.

Nhưng có một công-trình biên khảo khá quan trọng nằm cản hậu cho tập thi-tuyển của ông Phạm-Thanh đáng làm chúng ta suy nghĩ. Đó là bài diễn-thuyết về vấn-đề *Thi-sĩ và Thi-phẩm* của ông Vũ-Đức-Trình. Kề ra ông Phạm-Thanh cũng tỏ rõ là người có thủ-đoạn. Sau khi đàn trận đầy người ta ra múa may lung-tung và liệu chừng sắp sửa kéo màn sợ khán-giả la ó, ông bèn chia ra một bài diễn-thuyết trên 30 trang — một bài diễn-thuyết nóng hổi vừa đọc ở Hội Việt-Mỹ tháng sáu năm này — mà tác-giả là

(1) *La Jeunesse Vietnamienne* R.P. Partel — Cô-Liêu dịch

một thi-sĩ đã có bằng Tiến-sĩ xã-hội học sau nhiều năm du-học ở ngoại-quốc. Ông Phạm-Thanh nghĩ rằng như thế là tác-phẩm của ông đã được... mồ yên mà đẹp. Nhưng ông lầm. Cái tấm mộc cuối cùng mà ông đem ra cản hậu cho tác-phẩm không những đã chẳng che đậy gì được cho cái tiền-môn của ông mà cả phía hậu tự nó cũng không cản nổi. Bởi vì cái mộc ấy làm bằng một thứ gỗ-tạp. Nói rõ hơn, là bài diễn-thuyết ấy chứa đựng khá nhiều thiếu sót và sai-lầm.

Cho đăng bài *Thi-sĩ và Thi-phẩm* của ông Vũ-Đức-Trình chắc ông Phạm-Thanh muốn bào chữa cho sự thiếu-sót về phê-phán của mình trong thi-tuyển. Có lẽ ông nghĩ rằng bài diễn-thuyết này có đủ những lý-luận mới mẻ và sâu sắc về thi ca. Và nếu thi-ca là tình-cảm thì bài bạt này là lý-trí. Như thế quyền *Thi-nhân Việt-Nam hiện-dại* có đủ cả tim lẫn óc, một con người hoàn-toàn. Nhưng tim đã nói rồi, đó là một thứ tim bệnh-hoạn. Còn óc ?

Cái cảm-giác đầu tiên mà bài diễn-thuyết của ông Vũ-Đức-Trình đem lại cho người xem là một mớ rối-rắm về các danh-tự riêng, từ những tên trong thần-thoại Hi-lạp đến tên các danh-nhân nằm trên đường phố Sài-gòn. Nêu lên như thế ông Trình nhằm chứng rằng « *mãi mãi và đâu đâu người ta cũng vốn ưa chuộng thơ như áng nghệ - thuật cao quý* » (trg. 743). Nhưng thật ra, ông chẳng chứng minh được gì hết cả. Ngay từ đầu, sự phân loại của ông, — ông chia thi-sĩ Việt-Nam làm hai loại, 17 người vào bậc-nhất và 37 người vào bậc-nhì, chẳng hạn ông cho Phạm-Đình-Hồ, Lý-Văn-Phức, Trương-Hán-Siêu là thi-sĩ bậc-nhất còn Nguyễn-Công-Trứ, Cao-Bá-Quát, Chu-Mạnh-

Trình là thi-sĩ bậc - nhì — đã cho ta thấy rằng ông chẳng chịu hiểu gì về thi-ca. Đây là chưa nói một sự phân-loại như vậy thực vừa vô-đoán vừa khôi-hài.

Nhưng đó là điểm nhỏ nhất không thuộc về nội-dung của vấn-đề. Đó chỉ là một bản thống-kê vô-ích — còn vô-ích hơn bản thống-kê thi-sĩ của ông Phạm-Thanh — không đáng nói nhiều. Và người ta lại thu hết can-đảm để đọc tiếp. Cái cảm-giác sau cùng, khi dừng lại ở những dòng cuối là một cảm-giác mơ-hồ, lộn xộn bởi vì ông Vũ-Đức-Trình đã chứng tỏ rất đầy đủ rằng ông không nắm được gì hết. Ông chỉ lặp lại một số kiến-thức sơ-dãng, theo đúng như những lý-luận đã từ lâu đời phổ-biến trong các loại sách bàn về thi-luật của các tác-giả tập-sự, gồm toàn những kiến-thức quá cũ, những công-thức hết sức hời hợt. Riêng về phần ông, hầu như không có một nhận xét nào khả dĩ đi sâu vào được vấn-đề hoặc biểu-lộ một vài ý-kiến độc đáo, ngoại trừ những câu cò-ngữ La-tinh, Trung-hoa mà thỉnh-thoảng ông đem vào bài diễn-thuyết để che đậy sự nghèo nàn của kiến-thức mình.

Sau đây, chúng tôi xin cho qua những sai lầm nhỏ nhất khá nhiều trong bài và chỉ nêu lên vài khuyết-diểm căn-bản của tác-giả.

1) *Quan-niệm thiếu sót về tâm-hồn thơ.* Bàn về tâm-hồn thơ, ông Trình viết : « *Nó là đặc-tính thiên-bẩm, là « của Trời cho » »* (trang 746) hoặc : « *At làm thi-sĩ thì bẩm sinh trong tiềm thức, đã là thi-sĩ : Tác-phẩm thi-sĩ là con của thiên phú* » (trg. 747)... Quan-niệm cái năng-khiếu phú bẩm là một kết-hợp huyền-diệu của các yếu-tố di-truyền hoặc là một ân-huệ của Trời ban cho, tùy thuộc ở sự nhận-thức

theo khoa-học hay theo tín-ngưỡng, chúng ta không bàn cãi vì đó là quyền tự-do tự-trường mỗi người. Nhưng dù Trời ban hay dù là kết-quả của huyết-thống và căn-tạng, tâm-hồn nhà thơ không chỉ có thế. Bởi vì cái năng-khiếu tiên-thiên ấy không có giá-trị quyết-định cho một thi-tài nếu không có sự sống hậu-thiên của bản-thân thi-sĩ. Chính cái phần sau này — cái đời sống trải qua trong xã-hội — mới là yếu-tố quyết-định cho một thi-tài. Cái thiên-tài Nguyễn-Du nhất-định không phải là nhờ cái dòng dõi « Ô y hạng », cái quê cảnh « ngàn Hồng lâm cây, sông Rùm nhiều nước » hoặc cái khí chất của quê mẹ ở Bắc-ninh vốn diễm-lệ và phong-tinh. Chúng ta ai đã đọc qua những tác-phẩm của Nguyễn-Du trong thời còn trẻ đều có thể thấy rằng Nguyễn-Du còn xa cách lắm mới theo kịp một thi-sĩ bậc-thường. Ấy thế mà sau này Đoạn-trường Tân-thanh đã chứa đựng tất cả cái huy-hoàng của một thiên-tài đặc-biệt. Chúng ta không ai có thể phủ-nhận cái năng-khiếu trong người Nguyễn-Du nhưng nếu cái năng-khiếu ấy không trải qua một kiếp sống bi-thương phiêu-lưu, vất-vả trong nhiều năm trời dề mru đồ cần-vương, khiến phải bật lên những tiếng thở dài nẻo-nuột :

Bách-niên thân thể ủy phong trần
Lữ thực giang tân hựu hải tân

Tạm dịch :

Trọn đời chịu kiếp lao đao

Biển, sông quán trọ ra vào nhiều nơi.

nếu không vì bệnh hoạn, vì đói lạnh, lâm vào một cảnh cùng khốn ê-chề đến nỗi phải xin ăn :

Văn tự hà tăng vi ngã dụng
Cơ hàn bất giác thụ nhân liên.

Tạm dịch :

Văn-chương nào ích chi thân

Đói đau đã phải bao lần xin ăn...

Bên cạnh nỗi khổ về vật-chất ấy nếu không có nỗi khổ về tinh-thần, khiến cho sức cùng lực kiệt, mới ba mươi tuổi mà mái đầu đã bạc :

Hồng Lĩnh vô gia huynh-đệ tán

Bạch đầu đa hận tuế thời thiên

Cùng đồ lân nhữ giao tương kiến

Hải giác thiên nhai tam thập niên

Tạm dịch :

Bạc đầu càng hận thời gian

Bơ vơ, huynh-đệ lìa tan, không nhà

Hồng sơn cùng lối, nương qua

Ba mươi năm, biết bao là lênh đênh.

và bao nhiêu cái khổ ấy nếu không gặp một xã-hội bị tàn phá sau bao nhiêu tao-loạn bày ra bao nhiêu trạng-thái suy đồi, nếu không vì một cái nghịch cảnh khiến :

Dùng dằng khi bước chân ra

Cực trăm ngàn nỗi, dạn ba bốn lần.

Thì làm sao Nguyễn-Du có được « cái con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời ? » mà tạo nên kiệt-tác Đoạn trường Tân Thanh ? Trong bài tựa truyện Kiều, Thập-Thanh-Thị cũng đã giải bày khá rõ : « *Đem bút mực tả lên tờ giấy nào những câu vừa lâm-ly, vừa ủy-mị, vừa đốn-tỏa, vừa giải-thư, vẽ hết ra một người tài-mệnh trong mười mấy năm trời cũng là vì cái cảnh lịch-duyet của người ấy có lâm-ly, ủy-mị, đốn-tỏa, giải-thư thì mới có cái văn tả hết ra như thế vậy* ».

Một Đỗ Phủ, nếu không có 30 năm lang thang trên lưng lừa và chịu đói lạnh thì không làm sao có được những lời lẽ thống-thiết đường kia, một Verlaine nếu

không có mấy năm tù ngục ở Bỉ thì quyết không thể có những văn sám hối chân thành và một Vũ-Hoàng-Chương của Mây và Sây nếu không có cuộc đời trác táng làm sao gây được cái dư-vị chán chường ? Chúng ta không từ chối cái năng-khiếu của con người thi-sĩ nhưng tâm hồn một nhà thơ — nghĩa là tình cảm một nhà thơ, phải được vun đắp, trau dồi và phát-triển trải qua đời sống của bản-thân thi-sĩ trong sự chịu đựng hay phản-ứng đối với xã-hội. Nhận-dịnh như vậy chỉ là trả lại cho César những gì thuộc về César, có khởi sự từ ý-niệm ấy mới mong giải-đáp những câu hỏi mà xã-hội ngày nay đang đề ra cho các thi-nhân, mới mong hiểu được vì sao từ lâu nay thi-ca đã biểu-lộ một tình-trạng bất-lực rõ rệt trong cái phạm-vi sinh-hoạt tinh-thần và mặc dù đã sản-xuất khá nhiều mà vẫn không gây được một âm-vang nào đáng kể trừ cái âm-vang chất chúa của tập thi-tuyển Phạm-Thanh.

Xét cho cùng, lập-luận của ông Vũ-Đức-Trình xuất phát từ cái tư tưởng thần-thánh-hóa con người thi-sĩ. Ngày nay, một tư-tưởng như thế dù xét trên phương-diện nào cũng đã quá lỗi thời.

2) *Không thấy rõ tương-quan giữa nội-dung và hình-thức.* — Sau khi bàn về *Tâm-hồn thơ*, ông Vũ-Đức-Trình bàn về *Nghệ-thuật làm thơ*. Suốt bốn trang sách chỉ nghe ông nói « học tập làm thơ là cần-thiết lắm » nếu « không biết nghệ-thuật làm thơ, thì sẽ dùng lời không đạt được ý » hay, « sẽ diễn ý không hợp cùng lời » (trang 151) Hoặc : *nghệ-thuật giúp thi-sĩ chiếm-đoạt vào mình cả cõi thiên-nhiên, cả vùng nhân-tạo* (trg 153) Hoặc : *Tâm-hồn thơ của thi-sĩ cần được nghệ-thuật làm thơ bồi-túc, vì nghệ-thuật khiến cho người*

đòi thêm cảm-hứng mà yêu thơ (trg 154)...

Hầu hết là những luận-diệu tương tự như vậy. Nghĩa là nói rất nhiều nhưng thực ra không nói gì hết.

Lối lý-luận « xoay quanh cái hú » ấy từ lâu tưởng đã mất rồi. Đó là lối tán rộng thường thấy trong kiểu học từ-chương cũ-kỹ mà người làm bài chỉ biết một mực tán rộng theo một cái vòng lẩn-quẩn, hoặc lặp lại mãi một ý dưới nhiều hình-thức khác nhau cho đến một lúc nào đó cái ý kia biến mất vì người nói không còn nhớ là mình đang nói những gì.

Bàn về nghệ-thuật ở đây tức là tác-giả muốn nói về vấn-đề hình-thức, vấn-đề kỹ-thuật. Không có một câu nào chứng tỏ tác-giả đã nhận-dịnh rõ ràng cái tương quan giữa nội-dung — tức là tâm-hồn thơ — với hình-thức — nghệ-thuật thơ như thế nào. Giữa tình-cảm và kỹ-thuật phô-diễn tình-cảm, tác-giả không phân biệt được cái nào chính yếu và qua sự trình-bày vu-vơ ấy, người ta thấy tác-giả quá đề cao cái phần phụ-diễn, cái phần nghệ-thuật.

Thực ra trong một bài thơ hoàn-toàn, hình-thức và nội-dung là một. Nếu cần phải phân-tích thì ai cũng thấy rõ rằng nội-dung là chính-yếu vì nó quyết-định cho hình-thức. Đầu mối của kỹ-thuật muôn đời vẫn là sự rung động. Cái thể-cách sinh-hoạt chặt-chẽ, khuôn khổ của xã-hội phong-kiến ngày xưa đã tạo cho con người một nếp cảm-ngĩ cân đối mực thước. Do đó mới có cái kỹ-thuật của thơ Đường-luật niêm-luật gò bó, đối ngẫu phân-minh. Cái sinh-hoạt phức-tạp và phóng-túg đời nay khiến con người đòi hỏi lối thơ phá thể, tự-do. Lối thơ tự-do chưa thành hình vững-vàng là vì trong cảm-xúc của các

tác-giả ấy chưa có một sự ổn-định về nếp sống tinh-thần và còn bị vướng mắc nhiều ảnh-hưởng trái ngược của một xã-hội chưa hoàn-toàn đổi mới. Cố-nhiên mỗi bộ-môn nghệ - thuật đều đòi hỏi một trình - độ chuyên-môn và khi tấm lòng xúc-cảm đã đến độ dồi-dào mà còn có một khả-năng diễn-tả điêu-luyện thì sự phô - diễn càng linh-hoạt, tài-tình. Nhưng thi ca vốn là nghệ-thuật đơn giản phát-biểu bằng lời nói tự-nhiên của con người nên đôi khi vấn-đề kỹ-thuật hầu như không đặt ra nữa. Trở về với nền văn-chương bình-dân ta sẽ thấm-thía điều này. Người bình dân hầu như không bao giờ băn khoăn phải phát-biểu theo lối nào khác hẳn với hầu hết những thi-sĩ xưa nay thường bận tâm về cách nói hơn là về những điều phải nói. Từ những cảm-xúc chân-thành người bình dân thốt lên những câu ca-dao mộc-mạc nhưng nhiều câu chứng tỏ một giá-trị kỹ-thuật tinh-vi biết là chừng nào.

3) *Lầm lẫn giữa tâm hồn thơ và nghệ-thuật thơ.*— Như phần trên chúng tôi đã trình-bày, lối nói tán rộng và lẫn lộn ấy nhiều khi khiến cho người nói — vốn không quan-niệm vấn-đề một cách chính xác và có hệ-thống — đâm ra lầm lẫn lạc đường, nghĩa là không còn nhớ rõ là mình đang nói những gì.

Ông Vũ-Đức-Trình đã có sự lầm lẫn đáng tiếc ấy ngay trong hai phần căn-bản của bài diễn-thuyết ; trong phần *Tâm hồn thơ* thì ông bắt đầu bằng một sự mất trật tự :

Nghệ-thuật làm thơ cũng là điều kiện không có không xong. Không phải hễ « có bột » là « gột nên hồ ». Phải biết cách « gột » thì mới làm cho « bột » trở nên

hồ, v.v... (trang 147). Kề ra thì lý lẽ này rất đúng. Đúng y như câu thơ xưa :

Mười lăm phút trước khi chết

Ông La Palice vẫn còn sống.

Những tốt hơn là dành nó vào phần nói về *nghệ-thuật làm thơ*. Sau sự mất trật tự được tái diễn nhiều lần, ông Vũ-Đức-Trình đã cho thấy nhầm lẫn rõ hơn. Ông viết : *Trí khôn người thơ vẫn lọc các hình ảnh trong trí vẽ, rồi chọn những hình ảnh nào linh-động và thích hợp hơn (trg 738). v.v... nghĩa là nói về nghệ-thuật làm thơ. Trong khi ông cứ nhất định nói về Tâm hồn thơ ! Có phải như thế là lần thần đây không ?*

Đến phần thứ hai, phần *nghệ-thuật làm thơ* thì tưởng cũ được diễn lại. Đây, nói về cách làm thơ : *Người thấy hương lan khắp chốn, thì nhân hóa ngậy-ngất, say sưa rồi dùng hơi thơm để ướp hồn nghệ-sĩ (trg 753) Hoặc : Tấm lòng thanh-cao không bị ám khói của tình dục bần thiêu, liền vồn vã đón lấy cảm-tưởng về vũ-trụ, nhân-sinh : thế rồi đem hòa vào cảm-tưởng riêng, để phát ra bằng những vần thơ giàu ý nghĩa » (trg 753).*

Nghĩa là nói về *Tâm-hồn thơ*. Trong khi ông đã nhất định bàn về *nghệ-thuật làm thơ*. Lại một vở hài kịch thứ hai nữa sao ? Một vở hài kịch độc-tấu ?



Có lẽ tốt hơn chúng ta nên dừng lại nơi đây. Bởi vì càng đi vào sâu trong các mê-lộ ấy ta càng bắt gặp bóng tối dày hơn. Từ sự nhận-định nông cạn về các vấn-đề căn-bản, tác-giả càng tiếp tục trình-bày càng tỏ ra bất lực rõ rệt trong

sự nhận định tính-chất của thi-sĩ, quá trình cấu-tạo của thi-phẩm và bao nhiêu vấn-đề khác nữa của thi-ca.

Cuối cùng nếu cần nêu lên một nhận xét tổng quát về kết-thúc về bài diễn-thuyết của ông Vũ-Đức-Trình thì ta có thể nói rằng ông Trình đã tỏ ra lắm lần nhiều khi viết câu này, ở trang 747 : «*làm thi-sĩ khó hơn làm nhà diễn-thuyết.*» Đáng lẽ ông phải nói : «*làm nhà diễn-thuyết khó hơn làm nhà thi-sĩ.*» Bởi vì làm thi-sĩ — nếu chỉ đề dăng vào thi-tuyển của ông Phạm-Thanh — thì chẳng khó gì. Họa chẳng chỉ khó cho lỗ tai vợ con và bạn bè thôi. Nhưng diễn-thuyết — nhất là dăng đàn diễn-thuyết ở Hội Việt-Mỹ — thì làm khó cho lỗ tai của rất nhiều người.



Hai thứ tiếng

Đây là điểm qua sơ-lược vài nét về

cái công-trình *Thi-nhân Việt-nam Hiện-đại*. Thực ra làm sao có đủ can-đảm mà nói dài hơn nữa ? Bởi vì cuối cùng rồi ai cũng phải đi đến một kết-luận, rằng đó là một quyển sách làm xấu hổ cho nhiều người, và cho cả nền văn-ngệ của chúng ta.

Tóm lại, về Thi-nhân, như thế là từ trước đến giờ tổng chỉ có hai thi-tuyển của hai tác-giả. Một của Hoài-Thanh, một của Phạm-Thanh. Cả hai đều là *Thanh cả*, đều là *tiếng cả*. Nhưng ngày xưa người ta chờ đợi tiếng khánh, tiếng chuông thì người ta lại nghe giọng kèn, giọng quỳên. Và ngày nay, người ta chờ đợi tiếng ngọc lời vàng thì than ôi ! chỉ là tiếng xõng xành, xóc xách của bạc các trong bao, tiếng ồng ộc của rượu đổ vào ly chén.

NGUYỄN-PHỦ

Lửa

Theo thuyết của học-giả Hy-lạp ngày xưa thì lửa là một trong «*tứ đại nguyên tố*», cùng với đất, nước, gió, và là nguyên-tố được coi như cao quý nhất : họ cho chỉ có lửa mới thật tinh-thuần và tích-cực, chỉ có lửa mới thật giống với thần-minh, chỉ có lửa mới thật là hình-ảnh linh-hoạt của mặt trời. Thần-thoại Hy-Lạp coi lửa là công cuộc chinh-phục của loài người đối với thần-minh, do Prométhée thủ xướng ; trên bàn thờ của gia-đình Hy-Lạp không bao giờ được để tắt. Người La-Mã, bắt chước người Hy-Lạp, cũng thờ lửa ; vua Numa khiến lập một đoàn nữ-vu (*vestales*) chuyên việc gìn giữ lửa thiêng. Hỏa-giáo, một thứ tôn-giáo ở Cổ-Ba-tư, đời Đường truyền vào Trung-quốc gọi là Thiên-giáo.

TÌNH HOA

Gửi H.



Những đêm vui không hết
Mưa rơi dáng hoa bay
Lối về ai mở hội
Trong hồn người chiều nay

Mưa rơi ếm tơ tình
Từng bước đi xây mộng
Áo tím ai nhớ nhung
Tình khao khát nín cảm
Mắt em đẹp quê hương
Duyên dáng mùa hội Lim
Thương yêu về dĩ vãng
Đời hồng trên môi Em

Tay cầm tay không nói
Nói gì hơn yêu thương
Hồn Em đang dạo nhạc
Tình anh say tiếng đàn

Nhìn mưa Em ngơ ngàng
Anh vui tình hoa xuân
Không say men rượu ấm
Bằng hồn thơ say Em

Anh là mưa cô độc
Bay mất cả cuộc đời
Em là bông hoa lạ
Đón Anh bằng màu tươi

Hãy trọn tình cùng nhau
Không say men rượu ấm
Mà say bằng mắt Em
Linh thiêng màu lửa đậm
Mưa bay hoa bến thềm

Những ngày mai hồi sinh
Những nhịp cầu màu xanh
Cuộc đời không băng giá
Vui tình hoa ếm đêm.

PHAN-LẠC-TUYÊN

59

« TÔI ĐÓNG PHIM TẠI PHÁP »

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

(Tiếp theo B.K. số 66.)

KỊCH-SĨ LÀM KHÁN-GIẢ

MỘT tuần-lễ sau, hãng phim Eole gọi cho tôi một điện-tín : « Có thể ngày mai, thứ năm 30-8-56, ông đóng tuồng từ 9 giờ sáng. Xin ông gọi điện-thoại. Chiều nay vào lúc 7 giờ. Số điện-thoại—Plaine 31.70 ».

Hôm sau, theo lời xác nhận của người phụ-tá đạo-diễn tôi đến phi-trường Epinay vào lúc 9 giờ sáng. Thay quần áo xong, tôi đến văn-phòng hỏi thăm hôm nay tại sân khấu nào. Họ trả lời rằng chưa biết đạo-diễn quay xen nào của tôi, nhưng chắc chắn là tôi sẽ bắt đầu hai giờ chiều. Bây giờ đến lúc ấy tôi muốn đi về Ba-lê cũng được. Thật là tờ-chức lời thôi. Phải biết trước như thế, cho tôi hay lúc tôi gọi điện-thoại chiều hôm qua thì sáng nay tôi đâu có phải vất vả thức dậy từ 6 giờ rưỡi, sửa soạn bắt đầu đi từ 7 giờ để đến phim trường kịp 9 giờ sáng. Bên Anh họ có gọi cho kịch-sĩ một tờ giấy gọi là « Call sheet » (tờ giấy gọi) trong ấy họ ghi tên những người phải đóng hôm sau, số buồng thay quần áo của mỗi kịch-sĩ, giờ nào có mặt tại phim trường, giờ nào dặm mặt, giờ nào đến sân khấu và dự định quay cảnh nào. Nhưng nhờ bên Pháp họ lời thôi như thế mà tôi có dịp xem biết thêm về cách bố cảnh tại

Epinay, và được làm khán-giả một buổi quay phim.

Phim trường Epinay có nhiều chỗ quay. Tôi không có thì giờ để viếng tất cả các nơi. Mỗi hôm làm việc, tôi đến Studio Eclair, số 34 đường De Lattre de Tassigny (Đờ-lát đờ Ta-xi-nhi). Trong Studio này có 4, 5 sân khấu.

Từ cửa lớn bước vào, bên mặt có một buồng ngủ bài trí như bên Á-dông. Theo cầu thang bằng đá lên trên có hai buồng ngủ khác. Vì quay lõ-dỡ bên Sài-gon, nên về đây họ phải dựng lại trong phim trường, rất nhiều cảnh. Bên tay mặt có ba buồng ngủ, bước vào trong một chút có văn-phòng cảnh sát trường. Bên trái, cất một căn nhà phía ngoài lợp-xúp theo lối nhà cây bên Việt-Nam. Có một con đường đồ đá sỏi và trước cửa nhà có hai câu liễn bằng chữ nho nhưng người họa-sĩ trông nom việc bài trí không phải là người thông Hán học, nên chỉ chép lại mấy chữ để như chữ thờ, chữ thiên, chữ chí v.v... mà ráp lại thì chẳng câu gì ra câu gì. Và có một câu liễn viết xong bị mấy người dọn lớp treo ngược đầu. Tôi thấy vậy, bảo họ treo ngược lại cho đúng thì họ đồ xô ra hỏi tôi về chữ nho. Đến lúc người họa-sĩ tới họ giới-thiệu tôi với ông ta và khoe rằng nhờ tôi mà câu chữ nho khỏi bị treo

ngược đầu. Ông ta cảm ơn rồi-rít và nói :

« May quá ! Gặp ông biết được chữ Trung-hoa, tôi mừng lắm. Tôi phải bài-trí cả một con đường châu-thành Chợ-lớn trong phim trường này. Tôi có một ít chữ Trung-hoa, nhưng chép lại sợ trật và có nhiều chỗ không biết đề thế nào cho đúng. Cứ viết bậy bạ thì khán-giả người Pháp bên này cũng không biết nhưng nếu phim chiếu tại Hongkong, hay Sài-gòn Chợ-lớn thì chắc chắn là họ biết chữ « si-noa » thứ giả. Muốn làm việc với tất cả lương-tâm nhà nghề, gặp được ông, tôi mừng quá. Nếu ông viết cho tôi thấy rõ các chữ cần thiết, tôi chép lại thì hay biết bao nhiêu. »

Lúc chưa đụng chạm với cuộc đời, người ta rất giàu lòng từ-tế. Tôi đã nhiều lần, thấy trong giới điện-ảnh, mỗi chuyện nhỏ to, muốn xong đều phải có tiền. Vì vậy, không tội gì mình làm giúp ai chuyện gì. Tôi còn nhớ lúc ông Rémont nhờ tôi đến chỗ thuê bàn ghế, bình-phong để lựa những món nào hoặc của người Trung-hoa hoặc của người Việt và loại đồ Nhật ra vì ông phải quay một phim quảng-cáo để chiếu tại Hong-kong và Việt-Nam, tôi trả lời : « Dầu đi với ông trong một hai giờ hay ba bốn giờ tôi cũng mất cả buổi của tôi. Mà tôi còn phải đi làm việc của tôi nữa chứ ». Ông ấy có lẽ định đem xe đến chỗ tôi xem qua các món đồ rồi mời tôi uống chén rượu hay ăn một bữa cơm, nhưng tôi nhất định đòi tiền công và sau rốt, tôi mất một giờ rưỡi đi xem bàn ghế cũ với ông Ganancia (Ga-năng-xia) rồi họ phải trả công tôi 5.000 quan (lỗi 1.000 đồng bạc). Đối với mấy nhà sản-xuất thì tôi phải tính toán như thế, nhưng với anh họa-sĩ có lương tâm nhà nghề như vậy lẽ nào mình lại đòi tiền. Nếu anh ấy viết

bậy bạ cũng không ai nói gì cả. Nhưng anh ấy muốn có vài chữ Trung-hoa thứ « chánh hiệu con nai » mình lại hẹp bụng sao ? Tôi liền hỏi anh muốn viết chữ gì ? Anh trả lời rằng có một tiệm thuốc bắc. Cái đó dễ. Tôi viết cho anh hai chữ « được phòng ». Nhưng đến lúc anh hỏi mấy chữ đề chỉ một tiệm đồ gốm, thì tôi chịu thua. Tôi ngày xưa học chữ nho cũng lâu, biết cũng tạm đây lá mít, thì bằng sơ-học có phần Hán-văn hân hời, vào trường Trung-học, suốt bốn năm đều được giải nhất về Hán-văn. Sau này tôi học thêm một ít đề dùng vào công việc khảo-cứu, nhưng thú thật tôi chẳng biết chữ nào dùng đề chỉ đồ gốm và phải viết làm sao. Tôi có thể bịa anh ta đề dằng. Cứ viết tên tôi, hay là biên tên Thờ-địa vào mà nói là đồ gốm thì anh ta nhất định tin tôi. Nhưng không muốn mình kém ngay thẳng hơn anh họa-sĩ nên tôi thú thật rằng tôi không biết chữ đồ gốm. Anh tỏ vẻ thất vọng, nhưng khi nghe tôi đề-nghị biên hai chữ Đồ Gốm đề trước cửa tiệm, viện lẽ rằng tiệm thuốc bắc của người Trung-hoa còn tiệm đồ gốm của người Việt, anh họa-sĩ nghe xuôi tai và bằng lòng chép lại hai chữ Đồ Gốm. Vì vậy, nếu một khán-giả nào đề ý, cảnh một con đường nhỏ lúc về đêm khi cảnh-sát trường trong nhà bán đồ cổ đi ra, thì sẽ thấy cạnh mấy tiệm của người Trung-hoa có một tiệm đồ gốm của người Việt.

Tôi đi vào phía trong tiệm bán đồ cổ. Thật họ bài trí rất công-phu. Họ thuê đây một nhà bàn ghế cần ố, tượng Phật, tượng thần. Chỉ có hai lối đi chật và bên trong, trên một cái bàn có điện-thoại. Sau tấm màn màn có một cái buồng bài trí theo lối Trung-hoa.

Sáng nay họ quay đoạn Brisset (Bờ-ri-xê) một đại-úy Thủy-quân và Monique (Mô-ních), cả hai đều ở trong cơ-quan phản gián-diệp của Campion, đến núp ở tiệm bán đồ cồ vì theo chỗ họ điều-tra, thì người Trung-hoa già không những bán đồ cồ mà còn bán bom vi-trùng. Đến nơi họ gặp tên tay sai của bọn buôn khí-giới lậu vừa giết người Trung-hoa. Jean Gaven (Săng - Ga-ven) đóng vai Brisset. Dominique Wilms (Đô-mi-ních U-im-z) đóng vai Monique. Anh Việt-Nam lần trước đóng vai cảnh-sát đi xét nhà với tôi nhờ lanh lợi nên đạo diễn lựa đề làm tên tay sai (Đây là một dịp cho anh ấy đóng một đoạn mà người ta gọi là *figuration intelligente*). Vai người Trung-hoa già do một ông già người Mông-cồ đóng. Không biết tại sao ông đạo diễn lại giao vai đó cho ông già Mông-cồ. Mặt mày thì giống hệt người Trung-hoa. Cái đó đã hẳn. Nhưng ông ta không biết tiếng Pháp. Ông chỉ bập-bẹ đôi ba câu thôi, và ông không có đóng tuồng, đóng phim bao giờ cả. Gặp tôi, ông tươi cười chào. Khi tôi hỏi chuyện ông bằng tiếng Pháp, ông lắc đầu rồi nói một câu dài bằng tiếng Mông-cồ. Tôi lắc đầu rồi hỏi bằng tiếng Quảng-dông coi ông có biết nói Trung-hoa chẳng, ông nở một nụ cười rồi lắc đầu. Người trẻ tuổi cùng đi với ông nói cho tôi biết rằng ông là người Mông-cồ mà không biết nói tiếng Trung-hoa. Tôi hỏi thử mấy câu tiếng Anh, ông lắc đầu rồi hỏi tôi : « Ga-va-ri-ti-lê-vi pa-ru-xơ-ki ? » Câu này bằng tiếng Nga và nghĩa là « Ông có biết nói tiếng Nga không ? Tôi đành lắc đầu trả lời : « Ni-éch » (không) rồi hỏi thêm ông một câu : Ca-cơ-pô-ji-vai-tê. Ông mạnh giỏi không ? Ông trả

lời « Kha-ra-sô ». (Tốt, mạnh khỏe) rồi nói thêm một tràng tiếng Nga mà tôi chẳng hiểu thì cả. Thôi đành chịu ra dấu với ông ta. Tôi đang lo chẳng biết làm sao ông đạo diễn điều-khiển ông già Mông-cồ này thì ông phụ tá bước vào hô to : « Ai không có phận sự làm ơn ra ngoài. Cho đèn sáng lên ! Ông già Trung-hoa và tên sát nhân ở lại đây. »

Ông André P vào, đưa tay chào mọi người. Ông đạo diễn này còn trẻ, vui tánh và lễ phép. Ít khi nghe ông chửi thề hay mắng ầm như các đạo diễn Pháp khác. Ông cắt nghĩa cho ông già Mông-cồ biết rằng ông ấy phải đi chậm ra đến bàn giấy, xem một mảnh giấy nhỏ cầm trong tay rồi nhắc ống điện thoại, định gọi kẻ bị tên sát nhân đi nhẹ đến sau lưng bắn ông một phát. Ông buông ống điện thoại và ngã lăn ra. Lúc đó ông phải nằm yên nín thở để máy ảnh sẽ chụp ông. Ông già Mông-cồ không biết tiếng Pháp. Không ai có thể dịch được ý của ông André ra tiếng Mông-cồ hay tiếng Nga. Thành ra ông André phải vừa nói vừa ra dấu cho ông kia xem : « Vous... (ông André đi chậm chậm) rồi... (ông lại nhắc ống điện thoại) rồi nói (ông chỉ anh đóng vai sát nhân) cây súng... (ông ra bộ bắn vào lưng) Ái ! (ông la to rồi té nhào, ông ra bộ nhắm mắt) ông hiểu chưa ? » Ông già Mông-cồ gật đầu và nở một nụ cười, hàm râu bạc lơ thơ họ gấu từ sáng muốn rơi. Gắn râu lại cho ông ta rồi bắt đầu quay. Nhưng ông lão không phải là kịch sĩ, đến nhắc ống điện thoại, quên nhìn vào mảnh giấy ; khi nhớ nhìn mảnh giấy lại đưa mắt nhìn đạo diễn ; không quên chuyện này cũng quên chuyện khác. Rốt cuộc nhà đạo diễn thấy mất thì giờ quá nên bảo ông đứng cầm ống điện

thoại sẵn, tên sát nhân vào bắn ông ta. Ông té nhào rồi nằm ngay trước bàn giấy. Nhờ vậy mà đến lúc 11 giờ rưỡi mới quay xong « xen » đó.

Nghỉ x ả hơi một chút kể trở lại quay tiếp « xen » sau. Trong lúc tên sát nhân lục túi áo ông già để tìm tài-liệu thì đại-úy Busset à Monique từ cửa đi vào. Trong nhà có hai lối đi. Busset đi bên trái. Monique đi bên mặt. Nghe tiếng động, tên sát nhân bỏ thây ông già và chạy núp phía tay mặt. Brisset bên trái bò tới, không thấy tên sát nhân. Tên này đứng dậy bắn một phát súng về phía Brisset. Monique thấy vậy phóng mình tới vật tên sát nhân ngay lúc nó định tẩu thoát. Cô ta nắm được cườm chân của nó và la lên. Nó giựt mạnh và chạy ra ngoài.

Xen này quay rất mau chỉ có hai lần quay lại vì lúc bắn. Súng không nổ và lần nữa vì đạo-diễn muốn có một khúc phim đề hờ. Nhưng lúc tập, thử đi thử lại nhiều lần. Khi thì đạo-diễn muốn Brisset đến gần bàn có điện-thoại mới có tiếng súng nổ. Khi thì ông muốn lúc Brisset vừa ngừng đầu nhìn thì súng nổ ngay. Trong lúc bàn cãi nhau về tiếng súng, hay về cách cô Monique phải nhào để chụp chân tên sát nhân thì ông lão Mông-cổ phải nằm dài dưới đất. Ông mệt quá, đưa đôi mắt van lơn nhìn mọi người, cô thư ký (scriptgirl) thấy tội nghiệp, tìm một cái gối nhỏ cho ông ta nằm, đợi lúc quay thật sẽ lấy gối đi. Tuy vậy, lúc quay xong, ông lão Mông-cổ đứng dậy lắc đầu và nhứt định đi về. Người đạo-diễn cũng ngán vì không điều khiển được, ông lão lại không biết đóng

tuồng. Hồi nhận ông ta, có lẽ người đạo-diễn chỉ đề ý đến vẻ mặt và mong rằng có thể bày cho ông đóng được. Buổi xế hôm đó lại phải quay một cảnh trong tiệm bán đồ cồ. Cô Monique đang xem đồ cồ thì Igor, người bán khí-giới lậu, vì mẹ cô Monique — cô này mới vào làm thư ký cho ông ta được ít lâu — nên đi theo cô ta vào đây để tỏ tình. Ông chủ tiệm phải ra chào và nói ít câu chắc-chắn không thể nào ông ta đóng được. Ông lão đi rồi phải tìm người thế ông. Nhân thấy anh bạn người Việt đóng vai tên sát-nhan mau hiểu và làm đúng theo lời chỉ dẫn, ông đạo-diễn bảo anh đi đến phòng tắm mặt để họ gán râu giả rồi thay quần áo. Anh này hình thù nhỏ hơn ông lão ban sáng. Mặt anh lại dài, mặt ông lão tròn. Hai người khác nhau rất nhiều, nhưng không còn cách nào hơn là để anh ấy thử đóng vai ông già bán đồ cồ. Anh thích lắm vì buổi sáng được ăn lương « phi-guy-răng » chiều lại đóng một vai có nói thì lại ăn lương theo kịch-sĩ, sướng biết bao nhiêu.

Ăn trưa xong, lúc hai giờ trở lại quay cảnh trong nhà bán đồ cồ : Igor tỏ tình với Monique. Ông André P. hy-vọng rằng lúc 3 giờ xong cảnh đó thì đem máy qua phía văn-phòng cảnh-sát trưởng để quay cảnh tôi tịch thâu giấy thông-hành của Monique.

Tập thử vài lượt kể quay thật. Hôm nay ông Hovard Vernon, người đóng vai Igor, có lẽ bị mệt nên quên câu đối-thoại luôn. Nếu ông nhớ thì đến lượt anh bạn người Việt bị lú lờ không

nói được, ý là anh đã đến lượt với tôi trong một tiếng đồng hồ ba câu anh phải nói với Igor. Lúc họ vào anh bước ra rồi tươi cười chào và tự giới-thiệu mình là một nho sĩ. Sau rồi khen ông ấy một câu : « Nhà ông đã có một đóa hoa (vợ của ông ấy). Nay lại thêm một đóa hoa (ám chỉ Monique) ». Và sau cùng ông xin phép vào trong pha trà để cho hai người tự-do đàm-đạo. Nhưng đến lúc nói, anh ấp úng rồi quên. Thành ra xen ấy quay đến lần 22 mà đạo-diễn chưa vừa lòng. Sau cùng, ông bực quá bảo dọn máy ảnh qua sân khấu C, chỗ văn-phòng cảnh-sát

trường. Anh bạn người Việt đóng vai ông già bán đồ cồ đến tìm tôi phân trần : « Lạ quá ! Mấy hôm rày, đóng tuồng không nói câu nào, tôi thấy dễ như chơi. Hôm nay chỉ phải nói mấy câu mà tôi thấy lạnh cả người, lú lú không nói được ». Tôi trả lời.

— Trong nghề họ gọi là bị khớp (trac) những nghệ-sĩ lành nghề cũng không khỏi bị khớp huống chi anh.

TRẦN-NGUYỄN ANH-CA

Kỳ tới: Lại đến phiên tôi.

ĐÍNH CHÁNH

— Trong bài « Liên-bang Xô-viết và Trung-hoa Cộng-sản », Bách-Khoa số 66 ngày 1-10-1959, trang 9-14 :

Trang 10, cột 1, dòng 25 :

— « Bản đồ cáo-trì đại-khải đảng Cộng-sản — Cộng-hòa nhân-dân Trung-hoa nhìn nhận... » xin đọc là : « Bản đồ cáo-trì đại-khải đảng Cộng-sản của Cộng-hòa nhân-dân Trung-hoa nhìn nhận... »

Trang 10, cột 1, dòng 1 :

— « Hai bên quả đã có một thời-kỳ lưỡng-củng, bất-hòa... » xin đọc là : « Vì hai bên quả đã có một thời-kỳ lưỡng-củng bất-hòa... »

Cũng trang 10, cột 1, dòng 23 :

— « ...Ngày kia chắc chắn xã-hội chủ-nghĩa sẽ được thay đổi... » xin đọc là : « Ngày kia chắc chắn xã-hội xã-hội chủ-nghĩa sẽ được thay đổi... »

Trang 14, cuối cột 1 :

— « ...nếu bản dịch diễn-văn của ông được đọc trước anh chàng Vương-Lý... » xin đọc là : « ...ta tưởng tượng khi bản dịch bài diễn-văn của ông được đọc trước anh chàng Vương-Lý... »

Cũng trang 14, cột 2, dòng 13 :

— « ...Tạc đạn H : ư ? » xin đọc là : « ...Trái phá H ư ? »

TÀN ĐÊM

Đêm trở giấc lạnh lùng trên gối chiếc.
Trăng mờ hồ rọi vài ánh vàng sao.
Gió lung linh lay động lá mơ đào.
Không gian thoảng một làn hương Dạ-lý.
Dưới gốc cỏ tiếng côn trùng rên rĩ.
Đất thờ dài dịu dịu tắm sương khuya.
Hoa nghiêng nghiêng chờ đợi ánh mai về.
Nghe chậm chậm ý đêm dài thắm trọn.
Buồn im bóng lũy tre dài lá ngọn.
Đứng mơ màng nhìn sông lặng-lờ trôi.
Mái chèo khuya khuya lòng nước bồi-hồi.
Reo tí-tách bên mạn thuyền đơn lạnh.
Đóm lửa sớm rọi xuống dòng lấp lánh.
Sông rùng mình vài cảm giác êm êm.
Đêm lắng nghe muôn khúc nhạc triền miên.
Ca nhẹ nhẹ câu ân-tình muôn thuở.
Hoa câm nín, lá không còn nức-nở.
Ngày sắp về và đêm đã tàn canh.
Chim vành khuyên sẽ nhịp động trên cành.
Gà chột tỉnh bàng-hoàng buông tiếng gáy.

MẶC-PHƯƠNG-ĐÌNH

(Những dòng kỷ niệm)

THẦN ẾCH

KIỀU-YIÊU

VÙNG Trường - giang, Hán - thủy, dân-gian thờ cúng Thần ếch rất mê tín. Ếch nhái trong miếu, không biết mấy trăm nghìn vạn, có con to bằng cái giỏ.

Ai xúc phạm Thần ếch, thì nhà người ấy tất có điềm gở : ếch nhái nhảy càn lên ghế, lên giường. Thậm chí có con trèo lên vách trơn nhẵn mà chẳng tuột, bày ra lắm kì hình quái trạng, không lần nào giống lần nào. Lúc nhà kia gặp sự chẳng lành như thế, thì ai nấy đều khủng khiếp, làm gà giết lợn cúng tế, Thần ếch được vui lòng thì tai nạn chấm dứt.

Tỉnh Hồ-bắc có người tên Tiết-Côn-Sanh, từ lúc trẻ đã thông huệ, dung mạo tuấn tú. Năm sáu, bảy tuổi có bà lão áo xanh ghé nhà, tự xưng là sứ-giả của Thần ếch, đến truyền đạt ý Thần muốn đem con gái gả cho Côn-Sanh. Ông cụ Tiết tánh vốn chất phác vụng về, nghe thế không chịu, mượn cớ con còn trẻ quá mà từ chối. Tuy hết lời cự tuyệt, nhưng cũng chưa dám bàn việc hôn-nhân nơi khác.

Mấy năm sau, Côn-Sanh dần lớn, dạm vợ ở nhà họ Khương. Thần ếch mách báo họ Khương rằng : « Tiết-Côn-Sanh là rề ta, sao lại dám toan hái trái cấm ? » Nhà họ Khương sợ quá, đem sính lễ hồi lại dâng trai.

Ông cụ Tiết lấy làm lo ngại, đem tế phẩm đến cúng vái, thưa rằng phận hèn chẳng dám làm sui với Thần. Khấn xong, đem lên mấy li rượu, đĩa thịt, thấy dãi lớn

bồng dựng bờ ra lúc nhúc. Ông cụ bụng đồ di, tạ lỗi cùng Thần, rồi ra về, lòng càng sợ hãi, đánh liều ra sao thì ra.

Một hôm, Côn-Sanh đương đi giữa đường, có người tự xưng là sứ-giả, tuân mệnh Thần ếch, khăn khăn mời chàng dời gót. Bất đắc dĩ, đành phải đi theo. Cùng bước vào một cái cổng son, lầu các tráng lệ. Có ông lão ngồi tại sảnh đường, giống như một người phàm bảy tám mươi tuổi. Côn-Sanh sụp quỳ làm lễ bái kiến. Ông lão sai người đỡ dậy, cho phép ngồi bên cạnh bàn.

Giây lát, con ở, u già xúm lại xem, đầy cả xung-quanh. Ông lão quay sang bảo : « Vào nói cậu Tiết đến rồi. » Vài ba người tờ gái bỏ chạy đi.

Không bao lâu, một bà lão dật nữ lang ra, tuổi chừng mười sáu mười bảy tuổi, đẹp lạ, không ai sánh kịp. Ông lão vừa chỉ vừa nói : « Con gái út của tôi là Thập-nương đó. Vẫn tưởng có thể cùng cậu xứng đôi vừa lứa. Song thân của cậu lại viện lẽ đôi bên khác loài mà cự tuyệt. Đây là chuyện trăm năm, cha mẹ chỉ làm chủ được nửa phần mà quyết ý là do cậu đẩy thôi. »

Côn-Sanh dán mặt vào Thập - Nương, lòng riêng cảm mến, trăm mặc không nói gì. Bà lão nói : « Tôi đã biết cậu ưng ý rồi. Xin cậu về trước, chúng tôi đưa Thập-Nương theo ngay. » Côn-Sanh thưa : « Vâng. »

Rồi chạy về bẩm lại cùng cha. Ông cụ Tiết thảng thốt không biết liệu làm sao,

chỉ còn nước dạy con lời ăn tiếng nói, bảo trở lại từ tạ. Côn-Sanh không bằng lòng đi.

Đương lúc bàn cãi, xe hoa dâu đã lù lù đậu ngoài cửa. Con ở, u già mặc y-phục xanh, hợp nhau đưa Thập-Nương vào, bước lên sảnh đường triều bái. Cha mẹ đứng trái thấy thế đều mừng rỡ. Ngay tối hôm ấy làm lễ hợp cấn, tình cảm sắt vui vầy rất mực.

Từ đó Thần ếch và phu nhân thường thường giáng lâm nhà con rể. Xem áo họ mặc, hễ đồ là sẽ có việc mừng, hễ trắng là sẽ phát tài, lần nào cũng linh-nghiem. Nhờ vậy mà gia-cảnh càng ngày càng hưng vượng.

Từ khi kết thân với Thần ếch, trong buồng ngoài ngõ, dâu cũng có ếch. Không ai dám cầu-nhàn, không ai dám đá hất nó. Duy Côn-Sanh còn trẻ tuổi, tánh ngang dọc, vui thì bỏ qua, bực thì giậm cho chết, không thương xót tí nào.

Thập-Nương tuy khiêm cung, nhưng hay phát cáu, rất bất-mãn và hành-dộng của Côn-Sanh. Nhưng Côn-Sanh cũng chẳng vị tình Thập-Nương mà cái nết đi cho. Thập-Nương lỡ nói nặng Côn-Sanh, Côn-Sanh nổi giận nói : « Bộ tưởng làm thần như cha mẹ của em gặp ai cũng giáng họa được cả sao ? Đại tưng-phu sợ gì ếch với nhái ».

Thập-Nương tối kị người ta nói động tới ếch nhái, nghe thế, tức giận vô cùng, nói : « Thiếp từ ngày vào nhà chàng, lớp thì làm cho ruộng nương trúng mùa, lớp thì làm cho buôn bán thêm lời, cũng không phải ít. Nay già trẻ thấy đều được ấm no, rồi làm như loài cú vọ đủ lông đủ cánh, định mổ mắt chim mẹ hay sao ? »

Côn-Sanh càng căm phẫn, nói : « Chính tôi rất ghét thứ tiền lời ấy là tiền dơ bẩn, không làm sao để lại cho con cháu lâu bền được. Thôi chi bằng lia nhau sớm ». Liền đuổi Thập-Nương. Ông cụ, bà cụ hay được chuyện, thì Thập-Nương đã đi mất, bèn trách mắng Côn-Sanh, bảo phải chạy theo kêu lại lập tức. Côn-Sanh đương hăng cơn giận, không chịu xuống nước.

Tối đến, mẹ và con đều phát bệnh, buồn bực đến bỏ cả bữa ăn. Ông cụ hoảng sợ, đến tạ tội dâng miếu, lời lẽ rất khàn thiết. Được ba hôm, bệnh khỏi hẳn, mà Thập-Nương cũng tự trở về. Vợ chồng lại đầm ấm như xưa.

Thập-Nương thường ngày hễ trang điểm xong, là ngồi rồi, không hề mó tay đến nữ công. Quần áo giày vớ của Côn-Sanh thấy đều giao mẹ lo. Bà mẹ một hôm giận nói : « Con trai đã cưới vợ, mà vẫn còn lụy đến mẹ già. Nhà người thì nàng dâu phụng sự mẹ chồng, nhà chúng ta thì mẹ chồng phụng sự nàng dâu ».

Thập-Nương nghe vậy, phát cáu, đi lên sảnh đường mà rằng : « Con đây, phận làm dâu, sớm thì châu chực bữa cơm, tối thì lo mẹ ngủ cho yên giấc. Cái đạo phụng sự mẹ chồng còn muốn sao nữa ? Chỗ thiếu kém của con, tưởng không nên tiếc tiền mượn người ở làm cho. Chớ thế này là tự chuốc lấy khổ ». Bà mẹ không lời nào đáp lại, tủi thân khóc tức tưởi.

Côn-Sanh bước vào, thấy vệt nước mắt trên mặt mẹ, gạn hỏi rõ căn do, nổi giận rầy trách Thập-nương. Thập-Nương cứ cãi vạ, không chịu làm lành. Côn-Sanh nói : « Cưới vợ về, mà không làm vui lòng mẹ được, thà rằng không có còn hơn. Dẫu phải xúc phạm ếch ông đi nữa, bất quá sẽ bị tai



vạ. chết bất-đắc kì-tử là rảnh nợ chớ gì ». Rồi lại đuổi Thập-Nương. Thập-Nương ra khỏi cửa đi biệt.

Hôm sau nhà bỗng bị hỏa tai, cháy lan rụi hết mấy căn. Ghế bàn giường chõng thầy đều hóa ra tro tàn. Côn-Sanh nổi giận, chạy lại miếu ngỏ lời thán trách : «Nuôi con gái thế nào mà chẳng biết phụng-sự cha mẹ chồng, không có chút gì gọi là gia-giáo cả, thế mà lại bênh chỗ quấy của con. Bực thần là bực chí công, há lại có thể dạy người phạm nên sợ vợ hay sao ? Với lại chén bát khuya trong chạn, đều là tại tôi gây ra, chớ can gì đến cha mẹ tôi. Dao mác búa rìu xin cứ giáng xuống mình tôi đi. Nếu không thế, tôi xin đốt miếu ngài đây, gọi là đề báo cừu ».

Nói dứt lời, đi vác củi chất dưới chân điện, định châm lửa, thôn nhân xúm lại van xin, bèn nuốt giận mà về. Cha mẹ hay chuyện, sợ hãi đến thất sắc.

Đêm ấy Thần thác mộng cho người vùng lân cận, bảo dựng nhà cho con rể của Thần. Sáng ra, chớ gỗ mướn thợ, chung nhau lo việc xây cất giùm cho Côn-Sanh. Từ tạ thế nào cũng chẳng chịu ngưng. Ngày ngày, hàng trăm người chen chúc nhau trên đường. Chẳng mấy hôm, nhà cửa hoàn-toàn đổi mới, giường màn đồ đạc có đủ cả.

Sửa dọn vừa xong, Thập-Nương đâu chợt lại, lên sảnh đường chịu lỗi, lời lẽ dịu dàng. Xong, quay về phía Côn-Sanh mà nhoẻn nụ cười. Cả nhà đổi oán làm vui.

Từ đó tính tình Thập-Nương càng hòa nhã. Ở hai năm tịnh không có lời ra tiếng vào.

Thập-Nương hay sợ rắn lắm. Có một bận Côn-Sanh tình nghịch bắt rắn con gói lại, rồi bảo nàng mở ra xem. Thập-Nương tái ngắt mắt mày, rầy mắng Côn-Sanh.

Côn-Sanh cũng hết cười hóa giận, tiếng bắc tiếng chỉ cự nhau kịch-liệt. Thập-Nương nói : « Chuyến này khỏi đợi ai xua đuổi nữa. Xin đoạn tuyệt từ đây ». Rồi ra cửa đi mất.

Ông cụ Tiết nổi trận lôi đình, hoa gậy đập Côn-Sanh, rồi đi xin lỗi với Thần-Ếch. May Thần chẳng quở trách gì, nhưng kẻ bỏ đi thì tuyệt vô âm tín.

Hơn một năm sau, Côn-Sanh đâm nhớ Thập-Nương, tự hối vô cùng. Lén đến miếu Thần, van lơn Thập-nương, nhưng mãi không được một lời đáp ứng. Cách đó không bao lâu, lại nghe tin Thần hứa gả Thập-Nương cho nhà họ Viên. Lấy làm thất vọng, nên cũng đành phải cầu hôn nơi khác. Nhưng đi coi vợ luôn mấy nhà mà tuyệt nhiên không thấy cô nào như Thập-Nương. Cho nên nổi nhớ Thập-Nương càng thêm canh-cánh. Tìm đến thăm dò nhà họ Viên, thì vách đã sơn, sân đã dọn, sẵn sàng đón rước xe hoa.

Lòng vừa thẹn vừa tức, không sao gột qua một bên được, bỏ ăn rồi phát bệnh. Cha mẹ lo hoảng, chẳng biết liệu làm sao. Trong cơn mê, bỗng có người vỗ-về chàng mà rằng : « Đại trượng-phu đã bao lần muốn đoạn tuyệt, nay sao đến nông nỗi này? » Mở bừng mắt, thì ra Thập-Nương. Mừng quá, nhảy nhồm dậy. Kêu lên : « Em về rồi kia à ? »

Thập-Nương nói : « Cứ cách đối đãi khinh bạc của chàng, thì chỉ còn tuân mệnh cha cái giá là phải. Đã thọ lãnh sính lễ của họ Viên từ lâu rồi, nhưng trăm cân nghìn nhắc, vẫn không nở lìa chàng. Đã chọn ngày lành tháng tốt là tối hôm nay, cha không mặt mũi nào đem sính lễ hồi

lại được. Thiếp phải đích thân mang đi lay người mà trả. Lúc bước ra khỏi cửa, cha tiễn chân, còn rầy với : « Thứ con gái ngu si ! Không nghe lời tao, sau có bị nhà họ Tiết ngược đãi, dẫu có chết cũng đừng về đây. »

Côn-Sanh cảm-dộng về cách cư xử có nghĩa ấy, mà chảy nước mắt. Gia-nhân đều mừng rỡ, chạy đi cho ông cụ bà cụ hay. Bà cụ nghe tin, không đợi dâu bái kiến, vội chạy vào phòng con, cầm tay thồn thức.

Từ đó Côn-Sanh cũng trở nên đứng đắn, không chơi ác nữa. Cho nên ân-ái ngày càng đậm đà. Thập-Nương nói : « Thiếp trước kia vẫn tưởng chàng khinh-bạc, chửa chắc có thể cùng nhau bạc đầu, nên chẳng dám để lại bòn máu oan-nghiệt nơi nhân thế. Nay chàng đã khác hẳn, thiếp sẽ sanh con. »

Không bao lâu Thần ếch và phu-nhân mặc áo đỏ giáng lâm nhà con rề. Hôm sau Thập-Nương lâm bồn, sanh một lần hai mụn con trai. Từ đó tới lui thường thường.

Cư dân trong vùng có ai xúc phạm Thần ếch, đều cầu đến Côn-Sanh trước. Chàng bảo đàn bà con gái nhà ấy phục trang lông lấy, vào tận khuê phòng, triều bái Thập-Nương. Thập-Nương cười, thì không có tai-ương gì cả.

Dòng dõi họ Tiết rất đông. Người ta mệnh danh là nhà họ Tiết-Nhái. Người lân-cận không dám gọi thế, chỉ có người ở xa mới gọi thế thôi.

BỒ-TÙNG-LINH

KIỀU-YIÊU dịch

THƠ DỊCH

TÚC VÂN-TẾ TỰ

Bạch-cái vi vân nhất kính thâm,
Đông-phong đệ-tử viễn tương tầm.
Thương-dải lộ thực, tăng quy tự,
Hồng-diệp thanh can, lộc tại lâm.
Cao-các thanh-hương sinh tĩnh-cảnh.
Dạ - đường sơ - khánh phát thiền-
tâm.

Tự từng Tử-Quế-nham tiền biệt,
Bất kiến Nam - Năng trực đáo
câm !

NGHỈ CHÙA VÂN-TẾ

Lọng trắng, mây trùm một lối thông,
Tìm Ai, xa ruồi... ngọn đông-phong,
Về chùa, sư thuộc đường rêu biếc,
Vắng tiếng, hươu len bụi lá hồng.
Cõi Phật êm-dềm, hương gác tỏa,
Lòng thiền thao - thức, khánh đêm
rung.

Tự đèo Tử - Quế cùng ly - biệt,
Chả gặp Nam - Năng, lòng trạnh
lòng !

ÔN-ĐÌNH-QUÂN

ĐÔNG-XUYÊN dịch

CHÚ GIẢI

Bài thơ này của Ôn - Đình - Quân, thi-nhân đời Đường, làm khi đi tìm một nhà sư-thầy nào đó ở Chùa Vân-Tế, rồi vào nghỉ tại đó.

Đại-ý nói: Đường vào chùa có một lối thăm-thăm, trên có đám mây nhỏ che, như chiếc lọng trắng. Gió đông hây hây, đệ-tử từ xa đến tìm sư-thầy. Lúc đó, có nhà sư đi về chùa, đã thuộc lối, bước trên đường rêu xanh, và trong rừng, trong bụi, có những con hươu len-lỏi trong đám lá hồng khô, tiếng kêu xào-xạc. Lầu cao hương ngát, cõi Phật êm-dềm; đêm vắng khánh rung, lòng thiền thao-thức. Nghĩ từ độ cùng sư-thầy tương biệt ở núi Tử-Quế đến giờ, ta chưa gặp lại Nam-Năng (có lẽ là tên sư-thầy) lần nào nữa, nên rất trạnh lòng !

Ôn-Đình-Quân, tự Phi-Khanh, lúc bé mẫn-ngộ, giỏi từ-chương, tầm tiếng ngang với Lý-Thương-Ẩn. Không rõ trước ông làm quan đến chức gì ; chỉ biết khi vua Tuyên-Hoàng nhà Đường đi vi-hành, ông gặp, song tánh-khí ngạo-nghe, bất-ky, ông ứng-đối với Vua không được nhã-nhận, nên bị biếm làm quan Ủy Phương-Thành. Trừ-tác có những tập « Ác-lan », « Kim-Thuyên » v.v... và 5 cuốn thơ.

Đ. X. cần-chí

L.T.S.— Lần này B.K. lại được out về giới thiệu cùng bạn đọc một cây bút mới: Thành-Tân, và «Đầu cá lóc» là truyện ngắn đầu tiên, là sự thử thách đầu tay của tác-giả.

Thành-Tân là người miền Nam và trải qua buổi thiếu thời đã sống nhiều năm ở miền đông quê Nam-Việt. Như hầu hết những người miền Nam, tác-giả cũng có một cách nhìn cụ thể, giản-dị và chân thật về những sự việc quanh mình. Nhưng Thành-Tân còn là con người văn-ngệ, nên đã vẽ được những nét sinh-hoạt và những cá-tính con người miền Nam khá đậm-đà, tiêu-biểu bằng một lối hành-văn đơn-giản, tự nhiên và mộc-mạc của một nghệ-thuật đã biểu-lộ ít nhiều độc-đạo.

ĐẦU

CÁ

LÓC

★—— THÀNH-TÂN

BÁC Tám sửa lại cặp kiếng gọng đôi mồi, kéo võ kéo ra cho vừa tầm thấy rõ rồi nhón kỹ những cái sườn nhà nằm khênh khênh trước sân như bộ xương lồng ngực của một con ác thú khổng lồ.

Đoàn em bé tan học buổi chiều, cặp sách lơ-lơ chạy qua bụi đồng dăm bào, tung bụi lên một vùng khói đục. Bác Tám lại phải lột kiếng xuống lau một lần nữa. Bác xem kỹ một lần chót cái sườn nhà. Phải đeo lại một cây kèo ráp chưa chặt, ném lại cây đòn dông vì mai đây là ngày thượng lương.

Ngoài bờ sông, cách đó chừng mười thước, vọng lên tiếng cười của đoàn thợ đang ngâm mình dưới nước đỏ đục như trà Huế, họ kỳ en ét, quào sồn-sột trên làn da sạm sẫm, dưới lớp đất dính lộn cợn dăm bào.

Bác Tám là người sau hết, khệnh khạng đi xuống bờ sông. Thân bác gầy dẹt như cây khô, cái quần đùi nhục nhục để lộ cặp giò khẳng khiu như hai khúc mù-u.

Thấy anh em cười bác cũng cười để lộ hai hàm răng khấp khềnh. Mí mắt bác híp lại, đuôi nhú thành rế quạt chạy tuốt tận màng tang, vành miệng bác hoạc ra có quầng, tạo cho gương mặt bác một vẻ rợn rợn của một ông thầy phù thủy đã từng hét quỉ trừ tà.

★

Ngọn đèn dầu lửa từ trong cái nhà cầu vách bỏ kho tung ánh ra ngoài vẽ nên trên nền sân một vết sáng nửa vàng nửa đỏ.

Cũng như mấy hôm trước sau bữa cơm chiều anh em thợ quây quần trên sân để nghe ông thợ cả, Bác Tám, kể lại cuộc đời làm thợ mộc ly kỳ của bác. Một nhóm năm người, kẻ thì ngồi xếp bằng người thì ngồi chồm hồm, còn bác Tám thì lỏng lỏng trên một chiếc ghế tô-nê đã tróc sơn loang lổ. Bác ngồi vắt chơn chữ ngũ, tay mân mê cây tăm xia răng cọng lá dừa, mà thật ra bác cầm lấy lẽ do thói quen, chớ bộ răng thưa hoách và xệu-xạo của bác không giữ được mảnh thịt thừa nào sau bữa ăn. Bác xia cầm

chùng, đôi khi thọt vào chỗ trống dụng nớu hơi đau. Bác chép miệng và kể :

— Không nói dẫu gì các em, hồi nhỏ qua nhờ một ông thầy người Huế truyền cho vài phép ếm trong « Vạn-pháp qui-tôn » còn bùa Lỗ-Ban thì qua đã theo học với một bạn đồng-nghiep gốc ở núi Tà-lơn.

Cái hồi đi theo ông này qua đã chứng kiến nhiều việc kỳ đời. Có những cái nhà cất lên đề rồi không ở, có cái cất nhà trên nhưng lại ở nhà cầu mà lỡ ai môn men lên chỗ nhà trên thì nội trong ngày hôm đó cùng phát nóng vùi. Có chủ ngày ăn tàn-gia cũng là ngày bắt đầu mệt. Đáng ghê hơn nữa là có nhà con cái đang ăn chơi sồn sớ mà làm nhà rồi thì trùng tang liên tắng. Có cái cửa kêu oa oa như tiếng con nít khóc. Có cái nghe trèo trẹo như người ta nghiêng răng...

Bác Tám dừng lại, nhìn đảo quanh một vòng. Trong bóng tối lam-nham sáng long lanh những cặp mắt đang trăn trăn nhìn bác với một vẻ thần phục. Vài liếng xì-xào.

Hít xong một hơi thuốc, bác Tám lại tiếp:

— Cái nghề của mình là vậy đó ! Cái tục lệ đã truyền từ đời đồ đến đời mình. Có thợ mộc nào mà không ếm ? Không ếm dẫu phải là thợ mộc. Có đều ếm nhẹ với ếm nặng đó thôi. Tôi thì, nói thiệt có trời làm chứng, hồi nào tới giờ tôi chưa hề hại ai. Ếm nhẹ, ếm cho có lệ thì không thiếu gì cách. Cây kèo trèo trẹo mãi 3 tháng 10 ngày thì thôi, cái cửa oa oa đủ một trăm ngày cũng hết...

Với lại khi chủ mạng người ta lớn thì bùa phép cũng chịu thua. Anh hai của qua hồi cất cái nhà thờ cho thầy Phó Kiên,

đáng lẽ đặt con hình nơu, mặt xây ra đằng trước, anh hấp-tấp sao đó mà đề xây mặt ra đằng sau, thành ra nhà cửa cất xong, thầy Phó không mặt mà lại phát lên thấy ngợp.

Cũng có khi Tồ trát, mình lại hại mình. Chú Năm, tía thẳng Hồ bên sông bây giờ, hồi còn sống cũng là một tay cừ. Qua nhớ hồi chú lãnh làm cái nhà cho ông Cả Hanh. Ông cả nói năng không khéo sao đó mà chú ra tay trước khi thượng lương. Cái bữa ông Cả thượng lương nhà thiệt in hệt bữa cúng đình. Dân làng tề tựu có tới mấy chục. Ba hàng cột cây nào cây nấy một ôm. Muốn cho chắc ăn ông Cả cho mua dây lượt bằng bắp tay cột cho dân làng kéo lên.

Hết thầy đều ếm xuôi. Đến lượt cây cột cái, nó nặng thiệt không khác cây kích Tiết-Nhơn-Quý. Hai mươi dân, anh nào gân tay cũng nổi lên có cục có cục, dỏ mặt tía tai. Nó nhấc lên độ năm tấc thì bỗng rắc rắc... dây lượt đứt cái bựt, cây cột cái ngã xuống cái rầm. Dân làng mất trớn, té lăn chiêng. Một núi chỉ ngũ sắc văng ra nằm trơ trơ trước mắt mọi người. Ai nấy đều xanh mặt. Chú Năm chết đứng về chuyện đó chú đau rồi mất luôn ».

Anh em thợ nghe mê, phục bác lắm. Họ mong nhờ bác truyền cho một vài phép ếm đề có ngày trở nên thợ cả. Phải ngoan ngoan bác thương bác mới truyền cho. Người bác thương hơn hết trong số các anh em là anh Sáu. Anh Sáu độ ba mươi tuổi mình đây, trông mạnh dạn và lanh lẹ.

Điều thuốc của bác Tám đã tàn từ hồi nào rồi. Tàn thuốc dài thườn thượt mà bác quên gọt. Anh Sáu vội vắn điều thuốc Gò-vấp khác, hai tay đưa mời Bác và quẹt diêm đưa tận môi cho Bác thắp.

Sương xuống lành lạnh. Có con chim ụt kêu lên mấy tiếng buồn rầu trên cây xoài đứng sừng sững ở đầu vườn, đáng đen lù lù như cái đầu không lồ không tai không mũi in chằng vằng trên nền trời mờ đục.

✱

Cái nhà bác Hai dựng lên đã được hai hôm. Cái sườn trông thiệt đồ sộ. Ba căn chái với một giàn cột đáng giá. Thật là chánh gố, mua tận Nam-vang đem về ngâm dưới ao đã ba năm nay, nên cây nào cây nấy mun đen, ước chừng đánh bóng lên thì trông vào thấy mặt được.

Hôm qua đã đóng rui, bắt đầu lợp và hôm nay thì lợp nốt.

— Ông Tám ơi ! Tiếng bà Hai kêu, phiền ông có anh em nào rảnh tay cho tôi mượn hai chú xuống bờ sông, phụ với bảy trẻ, đem riết xuống cá lên bờ cho kịp kéo nước ròng sát.

Bà Hai trông người dễ-dạm và phúc hậu. Bà đã gần sáu mươi nhưng đáng còn khoẻ mạnh. Ông Hai mất hồi cô Hai mới lên bốn, cậu Ba mới biết bò. Lúc đó nhà cũng đủ ăn. Bà ở vậy nuôi con.

Nhờ làm ăn cần cù và tiện tận bà tậu được mấy mẫu vườn... Gặp lúc giặc giã, trái cây ngoại-quốc không nhập-cảng được, bà trúng liên tiếp mấy mùa quýt.

Từ đó nhà khá lên cho đến giờ. Ngày nay cô Hai đã có chồng, cậu Ba đã có vợ, vợ chồng cậu Ba ở chung với Bà.

Bà tính tình thật thà, hiền hậu, hàng xóm ai cũng thương. Chỉ phải cái ít nói. Bụng thì tốt mà không nói ra, đôi khi cũng xảy sự hiểu lầm.

Cái nhà cất từ hồi ông Hai còn sanh tiền nay đã cũ quá, cột bị mọt ăn nhiều

chỗ, ngói bề cũng bện. Bà định cất lại đã ba năm nay, lần hồi khi ít mua sắm cây ván đề đó, bây giờ rảnh rang mới khởi công.

Dưới sông một chiếc tam-bản cặp bên đày nhóc cá, đen lách bóng ngời, lúc nhúc những cá lóc có con bằng bắp chuối.

Nước ròng sát. Từ bờ xuống mặt nước, bãi sinh lời ra trên mười thước. Muốn chuyển cá lên bờ, phải đứng dọc theo cái cầu dừa khô và năm người mới chuyển xong một thúng cá từ tam-bản lên tới bờ.

Mặt trời đã lên cao. Ánh nắng xuyên qua mấy tầng soài, tủa xuống bờ sông sáng ngời như những rế quạt bằng kim tuyến. Mỗi lần nhấc rổ cá lên thì mồ hôi tuôn có giọt lăn tròn trên trán, trên má, nhưng không ai nhăn mặt, không ai tắc lưỡi vì ham quá.

Toàn là những cá đúng lứa. Ở xóm này, ngoài trừ mấy cái đĩa của bà Hai không đĩa nào có cá lớn như vậy, mà chỉ đặc-biệt năm nay mới có, ý chừng cá Biển-hồ về.

Mấy ông thợ đang lợp nhà cũng ngừng tay nhìn xuống chấp miệng trầm trồ.

Anh Sáu đang bắt ngói từ dưới thảy lên cũng ngừng tay ra dấu cho người đứng dưới dừng thảy nữa rồi chép miệng : « Thứ cá đó đem hấp hay nướng trui mà nhậu thì tuyệt ».

Ông Tám tiếp lời : « Chạy đằng trời rồi tội mình cũng được một bữa cá luộc cuốn bánh tráng rau sống ».

Ở trên nóc nhà dòm xuống thấy bảy trẻ bung mâm cơm lên có khác ngày thường.

Trên cái mâm nhom bóng nhoáng nổi bật hai tô canh chua khói bốc lên có lọn. Xuyên qua những miếng khóm vàng,

bên trên rải rác mấy ngọn ngò xanh xen
vô vài khoanh ớt đỏ chót, những cặp
mắt thèm thuồng từ trên cao đoán thấy



dưới đó đang núp những khứa cá lóc thịt
sần róm, béo ngậy, dèo theo cặp trứng
no tròn. Hai tộ rau muống luộc bùm xùm,

hai đĩa muối ớt đỏ tươi và một đĩa bàn
cá kho rắc tiêu thơm phưng-phức.

Nhanh-nhỏm, năm ông thợ phui căng
leo lên, ngồi xếp bàn tròn quanh mâm
com còn lên khói.

Anh Sáu ngồi bên nồi com, bới chén
thứ nhứt, trịnh-trọng đặt trước mặt bác
Tám, cái bàn tay đã quen trộn hồ nay
bỏ qua bới com cũng thiệt gọn. Phút
chốc bốn cái chén kiểu có vẽ hình bát-
tiên cũng mang com trắng phau, lần lượt
đến an-tọa trước mặt bốn ông thợ con,
và năm đôi đũa mun bắt đầu cử-dộng.

Nhìn qua một lượt, anh Sáu làm bầm :
— Dĩa cá kho toàn là dầu.

Bác Tám tiếp :

— Phải chi lấy khúc mình kho còu dẫu
dề nấu canh thì ngọt biết mấy.

Ngoài sân trời đang nắng chang chang
bồng râm lại.

Bác Tám húp một muống canh chua,
chép miệng :

— Ngọt dữ a !

Đoạn cầm đũa, bác dệu tô canh đưa
lên một cái đầu cá lóc thật lớn ; dệu
cái nữa cũng một cái đầu cá tương-dương.

Anh Sáu vội vàng lấy muống vớt lên :
mấy cái đầu cá lóc chặt sát mu chỉ còn
hai làn thịt mỏng ở hai bên mép mang.
Anh lắc đầu nhẹ-nhẹ như để xua đuổi cái
gì đang chàng vàng trước mắt ; anh hất
hàm gọi anh thợ thanh-niên ngồi đối
diện :

— Tư ! đòi tộ canh coi. Đầu cá hết
trơn như vẩy thì bộ rằng cà-khêu bác
Tám « làm ăn » sao vô ? Đưa tô kia coi
có khúc đuôi, khúc mình nào không ?

Anh thanh-niên lấy muống vớt trong tô canh vun-xúng trước mặt, cũng lại mấy cái đầu cá lóc.

Bác Tám ngàng cặp mắt mang kiếng lên nhìn quanh-quất, đoán đảo một vòng quanh bốn ông thợ như đề phân-bua rồi lầm-bầm :

— Họ cho tụi mình ăn toàn là đầu còn khúc mình thì...

Bỗng Bác ngừng. Bà Hai từ dưới nhà bếp bước lên. Bà rút chiếc khăn tay màu đà, chùi cổ trầu quanh miệng rồi nhoẻn cười nhìn bác Tám. Bà cười, hai vành môi đỏ thâm-thâm phía bên trong, nở ra giữa một gương mặt, tuy đã mang những làn nhăn trên trán và hai bên má nhưng vẫn còn phảng-phất cái khuôn tròn diễm-dạm ngày xưa. Trong nụ cười vẫn hiện ra một cái duyên dáng bắt nguồn từ cái hiền-hậu trong tâm-hồn.

Bà nói :

— Năm nay bị nước mặn tràn vô, dĩa thất. Cá thì lớn thiệt nhưng không bao nhiêu. Anh em chịu phiền dùng đỡ ; đầu cá vậy mà nấu canh ngọt lịm. Dưới nhà, tôi và sắp nhỏ cũng ăn như vậy.

Rồi bà quay lại, gọi vọng xuống nhà dưới :

— Con Tư coi chừng mức thêm cá nghe con.

Ông Tám vẫn ngó xuống, dường như không nghe.

Anh Sáu nhìn bà Hai nói bằng một giọng nửa đùa nửa thật :

— Dạ phải ! đầu cá lóc nấu canh, mới hút một miếng mà nó ngọt thấm tới ruột tới gan, thưa bà.

Bà Hai, như không để ý đến câu nói, xây lưng trở xuống nhà bếp.

Khi Bà vừa khuất, bác Tám lại ngàng lên tiếp-tục câu nói Bác đã bỏ dở :

— Đầu thì dọn cho tụi mình ăn còn khúc mình khúc đuôi thì làm mắm đem ra bán cho dân chợ ăn, có lợi hơn mà.

Một anh thợ lấy chiếc đĩa thọc-thọc cái gò má đầu cá kho trong đĩa bàn, phụ họa :

— Phải chi lấy lại mấy cái gò má cá làm khô đem lên Cầu-ông-Lãnh bán thì được tiền hơn nữa

Nói cho phải thì canh ngọt thiệt ; đầu cá mà kho tiêu cũng không phải dở nhưng vì thành-kiến, bác Tám cũng như mấy anh thợ không thưởng thức hết các hương-vị đậm-dà của nó.

Nhưng mấy đôi đĩa rồi cũng phải làm phận sự.

Với bàn tay gân-guốc kẹp đôi đĩa mun, anh Sáu xắn ngay hai cái gò má cá rồi cố moi moi dọc theo vành mu, rĩa ra từng mảnh thịt vụn, gom lại bỏ vào chén cơm cho bác Tám.

Mấy cái đầu cá cũng được đệ vào chén, đưa vào miệng, người ta rán mút — mút xuôi rồi mút ngược — cố rút từ trong kẹt mu ra một ít nước béo béo để nuốt trôi mấy chén cơm.

Bác Tám buông đĩa xuống trước.

Ưc vội vàng nửa lon nước lạnh, bác ra ngồi trên cái bàn bèo, tay vẫn thuốc, mắt đăm đăm nhìn tới dĩa trước. Sau cặp mắt kiếng vẫn dục vì khói trong cơm đã động lên hồi nãy, cặp mắt Bác lơ lơ, dường như Bác đang tìm kiếm cái gì trong trí.

Bỗng Bác giật mình, chụp điều thuốc lá đang cầm trên tay sắp rớt.

Có tiếng the the từ nhà bếp vọng lên :

— Mấy đĩa lấy xớ dĩa chùi trong chùi

ngoài cho sạch mấy cái hũ nghe hôn. Lâu ngày để không dùng nó đóng rong đóng rêu nhiều lắm đó.

Bác nhận ra là tiếng bà Hai ; mày Bác cau lại ; Bác hừ một tiếng rồi đưa điều thuốc lá lên môi, bập-bập cho nó bắt lửa.

Giọng nói the thé của Bà Hai, hôm nay Bác nghe sao có vẻ tỉnh-quái như giọng con mụ đồng mới lên.

Điều thuốc lá chưa bắt lửa, Bác lại bập-bập, cặp môi Bác nhả nhứu chuyền động, giựt-giựt làn da mỏng hai bên má hóp. Trên gương mặt Bác, bây giờ hiện lên một vẻ hung-dữ lạ.

Chiều hôm ấy, đoàn thợ mộc cũng lại thưởng-thức một bữa cơm dầu cá lóc. Sáng hôm sau cũng vậy. Họ không ngạc nhiên nữa ; họ chờ đợi dầu cá lóc và họ đã có kinh-nghiệm ăn dầu cá lóc. Mấy anh thanh-niên răng chắc, cắn dập mu ra để hút cái óc. Họ biết chỗ ần của mấy mảnh thịt sau mép mang và hút đến tận cùng những giọt nước béo núp bên trong.

Hôm nay sau bữa cơm chiều người ta không thấy đoàn thợ con quây-quần ngoài sân để nghe ông thợ cả kể chuyện nữa.

Nhưng ở ngoài gốc xoài, nơi mà mỗi đêm hể đến canh một thì bắt đầu có tiếng chim ụt kêu lên nghe ròn-rợn, bác Tám và anh Sáu đang thì-thăm to nhỏ.

Bác Sáu :

— Tao làm thợ mộc đã trên ba mươi năm nay, thiệt không thấy thân-chủ nào xử tệ với thợ như thế. Lúc đầu tao tưởng mụ biết điều ; có vụ cá lóc mới biết lòng dạ mụ không ra gì. Ai đời cả một tam-bản đầy khảm cá muốn chìm mà mụ dành cho anh em mình ăn đầu cho được.

— Thì mình cũng làm sơ-sơ để răn họ thôi hả bác ? Anh Sáu hỏi.

— Sơ-sơ sao được mậy ! Trùng tang liên táng đó à ! Một tháng nữa mầy lại đây coi.

Mai đây thì cái nhà đã hoàn-thành.

Bác Tám cho biết là cái nhà cất như vậy thiệt hết chỗ chê, nhưng mà, muốn cho chắc bụng, Bác muốn chêm thêm chỗ cái đòn dông gác lên cây cột cái, và Bác với anh Sáu đặc-biệt phụ-trách vụ này.

Chiều hôm sau thợ nghỉ sớm để bà chủ đèn công và về nhà.

Một tuần nay họ làm và ăn ngủ luôn tại đây : họ kéo nhau xuống sông tắm và đùa giỡn như mọi khi.



Mặt trời đã khuất sau tàng xoài. Bóng râm trải khắp bờ sông.

Bà Hai mời ông thợ cả vào nhà nói chuyện.

Dưới sông nước lớn đã liếm bờ. Có hai chiếc tam-bản, chở mỗi chiếc ba cái hũ, phủ lá chuối, chèn mo nang và ràng chặt cứng, đang cắm dầm chờ đợi.

Bà Hai mở đầu :

— Hôm nay nhà tôi đã hoàn-thành ; thiệt tôi vừa bụng hết sức. Tôi xin cám ơn, trước là ông Tám, sau là mấy anh em. Sau đây tôi có chút chuyện tỏ mấy anh em hay : nguyên tôi nghĩ rằng anh em đi làm ở đây lâu ngày, vợ con ở nhà chắc mong đợi làm công chuyện xong, anh em về có đem cái gì cho vợ con nó mừng.

Mùa địa năm nay thất ; tôi biếu bày trẻ để lại dầu cá lóc lớn dọn anh em và ở nhà ăn, còn khúc mình thì làm mắm. Kệ !

Mình chịu cực một chút mà vợ con nó mừng nhiều. Nay tôi xin tặng anh em mỗi người một hũ mắm lóc thiệt hảo-hạng để anh em đưa về cho vợ con. Riêng ông Tám đã cực khổ với tôi nhiều hơn, nên tôi xin tặng riêng ông hai hũ.

Sở dĩ tôi không nói trước là vì muốn dành cho anh em một cái bất-ngờ. Ở đời cái gì là bất-ngờ thường làm cho mình vui thêm.

Mấy hũ mắm bây giờ ở dưới tam-bần đang đậu dưới sông, để tôi biểu bày trẻ đưa anh em về nhà cho kịp con nước.

Nói xong bà trao tiền công cho ông Tám.

Mắt ông Tám hoa lên, ông không trông thấy số tiền.

Người ta thấy anh Sáu kéo vạt áo lên chạm mồ hôi trán.

Một luồng gió từ ngoài tạt vào lành-lạnh. Ngọn đèn dầu lửa run-run. Mấy bóng người in trên vách múa nhẩy chập-chờn.

Từ trên cây đòn dông, khít bên tấm bùa bát-quái còn mới tinh, buông xuống một chuỗi dài tiếng tắc-luối của con thần-lăn, cặp mắt tròn vo như hai hột đậu xanh, đang lom-lom nhìn hai thầy trò bác Tám.

Có tiếng đập muỗi cái chách. Con thần-lăn thụt lên trên thượng tầng, nhưng chuỗi dài tắc-luối còn vang mãi bên tai hai thầy trò bác Tám.



Qua ba ngày sau, vừa sáng từng bừng, bà Hai đã thấy bác Tám và anh Sáu đi vào. Bà chưa kịp hỏi, bác Tám đã nói trước :

BÀN CHÂN TRÊN CÁT NẤU

Em ơi quên sao được

Lần đi dạo cặp kè

Hai bóng người loáng thoáng

Theo ngõ hẹp trồng tre.

Đôi bờ hoa trâm ôi

Thơm ngát cả chiều hè.

Cát náu tắng về trắng

Của bàn chân rứt rề

Những lời em thỏ thè

Anh nghiêng đầu lắng nghe.

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Hoang đảo)

— Anh em tôi ra về nghĩ lại mà tiếc. Cái nhà Bà kể thì cất dựng công phu nhưng thiếu một cái cửa ngõ cho hanh thông. Tôi có làm thầy Địa nên có biết qua loa cái thế-thức xây nhà, trổ ngõ. Cái cửa cũ của Bà xây về hướng Nam, nay cho về Đông-Nam là làm ăn thịnh-phát. Lúc này tôi còn rảnh rỗi, rủ chú Sáu đây qua phụ lực giúp Bà một bữa gọi là trả lại cái lòng tốt của Bà đối với anh em thợ.

Bà Hai mừng rỡ, cảm ơn. Cả ngày bà luôn luôn cười ngủng-ngổn và chạy ra chạy vào nơi chỗ thầy trò bác Tám lui-cui bào, cưa, dẽo, đục. Đến gần tối thì một cái cổng mới bằng sơn nghệ đã dựng xong. Anh Sáu cố đẩy hai cánh cửa cho khít lại, hai thớt gỗ nghiêng vào nhau nghe trèo-trẹo đến lạnh xương sống.

Anh hỏi :

— Bác tính mấy ngày mới giải hết cho gia-chủ ?

Bác Tám có vẻ suy-nghĩ quan-trọng lắm, giây lâu mới nói :

— Đúng một trăm ngày thì cánh cửa hết kêu, cái bùa ếm của mình ở trên cây đòn dông cũng hết công-hiệu.

— Thế trong khoảng một trăm ngày này gia chủ có hễ gì không ?

Bác Tám chỉ vào hai cây trụ ngó :

— Bao nhiêu tai biến đều trờ hết ra đây rồi. Chỉ có sơ ý mà qua đây vào lúc đúng Ngọ thì cảm sốt mê man ít bữa.

Anh Sáu chăm chỉ nghe nói như muốn thấu đạt cho hết cái lẽ huyền-bí trong hai cánh cửa mà anh đã ra công đục đẽo trọn một ngày nay dưới sự chỉ dẫn của bác Tám.

Làm xong, dù bà Hai khần-khoản mời ở lại, thầy trò bác Sáu cùng cáo từ ra về. Hai người cũng từ chối không nhận lấy tiền công trong ngày.

Khi ra ngoài sân, ông Tám bảo với anh Sáu :

— Thôi kệ ! công-lao mà làm gì. Mình chỉ cốt sao cho khỏi tòn âm-dức là được.

Tối ngó, trời đã tối mịt, anh Sáu cảm thấy ghê ghê sau ót. Anh đi mau, hấp-tấp lướt trước bác Tám mà nhảy xuống chiếc xuống, giữ lấy mái chèo.



Trưa hôm sau, vừa đúng Ngọ thì thằng Cám — đứa ở của bà Hai — đánh trâu về. Nó sức nhớ đến cái cửa hồi hôm khép lại mệt muốn chết mà cứ kêu trèo trẹo đến ê-răng. Sợ tối nay lại nhọc sức nữa, nó rút lấy một mẻ dầu dừa rồi dưới nắng đúng trưa đem ra phết đi phết lại dọc theo kẽ cửa. Xong rồi khép lại ít bậ, ban đầu nghe kìn-kịt, sau nghe pho pho, rồi êm ru bà rù. Tuy đang nắng dưới trưa, nhưng thằng Cám không bị nóng sốt vì hăn dầm mưa dãi nắng quen rồi nên đêm ấy hăn vẫn ngủ rất ngon như mọi bữa.

THÀNH-TÂN

Hộp thư Bách - Khoa

Cùng các bạn gửi bài về số « Bách-Khoa Đặc-biệt kỷ - niệm Đệ tam chu - niên » (15-1-1960) và Số Xuân Canh-Tý



Đề có đủ thời-gian lựa chọn, trình bày, minh họa chu-đáo số « Đặc-biệt kỷ-niệm Đệ tam chu-niên Bách-Khoa » và Số Xuân, trân trọng mong các bạn bắt đầu gửi bài về Tòa-soạn Bách-Khoa ngay từ giờ.

Những bài gửi đăng xin các bạn viết cho một mặt giấy và rõ ràng đề tiện việc sắp chữ. Xin ghi địa chỉ cùng tên thật để chúng tôi tiện liên - lạc trao đổi ý kiến với tác - giả.

B. K.

CẦU

NGUYỆN



Tôi muốn chọn một góc tối nhà thờ
Không để khóc lóc, cầu xin, kể-lẽ.
Có nghĩa gì đâu một đôi giòng lệ
Mà cuộc đời này sẽ hết thương đau
Những mảnh tình xưa, những chuyện
ban đầu

Ôi vô nghĩa như một lời hẹn ước.
Một vạn năm sau, một nghìn năm trước
Trần-gian này chỉ có thể thôi ư?
Tôi muốn bỏ đi chẳng đợi già-từ
Đôi bạn thâm-giao, một người yêu cũ.
Rồi tất cả sẽ đi vào quá-khứ
Còn gì đâu mà nói chuyện mai sau.
Ai trách chi hoa bướm nhạt phai màu
Chỉ nghĩ nghìn năm sầu-tư nhân-thế.
Tôi dám đâu ngơ-ngi-ca đời đẹp đẽ,
Đi cười vui như một gã cuồng điên.
Đổ rượu cay xuống tất cả ưu-phiền
Khỏi khỏi thuốc lén nhạt màu thương
nhớ.

Tôi vẫn biết lòng mình là bé nhỏ
Mua sầu-tư vốn dĩ đã đại khờ.

Mà khi thương yêu, vẫn đợi vẫn chờ
Vẫn tưởng thời-gian bất-di, bất-dịch.
Có biết đâu trong cuộc đời bi-kịch
Vai giai-nhân đã chết tự màn đầu
Sân khấu tắt đèn — Gió thổi đêm sâu.
Tâm-tư còn nghe nghìn phương gió thổi
Có ai về, ai về mà chờ đợi
Chuyến tàu chiều ngừng lại khoảng
khác thời.

Trên sân ga còn lại bóng một người,
Rồi tất cả phai mờ như chuyện cũ.
Với cuộc đời, tôi sẵn lòng tha-thứ
Không trách than mà chẳng muốn giận-
hờn.

Miền giữ trọn lòng, trọn nghĩa yêu
thương

Ngoài ra — tôi sợ — mình mất tất cả.
Đối với tôi, đời đã thành xa lạ
Cho tôi xin một góc tối nhà thờ.
Mơ tình người còn đẹp thuở ban sơ
Cầu Thượng-đế

Cho tôi giữ được lòng yêu trọn vẹn.

HUY-PHƯƠNG

THÁC ĐỒ SAU NHÀ

VÔ-PHIẾN

(Tiếp theo B. K. số 66)

SÁNG hôm sau Hải lên đường đi Đông Mên thì chín ngày sau đó Kha bị đưa đi trại tập trung lần đầu.

Nhạc-phụ tôi càng lo sợ. Người đã thấy lực - lượng uy - hiếp tiến đến lù - lù trước số phận mình. Xưa nay đối với mọi tai biến trong đời người không bao giờ có cái gan dạ chống đối, mà chỉ có thể sửa soạn « khăn áo chỉnh tề » để chịu đựng thôi. Vậy thì lần này trong gia-đình chúng tôi đã có cái không khí « khăn áo chỉnh tề ». Mọi người trong bà con đối với Thọ, với chúng tôi, có một thái-độ nghi-ky, cách-biệt, e-dè. Tôi làm đủ mọi cách cũng không sao xóa được sự cách-biệt giữa hai chúng tôi với tất cả gia-đình nhà chồng. Mùa đông năm ấy tôi bán tất cả nữ trang đưa cho nhạc-phụ nộp thuế. Tôi kể lại cho Thọ biết ; Thọ không nói gì cả. Khi tôi đưa bạc cho nhạc-phụ, người chỉ ngăn ngừa nhìn tôi một chút đề-dò xét, nhưng không muốn hỏi việc tôi làm có được ý-kiến gì của Thọ không.

Tuy vậy tôi chỉ cứu người được năm tháng. Tháng ba năm sau người lại không thể nộp đủ mức thuế, cả nhà không ai còn của tư riêng gì nữa. Người phải vào tù.

Thọ càng chìm sâu vào những khổ tâm âm-thăm của mình thì anh càng tự thấy xa cách tôi. Anh cứ luôn luôn có cảm tưởng

rằng tôi còn trẻ thơ quá, không thể theo kịp anh, và anh cho rằng không nên đề cho tôi tham dự vào những điều rắc rối đó. Anh thương cha và lý-luận đề từ chối lòng thương đó, muốn bênh vực nhưng lý luận đề thù ghét... tất cả những chuyện ấy, anh không muốn tôi biết đến. Nhưng như vậy thì tưởng như anh đi cô-độc một mình, anh lo sợ tình-trạng cô-độc ấy, thỉnh-thoảng quay lại nhìn tôi bằng một cái nhìn vừa thương hại vừa có nghĩa thăm dò sức chịu đựng của tôi.

Cứ thế cho đến ngày đình-chiến, nhạc-phụ tôi được thả về, và Thọ sắp đặt bỏ gia-đình đi ra Bắc. Nhưng ngay cả khi hai chúng tôi sắp sửa xa nhau, chúng tôi cũng không được yên-tĩnh trong sự đau khổ của mình. Kể quấy rầy cuối cùng là Hải. Hải ở Mên về và lần này cũng phải chuẩn-bị đi xa lâu dài. Ngày vĩnh-biệt gần đến, tự nhiên sự quyến luyến của hân đối với xóm làng, đối với người với cảnh ở đây bộc lộ một cách cuống quýt. Đã lâu, từ hồi còn đi học với hân, tôi đã biết hân yêu tôi, nhưng tôi cho không quan-hệ, là vì khi tôi lấy Thọ thì tôi cho rằng hân đã ngừng lại, và dần dần sẽ quên tôi. Sự thực thì từ đó hân không hề tỏ một tình ý gì với tôi nữa. Nhưng bỗng nhiên sau khi được lệnh rời bỏ đất này, hân đến thăm đề từ-biệt gia-đình tôi, lúc nói với tôi hân xúc-dộng

bối-rối một cách quá rõ rệt, khiến ai nấy đều ngạc nhiên, và làm cho tôi cũng luống cuống. Rồi sự vụng về này lại kéo sự vụng về khác, hẳn đâm liều lĩnh, những ngày tiếp theo đó, hôm nào hẳn cũng đến nhà tôi. Hẳn như một kẻ điên rồ, tuyệt-vọng, khao-khát. Hẳn chỉ đến nhà mà thôi, chứ không dám tỏ ra lời gì với tôi. Nhưng chỉ có chừng đó cũng đủ làm cho Thọ thấy cay đắng trong những ngày cuối cùng sống với tôi.

Hải chỉ hơn tôi có một tuổi. Hẳn trẻ, đẹp và khỏe mạnh. Hẳn cũng là đảng-viên, nhưng hẳn tin-tưởng dễ-dàng không có nhiều thắc-mắc như Thọ, hẳn ham công-tác, hớn hờ, vô tư. Thọ có cái mặc-cảm tự-tí về tuổi tác và về những bấn-khoãn mà anh cho là khuyết-diểm của thế-hệ mình, nên anh tin rằng Hải là mẫu người con trai phải thích-hợp với tôi. Anh yên lặng tin thế và nhận rằng mình có lỗi.

Còn tôi, tôi không có cách gì biện-bạch với Thọ. Tôi không thể nào bày tỏ để Thọ biết rằng tôi chưa bao giờ để ý đến chuyện tuổi tác giữa hai người, còn về hình dáng của Hải thì lâu nay tôi chỉ để ý đến cặp chân của hẳn, do đó tôi không hề yêu hẳn. Tôi không thể bày tỏ với Thọ rằng tôi không có cảm-tình với Hải vì cặp chân mập mập của hẳn không mềm quá.

Nguyên do là vì sau khi lấy Thọ ít lâu, một hôm tôi gặp một gói giấy lớn chồng tôi cất dưới đáy rương, gồm những tờ thư lưu biệt mà học-sinh bày tỏ cảm-tình với chồng tôi cuối mỗi niên khóa. Trong đó có nhiều tờ lưu biệt của nữ học-sinh. Tôi tò mò mở ra đọc. Ngoài những lời khen ngợi về đức tính giản-dị, thân mật, những cảm-tình tế-nhĩ của chồng tôi, tôi để ý đến

một điểm đặc-biệt ghi trên nhiều lá thư của nhiều nam nữ học-sinh khác nhau, nhận xét về dáng đi của chồng tôi. Có người viết vắn-tắt: « Em nhớ mãi dáng đi của thầy mỗi khi thầy bước vào lớp học ». Có học-sinh nói rõ hơn: « Dáng đi thanh nhã và nghiêm-trang của thầy... ». Những câu như thế không phải là những câu văn mô-tả có giá-trị. Nhưng khi nhiều người học-sinh cùng đặc-biệt chú ý và cùng nói về dáng đi của một ông thầy thì chẳng phải là điều không lạ-lùng. Tôi bắt đầu để tâm quan-sát và phân-tách cái dáng đi đặc-biệt của chồng tôi. Quả thực chỉ trông thấy dáng bộ chồng tôi bước đến gần, người ta có ngay cảm-tưởng tiếp xúc với một người tự-nhiên, giản-dị, thân-mật, một người thẳng thắn, có thể tin cậy, mà thanh-nhã nghiêm-trang. Bước chân của Thọ không lảo đảo nhanh nhẹn quá, mà cũng không có cái vẻ chắc nịch nặng nề quá, không vụng vầy huênh-hoang, khệnh-khạng tự-tín, mà cũng không rón rén rụt rè. Tôi nhận rằng chắc-chắn cái dáng đi đó cũng dự phần vào việc gây những cảm-tình đầu tiên giữa Thọ và tôi. Tôi bắt đầu để ý so-sánh với bước chân của những người khác chung quanh.

Sự tình cờ khiến tôi chú ý đến Hải. Hải có đôi chân vạm vỡ, nhưng có điều buồn cười là cử-động của hai chân hẳn không biểu lộ sức mạnh mà lại diễn-tả một thái-độ lưỡng-lự, phân-vân, không quyết-định. Khi đứng lúc nào hẳn cũng tựa cả người trên một chân, còn chân kia hoặc quăn tẻo xung quanh chân nọ như con rắn, hoặc quơ qua quơ lại dju dằng, trông mềm nhuốc. Tư thế của hẳn có vẻ thơ đại, thiếu sự rắn rỏi. Nhìn hai chân hẳn, có khi tôi nghĩ đến cặp râu của những con

kiến đang chạy chột dừng lại phân-vân, cặp râu quơ quơ thăm dò. Khi hắn đứng nói chuyện với tôi, hắn xúc-dộng, hai chân lại càng nhấp nhòem, cựa quậy, quơ quất. Nhưng áy-náy, bồn-chồn e-ngại của hắn biểu-lộ ở cả sự cử-dộng của hai chân. Nếu hắn là một người gầy yếu bạc nhược thì có lẽ tôi không thấy chướng mắt lắm, nhưng đang này hắn lại mập khỏe sung sức cho nên sự rụt rè diễn-tả ngay bằng một bộ phận thân-thể cường-tráng của hắn có vẻ mâu-thuẫn lỗ-bịch. Tôi tình cờ trông thấy cái nhược điểm ấy nên tôi mỉm cười coi thường, không tin rằng hắn có thể quả quyết đeo đuổi tôi. Quả nhiên trong bao nhiêu lâu tình yêu của hắn cứ như là một cái gì không chịu thành hình, một cái gì lấp ló thấp-thoáng, vô hại. Tôi không ngờ đến một phương-diện tai hại khác của sự phân-vân lưỡng-lự : Hải không tiến tới, nhưng hắn cũng không hề rút lui, hắn không chịu có một thái-dộ dứt khoát nào cả. Nếu là một người khác, rần rỏi hơn, thì sau khi tôi có chồng họ đã nhận-định lại hoàn-cảnh và quyết-định một thái-dộ hợp-lý. Nhưng hắn thì hắn cứ như thế thôi ; trước kia hắn không dự tính hành-dộng gì thì bây giờ hắn cũng không quyết-định gì, hắn có cảm-tưởng rằng cứ như thế rồi cũng chẳng đến đâu.

Thế rồi thỉnh thoảng hắn được biết cái việc phải rời bỏ quê-hương gần như vĩnh-viễn, hắn hoảng-hốt quẩn-quýt những gì thân yêu. Hắn quẩn-quýt xung quanh tôi như người ta quyến-luyến một người bạn đời đã chung sống nhiều năm thân thiết ; mà cũng có thể nói như đứa trẻ thơ bịn rịn một người chị, một người mẹ. Có thể là trong bao năm hình ảnh tôi ám-ảnh tâm-trí hắn mà không có một địa-vị rõ rệt, cho nên bây

giờ trong sự hốt loạn hắn bị đẩy liều đến cạnh tôi, hắn bấu lấy tôi mà không tự biết mình muốn gì.

Trông hắn khắc khoải, ngổ ngằn, thực là tội nghiệp. Nhưng ở trong hoàn-cảnh tôi, rồi cuộc tôi đâm bối rối và hết sức bức mình. Ban đầu hắn đến nhà chúng tôi mỗi ngày vài lần. Dần dần hắn đến luôn ba bốn lượt, rồi ở mãi đến tối đến khuya mới về. Hắn không tán tỉnh gì tôi cả, cũng không nói bóng gió xa gần gì đến tình-cảm của hắn đối với tôi, nhưng mà dù hắn đứng chỗ nào, ngồi chỗ nào chuyện trò với ai, làm cái gì, người ta đều thấy rõ tất cả tâm-trí của hắn đều hướng về tôi. Hắn thất lạc bơ phờ. Có khi hắn điên rồ đến nỗi trông thấy tôi và Thọ ở một chỗ vắng hắn cũng thản-nhiên bước đến. Lúc bắt gặp cái nhìn bất bình của tôi hắn giật mình sợ hãi, vội vàng lảng đi.

Thái-dộ khờ khạo của hắn làm cho Thọ đau khổ vô cùng. Mặc dù Thọ làm đủ mọi cách để tỏ rằng anh xem tôi là bình-dẳng, là hoàn-toàn tự-do, anh không bao giờ coi vợ là tư-hữu, nhưng tôi biết rõ là chồng tôi đang ghen uất. Thọ không ngờ rằng mình còn giữ nguyên tất cả tính độc-tài của người Á-đông đối với đàn bà. Có điều trong khi cha chồng tôi là một nhà nho nghiêm khắc, quở mắng trừng phạt người đàn bà lúc người giận dữ, thì chồng tôi chỉ đề lộ ra kín-đáo trong chốc lát một tia căm giận rồi liền che dấu ngay. Ánh mắt dịu xuống. Rồi âm thầm bên trong, lý-luận được huy-dộng để bao vây mỗi căm uất phùng phùng ấy lại, cho nó âm ỉ nung nấu. Lý-luận đã được huy-dộng mãi, huy-dộng luôn luôn, Thọ muốn rằng mình phải giận cái này, thương kẻ kia, thản-nhiên trước việc nợ

cho thực hợp-lý. Vì thế Thọ luôn luôn suy tư khắc kho, lo chống cự, điều-khiển tình-cảm mình. Nhưng tôi biết Thọ vẫn ghen ? Thọ vẫn ghen và mỗi ngày Thọ lại càng mỗi âm thầm cay đắng vì thấy xa cách tôi, một sự xa cách tường-tượng do lòng tự-ti của Thọ.

Tôi rất đau đớn vì cho đến những ngày cuối cùng sống với nhau tôi cũng không có dịp làm cho Thọ hiểu lòng mình. Khi Hải lên đường ra đi thì Thọ chỉ còn ở lại thêm được một ngày nữa thôi.

Chỉ còn có một ngày ? Tôi hoàn-toàn thất vọng. Suốt cả buổi sáng vẫn còn cái không-khí khó chịu giữa hai chúng tôi. Mối của Thọ nhếch cười còn gương ngừng. Chúng tôi chưa có thể thành thực, tự nhiên với nhau. Mỗi người kiếm một công việc vật vãnh, nhưng vẫn luôn luôn rình từng cử chỉ của nhau, rình chờ một cơ-hội.

Rồi bắt đầu buổi chiều, Hai giờ, ba giờ chiều. Chỉ còn bốn giờ đồng hồ nữa, vì đến bảy giờ tối thì Thọ sẽ dự một tiệc trà hoan tống, rồi lên đường luôn. Tôi bồn chồn lo sợ. Thì giờ như mỗi lúc mỗi tóm dần hẹp lại. Tôi có cảm tưởng buổi sáng còn mở ra rộng rãi cho chúng tôi dầm ngược ngó xuôi vùng vẫy tự do. Bây giờ, buổi chiều như cái lưới kéo nhanh lên, phần còn lại dưới nước tóm hẹp lẫn lại, chúng tôi là những con cá hết đường cựa quậy day trở ? Tôi cảm thấy bị bó cứng lại, thất lại từng giây từng phút. Từng phút, thời gian cứ trôi tới một chiều, không thể nào lồi ngược lại được, thực là khắc nghiệt.

Lúc ấy tôi và Thọ ngồi trên khoảnh đất trống sau nhà, nhìn ra sông. Xung quanh

vắng vẻ. Vài người câu thụt, đứng giữa sông dầm mình dưới nước gần đến háng, cúi húi nhìn xuống, ụp cái nón lá che hết mặt này, không trông thấy chúng tôi. Chúng tôi chỉ còn có bốn giờ nữa thì cách biệt nhau không biết đến bao giờ, chúng tôi lặng lẽ ngồi bên nhau, chẳng ai hề để ý đến chúng tôi cả. Nước sông chảy ồ ồ liên liên làm tôi sốt ruột. Xung quanh chúng tôi vắng vẻ quá. Chỉ có những cây bạc-đầu, cây bông-bay trắng xóa khắp bãi. Vắng vẻ thờ ơ quá. Thời gian cứ tiến tới, tiến tới. Không có cái gì cứu thoát được chúng tôi lúc này. Không có ai buồn chú ý đến chúng tôi, không có cách gì gỡ thoát. Chúng tôi sắp xa nhau, nhất định xa nhau,... Tôi nấc lên một tiếng, nước mắt trào ra. Tôi cứ ngồi yên để cho nước mắt trào ra.

Thọ không nhìn tôi, nhưng anh vội vã nói, như gặp cơ hội :

— Hạnh ? Anh ước anh cũng khóc được như em.

Tôi đuối mạnh chân ra, giận dữ :

— Anh không hiểu em, anh không chịu hiểu em gì cả ?

Tôi khóc ầm-ức, nghẹn đầy ngực. Thọ quay lại, nhìn tôi, đưa một bàn tay nắm nhẹ nhàng như sờ lên một cánh tay tôi, rồi cứ để yên thế. Cử chỉ ngần ngại đó lại nhắc đến thái độ của Thọ trong bao năm sống với tôi, làm tôi càng thêm giận anh. Anh cứ e-dè, mực thước, ngần ngại đến nỗi làm cho sự chung chạ thành ra lạnh nhạt. Không bao giờ anh dám suồng sã hưởng những phút say-dắm nồng-nàn cuồng nhiệt. Tôi càng nói càng ngạc nhiên thấy mình không dứt được :

— Em biết từ trước đến giờ anh luôn luôn coi em như đứa trẻ, anh gạt em ra không cho em dự vào những lo lắng, suy tưởng của anh. Anh tưởng cứ dịu dàng với em là dài em như bình đẳng rồi ? Thiệt ra anh có coi em là cái gì bên cạnh anh đâu. Anh chẳng cho em xứng đáng chia sẻ tâm sự với anh ! Sống bên cạnh em anh luôn luôn một mình im lặng lẽ tính toán từng hành-động từng cử chỉ, anh tính toán đến từng cách phát lộ cảm tình với người này người kia. Với em nữa. Anh im lìm suy tính từng chút để cho sự thương ghét của anh, cho đến cả cách thương cách ghét của anh cũng hợp với lý luận, nguyên tắc...

Thọ chăm chú nghe tôi, nhìn tôi nói. Về ngạc nhiên thực thà của anh làm tôi bối rối. Tôi ngừng lại, ngưng vì thấy mình đi quá xa. Chưa có lần nào tôi nói với Thọ bằng cái giọng lý sự dài dòng như vậy. Tôi lại giận rằng những lời vừa rồi không phải là những điều tôi muốn nói với Thọ. Vì thực ra không phải tôi muốn trách Thọ đã coi tôi như trẻ con. Tôi chỉ giận sự tàn nhẫn của Thọ. Những nguyên tắc lý luận của anh chỉ biết có lợi ích xã-hội. Lợi ích xã-hội muốn chúng tôi chia rẽ kẻ nam người bắc. Bởi vì sự chia rẽ, lòng khao khát thương nhớ của chúng tôi làm ra một tình trạng khắc khoải có lợi cho kế-hoạch tranh-đấu của tập thể. Cố ý gây ra sự nhớ thương đau đớn khắc khoải của chúng tôi để lợi dụng nó như một phương tiện ! Người ta tính toán như thế, Thọ thấy, Thọ biết vậy, mà anh cứ yên lặng nhận chịu ! Như vậy Thọ có coi sự đau khổ khắc khoải đó có một ý nghĩa gì không ? Không có nghĩa gì cả sao ? Thọ cho rằng giữa chúng tôi không có bòn phận gì đối

với nhau cả sao, mà chỉ có bòn phận đối với tập thể thôi sao ? Trong khi lý luận nhằm lợi ích xã-hội, Thọ cũng đồng lõa với người ta tính cả cái chuyện dùng đến sự nhớ thương của chúng tôi !

Tôi không nói được hết lời. Thọ thả cánh tay tôi ra, ngồi yên lặng. Một lát sau anh ngả lưng ra nằm bên cạnh tôi, khoanh hai tay ra sau đầu làm gối. Anh nói như vừa để cho mình nghe, vừa để tôi nghe :

— Con người ta ao ước xung quanh mình cái gì cũng có trật tự, muốn cho tư-tưởng ghép thành hệ-thống, muốn cho vạn vật xếp được vào từng loại, muốn cho cuộc sống có tổ-chức tiến tới có quy luật, có hướng có đích. Bấy lâu cuộc sống phát-triển một cách tự động, xã-hội lộn xộn bừa bãi, dậm chân một chỗ hàng thế-kỷ không tiến được. Người ta mong muốn tránh sự lộn xộn, tự động, muốn một tổ-chức hợp lý, muốn dắt dẫn xã-hội đi nhanh tới một hướng. Sự mơ ước say mê nào cũng tàn nhẫn. Nhưng lần này phải tàn nhẫn với tất cả mọi người, tất cả loài người, để đuổi theo một ước-mơ... Nhiều khi người ta cũng thấy việc đó quá sức mình, người ta muốn xuôi tay cho xong... Em thấy không, anh khổ quá, khổ quá sức ! Hạnh, em phải hiểu anh. Thầy, mẹ, bạn bè, mọi người không hiểu anh, ghét anh. Nhưng em, em hiểu cho anh... Bắt đầu là sự chán nản trước một tình-trạng hỗn-độn bừa bãi vô trật-tự tuyệt-vọng, xã-hội cũ không để cho lớp người của anh một chút tin-tưởng gì. Thầy mẹ chúng ta khác, em thấy không ? thầy có chỗ tin-tưởng của thầy, chỉ có lớp anh mới khốn khổ bơ vơ, anh có thể sống vậy được sao, anh phải đi tìm một tin-tưởng. Bây giờ anh đã là một cái trục nhỏ trong bộ máy lớn đang chuyển

hết tốc độ để thực-hiện một mối ước mơ...

Thọ nói mãi nói mãi sau lưng tôi. Tôi biết nếu lúc đó tôi quay lại thì anh sẽ dừng ngay. Anh sẽ thấy ngượng ngùng bối rối cũng như tôi đã ngượng ngùng khi biết Thọ chăm chú nghe. Chúng tôi không bao giờ lý-luận với nhau như thế, tôi vẫn sống như đứa em nhỏ, như đứa học trò nhỏ bên cạnh Thọ.

Tôi lau nước mắt, nhìn bàn chân gầy khẳng-khiu của Thọ đuổi bên cạnh chân tôi. Gót chân anh túm lại, nhỏ một cách tội nghiệp. Những ngón chân xương xương vung về chông lên trời, lơ ngơ, thản nhiên không ăn nhập gì với giọng nói thiết tha của Thọ. Tôi nhìn chúng và ngạc nhiên nghĩ rằng một sự thân-mật giản-dị như vậy chỉ trong giây lát rồi sẽ mất, không sao trở lại được. Bàn chân gầy lơ ngơ ngác thản nhiên đó làm cho tôi lại đột nhiên kinh ngạc sững sờ và đau đớn về sự chia biệt gấp rút, vô lý của chúng tôi. Chốc nữa đây, Thọ sẽ rút bàn chân ấy đi và vĩnh-viễn, vĩnh-viễn hai thân-thể của chúng tôi chẳng bao giờ còn được ở bên cạnh nhau nữa!

Tôi se sẽ nhích tới, áp nhẹ bàn chân tôi lên bàn chân Thọ. Thọ không chú-ý. Nhưng bàn chân tôi áp nặng lần xuống. Và Thọ ngừng nói.

Trên trời lúc đó rền rền tiếng một chiếc phi-cơ bay rất cao. Nâng xé hanh hanh, trời cao và rộng mênh mông. Chiếc phi-cơ bay chậm chạp qua những đám mây trắng trôi biếng nhác. Chung quanh vắng vẻ. Chỉ có hai chúng tôi bên bờ sông. Mùi lá hăng xông lên ngậy ngất.

Bỗng có tiếng kêu la ồn ào ở sau lưng. Thọ chồm dậy. Hai người đàn ông đang

đuổi theo bắt một con bò chạy thẳng về phía chúng tôi. Thọ đứng dậy đón con bò, và vừa chạy vừa lượm những hòn đất ném theo để rượt dồn nó lên phía trên đồi. Tiếng con bò chạy độp độp mỗi lúc một xa, và bóng Thọ đã khuất. Tôi bước lần xuống mé sông, chờ Thọ quay trở lại.

Bãi sông rộng đến nửa cây số. Giữa sông nổi lên một cồn cát lớn. Nước chảy dồn thành một dòng hẹp, giữa dòng lộ nhô những tảng đá đen thui tròn nhẵn. Nước sỏi bọt trắng, đồ ồ ồ liên miên. Tôi ngồi lên một cành cây dừa lớn sà sà trên mặt nước. Hồi lâu mãi miết nhìn xuống dòng nước nhào lộn, bọt nước quay cuồng, nghe tiếng nước đồ ồ ồ miên man, tôi như tê mê.

Tôi ngàng đầu nhìn lên tàn cây gừa : lá cành im phắc. Đôi ba cái lá khô vương trên sợi tơ nhện giăng ngang, phe phất nhẹ nhàng. Sự tương phản làm tôi ngỡ ngàng. Những xôn xao ồn ào sau lưng như bị chối mất, như xa lạ hẳn, thuộc về một cái gì đã hoàn toàn qua rồi, hết rồi, những xôn xao bận bịu như qua hết rồi. Tôi lắng nghe tiếng một trái vông đồng khô nổ văng ra khô khan như một hòn than vỡ trong lò. Cùng một lúc, tôi tưởng nghe thấy cả cái vắng vẻ cô-liêu của đời tôi. Thọ đi mất, những thắc mắc ghen tuông của anh, bạn bè của anh, và cả Hải, cả lớp người ấy, cả những liên-quan đến họ, đến bao nhiêu lo nghĩ băn-khoăn của tôi bấy nhiêu đều mất hết. Xung quanh tôi im phắc, trống trải, ngỡ ngàng.

Xa xa, khắp bốn phía đều là núi rừng. Ruộng nấc thang rải từng tầng từng tầng

lên đến tận chân núi. Một màu xanh mờ mờ như khói lạt trùn lờn vờn trên khắp các dãy núi. Tiếng con cuốc kêu như tiếng buổi xế chiều mênh-mông tự phát ra gõ từng hồi vào không-gian. Sự vắng vẻ tưởng có thể sờ thấy được.



Ban đầu chúng tôi gần gũi Kha như là tìm về những kỷ-niệm tốt đẹp nhất của dĩ vãng. Thọ đi rồi, hết cái không-khí căng thẳng bứt rứt trong gia-đình, chúng tôi thấy nhẹ nhàng nhưng trơ trọi. Không có người thanh-niên đó trong nhà, thì nhạc-phụ tôi, các chị em chồng và tôi, tất cả như xa lìa cuộc sống xã-hội, như đứt hết mọi liên-quan với những hoạt-động của xã-hội xung quanh. Vì thế mỗi lần Kha đến nói chuyện, ít nhất chúng tôi cũng cảm thấy là chưa phải đã nguôi lạnh, đã chết hẳn một dĩ vãng cảm thấy như là còn một chút gì thuộc về những ngày sống với Thọ được hồi sinh lại. Chút gì đó hoàn-toàn thuộc về tình cảm. Cha chồng tôi do đó vẫn tiếp tục thích nói chuyện thời thế với Kha, nhưng không phải vì cần bộc lộ uất ức như trước, mà là vì vô tình muốn gọi lại một hình dáng dẫu sao cũng vẫn là thân yêu đối với người.

Còn Kha thì từ ngày em đi và vợ chết, Kha cũng thích gần chúng tôi vì một nguyên nhân tương tự. Kha là một người hiền lành, còn hiền lành và giản dị hơn Thọ nhiều. Nếu không có gì xảy ra có lẽ Kha đã yên hàn, chọn một đường sống hết sức bình thường, không tha thiết đến gì nữa ngoài vợ và con. Hồi còn sống chị Kha thường phàn nàn với chị em rằng anh Kha không biết yêu vợ như những

người khác. Có khi chị tuyên bố như thế trước mặt anh Kha. Kha cười không phản đối. Anh không biết anh có yêu vợ bằng người khác không. Nhưng có điều anh thích cà rà bên vợ suốt ngày như một đứa trẻ cà rà bên mẹ. Anh đem sách đến bên vợ vừa đọc vừa xem vợ cắt râu củ kiệu hay gọt mút đu-đu. Anh xuống bếp ngồi, chờ đón từng gắp thịt, từng cây lụi do chị Kha trao cho để nướng. Anh với thằng bé Quỳnh chia nhau lấy ớt, bóc tỏi, giã tiêu, giúp vợ dọn cơm. Gần nhau như thế không phải để anh nói những câu chuyện tâm tình gì, cũng không phải để anh ngắm nghía vợ. Anh chỉ thích có vợ bên cạnh và cảm biết sự hiện diện ấy là đủ. Anh không thích nói chuyện, thứ nhất là những câu tình cảm, càng không thích nhìn ngắm vợ. Nhưng khi anh làm việc chỗ nào anh thích bên cạnh có tiếng khua động, tiếng kéo, tiếng dao, tiếng ho, tiếng chửi của vợ. Vắng những tiếng ấy anh đi tìm.

Chị Kha quen với sự gần gũi đó, đến đối xem như là tự nhiên, không khó chịu cũng không thấy thích thú, và nhất là không thấy việc đó có một ý-nghĩa gì. Thình thoảng Kha đang ngồi một bên, chợt giật mình nghe vợ hỏi : « Anh đưa cho cái bật lửa để thắp đèn ». Hoặc « Anh đưa cái khăn lau mũi cho thằng Quỳnh Em » Hoặc « Đưa cho năm đồng ? Đưa đây về dầu khuynh-diệp xoa tí xem, ngạt mũi quá? » Anh Kha ngờ ngác tìm quanh quất, rồi nhìn vợ lưỡng lự ra ý hỏi, thì chị Kha đã nóng nảy đưa tay ra đón, và dục : « Trong túi áo ấy ». Không phải là trong túi áo của chị mà là trong túi áo của anh Kha, cái đó mới kỳ cục. Anh cho tay vào túi áo của mình và quả nhiên lấy ra được cái bật lửa, hoặc cái khăn



lau mũi của thằng Quỳnh Em, hoặc năm đồng, hoặc ve dầu khuynh-diệp. Những thứ ấy anh không hề bỏ vào túi mà có thể lấy ra, y như là một trò ảo-thuật. Trò ảo-thuật đó có thể giảng-giải như thế này : trong những lúc chị ê a, hát ru con, hoặc hí hoáy thái thịt, hoặc lau mũi cho em, những lúc đó thường có anh Kha bên cạnh, tiện tay chị nhét những bật lửa, khăn lau vào túi áo chồng. Cái áo đàn bà không muốn có túi, nếu áo đàn bà có túi thì nó lại không muốn chứa cái gì cả, để cho khoảng trước bụng khỏi phình cao lên. Vì thế bà cái gì chị Kha cũng có thể cho vào túi chồng vào những lúc bất-ngờ nhất. Túi áo của anh tự-nhiên hóa thành cái ngăn kéo, cái hộp tủ, cái túi đựng bất đắc-dĩ. Một hôm, trong hội-ngộ, anh Kha đùa giỡn với anh em, có người cho tay vào túi áo anh, đụng nhằm một cái gương con và mấy chiếc kẹp tóc.

Những việc như thế không có ý nghĩa gì cả. Chị Kha cứ tuyên bố là anh Kha

không biết yêu đương, và anh không thể cãi được. Hai người chỉ thấy ngạc-nhiên khi anh Kha bị tập trung vào lao xá. Lúc đó chị Kha thấy khuyết hẳn đi một phần thân thể của mình, như thân mình bị cắt xén cho nhỏ lại, thu ngắn lại. Trước kia chị có nhiều tay nhiều chân hơn, chị có nhiều túi hơn, bên tả bên hữu chị vẫn còn những hoạt-dộng của chị. Bây giờ cử động của chị như cụt lủn. Chị đưa tay ra không có bàn tay đón. Tiếng chị nói năng, khua động tan biến đi, bay lạc đi lảng nhách giữa sự vô tình. Chị ngờ-ngác, không biết mất đi cái gì. Người đàn bà trẻ không chịu đặt tên cho những cái như thế là tình yêu.

Còn anh Kha mới thực là thiếu não. Anh đếm từng ngày trong tù. Suốt ngày anh cựa rựa lù khù, trông bần thiêu, ngờ-nghệch. Anh không biết sống thế nào cách sống mới của mình, cách sống không có vợ bên cạnh. Không ai ngờ được rằng thiếu đi hơi hướng, bóng dáng của một người đàn

bà, thiếu đi những tiếng nói cười đùa động của một người đàn bà ở bên cạnh, cuộc sống lại mất hẳn ý nghĩa đi như thế. Anh Kha ngàng mặt, quay cặp mắt đeo kính cận thị của anh khắp bốn phía nhà lao, anh không trông thấy cái gì có thể thay thế được sự hiện diện của chị Kha, anh không hiểu nổi những hoạt - động xung quanh, không hiểu nổi cuộc sống xung quanh, anh không thể nào thích ứng được với cuộc sống đó, anh ngỡ ngàng khờ sờ khốn đến. Lúc nào anh cũng thấy lạnh, một cái lạnh thực, cụ thể, cảm biết rõ ràng bằng da thịt. Cho nên anh luôn luôn quấn cái khăn lông to tướng quanh cổ. Người ta áp dẫn anh đi cuộc rầy, chặt củi hay đốn gỗ, bất cứ ở chỗ xó rừng góc núi nào, anh Kha cũng không rời cái khăn-lông mỗi ngày một nhóp nhúa ấy. Đang im lìm một chỗ, chợt nghe ai la nói lớn hay nghe tiếng động khác thường, cái đầu của anh Kha liền quấy mạnh một cái trên đồng khăn to tướng ấy như một con trâu giật mình vùng cật dậy trên đồng lá khô, anh bất giác ngàng cặp mắt kính lóng lánh ngỡ ngàng tìm kiếm. Rồi không tìm thấy chị Kha, anh lại thấy vọng củi đầu xuống im lìm.

Vào tù, anh mất cái thú sống. Anh không chú ý đến thời cuộc nữa, không bao giờ anh có thể lại hăng hái bàn cãi bất cứ về vấn đề gì như lúc anh tới đàm luận với Thọ hay với cha chồng tôi. Anh không biết phật ý, bất mãn về điều gì cả. Anh như một đóm lửa tắt ngấm, hoàn toàn anh không chú ý đến gì nữa.

Như thế bốn năm tháng trời, rồi anh được thả tự do. Anh chạy về nhà, chị Kha đón gỡ khăn-lông đồ sộ khỏi cổ anh, đem đi giặt sạch tử tế. Anh lại quấn quýt một

bên chị, và dần dà trở lại bên nhà chúng tôi nói chuyện về thời thế, về những điều chướng tai gai mắt trong xã-hội.

Rồi anh Kha lại bị tập trung nữa. Bất cứ lúc nào hễ có tin sắp sửa mở một chiến dịch, có tin giặc đồ bộ ở đâu đó gần vùng chúng tôi là Kha lại bị tập trung, có lần bốn năm tháng, có lần một đôi tháng. Trung bình năm nào Kha cũng quấn cái khăn-lông đi vào tù độ vài lần. Đến lần thứ năm anh Kha ở lao xá về thì không có chị Kha ra đón gỡ cái khăn-lông quấn nữa. Chị đã chết rồi.

Từ đó Kha chỉ còn giữ được một thói quen trong đời sống của anh là thỉnh thoảng sang bên nhà chúng tôi để thờ lộ những bất mãn về thời cuộc. Đến khi Hải bỏ nhà đi nữa, Kha lại càng thấy quạnh quẽ và lại càng thường tìm sang bên chúng tôi. Vô ý thức, chúng tôi cứ mỗi ngày mỗi sát đến bên nhau, tìm cách che dấu khóa lấp một sự trống trải trong tâm hồn; gián tiếp nhắc nhở nhau một khoảng dĩ vãng khó khăn đau khổ nhưng mà khi vượt nó rồi chúng tôi không biết hướng cuộc đời về đâu.

Như thế cho đến khi Kha đi làm quận-trưởng. Kha bưng tỉnh, tìm ra cái lẽ sống của anh. Những bất mãn hậm hực bấy lâu vô ích bây giờ thúc dục anh hăng hái say mê công việc. Bấy lâu chỉ có những câu đàm đạo, những lời nói, bây giờ là hành động. Sự căm uất của anh như một bánh xe đang nhấc hồng lên quay vù vù bỗng được đặt mạnh xuống sát mặt đất. Kha tìm thấy trong công việc chống lại những hành động cộng-sản một thú vị mê say.

Kha chủ trương một chính sách độc tài. Anh sẵn sàng trình bày về chính sách độc

tài với bất cứ người nào muốn nghe hoặc không muốn nghe. Có lẽ nhạc phụ tôi là người trước tiên được nghe anh mở đầu :

— Con người ta càng ngày càng ít muốn tự do.

Nhạc phụ tôi có cái bụng khá lớn, ngồi trên phản thường lấy tay nắm một bàn chân bên này bỏ lên bắp vế bên kia và trong khi nói chuyện cứ giữ riết lấy bàn chân ấy, bẻ các ngón chân, xoa vuốt mãi như mân mê một thứ đồ chơi. Người bảo anh Kha :

— Nói thế là một cách nói khó hiểu rồi đó.

Kha vội vàng cãi :

— Giai đoạn này cần mạnh. Cố nhiên là trước tiên phải có khí giới mạnh : cho nên « người ta không chỉ sống bằng bánh mì », các dân-tộc còn sống bằng bom nguyên-tử, bằng hỏa-tiến nữa. Bom nguyên-tử cũng là một nhu cầu của quần-chúng, quần chúng họ kêu họ đòi bom nguyên-tử có khi gắt hơn là đòi cơm áo nữa, bác không thấy có lần nghị-viện Mỹ đòi chính-phủ tăng thêm khoản tiền làm hỏa-tiến đó sao, dân chúng họ đòi chính-phủ phải sắm thật nhiều thứ đó cho họ. Lúc này các dân-tộc cần cảm thấy mình thực là khỏe mạnh, sung sức mới yên tâm mà sống, mà xây dựng tương lai. Trước tiên là phải có khí giới mạnh. Nhưng mà như thế chưa đủ. Phải có một chế độ mạnh nữa mới được...

Anh Kha ngừng lại, dương cặp mắt nhiều trùng trắng trợn tròn xoe sau chiếc kính cận thị nhìn nhạc phụ tôi một cách dữ dội đến nỗi người phải lăm nhăm lẹp lại : « Một chế độ mạnh, chế-độ mạnh », như là thối lui, nhượng bộ. Anh Kha liền tấn công dồn tới :

— Phải có một chế độ thực mạnh. Nghĩa là hành động hữu hiệu và nhanh chóng, thực là nhanh chóng. Khả năng lớn lao của những thứ vũ khí mới đòi các chính-phủ phải quyết định và hành động thực chớp nhoáng và kín nhem. Chần chờ, bàn cãi dài dòng, thể nào cũng chậm, cũng muộn, tức là yếu, là chết rồi đó. Bởi vậy quyền hành-chánh phải tăng cường. Một số ít người phải có quyết định nhanh để đối phó kịp thời. Quần chúng trong giai đoạn này đang muốn từ chối quyền hạn của họ, muốn dúi quyền ấy vào tay một số ít người thực cương quyết. Vì cái chế độ độc tài nhất trên quả đất đã tỏ ra cương quyết nhất, hữu hiệu nhất, cho nên người ta tranh nhau tiến tới độc tài. Nước Nga không thành công về chuyện xúi buộc người ta làm cộng-sản, nhưng thành công về cách bày vẽ cách làm chính trị độc tài. Đó là cái vinh dự của nước Nga, vì độc tài là đặc điểm của thời kỳ lịch sử này, cũng như phong-trào dân chủ rộng rãi là đặc điểm của thế kỷ trước. .

Nhạc phụ tôi ngửa người ra, cười không thành tiếng, một tay chống ra sau, một tay dơ lên vẫy vẫy như ra dấu cho anh Kha tấp lại, chậm lại, chờ cho người cười xong đã ? Anh Kha thích chí, cười ha hả :

— Bác coi : độc tài đâu phải là sự ngẫu nhiên ở vài ba nước ? Lúc này nó thành ra một phong-trào, một xu hướng hẳn hoi, chung cho khắp các nơi trên thế giới. Tổng-thống Mỹ quyền hành đã rộng, bây giờ thỉnh thoảng lại còn xin nghị viện cho xử dụng thêm một vài quyền đặc biệt từ trước đến nay chưa bao giờ dùng đến, Nước Pháp, thành lũy của tự do cá nhân, của tư tưởng dân chủ, rồi cũng phải chấp nhận một chính thể dồn hết quyền hành

cho một cá nhân. Ở Trung Đông, ở Đông Nam Á có những cuộc đảo chánh liên tiếp. Bác đừng nghĩ rằng ở Trung Đông người ta muốn hạ những ông vua chuyên chế mà thay thế bằng một chính-thề cộng-hòa. Không phải ! chính là người ta không muốn chế độ phong kiến thối nát nhu nhược nữa, người ta thích những nhà quân sự quả quyết độc tài. Chính là quần chúng muốn đòi độc tài đó. Cho nên các chính-phủ mới ở những nơi chưa có tập quán dân chủ lâu dài đều do phái quân nhân cầm đầu. Ở Trung Đông, ở Thái-lan, ở Diên-diện, ở Hồi-quốc... ở đâu cuộc đảo chánh của quân nhân cũng thành công. Chế độ đại-nghi không tồn tại được nữa. Thời kỳ bây giờ người ta không có thì giờ bàn cãi lâu nữa. Nhờ tiến bộ khoa học, chúng ta sử dụng được những lực lượng vĩ đại quá, chớp nhoáng quá, nhịp sống của chúng ta tăng nhanh lên, sự quyết định của chúng ta cũng phải nhanh chóng cương-quyết cho kịp với khả năng của những phương tiện ta dùng. Những tiến-bộ đạt được về tốc-lực, chúng ta phải trả giá bằng tự do dấy mà. Bác ơi, lúc này phải quyết liệt, phải độc tài. Nếu cứ hòa hoãn chúng ta không ứng phó kịp với đối phương đâu ».

Nhạc phụ tôi xem ra chưa có vẻ gì tán thành lý luận đó. Nhưng người không hề phản đối, chỉ cười và tiếp tục bẻ các ngón chân. Kha rút một điều thuốc đưa lên môi, rồi lấy bật lửa ra, nhưng bật lửa của anh lại vẫn không có tim. Từ ngày chị Kha qua đời rất ít khi anh Kha được thỏa mãn về cái bật lửa của mình. Thời kỳ này rất có thể là một thời kỳ độc tài, nhưng vẫn chưa là thời kỳ mà tim bông gòn tầm dầu lửa có thể tự nhiên mọc nhú lên như mộng lúa hay như đợt cỏ non trong bật lửa được.

Nhạc phụ tôi vừa đưa cho anh Kha một bao diêm vừa nói : « Ruộng bên anh đã cày vỡ xong chưa ? », thân nhiên đưa câu chuyện về hướng khác.

Tôi không biết ở chức vị của Kha, làm việc tương phạm vi quyền hạn một quận-trưởng như Kha, thì một người chủ-trương một chính sách mạnh và một người không chủ-trương có hành-động gì khác nhau chẳng. Tôi không biết cái tác động của chính sách mạnh ấy đối với dân chúng ra sao. Riêng đối với nhạc phụ tôi thì quả là nó đã làm cho người khiếp sợ. Thái-độ mê say cuồng nhiệt nào cũng khiến người sợ hãi dè dặt. Khi Kha chỉ trình bày chính sách của anh thì người ngồi nghe và cười. Nhưng dần dần đến khi anh hậm hực công kích tới thứ luật-pháp khoan hồng đến nhu nhược trước hoạt-động gián điệp của cộng-sản, công kích lẽ lối làm việc kèn càng vô hiệu của bộ máy hành-chánh, sự kiểm soát bất lực đối với nạn tham nhũng v.v... và đòi một chính sách trừng trị mạnh bạo kịch liệt, khi ấy thì nhạc phụ tôi không mỉm cười mãn mê các ngón chân nữa, khi ấy hoặc người dờ ra nhìn chăm một con ó rần bay giữa lưng trời, hoặc người ngó chăm chỉ vào tô canh trên bàn ăn, hoặc người chú ý vẫn mãi một điều thuốc. Nhạc phụ tôi làm như không hề có người trước mặt anh Kha, người không nghe, không thấy gì cả, người tự nhiên biến mất hẳn đi.

Tôi trông thấy rõ ràng mỗi ngày Kha càng say mê công việc, càng hăng hái với những lý-luận chính sách, những hậm hực của anh, thì nhạc phụ tôi càng tìm cách rút lui, lảng tránh anh. Tất cả những người khác trong gia-đình cũng gần như có ý ấy. Tuồng như khi sự say mê đắm đuối xâm nhập vào tâm hồn một kẻ nào cũng thường

lời cuốn kẻ ấy đi xa rồi những thân thuộc của mình. Tội nghiệp là Kha không trông thấy điều đó. Anh vẫn trung thành với cái thói quen tìm đến chúng tôi, bộc lộ tư-tưởng dễ dàng với chúng tôi.

Về sau nhiều lần anh đến nhà không gặp nhạc phụ tôi, anh nói chuyện với chị em chúng tôi, và từ câu chuyện một bó cải anh rất có thể dẫn đến nhiều chính sách mạnh. Đôi khi tôi mỉm cười thương hại bảo anh :

— Ai cũng biết anh có nhiều chính-sách. Anh chỉ thiếu một người kết lại cái nút tay áo đang sờ ra thôi.

Anh Kha co tay lên, đón gờ một hột nút lung lảng ở tay áo, cười toe toét nhờ chúng tôi kết lại. Tôi thầm nghĩ dầu có vất vả sản sinh ra bao nhiêu chủ-trương chính sách, Kha cũng còn giữ được bản tính hồn nhiên, sống những tình cảm quen thuộc. Anh không phải luôn luôn đắm chiêu thức mắc, vì tự biến mình thành một con người khác như Thọ. Người ta làm được mọi chuyện quái gở, nhưng vẫn ưng buồn vui thương ghét như lối cũ xưa nay, vẫn giận cái gì xưa nay người đời thường giận, cảm phục cái gì xưa nay thường được cảm phục. Làm ra con người mới là một chuyện khó khăn và kỳ cục. Con người tự bày ra những tình cảm mới cho mình và đặt tên nó thì thực là ngông nghênh.

Kha tiếp tục đến với chúng tôi do một thói quen. Gia-đình chúng tôi cũng có thói quen chờ Kha đến đề bàn cãi về những chuyện không đâu ngoài công việc làm ăn. Nhạc phụ tôi mặc dù nhút nhát, đôi khi e sợ những câu chuyện của Kha, nhưng hồi mùa Xuân năm ngoái, nhận thấy vắng Kha ngót một tháng cũng băn khoăn suy nghĩ.

Mọi người đều áy náy tự hỏi phải chăng Kha đã nhận biết tình thoảng nhạc phụ tôi tỏ ra lạnh nhạt với anh. Một hôm, đi chợ về nửa đường, tôi gặp Kha vừa từ phía sau miếu Long-mỹ bước ra, sau lưng đeo khẩu súng và tay xách ba con găm ghì. Tôi nói :

— Đã lâu anh không đến chơi, thầy tôi nhắc luôn.

Kha hỏi « Thế à ? » cụt ngủn, rồi bước đi theo tôi. Tiếng dầy của anh đậm trên sỏi vang lên một tiếng kêu khó chịu, đều đều, chậm chạp, mà nổi lên to quá, sống sượng quá, đuổi mãi theo bên cạnh tôi dọc ven rừng vào buổi chiều yên tĩnh. Tôi lưỡng lự, không biết nói sang chuyện gì khác, bỗng Kha lên tiếng hỏi :

— Đố chị biết cây gì ?

Tôi nhìn theo hướng tay Kha chỉ, bật cười :

— Anh không nhớ sau góc vườn của chúng tôi cũng có một cây chòi mồi sao ?

— À, lạ nhỉ. Có ai trồng chòi mồi làm gì trong vườn ?

— Có lẽ không ai trồng cả. Chắc là một cây chòi mồi hoang, khi dọn đất làm vườn cắt nhà người ta chừa lại.

— Mỗi cây chòi mồi có một sự tích. Ngày còn nhỏ chúng tôi thường leo hái trái chòi mồi ở mé ao. Có lần nó ngã xuống ngắt đi mà tôi không dám kêu, chỉ ngồi xuống ôm nó...

— Ai ?

— Thành Hải. Lớn lên mỗi đứa một cuộc đời, không thể can thiệp được gì vào cuộc đời của nhau.

Tôi nghĩ đến Thọ :

— Một trăm năm nữa, thế hệ này qua đời rồi thì dòng lịch-sử hẳn hết lần vết.

Sự qua phân đất nước chỉ còn là một vấn-
đề chính trị, một danh từ không có tiếng
vang tình cảm, một sự kiện đề công dân
trong nước suy xét chứ không gọi được
mỗi cảm động của mỗi con người nữa. Đối
với thể hệ này sự kiện lịch sử lại có tính
cách riêng tây đối với mỗi gia-đình như là
một đám tang, một cái khăn tay kỷ-niệm,
một ngấn nước mắt đọng trên mí...

— Hải nó không đi ra Bắc.

Tiếng Kha nói chậm rãi như tiếng dảⁱ
đều đều trên sỏi. Tôi không hỏi, vì biết
rằng trước sau Kha cũng sẽ nói tiếp. Nhưng
anh im lặng đi một đoạn khá dài, khiến tôi
nóng ruột quay lại nhìn. Anh nói :

— Người ta đưa nó vào một tỉnh ở hậu-
giang Nam-phần, để nó đổi tên đổi họ tiếp
tục hoạt-động... Nó bị bắt rồi.

— Bao lâu rồi ?

— Không biết rõ. Tôi mới được tin
chừng một tháng nay.

— Bây giờ ở đâu ?

— Ở Côn-lôn... Đoán thế.

Tôi có một ý nghĩ chua chát :

— Ngày trước, khi anh vào tù mỗi năm
hai lượt, không ai nghe chú Hải bộc lộ
một băn khoăn :

— Họ cố gắng biến thành những con
người hoàn-toàn khác chúng ta. Họ luôn
luôn hướng về tương lai. Nhai một miếng
thịt, gặt một bó lúa, đánh vầy một con
cá... ở mỗi việc họ đều đánh hơi thấy một
ý nghĩa, một báo hiệu tốt đẹp về tương lai.
Họ tương bả chạy tới, không quan tâm gì
đến những cái mà họ đang dày xéo dưới bàn
chân hấp tấp, họ không kịp ngó đến người
xung quanh...

Kha ngừng lại nửa chừng, tôi tiếp theo :

— Còn chúng mình thì một nhánh cây
gãy, một dáng đi, một đêm cùng thao thức
với họ cũng cứ vướng vít trong tâm trí mãi :
Một người thân yêu vắng đi là như khuyết
mất một phần bản thân, mất đi một phần
đời sống... Trước biến cố hiện nay chúng
mình bị thiệt thòi nhiều quá : Lúc họ còn
ở thì là nạn nhân của chính sách họ ; lúc
họ đi rồi cũng vẫn còn là nạn nhân của họ
về một phương diện tình cảm. Cho dù anh
có chủ-trương thế nào số phận của chú Hải
cũng ám ảnh tâm trí anh mãi.

Kha không nói gì, bước đều đều sau
lưng tôi. Bóng ba con chim găm ghì Kha
xách trên tay cứ chạy lui chạy tới dưới
chân tôi khiến tôi nhớ rằng trăng đã mọc,
vượt lên khỏi đám cây ở khu rừng phía
sau chúng tôi.

Tôi hỏi :

— Thầy tôi đã biết chưa ?

Kha giật mình ?

— Biết gì ?

— Biết tin Hải còn ở lại và bị bắt.

— Chưa.

— Có phải vì cái tin đó mà một tháng
nay anh không đến chơi bên nhà ?

Kha không trả lời trực tiếp, chỉ nói :

— Nay tôi sang thăm bác.

Rồi anh cười :

— Và nhân có mấy con chim bắt được
cũng định gửi chị, xin dự luôn bữa cơm
tối với bác. Bên tôi hôm nào không có
khách thì dù có mớp nhậu nhẹt bữa ăn cũng
buồn vì không biết nói chuyện với ai.

Tôi hỏi nửa đùa nửa thật :

— Chị mất hơn ba năm rồi, anh định ở
vậy mãi sao ?

Kha lại cười :

— Không biết. Nhưng chị trẻ hơn tôi nhiều, chị đáng được hỏi trước mới phải.

Tôi quay lại nhìn. Kha đang cười hồn nhiên, chợt trông thấy mặt tôi, anh ngừng lại, nhìn ngơ ngàng, như lần đầu tiên anh chợt bắt gặp hình dáng cụ thể của sự cô quạnh quanh mình. Cái nhìn lạ lùng của anh làm tôi bối rối. Tôi cúi đầu xuống ; bước nhanh hơn. Gió thổi hai bên má, tôi tưởng như nghe ánh trăng thấm lạnh vào da thịt. Và tôi cảm thấy mặt trăng chăm chú nhìn mãi sau gáy tôi. Tôi đưa tay vớt mấy sợi tóc gạt ra phía sau, rồi tôi lại lấy làm tiếc đã làm cử chỉ thừa ra ấy. Tôi vừa im lặng bước đi vừa hối tiếc không phá tan được sự im lặng khác thường đó.

Tối hôm ấy, tôi nằm trong buồng lại nghe nhạc-phụ tôi thao thức rất khuya. Câu chuyện của Kha nói về Hải làm cho người nhớ đến Thọ, và nghĩ lan-man lo hãi về những rối rắm phức tạp đang diễn ra quanh mình, trong một xã-hội tuy bề trên đã lặng yên mà bên dưới đó đây vẫn còn những chỗ âm thầm xôn xao mãi không thôi. Người sợ hãi giật mình khi nghe xảy ra một bất trắc thêm vào nhịp sống vốn đã rất thường khó hiểu, rất đáng ngại.

Còn tôi, tôi bàng hoàng trước một vấn đề mới đặt ra. Tôi biết rằng Kha có nhiều nét tốt, nhưng cảm thấy chúng tôi chưa có thể gần nhau hơn nữa. Kha cũng như tôi, mỗi người đều đang còn bị những ám ảnh lớn choán cả tâm trí. Chúng tôi là hai kẻ có hai cái dĩ vãng quá kèn càng, như những lữ khách có nhiều hành lý, nếu muốn ở chung một phòng sẽ không tìm ra chỗ mà sắp xếp đồ đạc. Nếu Kha gặp một người con gái ngây thơ vô tư, may ra người đó chóng giúp được Kha thoát khỏi những ray rứt khổ sở của anh. Tôi cũng tự

bảo nếu cần thì chỉ nên chọn sống bên một cuộc đời đơn giản hơn cuộc đời của Kha.

Tiếng thác đổ ồ ồ liên miên sau nhà như thôi thúc xô đẩy tới một quyết định. Tôi tự thấy mình đang bị đưa dần tới một hoàn cảnh mới. Tôi bồn chồn, nôn nao.

Từ ngày về nằm ở gian buồng này, đêm đêm tôi nằm bên cạnh một cố-gắng thường xuyên thao thức, tôi nghe tiếng cửa mình ở nhà ngoài tiếng trần trở ở buồng trong, tôi nép mình lặng lẽ sống bên cạnh những quân quai đau đớn mà âm thầm của một gia-đình giữa sự dang co của hai giòng tư-tưởng. Cho tới bây giờ sự chuyển mình lớn lao của một thời-đại đó cũng còn gây ra bầu không khí căng thẳng trong vô số gia-đình, trong khắp xã-hội.

Đêm nay tôi bắt đầu nghĩ đến việc rời khỏi gian buồng này. Câu hỏi và cái nhìn của Kha đánh thức trong tôi cảm-giác đơn chiếc. Mặt của tôi và của Kha gặp nhau hai mặt gương phản chiếu lẫn nhau, trả lại cho nhau hình bóng một cảnh lẻ loi. Tôi nhớ lại khuôn mặt đen thui của Kha vừa rồi in lên nền trời xanh mênh-mông, giữa ánh sáng lung-linh của trăng đêm mười bốn, khuôn mặt đen thui lắc-lư theo nhịp bước chân đều đều vang trên con đường sỏi. Và cặp mắt sau chiếc kính cận-thị tròn thao-láo, lóng-lánh như một niềm thao-thức ! Thật không phải là một hình ảnh có ý-nghĩa khuyến-khích đối với người con gái đã sợ hãi những tâm trạng rối rắm phức-tạp, chỉ ước-ao tìm gặp một hạnh-phúc yên lành, xa mọi xao động bán-khoản.

Từ lúc tôi về nhà chồng đến nay, lúc tôi nghĩ tới chuyện sẽ phải rời đi, những đêm vắng-vẻ thao-thức nghĩ-ngợi tôi lại đề ý đến thác nước ồ ồ bên nhà. Suốt bảy

tám năm trời tiếng thác ồ ồ đó luôn luôn đuổi theo tôi, lúc nào cũng sẵn-sàng hiện đến như một nhân chứng vào những giờ bối rối khó khăn nhất, tiếng ồ ồ đồn đồn liên tiếp lại đuổi theo tôi như một sự thôi thúc xôn xao vô cớ.

Đêm nay lại vẫn tiếng thác ấy đồ ồ ồ. Và ngoài trời lại vẫn ánh trắng sáng mông lung gọi dậy những rạo rức khó tả



Đêm tôi gặp quận Toàn là một đêm cuối tháng sáu. Ở vùng quê nhạc phụ tôi cứ mỗi năm làm xong mùa ba tháng, gieo vãi xong xuôi rồi, vì tiết kiệm rơm, ai nấy đều cầm bò trên núi cho đến tháng tám tháng chín, lúc trời bắt đầu mưa mới lùa về. Cổ-nhiên việc cắt rông dựng chòi giữ bò trên núi hàng mấy tháng trời là công việc của đàn ông. Nhưng người giữ bò cho gia đình tôi bỗng bị một cái nhọt lớn mọc bên cổ, sưng lên to tướng, làm cho anh ta phát sốt li-bì mê-mán, người ta khiêng anh ta từ trên núi về. Tôi phải thay thế anh ta bốn hôm.

Tôi không oán trách gì quận Toàn về hành-vi của ông ta đêm đó. Tôi không chờ đem một tấm thân trinh-tiết về ở với Kha. Và lại quận Toàn không có chủ tâm. Việc ông ta gặp tôi chẳng qua chỉ là một sự ngẫu-nhiên hoàn-toàn. Người khác ở vào hoàn-cảnh đó vị tất đã hành-dộng khác ông ta. Nhưng cái gì làm cho tôi đau nhói trong lòng, tôi vừa xót xa, vừa khinh-bì, cái gì xô gáp tôi tới quyết-dịnh chọn lựa anh Kha, ấy là thái-dộ hành-dộng của ông ta.

Lúc ông ta chạy đến bên chòi trong thấy tôi còn đang nằm ngủ, ông ta hét lên, quăng súng xuống đất, chụp hai vai

tôi lắc lắc, lôi tôi dậy. Ông ta la riu rít : « Úi chao ? Trời đất ơi là ngủ ? Úi chao ? »... Ông ta thành thực mừng rỡ ríu rít. Trông ông lúc đó không thể có ý gì khác hơn. Tôi mỉm cười, hưởng-ứng sự vui mừng của ông ta.

Tôi thồi lửa, nhóm lại bếp, chất củi thêm cho ngọn lửa bốc cao đánh tan khí đá lạnh. Ông ta ngồi xuống bên bếp lửa, thuật lại cho tôi nghe ông ta đã trông thấy mắt bò thế nào, suy nghĩ thế nào, lấp dạn và ngấm nghĩa thế nào, rồi đánh rơi dạn và suy đi tính lại thế nào. Tôi cảm ơn ông, lấy làm sung sướng rằng tính-mệnh tôi vừa rồi được định đoạt do một người thợ săn chín chắn, dày kinh-nghiem, và hay suy đi tính lại nhiều lần như thế.

Khi câu chuyện thoát nạn của tôi kể xong rồi, nỗi hân-hoan của ông ta hạ xuống nhanh như một ngọn lửa nhen bằng lá khô chưa kịp bén vào cây củi. Ông ta nhìn quanh quất bốn phía, bắt đầu chú ý đến rông bò và cái lều cùng sự bài trí chỗ tôi ở. Ông ta hỏi tôi về tục cầm bò. Tôi với lấy ấm nước vắn bên bếp lửa, rót mời ông ta một chén nước và giảng cho ông ta về phong-tục của nhà nông ở vùng quê tôi.

Khi ông ta không phải nói nữa mà im lặng ngồi nghe thì ông ta có thì giờ chú ý đến nhiều chuyện. Lăn lăn ông ta chú ý đến tôi. Ông ta không phải là một người tinh-tế. Trông dáng bộ và cặp mắt ông, tôi biết ngay là ông bắt đầu chú ý đến tôi lúc nào. Tôi nói chuyện bớt tự nhiên và rời rạc, nhưng thỉnh-thoảng ông ta lại hỏi một câu, và câu chuyện không dứt được. Chắc chắn là những dự-tính không tốt của ông ta phát sinh giữa lúc ấy, trong cái tình-trạng dằng dai đó.

Ông ta đưa tay, những ngón tay đen điu; dòn nhiều da sù sì, và cụt thun lùn, cộc lố, cầm vài que củi sắp lại. Tôi không thấy ông ta tính chuyện đứng dậy tiếp tục săn bắn. Lửa tàn lẩn. Tôi đang không biết nói thế nào thì ông ta lên tiếng mời tôi đi ngủ, ông ta xin phép ngồi thêm một lát bên bếp lửa. Tôi có cảm-tưởng chắc chắn là tôi không thể đuổi ông ta đi được, tôi thoáng nhìn lại về người thô lỗ ấy, biết rằng ông ta đang nhận định tình thế một cách rất thực tế. Chỉ có ông ta và tôi ở giữa núi rừng mênh mông...

Khi gà rừng lên tiếng gáy e-é, tôi trở mình xoay nhìn ông ta nằm bên cạnh. Ông ta đang bình thần, ngửa mặt lên, khép mắt lại, lấy hai ngón tay giữa đè lên mi mắt, xoa nhẹ nhẹ. Ông ta chăm chỉ với công việc của mình, không để ý gì đến tôi. Mi mắt ông ta tuồng như hơi sưng lên, có vẻ dày hum húp, nặng nề, ông ta xoa mà như mon trớn vuốt ve tung-tiu, cử chỉ dềnh dàng thận trọng.

Tôi đưa một bàn tay lên vuốt qua hai má lạnh ngắt, vô ý để cùi chỏ đụng nhầm vai ông ta. Ông ta giật mình, né sang một bên hỏi :

— Hà ? Em cũng thức dậy rồi hả ?

Ông ta lại vội vàng nhích trách thêm một chút nữa, rồi tiếp tục xoa vuốt, ấn cả hai lòng bàn tay xuống, xoa khắp mặt, mắt lim dim khoan khoái. Tôi nhớ lại hồi khuya, lúc ông ta vừa buông tôi ra, nằm ngửa bên cạnh tôi ông ta cũng im lặng, nhích tránh xa tôi ra, nét mặt ông ta trân lại, sắt lại, trầm ngâm. Không phải ông ta đuổi theo một tư tưởng gì, mà chính là ông ta cần yên tĩnh để lắng xuống nghe cảm giác khoái lạc thấm lẩn thấm lẩn vào

cơ thể. Trông như một con trăn nuốt rất chậm, rất cẩn thận, vừa nuốt vừa đề-phòng một con mồi, như một người hít xong khối thuốc phiện nằm ngửa lơ mơ tê mê. Lúc đó sự hiện diện của tôi, những cử động của tôi bên cạnh chỉ làm cho ông ta khó chịu.

Lần này, sau khi xoa vừa đủ ấm hai má, ông ta ngừng lại, nhá-nhặt quay về phía tôi và gởi chuyện. Ông ta hỏi qua về thân thể và sự sinh-hoạt của tôi. Tôi trả lời vắn tắt, cụt ngủn. Ông ta không để ý, và tôi nghĩ giá có để ý ông ta cũng tha thứ một cách dễ-dãi. Ông ta vui vẻ kể chuyện về mình. Thoạt tiên cũng vài ba chuyện ly kỳ nguy hiểm mà « bọn thợ săn chúng tôi » thường gặp. Rồi thì những chuyện lý thú khác trên đời. Ông ta lại nói về cái đêm đảo chính năm bốn lăm, ông ta đang làm việc ở tòa sứ Nghệ-an, xách súng đi bắn suốt đêm mà đến sáng mới về. Được viên công sứ cho gọi đến báo tin là giang-san đã đổi chủ, ông ta mừng rỡ vì được nghỉ việc mấy hôm, lại sung sướng đi bắn thêm vài ngày nữa. Chín năm giặc giã trên khắp đất nước cũng được ông nói đến. Ông ta coi đó là một điều phiền hà rất bức dọc khó chịu, rất đáng quyền rửa, vì : « Thời kỳ đó thì » bọn thợ săn chúng tôi « làm gì dám trèo lên đến núi mà bắn ? Heo rừng, với nai, với thỏ, có hay tìm đến giẫy thép gai mà ăn đâu ? Quanh quần lúng túng mãi trong thành phố, chán lạ : »

Ông ta lắc đầu, cười hề hề. Tôi cảm thấy một cách biệt vô cùng vô tận giữa ông ta và tôi. Tôi vừa ngồi dậy, ngửa đầu ra sau gỡ mái tóc rối, vừa liếc trông theo những cử chỉ của ông ta, trong lòng lấy làm hối hận hết sức về những lạc thú mà tôi đã cho ông ta hưởng và đã cùng hưởng

với ông ta trong đêm qua. Giữa tôi với con người đó không thể có một lý-do gì đưa đến sự chung đụng thân mật như thế được.

Khi ông ta dứt tiếng cười hề hề thì cử chỉ của ông lại khiến tôi nghĩ đến những người vừa ăn xong một bữa thật ngon lành thỏa thuê rồi ngồi nhàn lơ đãng, dềnh dàng, xía rãng rất lâu, những người không có việc gì quan hệ hơn, để hết tinh-thần lắng theo dõi các khoái cảm thấm chầm chậm vào thật sâu. Họ có thì giờ để nghe tiêu hóa các khoái cảm, họ tiêu hóa các khoái cảm rất chậm chạp. Sự im lặng của ông ta cũng làm cho ông ta cách biệt tôi, và có một ý nghĩ tàn nhẫn làm tôi tủi nhục.

Tôi nhớ lại thái độ hành động của ông ta, trong đêm vừa rồi, tự nhiên cảm tức sự hiểu biết tâm lý một cách rất thực tế của ông ta. Khi tôi khép hai đùi lại, dùng dằng, ông ta không hấp tấp vội vàng. Ông ta đặt một bàn tay lên bắp đùi trần của tôi làm tôi rùng mình, ông ta ngừng lại một chút, rồi vỗ nhẹ vào phía trong bắp vế, nói nhỏ nhỏ : « Em ! Em ! », như vỗ về một con ngựa. Giọng ông ta nửa như than phiền trách móc, nửa như dỗ dành nài nỉ. Ông ta lại đặt yên bàn tay, ngừng lại, và chờ-đợi.

Tôi nhìn ông ta, nhớ lại những việc đã xảy ra trong đêm, lấy làm căm giận ông. Ông ta bình tĩnh và hành động chắc chắn. Ông ta đã hiểu tôi một cách giản dị quá, mà thực tế quá : Và hiểu đúng tâm lý đến nỗi ngấm nghĩ lại không thể nào tôi khỏi vừa xấu hổ, vừa tức giận.

Trời mỗi lúc một sáng rõ và càng làm tiêu tán hết những lý do khiến hai chúng

tôi có thể ngồi bên cạnh nhau, Tôi đứng lên ; định bỏ đi ra suối lấy nước. Ông ta liền đứng lên theo từ biệt.

Tôi bỏ thùng nước, ngồi xuống, nhìn theo cái nòng súng và chóp mũ của ông quận Toàn khuất vào cây lá dưới sườn núi. Khi tôi còn lại một mình, bốn phía hoàn toàn không có bóng người nào nữa, chỉ có đàn bò bên cạnh, nước mắt tôi lại trào ra.

Đối với những « a văng tuya » ghê gớm của « bọn thợ săn » ông ta, thì quả thực cả tôi và tất cả cái tâm sự rắc rối của tôi thực là vô vị, không có gì đáng kể. Ông ta có thể vui vẻ kể cho tôi nghe cái đêm đảo chính lý thú của ông ta, chứ còn tôi, tôi không thể kể lại những rối ren trong tám chín năm của tôi cho ông ta nghe được. Thái-độ hưởng lạc vô tư, thản nhiên của ông ta, thái-độ hững hờ đó như một cách lãng mạn nặng nề tàn nhẫn.

Lúc đó tôi mới thấy rằng trong cái xã-hội xao động dữ dội này vẫn còn những chỗ lặng yên một cách ghê sợ phũ phàng, tôi thấy rằng mình đã bị đẩy đi xa cảnh thái-bình an-lạc và lạc mất đường về. Tôi nghĩ đến cuộc đời lao đao của Kha như một an ủi. Tôi ngồi nghĩ về Kha...

Qua màn nước mắt, tôi ngồi nhìn xuống màu khói xanh mù mù bàng bạc khắp sườn núi, nhìn vài con chim sẻ mờ lung tung vào mái chòi, rĩa một đôi hạt thóc khô còn dính trên đuôi rạ, tôi ngồi nghĩ đến cuộc đời lao đao của chúng tôi, của Kha và của tôi. Vâng, tôi nghĩ về Kha, và Kha là nhà tôi hiện giờ.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được : Luận về cái lợi và cái hại của báo-chí (L.V.P.) — Mẹ là gì ; Nhớ thương (Nguyễn-Phùng-Trân) Những mối tình của nàng Kiều (Phong-Võ); Nên có một Hàn-lâm-viên văn-chương (Tôn-Thất-Thang) Thi-nhân với cái chết (Nam-Xuyên). Bàn về mấy bản đồ xưa (Nguyễn - Toại). Ngã chiều (Phan-Huy-Doanh). Những kẻ sát-nhân (Kim-Lương). Sự tổ-chức của các thư-viện pháp-quốc (Nguyễn-Hùng-Cường). Giá-trị của Kinh Dịch (Thanh-Thuyền). Quyền-lợi và trách-nhiệm giáo-dục (L.m. Bích-Quang). Nước mắt (Song-Linh) — Già biệt ; Người em Hà-nội (Thanh-Đài Vương-Đức-Lệ). Ngàn sau ; Áo mộng ; Trở về ; Đêm thu ; Vọng (Sao trên rừng) Phố chiều ; Mưa (Hoàng-Trúc-Linh) Hoài vọng ; Đêm lửa (Lam-Hồ). Thơ (Ái-Phượng-Liên). Nỗi lòng nhớ quê của Đỗ Phủ ; Dâng chiều ;

Tóc thu (Nguy-Tần-Thương). Em mười sáu (Kiều-Mồng-Huyền). Tại sao (Xuân - Du). Suối nguồn (Ng.-Vân-Quang). Vào đông (Trường-Giang). Vào thu, Bản khoản, Lạc vào mùa thu (Tạc-Huy-Tử). Nghẹn ngào, Hôm qua và hôm nay (Hà-Thu-Phong). Mộng Liêu-trai, Thu ý, Thu ký, Ngày sau (S. H. Chi-Linh). Chờ đêm, Chờ thu (Hoàng-Thiên-Phương).

Trân-trọng cảm ơn các bạn.

Những bài không đăng :

Thu, Chiều đô-thành (T.Đ.). Cùng một lửa (N.P.Q.). Chén rượu tàn đêm (P.L.). Lòng người thư-sinh, Mười năm, Người về, Hẹn ngày mai (T.H.T.). Thơ loạn (H.L.G.). Lên cung trăng (H.C.). Xin người về đây (H.S.). Chiều nhớ Hà-tiên (T.D.). Đơn lẻ (N.V.). Giang hồ, Người em gái (Đ.T.). Trăng thu (T. T.S.). Nhạc chiều (C.Y.). Nghe rụng cánh bằng (P.L.). Thu về hôm nay,

Bóng em từ đâu tới đây, Trong tim (M.T.). Chiều về, Nàng thơ (N.H. P.). Đêm hoang (V.Đ.L.). Mãi tóc, Vào thu (P.D.). Phố lò đúc (T.A.).

Những lời khuyên (M.L.). Thí-nghiệm (C.H.N.). Hy-lạp thời cổ (L.C.K.). Bước thời gian (T.V.). Mơ phai (N.V.). Nhiễm độc (T.D.). Người thủy thủ (T.Đ.). Tài-liệu lịch-sử Phước-tuy, Đạo nghĩa vợ chồng (T.V.Đ.). U hoài, Thay đổi (V.Đ.V.). Kim, Ánh mắt, Chơi voi, Mất mát (K.P.V.). Đất mới, Chiều nhớ mẹ, Mẹ (P.N.). Giấc ngủ, Dọc mãi trường (T.S.H.). Người bạn đường (H.L.H.).

Những bài trên đây vì nhiều lý-do nên rất tiếc không đăng ngay được. Mong đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Bạn Trần-Đại : Xin mời bạn lại tòa-soạn. Chúng tôi sẽ hội ý với bạn về mấy sáng-tác bạn gửi tới.

Bạn Phan-Tất-Anh (Phan-thiết) : 1) Những tên tác-phẩm trong mục đó không nhất thiết là có giá-trị đân. 2) Có thể gửi mua thẳng ở nhà xuất-bản hay bất cứ hiệu sách lớn nào ở đô-thành thì tiện hơn. 3) Thi-phẩm « Từ-Thức » đã hết từ lâu rồi.

Ô. Nguyễn-Long : Đã nhận được thư ông. Xin ông cứ gửi bài về Bách-Khoa. Bài viết rõ ràng, một mặt giấy, kèm theo tên thực và địa chỉ hiện tại. Bài nào đăng đều có báo biểu hoặc nhuận bút.

Ô. Cao-Văn (Sài-gòn) : Sẽ xin chuyển đến ông D.Q.S.

Ô. Song-Linh : Tất cả các bài nói trong thư đều đã nhận được. Sẽ xin có thư riêng.

Ô. Ái-Phượng-Liên : Đã nhận được thêm 4 bài thơ. Cảm ơn ông lắm. Sẽ trao thư lại cho Đình-Cường.

Kiều-Yiêu : Đã nhận được thêm : Thương-tam-quan. Rất cảm ơn anh.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

« Hoa mười phương » thi tuyển của
Định-Giang — Hồng-Yến-Điệp-Minh-
Hoàng — Kiều-Thệ-Thủy — Kim-
Tuấn — Mạnh-Tư — Như-Lan —
Phan-Minh-Hồng — Thanh-Nhung —
Tô-Giang — Trần-Thảo-Lư — Tuyết-
Linh — Từ-Thạch — Võ-Hữu-Quyền
Vương-Đức-Lệ.

Gồm ngót 70 bài thơ. Sách trình
bày đẹp, dày 140 trang, giá 45 đồng.

— « Khảo-luận tiểu-thuyết Trung-hoa »
của Nguyễn-Huy-Khánh tác-giả các
bài khảo-luận giá-trị về Thủy-hử
và Tam-quốc diễn-nghĩa đã đăng
trên tạp-chí Bách-Khoa. Sách dày
290 trang, giá 50\$, do tác-giả gửi
tặng.

— « Dòng sông định mệnh », truyện dài
của đầu tiên được in thành sách
Doãn-Quốc-Sỹ do Cơ Sở Báo-
Chi và xuất-bản Tự-Do ấn-hành và
do tác-giả gửi tặng. Sách dày 114
trang, giá 22 đồng.

— « Luân-lý chức-nghiệp » : biên-khảo
của Cụ Nguyễn-Gia-Tường giáo-sư
trường Quốc-gia sư-phạm Saigon,
gồm một số bài soạn cho giáo sinh
Trường Quốc-gia sư-phạm, do Cơ
Sở Báo-chi và Xuất-bản Tự-Do ấn-
hành và gửi tặng. Sách dày 94 trang,
giá 20 đồng.

— « Hoàng-Lê nhất thống chí »: Nguyên-tác
của Ngô-Thời-Chí ; bản dịch của
Ngô-Tất-Tố, do « Cơ-sở báo chí và
xuất-bản Tự-Do » ấn-hành và gửi
tặng. Sách dày 280 trang, giá 55\$.

— « Liêu-trai chí-di »: Nguyên-tác của Bồ-
Tùng-Linh ; bản dịch của Nguyễn-
Hoạt, do « Cơ-sở Báo chí và xuất-
bản Tự-Do » ấn-hành và gửi tặng.
Sách dày 230 trang, giá 40\$.

— « Công-dân giáo-dục đệ Nhị », sách
giáo-khoa do nhà Nam-Sơn xuất-
bản và gửi tặng. Sách dày 138 tr.,
giá 30\$,00.

Bách-Khoa xin trân trọng cảm ơn
các tác-giả, nhà xuất-bản, và xin
ân cần giới-thiệu cùng độc-giả.

HỘP THƯ

PHỎNG-VẤN và TRUYỆN NGẮN

Cùng các bạn đã nhận được thư
phỏng-vấn,

Xin các bạn vui lòng gửi bài trả
lời về tòa soạn trong vòng tháng 10
này, để chúng tôi tiện bề sắp đặt,
hầu có thể kết-thúc cuộc phỏng-vấn
văn-nghệ trên đây vào đầu năm 1960,
cùng viết bài tổng-kết.

Xin cảm ơn các bạn trước.

B. K.

ĐÍNH CHÍNH

✱ Bách-Khoa số 65 (15-9-1959) bài « Biện-chứng giải-thoát trong Phật-
giáo » bút hiệu Thanh-Thuyền chứ không phải Thanh-Tuyền như đã
in lầm.

✱ Bách-Khoa số 66.

Trong bài « Trong đồng hoang » :

- trang 73 : Maxime Gorki xin đọc là *Maxime Gorki* hay *Maxim Gorky*.
- trang 76, cột 1, dòng 4 : thì giờ già sinh-viên, xin đọc : thì *bảy* giờ...
- trang 76, cột 1, dòng 7 : (đào tường khoét vách) xin bỏ 2 dấu ngoặc.
- trang 76, cột 1, dòng 17 : cái cổ của tôi, xin đọc : *cổ*.
- trang 76, cột 1, dòng 26 : say sưa tán *gầm*, xin đọc : say sưa tán *gần*.
- trang 82, cột 2, dòng 3 : « giết quách nó đi » xin đọc : « *vứt* quách
nó đi ».
- trang 82, cột 2, dòng 6 : ...nhất định không *viết* đi, xin đọc... *vứt* đi.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

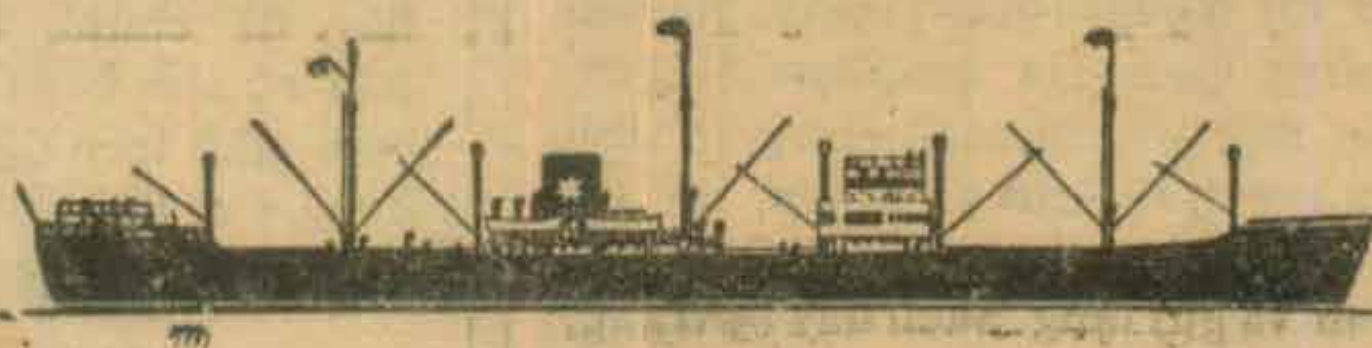
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM

PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20,338 - 39 - 40

Thư-Quán **XUÂN-THU**

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20 051

đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn-phòng

Đồng hồ Mỹ **TIMEX**

Đúng Chắc Đẹp



Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT - NAM KHUẾCH TRƯƠNG KỸ - NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG TY

176, Hai Bà Trưng — Sài Gòn

TẬP SAN **SINH-LỰC**

NGHỆ THUẬT — VĂN HÓA — CHÍNH TRỊ — XÃ HỘI

phát hành ngày 25 mỗi tháng
Dày 100 trang — Giá **15\$.**

Tòa soạn 357/4 Nguyễn-Thiện-Thuật
SÀI GÒN

Số 10

ra ngày 25-10-59

Đặc-biệt :

TƯỞNG-NIỆM

NHỮNG NHÀ VĂN ĐÃ HY-SINH
VÌ CÁCH-MẠNG

DU 22 AU 28 OCTOBRE 1959

ODONGO

CASINO SAIGON

(Salle climatisée)

THANH-BÌNH

(Salle climatisée)

avec

JUMA

et

ELEANOR SUMMERFIELD

présenté par

COLUMBIA FILMS OF VIETNAM, LTD

Nº 23, Rue GiaLong — SAIGON

Téléphone : 24.710

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt
Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadrireacteurs Boeing 707 "Intercontinental".

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122, 130 RUE TU-DO SAIGON. TÉL. 20.981 à 84



Long Size



Thuốc Thơm  *điều dài*

HƯƠNG-VỊ HOA-KỲ

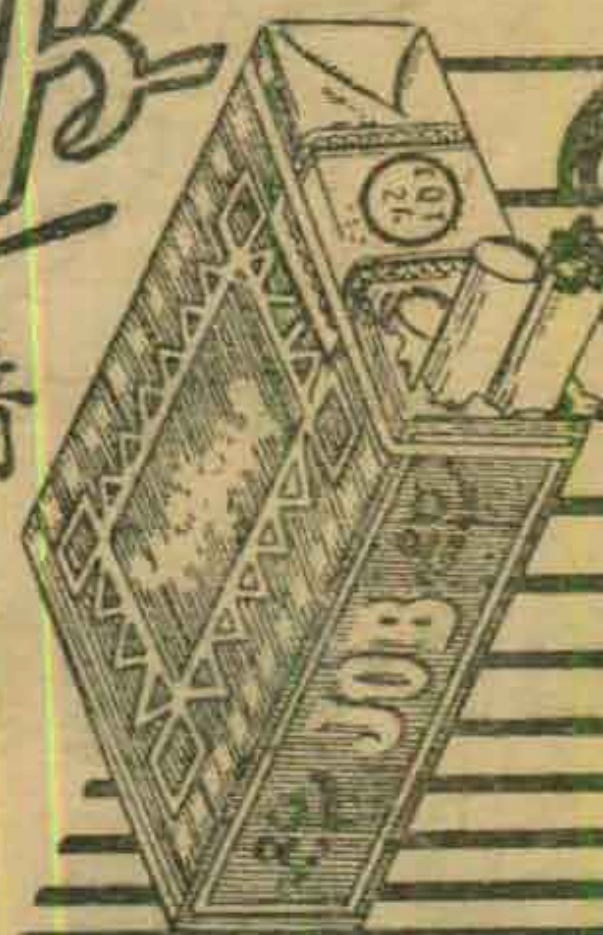
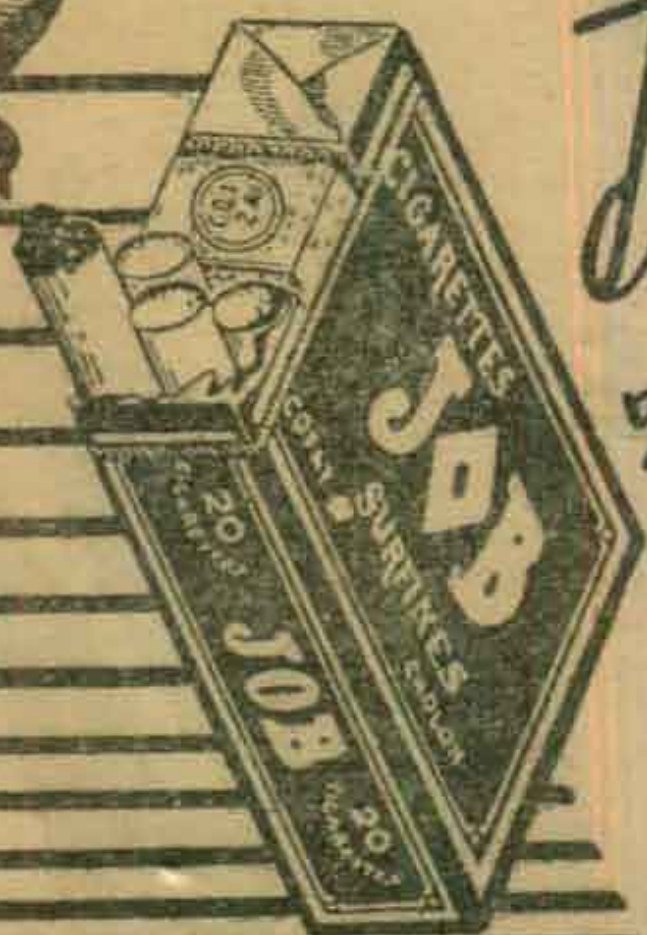
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ỀM DỊU
 KHỎI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XA NƯỚC TIẾNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟





NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TĨNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

百
科
雜
誌

In tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo - SAIGON